

PHỤ LỤC 3. DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)



PHỤ LỤC 3.2 DỮ LIỆU DANH MỤC DÙNG CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ NGUY CƠ TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Danh mục	Mã nhóm dự án	Tên nhóm dự án	Mô tả nhóm dự án
C_NhomDuAn	MaMuc	TenMuc	MoTaMuc
	01	Dự án đầu tư nhóm I	Dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao
	02	Dự án đầu tư nhóm II	Dự án có nguy cơ nguy cơ tác động xấu đến môi trường, trừ dự án quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật BVMT số 72/2020/QH14
	03	Dự án đầu tư nhóm III	Dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, trừ dự án quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 28 Luật BVMT số 72/2020/QH14
	04	Dự án đầu tư nhóm IV	Dự án không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, gồm dự án không thuộc quy định các khoản 3, 4 và 5 Điều 28 Luật BVMT 72/2020/QH14

DANH MỤC LOẠI HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ CÓ NGUY CƠ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

C_LoaiHinhGayONhiem	MaMuc	TenMuc
	01	Làm giàu, chế biến khoáng sản độc hại, khoáng sản kim loại; chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất độc hại
	02	Sản xuất thủy tinh (trừ loại hình sử dụng nhiên liệu khí, dầu DO)

C_LoaiHinhGayONhiem	MaMuc	TenMuc
	03	Sản xuất gang, thép, luyện kim (trừ cán, kéo, đúc từ phôi nguyên liệu)
	04	Sản xuất bột giấy, sản xuất giấy từ nguyên liệu tái chế hoặc từ sinh khối
	05	Sản xuất hoá chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón vô cơ (trừ phối trộn, sàng chiết, đóng gói), thuốc bảo vệ thực vật hóa học (trừ phối trộn, sàng chiết)
	06	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)
	07	Sản xuất da (có công đoạn thuộc da), thuộc da
	08	Khai thác dầu thô, khí đốt tự nhiên
	09	Lọc, hóa dầu
	10	Nhiệt điện than
	11	Sản xuất than cốc
	12	Khí hóa than
	13	Tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường
	14	Tái chế, xử lý chất thải nguy hại
	15	Phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng
	16	Sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất
	17	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất
	18	Sản xuất pin, ắc quy
	19	Sản xuất xi măng
	20	Chế biến mủ cao su
	21	Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt
	22	Sản xuất bia, nước giải khát có gas
	23	Sản xuất cồn công nghiệp
	24	Sản xuất đường từ mía
	25	Chế biến thủy, hải sản
	26	Giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp
	27	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp
	28	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử

DANH MỤC LOẠI HÌNH LÀNG NGHỀ

Danh mục	Mã loại hình	Tên loại hình
C_LoaiHinhLangNghe	MaMuc	TenMuc
	01	Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản
	02	Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ
	03	Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn
	04	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren
	05	Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh
	06	Sản xuất muối
	07	Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn
	08	Chăn nuôi giết mổ gia súc
	09	Dệt, nhuộm, thuộc da
	10	Sản xuất vật liệu xây dựng
	11	Tái chế chất thải
	12	Loại hình khác

DANH MỤC TÌNH TRẠNG Ô NHIỄM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ

Danh mục	Mã tình trạng	Tên tình trạng ô nhiễm
C_TinhTrangONhiem	MaMuc	TenMuc
	01	Không ô nhiễm
	02	Ô nhiễm
	03	Ô nhiễm nghiêm trọng

LOẠI VĂN BẢN ĐTM/KẾ HOẠCH BVMT

Danh mục	Mã văn bản	Tên văn bản
C_LoaiVanBanDTM	MaMuc	TenMuc
	01	Đánh giá tác động môi trường
	02	Kế hoạch bảo vệ môi trường
	03	Phương án bảo vệ môi trường
	04	Đề án bảo vệ môi trường
	05	Cam kết bảo vệ môi trường
	06	Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường

DANH MỤC LOẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

C-LoaiGiayPhepMoiTruong	MaMuc	TenMuc
	01	Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường
	02	Giấy phép xử lý chất thải nguy hại
	03	Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
	04	Giấy phép xả khí thải
	05	Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước
	06	Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi
	07	Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất
	08	Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất
	09	Giấy phép môi trường
	10	Đăng ký môi trường
	11	Giấy phép khai thác khoáng sản
	12	Giấy phép khai thác và sử dụng nước mặt

**DANH MỤC PHÉ LIỆU ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU LÀM NGUYÊN LIỆU
SẢN XUẤT**

Danh mục	Mã HS	Tên phế liệu	Nhóm phế liệu	Văn bản quy định
C-TenLoaiPheLieu	MaMuc	TenMuc	NhomPheLieu._source.TenMuc	QuyDinhTai
C_TenLoaiPheLieu	7204.10.0	Phế liệu và mảnh vụn của gang	Phế liệu sắt, thép	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	7204.21.0	Phế liệu và mảnh vụn của thép hợp kim: bằng thép không gỉ	Phế liệu sắt, thép	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	7204.29.0	Phế liệu và mảnh vụn của thép hợp kim: Loại khác (khác với loại bằng thép không gỉ)	Phế liệu sắt, thép	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	7204.30.0	Phế liệu và mảnh vụn của sắt hoặc thép tráng thiếc	Phế liệu sắt, thép	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	7204.41.0	Phế liệu và mảnh vụn khác của sắt hoặc thép: Phoi tiện, phoi bào, mảnh vỡ, vảy cán, phoi cắt và bavaria, chưa được ép thành	Phế liệu sắt, thép	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

Danh mục	Mã HS	Tên phế liệu	Nhóm phế liệu	Văn bản quy định
C-TenLoaiPheLieu	MaMuc	TenMuc	NhomPheLieu._source.TenMuc	QuyDinhTai
		khối hay đóng thành kiện, bánh, bó		
	7204.49.0	Phế liệu và mảnh vụn khác của sắt hoặc thép: Loại khác	Phế liệu sắt, thép	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	3915.10.10	Phế liệu và mảnh vụn của plastic (nhựa) từ Polyme Etylen (PE): Dạng xốp, không cứng	Phế liệu nhựa	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	3915.10.90	Phế liệu và mảnh vụn của plastic (nhựa) từ Polyme Etylen (PE): Loại khác	Phế liệu nhựa	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	3915.20.90	Phế liệu và mảnh vụn của plastic (nhựa) từ Polyme Styren (PS): Loại khác	Phế liệu nhựa	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

Danh mục	Mã HS	Tên phế liệu	Nhóm phế liệu	Văn bản quy định
C-TenLoaiPheLieu	MaMuc	TenMuc	NhomPheLieu._source. TenMuc	QuyDinhTai
	3915.30.90	Phế liệu và mẫu vụn của plastic (nhựa) từ Polyme Vinyl Clorua (PVC): Loại khác	Phế liệu nhựa	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	3915.90.0	Phế liệu và mẫu vụn của plastic (nhựa) từ các loại plastic (nhựa) khác: Polyethylene Terephthalate (PET); Polypropylen (PP); Polycarbonat (PC); Polyamit (PA); Acrylonitrin Butadien Styren (ABS); High Impact Polystyrene (HIPS); Poly Oxy Methylene (POM); Poly Methyl Methacrylate (PMMA); Expanded Polystyrene (EPS); Thermoplastic Polyurethanes (TPU); Ethylene Vinyl	Phế liệu nhựa	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

Danh mục	Mã HS	Tên phế liệu	Nhóm phế liệu	Văn bản quy định
C-TenLoaiPheLieu	MaMuc	TenMuc	NhomPheLieu._source.TenMuc	QuyDinhTai
		Acetate (EVA); Nhựa Silicon loại ra từ quá trình sản xuất và chưa qua sử dụng		
	4707.10.0	Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa): Giấy kraft hoặc bìa kraft hoặc giấy hoặc bìa sóng, chưa tẩy trắng	Phế liệu giấy	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

Danh mục	Mã HS	Tên phế liệu	Nhóm phế liệu	Văn bản quy định
C-TenLoaiPheLieu	MaMuc	TenMuc	NhomPheLieu._source. TenMuc	QuyDinhTai
	4707.20.0	Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa): Giấy hoặc bìa khác được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình hóa học đã tẩy trắng, chưa nhuộm màu toàn bộ	Phế liệu giấy	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	4707.30.0	Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa): Giấy hoặc bìa được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình cơ học (ví dụ: giấy in báo, tạp chí và các ấn phẩm tương tự)	Phế liệu giấy	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	4707.90.0	Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa): Loại khác, kể cả phế liệu và vụn thừa chưa phân loại	Phế liệu giấy	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	7001.0.0	Thủy tinh vụn và thủy tinh phế liệu và mảnh vụn	Phế liệu thủy tinh	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm

Danh mục	Mã HS	Tên phế liệu	Nhóm phế liệu	Văn bản quy định
C-TenLoaiPheLieu	MaMuc	TenMuc	NhomPheLieu._source.TenMuc	QuyDinhTai
		khác; thủy tinh ở dạng khối		2020 của Thủ tướng Chính phủ
	7404.0.0	Đồng phế liệu và mảnh vụn	Phế liệu kim loại màu	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	7503.0.0	Niken phế liệu và mảnh vụn	Phế liệu kim loại màu	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	7602.0.0	Nhôm phế liệu và mảnh vụn	Phế liệu kim loại màu	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	7902.0.0	Kẽm phế liệu và mảnh vụn	Phế liệu kim loại màu	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	8002.0.0	Thiếc phế liệu và mảnh vụn	Phế liệu kim loại màu	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

Danh mục	Mã HS	Tên phế liệu	Nhóm phế liệu	Văn bản quy định
C-TenLoaiPheLieu	MaMuc	TenMuc	NhomPheLieu._source. TenMuc	QuyDinhTai
	8111.0.10	Mangan phế liệu và mảnh vụn	Phế liệu kim loại màu	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ
	2618.0.0	Xi hạt (xi cát) từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép (xi hạt lò cao gồm: xi hạt nhỏ, xi cát từ công nghiệp luyện gang, sắt, thép)	Phế liệu xi hạt lò cao	Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

**DANH MỤC NHÓM PHẾ LIỆU ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU LÀM
NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**

Danh mục	Mã nhóm phế liệu	Tên nhóm phế liệu
C_NhomPheLieu	MaMuc	TenMuc
	01	Phế liệu sắt, thép
	02	Phế liệu nhựa
	03	Phế liệu giấy
	04	Phế liệu thủy tinh
	05	Phế liệu kim loại màu
	06	Phế liệu xi hạt lò cao

DANH MỤC CHẤT THẢI NGUY HẠI

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
C_Loai CTNH	MaMuc	TenMuc	MaEC	MaBaselA	MaBaselY	TinhChat NguyHai	TrangThai TonTaiCTNH	Nguong CTNH	PhanNhomC TNH_ C_PhanNhom CTNH_ MaMuc_Ten Muc	NhomCTNH____ C_NhomCTNH
	01 01 01	Cặn thải có khả năng sinh axit từ quá trình chế biến quặng sunfua	01 03 04	A1010, A1020, A1030	Từ Y22 đến Y31	Đ, ĐS	Rắn/bùn	CTNH	01 01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 01 02	Các loại cặn thải khác có các thành phần nguy hại	01 03 05	A1010, A1020, A1030	Từ Y22 đến Y31	Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTPKS	01 01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 01 03	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình chế biến quặng sắt	01 03 07	A1010, A1020, A1030	Từ Y22 đến Y31	Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	01 01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 01 04	Chất thải dạng bột bụi không chứa thành phần nguy hại	01 03 08					CTRCN TT	01 01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 01 05	Chất thải từ hoạt động khai thác quặng sắt	01 01 01					CTRCN TT	01 01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 01 06	Chất thải từ hoạt động khai thác quặng kim loại màu	01 01 02					CTRCN TT	01 01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 01 07	Chất thải quặng đuôi không chứa thành phần nguy hại	01 03 06					CTRCN TT	01 01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 01 08	Bùn đỏ từ quá trình chế biến quặng nhôm (alumina) không chứa thành phần nguy hại	01 03 09					CTRCN TT	01 01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 02 01	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình chế biến quặng kim loại màu bằng phương pháp hoá-lý	01 04 07	A1010, A1020, A1030	Từ Y22 đến Y31	AM, Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	01 02	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 02 02	Sỏi, đá nghiền thải không chứa các thành phần nguy hại	01 04 08					CTRCN TT	01 02	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	01 02 03	Đất, cát thải	01 04 09					CTRCN TT	01 02	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 02 04	Chất thải từ quá trình rửa, làm sạch khoáng sản không có thành phần nguy hại	01 04 12					CTRCN TT	01 02	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 02 05	Chất thải từ quá trình cắt, xẻ đá không chứa thành phần nguy hại	01 04 13					CTRCN TT	01 02	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 02 06	Chất thải dạng bột bụi không chứa thành phần nguy hại	01 04 10					CTRCN TT	01 02	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 02 07	Chất thải phát sinh từ quá trình chế biến muối mỏ và kali không chứa thành phần nguy hại	01 04 11					CTRCN TT	01 02	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 03 01	Bùn thải và chất thải có dầu từ quá trình khoan	01 05 05	A3020	Y9	Đ, ĐS	Bùn/rắn/lỏng	CTCNP KS	01 03	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	01 03 02	Bùn thải và chất thải có các thành phần nguy hại (khác với dầu) từ quá trình khoan	01 05 06	A3020	Y9	Đ, ĐS	Bùn/rắn/lỏng	CTCNP KS	01 03	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 03 02	Bùn thải và chất thải từ quá trình khoan trên vùng nước ngọt	01 05 04					CTRCN TT	01 03	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 03 03	Bùn thải và chất thải có chứa barito từ quá trình khoan	01 05 07					CTRCN TT	01 03	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 03 04	Bùn thải và chất thải có chứa clorua từ quá trình khoan	01 05 08					CTRCN TT	01 03	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 04 01	Bùn thải từ thiết bị khử muối	05 01 02	A3010		Đ, ĐS	Bùn	CTNH	01 04	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 04 02	Bùn đáy bể	05 01 03	A4060	Y9	Đ, ĐS	Bùn	CTNH	01 04	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	01 04 03	Bùn thải axit alkyl	05 01 04	A3010	Y9	AM, Đ, ĐS	Bùn	CTNH	01 04	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 04 04	Dầu tràn (hoặc rơi vãi, rò rỉ)	05 01 05	A3010	Y8	Đ, ĐS	Rắn/Lỏng	CTNH	01 04	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 04 05	Bùn thải có dầu từ hoạt động bảo dưỡng cơ sở, máy móc, trang thiết bị	05 01 06	A3020	Y9	Đ, ĐS	Bùn	CTNH	01 04	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 04 06	Các loại hắc ín (tar) thải	05 01 07	A3190	Y11	Đ, ĐS, C	Rắn/bùn	CTNH	01 04	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 04 09	Dầu thải chứa axit	05 01 12	A4090	Y34	AM, Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	01 04	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 04 10	Vật liệu lọc bằng đất sét đã qua sử dụng	05 01 15		Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	01 04	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	01 04 12	Bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp cho nồi hơi	05 01 13					CTRCN TT	01 04	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 04 13	Chất thải phát sinh từ thiết bị làm mát	05 01 14					CTRCN TT	01 04	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 04 14	Chất thải có thành phần lưu huỳnh từ hoạt động khử lưu huỳnh trong dầu mỏ	05 01 16					CTRCN TT	01 04	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 04 15	Nhựa đường thải (Bitumen)	05 01 17					CTRCN TT	01 04	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 05 01	Các loại hắc ín (tar) thải	05 06 01	A3190	Y11	Đ, ĐS, C	Rắn	CTNH	01 05	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 05 02	Chất thải phát sinh từ thiết bị làm mát	05 06 04					CTRCN TT	01 05	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	01 06 01	Chất thải có thủy ngân	05 07 01	A1030	Y29	Đ, ĐS	Lỏng	CTCNP KS	01 06	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 06 02	Chất thải có chứa lưu huỳnh	05 07 02					CTRCN TT	01 06	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	01 06 03	Chất thải khác	05 07 99					CTRCN TT	01 06	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	02 01 01	Axit sunfuric, axit sunfuro thải	06 01 01	A4090	Y34	AM, OH, Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTNH	02 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 01 02	Axit clohydric thải	06 01 02	A4090	Y34	AM, Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTNH	02 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 01 03	Axit flohydric thải	06 01 03	A4090	Y34	AM, Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTNH	02 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	02 01 04	Axit photphoric, axit photphorê thải	06 01 04	A4090	Y34	AM, Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTNH	02 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 01 05	Axit nitric, axit nitơ thải	06 01 05	A4090	Y34	AM, N, OH, Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTNH	02 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 01 06	Các loại axit thải khác	06 01 06	A4090	Y34	AM, Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	02 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 02 01	Natri hydroxit, amoni hydroxit, kali hydroxit thải và bã thải có chứa natri hydroxit, amoni hydroxit, kali hydroxit ammonium hydroxide sodium and potassium hydroxide	06 02 04	A4090	Y35	AM, Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTNH	02 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 02 02	Các loại bazơ thải khác	06 02 05	A4090	Y35	AM, Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	02 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	02 03 01	Muối và dung dịch muối thải có xyanua	06 03 11	A4050	Y33	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	02 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 03 02	Muối và dung dịch muối thải có kim loại nặng	06 03 13	A1020, A1030, A1040	Từ Y21 đến Y31	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	02 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 03 03	Oxit kim loại thải có kim loại nặng	06 03 15	A1010, A1020, A1030, A1040	Từ Y21 đến Y31	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	02 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 03 04	Oxit kim loại không chứa kim loại nặng	06 03 16					CTRCN TT	02 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 03 05	Muối và dung dịch muối thải không chứa kim loại nặng và xyanua	06 03 14					CTRCN TT	02 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 04 01	Chất thải có asen	06 04 03	A1030	Y24	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	02 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	02 04 02	Chất thải có thủy ngân	06 04 04	A1030	Y29	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	02 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 04 03	Chất thải có các kim loại nặng khác	06 04 05	A1010, A1020, A1030, A1040	Từ Y21 đến Y31	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	02 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 05 01	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải						CTCNP KS	02 05	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 06 01	Chất thải có hợp chất sunfua kim loại nặng	06 06 02			Đ, ĐS, AM	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	02 06	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 06 02	Chất thải không có hợp chất sunfua kim loại nặng	06 06 03					CTTT	02 06	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 07 01	Chất thải có amiăng từ quá trình điện phân	06 07 01	A2050	Y36	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	02 07	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	02 07 02	Than hoạt tính thải từ quá trình sản xuất clo	06 07 02	A4160		Đ	Rắn	CTNH	02 07	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 07 03	Bùn thải bari sunphat có thủy ngân	06 07 03	A1030	Y29	Đ, ĐS	Bùn	CTNH	02 07	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 07 04	Các dung dịch và axit thải	06 07 04			Đ, ĐS, AM	Lỏng	CTNH	02 07	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 08 01	Chất thải có silic hữu cơ nguy hại	06 08 02			Đ, C	Rắn/lỏng	CTCNP KS	02 08	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 09 01	Chất thải có hay nhiễm các thành phần nguy hại từ phản ứng các hợp chất của canxi có photpho	06 09 03	A4090	Y34	Đ, ĐS, C	Rắn/lỏng	CTCNP KS	02 09	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 09 02	Xi có chứa photpho	06 09 02					CTRCN TT	02 09	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	02 09 03	Metallic mercury	06 09 04					CTRCN TT	02 09	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 10 01	Chất thải có các thành phần nguy hại	06 10 02	A4090	Y34	Đ, ĐS, C, AM	Rắn/lỏng	CTCNP KS	02 10	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 10 02	Chất thải từ việc sản xuất chất lưu màu và thuốc nhuộm vô cơ	06 11 11					CTRCN TT	02 10	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 10 03	Chất thải phát sinh từ phản ứng các hợp chất của canxi trong hoạt động sản xuất đioxyt titan	06 11 01					CTRCN TT	02 10	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 10 04	Các chất thải khác						CTRCN TT	02 10	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 11 01	Hoá chất bảo vệ thực vật vô cơ, chất bảo quản gỗ và các loại biôxít (biocide) khác được thải bỏ	06 13 01	A3070, A4030, A4040	Y4, Y5	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTNH	02 11	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	02 11 02	Than hoạt tính đã qua sử dụng	06 13 02	A4160	Y18	Đ, C	Rắn	CTNH	02 11	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 11 03	Chất thải từ quá trình chế biến amiăng	06 13 04	A2050	Y36	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	02 11	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 11 04	Bồ hóng, muối	06 13 05			Đ, ĐS	Rắn	CTNH	02 11	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	02 11 05	Muội than	06 13 03					CTRCN TT	02 11	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	03 01 01	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor) và dung dịch tẩy rửa thải có gốc nước	07 01 01	A3080, A3170	Y40	Đ, C	Lỏng	CTNH	03 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 01 02	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung	07 01 03	A3150	Y40, Y41	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	03 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		môi có gốc halogen hữu cơ								
	03 01 03	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết, tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi hữu cơ thải khác	07 01 04	A3140	Y40, Y42	Đ, C	Lỏng	CTNH	03 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 01 04	Cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất có các hợp chất halogen	07 01 07	A3160, A3170, A3190	Y45	Đ, ĐS	Rắn/bùn	CTNH	03 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 01 05	Các loại cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất khác	07 01 08	A3070, A3130, A3190	Y6	Đ	Rắn/bùn	CTNH	03 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 01 06	Chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc có các hợp chất halogen	07 01 09	A3160, A3170	Y45	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	03 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 01 07	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc khác	07 01 10	A3070, A3130		Đ, ĐS	Rắn	CTNH	03 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	03 01 08	sludges from on-site effluent treatment containing hazardous substances	07 01 11					CTCNP KS	03 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 01 09	sludges from on-site effluent treatment other than those mentioned in 07 01 11						CTRCN TT	03 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 02 01	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor) và dung dịch tẩy rửa thải có gốc nước	07 02 01	A3070, A3080	Y39, Y40	Đ, C	Lỏng	CTNH	03 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 02 02	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi có gốc halogen hữu cơ	07 02 03	A3070, A3080, A3150	Y39, Y40, Y41	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	03 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 02 03	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi hữu cơ thải khác	07 02 04	A3070, A3080, A3140	Y39, Y40, Y42	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	03 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	03 02 04	Cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất có các hợp chất halogen hữu cơ	07 02 07	A3160, A3170, A3190	Y41, Y45	Đ, ĐS	Rắn/bùn	CTNH	03 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 02 05	Các loại cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất khác	07 02 08	A3070, A3160, A3190	Y39, Y42	Đ	Rắn/bùn	CTNH	03 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 02 06	Chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc có các hợp chất halogen hữu cơ	07 02 09	A3160, A3170	Y45	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	03 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 02 07	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc khác	07 02 10	A3070, A3160	Y39, Y42	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	03 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 02 09	Chất phụ gia thải có các thành phần nguy hại	07 02 14		Y38	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	03 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 02 10	Chất thải có silic hữu cơ nguy hại	07 02 16			Đ, ĐS, C	Rắn/lỏng	CTCNP KS	03 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	03 03 01	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor) và dung dịch tẩy rửa thải có gốc nước	07 03 01	A3080	Y40	Đ, C	Lỏng	CTNH	03 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 03 02	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi có gốc halogen hữu cơ	07 03 03	A3080, A3150	Y40, Y41	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	03 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 03 03	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi hữu cơ thải khác	07 03 04	A3080, A3140	Y40, Y42	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	03 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 03 04	Cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất có các hợp chất halogen hữu cơ	07 03 07	A3160, A3170, A3190	Y45	Đ, ĐS	Rắn/bùn	CTNH	03 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 03 05	Các loại cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất khác	07 03 08	A3070, A3160, A3190	Y39, Y42	Đ, ĐS	Rắn/bùn	CTNH	03 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	03 03 06	Chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc có các hợp chất halogen hữu cơ	07 03 09	A3160, A3170	Y45	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	03 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 03 08	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải có thành phần nguy hại							03 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 03 09	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải không có thành phần nguy hại						CTRCN TT	03 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 04 01	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor) và dung dịch tẩy rửa thải có gốc nước	07 04 01	A4030, A4040	Y4, Y5	Đ, C	Lỏng	CTNH	03 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 04 02	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi có gốc halogen hữu cơ	07 04 03	A3150, A4030, A4040	Y4, Y5, Y41	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	03 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 04 03	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch	07 04 04	A3140, A4030, A4040	Y4, Y5, Y39, Y42	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	03 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		tẩy rửa và dung môi hữu cơ thải khác								ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 04 04	Cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất có các hợp chất halogen hữu cơ	07 04 07	A3160, A3170, A3190	Y4, Y5, Y45	Đ, ĐS	Rắn/bùn	CTNH	03 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 04 05	Các loại cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất khác	07 04 08	A3070, A3160, A3190	Y4, Y5	Đ, ĐS	Rắn/bùn	CTNH	03 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 04 06	Chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc có các hợp chất halogen hữu cơ	07 04 09	A3160, A3170	Y4, Y5, Y45	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	03 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 04 07	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc khác	07 04 10	A3070, A3160	Y4, Y5	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	03 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 04 09	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại	07 04 13	A4030, A4040	Y4, Y5	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	03 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 04 10	Bùn thải có thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải	07 04 11					CTCNP KS	03 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 04 11	Bùn thải không có thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải						CTRCN TT	03 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 05 01	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor) và dung dịch tẩy rửa thải có gốc nước	07 05 01	A4010	Y3	Đ, C	Lỏng	CTNH	03 05	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 05 02	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi có gốc halogen hữu cơ	07 05 03	A3150, A4010	Y3, Y41	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	03 05	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 05 03	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi hữu cơ thải khác	07 05 04	A3140, A4010	Y3, Y42	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	03 05	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 05 04	Cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất có các	07 05 07	A3160, A3190, A4010	Y3, Y45	Đ, ĐS	Rắn/bùn	CTNH	03 05	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		hợp chất có halogen hữu cơ								ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 05 05	Các loại cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất khác	07 05 08	A3190, A4010	Y3	Đ, ĐS	Rắn/bùn	CTNH	03 05	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 05 06	Chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc có các hợp chất halogen hữu cơ	07 05 09	A4010	Y45	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	03 05	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 05 07	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc khác	07 05 10	A4010	Y3	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	03 05	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 05 09	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại	07 05 13	A4010	Y3	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	03 05	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 05 10	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải						CTCNP KS	03 05	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 05 11	Bùn thải không chứa thành phần nguy hại từ hệ						CTRCN TT	03 05	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		thông xử lý nước thải								ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 05 12	Chất thải rắn không có các thành phần nguy hại	07 05 14					CTRCN TT	03 05	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 06 01	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor) và dung dịch tẩy rửa thải có gốc nước	07 06 01	A3080	Y40	Đ, C	Lỏng	CTNH	03 06	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 06 02	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi có gốc halogen hữu cơ	07 06 03	A3150	Y41	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	03 06	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 06 03	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi hữu cơ thải khác	07 06 04	A3140	Y42	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	03 06	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 06 04	Cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất có các	07 06 07	A3160, A3170, A3190	Y45	Đ, ĐS	Rắn/bùn	CTNH	03 06	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		hợp chất halogen hữu cơ								ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 06 05	Các loại cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất khác	07 06 08	A3070, A3190		Đ, ĐS	Rắn/bùn	CTNH	03 06	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 06 06	Chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc có các hợp chất halogen hữu cơ	07 06 09	A3160, A3170	Y45	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	03 06	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 06 07	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc khác	07 06 10	A3070		Đ, ĐS	Rắn	CTNH	03 06	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 07 01	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor) và dung dịch tẩy rửa thải có gốc nước	07 07 01	A3080, A3170	Y40	Đ, C	Lỏng	CTNH	03 07	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 07 02	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi có gốc halogen hữu cơ	07 07 03	A3150	Y40, Y41	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	03 07	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	03 07 03	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi hữu cơ thải khác	07 07 04	A3140	Y40, Y42	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	03 07	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 07 04	Cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất có các hợp chất halogen hữu cơ	07 07 07	A3160, A3170, A3190	Y45	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTNH	03 07	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 07 05	Các loại cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất khác	07 07 08	A3070, A3190	Y6	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTNH	03 07	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 07 06	Chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc có các hợp chất halogen hữu cơ	07 07 09	A3160, A3170	Y45	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	03 07	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	03 07 07	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc khác	07 07 10	A3070		Đ, ĐS	Rắn	CTNH	03 07	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	04 01 01	Tro bay và bụi lò hơi có dầu (chỉ áp dụng trong trường hợp sử dụng nhiên liệu là dầu)	10 01 04	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	04 01	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	04 01 02	Axit sunfuric thải Sulphuric acid	10 01 09	A4090	Y34	AM, Đ	Lỏng	CTNH	04 01	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	04 01 03	Tro bay từ quá trình sử dụng nhiên liệu hydrocacbon dạng nhũ tương	10 01 13	A4100	Y18	Đ, ĐS, AM	Rắn	CTNH	04 01	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	04 01 04	Tro đáy, xỉ, bụi từ lò hơi (trừ tro bay và bụi lò hơi có dầu)	10 01 01					CTRCN TT	04 01	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	04 01 05	Tro bay từ quá trình đốt than (trừ tro bay và bụi lò hơi có dầu)	10 01 02					CTRCN TT	04 01	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	04 01 06	Tro bay từ quá trình đốt than bùn và gỗ chưa qua xử lý	10 01 03					CTRCN TT	04 01	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	04 01 07	Chất thải (dạng rắn, bùn) có chứa lưu huỳnh từ quá trình khử lưu huỳnh trong khí thải bằng phản ứng với canxi	10 01 05					CTRCN TT	04 01	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	04 02 01	Tro đáy, xỉ và bụi lò hơi có các thành phần nguy hại từ quá trình	10 01 14	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	04 02	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		đồng xử lý trong các cơ sở đốt								
	04 02 02	Tro bay có các thành phần nguy hại từ quá trình đồng xử lý	10 01 16	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	04 02	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	04 02 03	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	10 01 18	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn, lỏng	CTCNP KS	04 02	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	04 02 05	Bùn thải pha loãng có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh lò hơi	10 01 22		Y18	Đ, ĐS, AM	Bùn	CTCNP KS	04 02	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	04 02 06	Tro đáy, xỉ và bụi lò hơi không có các thành phần nguy hại từ quá trình đồng xử lý trong các cơ sở đốt	10 01 15					CTRCN TT	04 02	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	04 02 07	Tro bay không có các thành phần nguy hại từ quá trình đồng xử lý	10 01 17					CTRCN TT	04 02	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	04 02 08	Chất thải không có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	10 01 19						04 02	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	04 02 09	Bùn thải pha loãng không có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh lò hơi						CTRCN TT	04 02	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	04 02 10	Cát phát sinh từ lò đốt tầng sôi	10 01 24					CTRCN TT	04 02	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	04 02 11	Chất thải phát sinh từ hoạt động sơ chế và lưu giữ nhiên liệu than	10 01 25					CTRCN TT	04 02	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	04 02 12	Chất thải phát sinh từ quá trình làm mát	10 01 26					CTRCN TT	04 02	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	05 01 01	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải của nhà máy sử dụng nguyên liệu từ quặng thép	10 02 07	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 01	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 01 02	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	10 02 11	A4060	Y9	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	05 01	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 01 03	Bùn thải và bã lọc có các thành phần nguy hại từ quá	10 02 13		Y18	Đ, ĐS, AM	Bùn/rắn	CTCNP KS	05 01	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		trình xử lý khí thải								
	05 01 05	Chất thải phát sinh từ quá trình chế biến xỉ thép	10 02 01					CTRCN TT	05 01	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 01 06	Xỉ thép chưa qua chế biến	10 02 02					CTRCN TT	05 01	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 01 07	Chất thải rắn không có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	10 02 08						05 01	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 01 08	Vảy cán	10 02 10					CTRCN TT	05 01	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 01 10	Bùn thải và bã lọc không chứa thành phần nguy hại	10 02 14					CTRCN TT	05 01	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 01 11	Bùn thải và bã lọc khác	10 02 15					CTRCN TT	05 01	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 01	Xỉ có các thành phần nguy hại từ quá trình sản xuất sơ cấp (sơ luyện)	10 03 04			Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 02	Xỉ muối từ quá trình sản xuất thứ cấp (tinh luyện)	10 03 08			Đ, ĐS	Rắn	CTNH	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	05 02 03	Xi có các thành phần nguy hại từ quá trình sản xuất thứ cấp	10 03 09		Y32	Đ, ĐS,C	Rắn	CTCNP KS	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 04	Váng bọt dễ cháy hoặc bốc hơi khi tiếp xúc với nước	10 03 15		Y15	C, Đ, ĐS	Lỏng/bùn	CTNH	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 05	Chất thải có hắc ín (tar) từ quá trình sản xuất cực anot	10 03 17	A3190	Y11	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 06	Bụi khí thải có các thành phần nguy hại	10 03 19	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 07	Các loại bụi và hạt (bao gồm cả bụi nghiền bi) có các thành phần nguy hại	10 03 21		Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 08	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải có các thành phần nguy hại	10 03 23	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 09	Bùn thải và bã lọc từ quá trình xử lý khí thải có các thành phần nguy hại	10 03 25		Y18	Đ, ĐS	Bùn/rắn	CTCNP KS	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 10	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	10 03 27	A4060	Y9, Y18	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	05 02 11	Chất thải từ quá trình xử lý xỉ muối và xỉ đen có các thành phần nguy hại	10 03 29		Y18	Đ, ĐS, C, AM	Rắn/lỏng	CTCNP KS	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 12	Cực anot phế liệu thải bỏ	10 03 02					CTRCN TT	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 13	Nhôm (quặng nhôm) phế liệu	10 03 05					CTRCN TT	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 14	Váng bọt không chứa chất dễ cháy hoặc bốc hơi khi tiếp xúc với nước	10 03 16					CTRCN TT	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 15	Chất thải chứa cacbon nhưng không có hắc ín (tar) từ quá trình sản xuất cực anot	10 03 18					CTRCN TT	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 16	Bụi khí thải không có các thành phần nguy hại	10 03 20					CTRCN TT	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 17	Các loại bụi và hạt (bao gồm cả bụi nghiền bi) không có các thành phần nguy hại	10 03 22					CTRCN TT	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	05 02 18	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải không có các thành phần nguy hại	10 03 24					CTRCN TT	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 19	Bùn thải và bã lọc từ quá trình xử lý khí thải không có các thành phần nguy hại	10 03 26						05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 20	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	10 03 28					CTRCN TT	05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 02 21	Chất thải từ quá trình xử lý xỉ muối và xỉ đen không có các thành phần nguy hại	10 03 30						05 02	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 03 01	Xỉ có các thành phần nguy hại	10 04 01	A1010, A1020	Y31	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 03	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 03 02	Váng bọt có các thành phần nguy hại	10 04 02	A1010, A1020	Y31	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 03	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 03 03	Bụi khí thải	10 04 04	A1010, A1020	Y18, Y31	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	05 03	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 03 04	Các loại bụi và hạt khác	10 04 05	A1010, A1020	Y18, Y31	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	05 03	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	05 03 05	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải	10 04 06	A1010, A1020, A4100	Y18, Y31	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	05 03	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 03 06	Bùn thải và bã lọc từ quá trình xử lý khí thải	10 04 07	A1010, A1020, A4100	Y18, Y31	Đ, ĐS	Bùn/rắn	CTNH	05 03	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 03 07	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	10 04 09	A4060	Y9	Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	05 03	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 03 08	Canxi asenat thải	10 04 03			Đ, ĐS	Rắn	CTNH	05 03	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 03 09	Chất thải không lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	10 04 10					CTRCN TT	05 03	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 04 01	Bụi khí thải	10 05 03		Y18, Y23	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	05 04	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 04 02	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải	10 05 05		Y18, Y23	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	05 04	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 04 03	Bùn thải và bã lọc từ quá trình xử lý khí thải	10 05 06		Y18, Y23	Đ, ĐS, AM	Bùn/rắn	CTNH	05 04	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 04 04	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	10 05 08	A4060	Y9	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	05 04	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 04 05	Xi (cút sắt) và váng bột dễ cháy	10 05 10		Y15, Y23	Đ, ĐS, C	Rắn/lỏng	CTNH	05 04	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		hoặc bốc hơi khi tiếp xúc với nước								
	05 04 06	Xi từ quá trình sản xuất sơ cấp, thứ cấp (sơ luyện, tinh luyện)	10 05 01					CTRCN TT	05 04	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 04 07	Bụi thu hồi từ quá trình sản xuất (trừ bụi thu được từ xử lý khí thải)	10 05 04					CTRCN TT	05 04	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 04 08	Chất thải không lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	10 05 09					CTRCN TT	05 04	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 04 09	Xi và váng bọt không dễ cháy hoặc bốc hơi khi tiếp xúc với nước						CTRCN TT	05 04	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 05 01	Bụi khí thải	10 06 03	A1100	Y18, Y22	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	05 05	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 05 02	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải	10 06 06	A1100, A4100	Y18, Y22	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 05	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 05 03	Bùn thải và bã lọc từ quá trình xử lý khí thải	10 06 07	A1100, A4100	Y18, Y22	Đ, ĐS, AM	Bùn/rắn	CTNH	05 05	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 05 04	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	10 06 09	A4060	Y9, Y18	Đ, ĐS, C	Rắn/lỏng	CTCNP KS	05 05	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	05 05 05	Xi từ quá trình sản xuất sơ cấp, thứ cấp (sơ luyện, tinh luyện)	10 06 01					CTRCN TT	05 05	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 05 06	Váng bọt từ quá trình sản xuất sơ cấp, thứ cấp (sơ luyện, tinh luyện)	10 06 02					CTRCN TT	05 05	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 05 07	Bụi thu hồi từ quá trình sản xuất (trừ bụi thu được từ xử lý khí thải)	10 06 04					CTRCN TT	05 05	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 05 08	Chất thải không lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	10 06 10					CTRCN TT	05 05	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 06 01	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	10 07 07	A4060	Y9, Y18	Đ, ĐS, C	Rắn/lỏng	CTCNP KS	05 06	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 06 02	Xi từ quá trình sản xuất sơ cấp, thứ cấp (sơ luyện, tinh luyện)	10 07 01					CTRCN TT	05 06	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 06 03	Váng bọt từ quá trình sản xuất sơ cấp, thứ cấp (sơ luyện, tinh luyện)	10 07 02					CTRCN TT	05 06	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 06 04	Bụi và chất thải rắn từ quá trình nhiệt luyện	10 07 03					CTRCN TT	05 06	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	05 06 05	Bùn thải và bã lọc từ quá trình xử lý khí thải	10 07 05					CTRCN TT	05 06	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 06 06	Chất thải không lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	10 07 08					CTRCN TT	05 06	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 07 01	Xi có các thành phần nguy hại	10 08 08		Y32, Y33	Đ, ĐS, C	Rắn	CTCNP KS	05 07	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 07 02	Xi (cút sắt) và váng bột dễ cháy hoặc bốc hơi khi tiếp xúc với nước	10 08 10			Đ, ĐS, C	Rắn/lỏng	CTNH	05 07	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 07 03	Chất thải có hắc ín (tar) từ quá trình sản xuất cực anot	10 08 12	A3190	Y11	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 07	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 07 04	Bụi khí thải có các thành phần nguy hại	10 08 15	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 07	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 07 05	Bùn thải và bã lọc có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	10 08 17	A4100	Y18	Đ, ĐS, AM	Bùn/rắn	CTCNP KS	05 07	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 07 06	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	10 08 19	A4060	Y9	Đ, ĐS, C	Rắn/lỏng	CTCNP KS	05 07	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 07 07	Bụi thu hồi từ quá trình sản xuất	10 08 04					CTRCN TT	05 07	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	05 07 08	Xi không có các thành phần nguy hại	10 08 09						05 07	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 07 09	Xi (cút sắt) và váng bột không dễ cháy hoặc khó bốc hơi khi tiếp xúc với nước	10 08 11						05 07	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 07 10	Chất thải chứa cacbon từ hoạt động sản xuất cực anot (không chứa hắc ín)	10 08 13					CTRCN TT	05 07	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 07 11	Anot phế thải	10 08 14					CTRCN TT	05 07	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 07 12	Bụi khí thải không có các thành phần nguy hại	10 08 16					CTRCN TT	05 07	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 07 13	Bùn thải và bã lọc không có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	10 08 18					CTRCN TT	05 07	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 07 14	Chất thải không lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	10 08 20					CTRCN TT	05 07	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 08 01	Lõi và khuôn đúc thải có các thành phần nguy hại	10 09 07	A3070	Y39	Đ	Rắn	CTCNP KS	05 08	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	05 08 02	Bụi khí thải có các thành phần nguy hại	10 09 09	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 08	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 08 03	Các loại bụi khác có các thành phần nguy hại	10 09 11			Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 08	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 08 04	Chất gắn khuôn thải có các thành phần nguy hại	10 09 13	A3070	Y39	Đ, ĐS	Rắn, lỏng	CTCNP KS	05 08	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 08 05	Chất tách khuôn thải có các thành phần nguy hại	10 09 15	A3140, A3150	Y41, Y42	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTCNP KS	05 08	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 08 06	Xi và văng bột từ quá trình nấu chảy kim loại đen có chứa các kim loại nặng		A1020	Từ Y20 đến Y31	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 08	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 08 07	Xi lò cao	10 09 03					CTRCN TT	05 08	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 08 09	Lõi và khuôn đúc thải không chứa các thành phần nguy hại	10 09 06					CTRCN TT	05 08	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 08 10	Bụi khí thải không chứa thành phần nguy hại	10 09 10					CTRCN TT	05 08	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 08 11	Chất gắn khuôn thải có các thành phần nguy hại	10 09 14						05 08	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	05 08 12	Chất tách khuôn thải không chứa các thành phần nguy hại	10 09 16					CTRCN TT	05 08	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 09 01	Lõi và khuôn đúc đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	10 10 07	A3070	Y39	Đ	Rắn	CTCNP KS	05 09	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 09 02	Bụi khí thải có các thành phần nguy hại	10 10 09	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 09	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 09 03	Các loại bụi khác có các thành phần nguy hại	10 10 11			Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 09	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 09 04	Chất gắn khuôn thải có các thành phần nguy hại	10 10 13	A3070	Y39	Đ	Rắn/lỏng	CTCNP KS	05 09	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 09 05	Chất tách khuôn thải có các thành phần nguy hại	10 10 15	A3140	Y41	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTCNP KS	05 09	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 09 06	Xi và văng bọt từ quá trình nấu chảy kim loại màu có chứa các kim loại nặng		A1020		Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	05 09	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 09 07	Xi lò cao	10 10 03					CTRCN TT	05 09	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 09 08	Lõi và khuôn đúc thải khác với các loại trên Casting cores and moulds	10 10 06				Rắn	CTRCN TT	05 09	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		which have undergone pouring, other than those mentioned above								
	05 09 09	Lõi và khuôn đúc thải không chứa các thành phần nguy hại	10 10 08					CTRCN TT	05 09	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 09 10	Bụi khí thải không chứa thành phần nguy hại	10 10 10					CTRCN TT	05 09	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 09 11	Các loại bụi khác không có các thành phần nguy hại	10 10 12					CTRCN TT	05 09	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 09 12	Chất gắn khuôn thải không có các thành phần nguy hại	10 10 14					CTRCN TT	05 09	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 09 13	Chất tách khuôn thải không chứa các thành phần nguy hại	10 10 16					CTRCN TT	05 09	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 10 01	Bùn thải từ thủy luyện kẽm (bao gồm cả jarosit, goethit)	11 02 02	A1070, A1080	Y23	Đ, ĐS	Bùn	CTNH	05 10	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 10 02	Chất thải từ quá trình thủy luyện đồng có các thành phần nguy hại	11 02 05	A1110, A1120	Y22	Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	05 10	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	05 10 03	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại	11 02 07		Từ Y22 đến Y31	Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	05 10	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 10 04	Chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất anot (quá trình điện phân)	11 02 03					CTRCN TT	05 10	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 10 05	Chất thải từ quá trình thủy luyện đồng không chứa các thành phần nguy hại	11 02 06					CTRCN TT	05 10	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 11 01	Chất thải có xyanua	11 03 01	A4050	Y7, Y33	Đ, ĐS	Bùn/rắn	CTCNP KS	05 11	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	05 11 02	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại	11 03 02			Đ	Bùn/rắn	CTCNP KS	05 11	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	06 01 01	Chất thải có các thành phần nguy hại từ hỗn hợp chuẩn bị trước quá trình xử lý nhiệt	10 11 09	A1010	Y26, Y29, Y31	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	06 01	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 01 02	Thủy tinh hoạt tính (ví dụ từ ống phóng catot) và các loại thủy tinh thải có kim loại nặng	10 11 11	A1010, A2011	Y26, Y29, Y31	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	06 01	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	06 01 03	Bùn nghiền và đánh bóng thủy tinh có các thành phần nguy hại	10 11 13	A1010	Y18	Đ	Bùn	CTCNP KS	06 01	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 01 04	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	10 11 15	A1010, A4100	Y18	Đ	Rắn	CTCNP KS	06 01	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 01 05	Bùn thải và bã lọc có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	10 11 17	A1010, A4100	Y18	Đ, ĐS	Bùn/rắn	CTCNP KS	06 01	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 01 06	Cặn rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	10 11 19	A1010	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	06 01	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 01 07	Chất thải chứa vật liệu sợi thủy tinh	10 11 03					CTRCN TT	06 01	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 01 08	Bụi thu hồi từ hoạt động sản xuất	10 11 05					CTRCN TT	06 01	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 01 09	Chất thải không có các thành phần nguy hại từ hỗn hợp chuẩn bị trước quá trình xử lý nhiệt	10 11 10					CTRCN TT	06 01	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	06 01 10	Thủy tinh thải không có kim loại nặng	10 11 12					CTRCN TT	06 01	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 01 11	Bùn nghiền và đánh bóng thủy tinh không có các thành phần nguy hại	10 11 14					CTRCN TT	06 01	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 01 12	Chất thải rắn không có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	10 11 16					CTRCN TT	06 01	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 01 13	Bùn thải và bã lọc không có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	10 11 18					CTRCN TT	06 01	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 01 14	Cặn rắn không có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	10 11 20					CTRCN TT	06 01	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 02 01	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	10 12 09	A4100	Y18, Y22, Y31		Rắn	CTCNP KS	06 02	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 02 02	Chất thải có kim loại nặng từ quá	10 12 11	A1010, A1020	Từ Y22 đến Y31	Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	06 02	Chất thải từ ngành sản xuất

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		trình tráng men, mài bóng								vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 02 03	Chất thải từ hỗn hợp chuẩn bị trước quá trình xử lý nhiệt	10 12 01					CTRCN TT	06 02	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 02 04	Bụi thu hồi từ hoạt động sản xuất	10 12 03					CTRCN TT	06 02	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 02 06	Khuôn thải	10 12 06					CTRCN TT	06 02	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 02 07	Sản phẩm hỏng thải bỏ (sau quá trình xử lý nhiệt)	10 12 08					CTRCN TT	06 02	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 02 08	Chất thải rắn không có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	10 12 10					CTRCN TT	06 02	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 02 09	Chất thải có kim loại nặng từ quá trình tráng men, mài bóng	10 12 12					CTRCN TT	06 02	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 02 10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tại chỗ	10 12 13					CTRCN TT	06 02	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	06 03 01	Chất thải có amiăng (trừ sản phẩm amiăng xi măng bị loại bỏ) từ quá trình sản xuất amiăng xi măng	10 13 09		Y36	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	06 03	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 03 02	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	10 13 12	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	06 03	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 03 03	Chất thải từ hỗn hợp chuẩn bị trước quá trình xử lý nhiệt	10 13 01					CTRCN TT	06 03	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 03 04	Chất thải từ quá trình canxi hóa và hydrat hóa vôi	10 13 04					CTRCN TT	06 03	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 03 05	Bùn thải và bã lọc từ quá trình xử lý khí thải	10 13 07					CTRCN TT	06 03	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 03 06	Chất thải không có thành phần amiăng từ quá trình sản xuất amiăng xi măng	10 13 10					CTRCN TT	06 03	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 03 07	Chất thải rắn không có các thành phần nguy	10 13 13					CTRCN TT	06 03	Chất thải từ ngành sản xuất

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		hại từ quá trình xử lý khí thải								vật liệu xây dựng và thủy tinh
	06 03 08	Chất thải hóa rắn và bùn hóa rắn	10 13 14					CTRCN TT	06 03	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	07 01 01	Axit tẩy thải	11 01 05	A4090	Y17, Y34	AM, Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	07 01	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 01 02	Các loại axit thải khác	11 01 06	A4090	Y17, Y34	AM, Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	07 01	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 01 03	Bazơ tẩy thải	11 01 07	A4090	Y17, Y35	AM, Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	07 01	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 01 04	Bùn thải của quá trình photphat hoá	11 01 08	A3130	Y17	Đ, AM	Bùn	CTNH	07 01	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 01 05	Bùn thải và bã lọc có các thành phần nguy hại	11 01 09		Y17, Y18	Đ, ĐS	Bùn/rắn	CTNH	07 01	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	07 01 06	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	11 01 11		Y17, Y18	AM, Đ, ĐS	Lỏng	CTCNP KS	07 01	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 01 07	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình tẩy mỡ nhờn	11 01 13		Y35	AM, Đ, ĐS	Lỏng	CTCNP KS	07 01	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 01 08	Bùn thải hoặc dung dịch ngâm chiết/tách rửa (eluate) có các thành phần nguy hại từ hệ thống màng hoặc hệ thống trao đổi ion	11 01 15		Y17, Y18	AM, Đ, ĐS	Bùn/lỏng	CTCNP KS	07 01	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 01 09	Nhựa trao đổi ion đã qua sử dụng hoặc đã bão hoà	11 01 16		Y17, Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	07 01	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 01 10	Các chất thải khác có các thành phần nguy hại	11 01 98		Y17, Y18	AM, Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	07 01	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 01 11	Bùn thải và bã lọc không có các thành phần nguy hại	11 01 10					CTRCN TT	07 01	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										công kim loại và các vật liệu khác
	07 01 12	Chất thải không có các thành phần nguy hại từ quá trình tẩy mỡ nhờn	11 01 14					CTRCN TT	07 01	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 02 01	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải	11 05 03		Y18	Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTNH	07 02	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 02 02	Chất thải từ quá trình tráng rửa, làm sạch bề mặt	11 05 04		Y21, Y23	Đ, ĐS, AM	Lỏng/bùn	CTNH	07 02	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 02 03	Nước thải từ quá trình mạ điện			Y21, Y22, Y23, Y33	Đ, ĐS	Lỏng	CTCNP KS	07 02	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 02 04	Kẽm cứng thải bỏ	11 05 01					CTRCN TT	07 02	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 02 05	Tro, chất thải chứa kẽm	11 05 02					CTRCN TT	07 02	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 01	Dầu gốc khoáng có hợp chất halogen hữu cơ thải từ quá trình gia công tạo hình		A3150	Y8, Y45	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 02	Dầu gốc khoáng không có hợp chất halogen hữu cơ thải từ quá trình gia công tạo hình	12 01 07	A3140	Y8	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 03	Nhũ tương và dung dịch thải có hợp chất halogen hữu cơ từ quá trình gia công tạo hình	12 01 08	A4060, A3150	Y9, Y17, Y45	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 04	Nhũ tương và dung dịch thải không có hợp chất halogen hữu cơ từ quá trình gia công tạo hình	12 01 09	A4060, A3140	Y9, Y17	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 05	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	12 01 10	A4060	Y9	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	07 03 06	Sáp và mỡ đã qua sử dụng	12 01 12		Y17	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 07	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình	12 01 14		Y9, Y17	Đ, ĐS	Bùn	CTNH	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 08	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài...)	12 01 16		Y17, Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 09	Bùn thải nghiền, mài có dầu	12 01 18		Y9, Y17	Đ, ĐS	Bùn	CTNH	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 10	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (ví dụ đá mài, giấy ráp...)	12 01 20		Y17, Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 11	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có				Đ, ĐS	Rắn, bùn	CTCNP KS	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		dầu hoặc các thành phần nguy hại khác								
	07 03 12	Khuôn đổ bằng sắt thải bỏ	12 01 01					CTRCN TT	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 13	Bụi chứa kim loại	12 01 02					CTRCN TT	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 14	Khuôn đổ bằng kim loại màu thải bỏ	12 01 03					CTRCN TT	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 15	Khuôn đổ bằng nhựa thải bỏ	12 01 05					CTRCN TT	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 16	Bùn thải không có các thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình	12 01 15					CTRCN TT	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 17	Các vật liệu mài thải không có các thành phần nguy hại	12 01 17					CTRCN TT	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 18	Vật liệu dùng để mài đã qua sử dụng không có các thành phần nguy hại	12 01 21					CTRCN TT	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 03 19	Chất thải từ quá trình hàn	12 01 03					CTRCN TT	07 03	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 04 01	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại				Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	07 04	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	07 04 02	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại				Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	07 04	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	08 01 01	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 11	A3070, A3080, A3140, A3150	Y12, Từ Y39 đến Y42	C, Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	08 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	08 01 02	Bùn thải lẫn sơn hoặc véc ni có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 13	A3080, A3140, A3150	Y12	Đ, ĐS	Bùn	CTCNP KS	08 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 01 03	Chất thải từ quá trình cạo, bóc tách sơn hoặc véc ni có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 17	A3070, A3080, A3140, A3150	Y12, Từ Y39 đến Y42	Đ, ĐS, C	Rắn/lỏng	CTCNP KS	08 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 01 04	Huyền phù nước thải lẫn sơn hoặc véc ni có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 19	A3070, A3080, A3140, A3150	Y9, Y12, Từ Y39 đến Y42	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTCNP KS	08 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 01 05	Dung môi tẩy sơn hoặc véc ni thải	08 01 21		Y12, Y41, Y42	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	08 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										(sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 01 06	Cặn sơn, sơn và véc ni thải không có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 12					CTRCN TT	08 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 01 07	Bùn thải lẫn sơn hoặc véc ni không có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 14					CTRCN TT	08 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 01 08	Chất thải từ quá trình cạo, bóc tách sơn hoặc véc ni không có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 18					CTRCN TT	08 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	08 01 09	Huyền phù nước thải lẫn sơn hoặc véc ni không có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 11 20					CTRCN TT	08 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 01 10	Chất thải có bột làm vật liệu che phủ, tráng men	08 02 01					CTRCN TT	08 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 01 11	Bùn thải chứa vật liệu làm men gốm sứ có gốc nước	08 02 02					CTRCN TT	08 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 01 12	Huyền phù thải chứa vật liệu tráng men sứ	08 02 03					CTRCN TT	08 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										(son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 02 01	Mực in thải có các thành phần nguy hại	08 03 12	A4070	Y12	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	08 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 02 02	Bùn mực thải có các thành phần nguy hại	08 03 14	A4070	Y12	Đ, ĐS	Bùn	CTCNP KS	08 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 02 03	Dung dịch bản khắc axit (hoặc kiềm) thải	08 02 16	A4090	Y34	AM, Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	08 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	08 02 04	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 03 17		Y12	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	08 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 02 05	Dầu phân tán (disperse oil) thải	08 03 19	A3140, A3150	Y9	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	08 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 02 06	Bùn thải có chứa mực in dạng lỏng	08 03 07					CTRCN TT	08 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 02 07	Mực in thải không có các thành phần nguy hại	08 03 13					CTRCN TT	08 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										(son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 02 09	Bùn mực thải không có các thành phần nguy hại	08 03 15					CTRCN TT	08 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 02 10	Hộp mực in thải không có các thành phần nguy hại	08 03 18					CTRCN TT	08 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 03 01	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 04 09	A3050, A3070, A3080, A3140, A3150	Y13, Từ Y39 đến Y42	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTCNP KS	08 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	08 03 02	Bùn thải lẫn chất kết dính và chất bịt kín có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 04 11	A3070, A3080, A3140, A3150	Y9, Y13, Từ Y39 đến Y42	Đ, ĐS, C	Bùn	CTCNP KS	08 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 03 03	Chất thải lỏng lẫn chất kết dính và chất bịt kín có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 04 15	A3070, A3080, A3140, A3150	Y9, Y13, Từ Y39 đến Y42	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTCNP KS	08 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 03 04	Chất kết dính và chất bịt kín thải không có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 04 10					CTRCN TT	08 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 03 05	Bùn thải lẫn chất kết dính và chất bịt kín không có dung môi hữu cơ hoặc các thành						CTRCN TT	08 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		phần nguy hại khác								(son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 03 06	Chất thải lỏng lẫn chất kết dính và chất bịt kín không có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác						CTRCN TT	08 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	08 04 01	Các hợp chất isoxyanat thải	08 05 01			Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTNH	08 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (son, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	09 01 01	Mùn cưa, phoi bào, đầu mấu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	03 01 04		Y5	Đ, ĐS,C	Rắn	CTCNP KS	09 01	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy
	09 01 02	Chất thải từ vỏ cây, gỗ loại bỏ	03 01 01					CTRCN TT	09 01	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy
	09 01 03	Mùn cưa, phoi bào, đầu mấu, gỗ thừa, vụn và gỗ dán vụn thải không có các thành phần nguy hại	03 01 05					CTRCN TT	09 01	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy
	09 02 01	Các chất bảo quản gỗ hữu cơ không có hợp chất halogen hữu cơ thải	03 02 01	A4040	Y5, Y39, Y42	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	09 02	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy
	09 02 02	Các chất bảo quản gỗ có hợp chất cơ clo thải	03 02 02	A4040	Y5, Y39, Y41	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	09 02	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy
	09 02 03	Các chất bảo quản gỗ có hợp chất cơ kim thải	03 02 03	A4040	Y5, Y19	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	09 02	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy
	09 02 04	Các chất bảo quản gỗ vô cơ thải	03 02 04	A4040	Y5, Y21, Y24, Y29	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	09 02	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	09 02 05	Các loại chất bảo quản gỗ thải khác có các thành phần nguy hại	03 02 05	A4040	Y39	Đ, ĐS	Lỏng	CTCNP KS	09 02	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy
	09 02 06	Chất thải từ vỏ cây, gỗ loại bỏ	03 03 01					CTRCN TT	09 02	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy
	09 02 08	Bùn thải khử mực từ quá trình tái chế giấy phế liệu	03 03 05					CTRCN TT	09 02	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy
	09 02 09	Chất thải tách cơ học từ quá trình sản xuất bột giấy từ giấy phế liệu	03 03 07					CTRCN TT	09 02	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy
	09 02 10	Chất thải phát sinh từ việc phân loại giấy vụn và bìa phục vụ tái chế	03 03 08					CTRCN TT	09 02	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy
	09 02 11	Mùn, bùn thải chứa vôi	03 03 09					CTRCN TT	09 02	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	09 02 12	Bùn chứa sợi gỗ và chất phủ gỗ phát sinh từ quá trình tách cơ học	03 03 10					CTRCN TT	09 02	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy
	10 01 01	Chất thải không ở pha lỏng có dung môi từ quá trình tẩy mỡ nhờn	04 01 03	A3140, A3150	Y41,Y42	Đ, C	Rắn/bùn	CTCNP KS	10 01	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	10 01 02	Da thú có các thành phần nguy hại thải bỏ từ quá trình thuộc da và các quá trình liên quan		A3090, A3110	Y21	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	10 01	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	10 01 03	Chất thải có phụ phẩm động vật	04 01 01					CTRCN TT	10 01	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	10 01 04	Chất thải từ thuộc da có chứa crom hoặc không chứa	04 01 04					CTRCN TT	10 01	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	10 01 05	Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải	04 01 06					CTRCN TT	10 01	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	10 01 06	Chất thải từ da đã thuộc có chứa crom	04 01 08					CTRCN TT	10 01	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	10 01 07	Chất thải phát sinh từ các sản phẩm da thải bỏ	04 01 09					CTRCN TT	10 01	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	10 02 01	Chất thải từ quá trình hồ vải có dung môi hữu cơ	04 02 14	A3140	Y41	Đ,C	Lỏng	CTCNP KS	10 02	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	10 02 02	Phẩm màu và chất nhuộm thải có các thành phần nguy hại	04 02 16	A1040	Y12	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	10 02	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	10 02 04	Dung dịch thải có các thành phần nguy hại từ quá trình nhuộm		A4070	Y12	Đ, ĐS	Lỏng	CTCNP KS	10 02	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	10 02 05	Bùn thải từ hệ thống nước thải có thành phần nguy hại	04 02 19					CTCNP KS	10 02	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	10 02 06	Chất thải từ nguyên liệu composit (nguyên liệu ngâm tẩm, vải co giãn...)	04 02 09					CTRCN TT	10 02	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	10 02 07	Vật chất hữu cơ từ các sản phẩm tự nhiên (sáp, mỡ động vật)	04 02 10					CTRCN TT	10 02	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	10 02 08	Chất thải từ quá trình hồ vải không	04 02 15					CTRCN TT	10 02	Chất thải từ ngành chế biến

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		sử dụng dung môi hữu cơ								da, lông và dệt nhuộm
	10 02 09	Phẩm màu và chất nhuộm thải không thuộc mã 04 02 16	04 02 17					CTRCN TT	10 02	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	10 02 10	Bùn thải từ hệ thống nước thải không có thành phần nguy hại	04 02 20					CTRCN TT	10 02	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	10 02 11	Chất thải từ sợi dệt may chưa qua xử lý hoặc đã qua xử lý	04 02 21					CTRCN TT	10 02	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	11 01 01	Bê tông, gạch, ngói, tấm ốp và gốm sứ thải (hỗn hợp hay phân lập) có các thành phần nguy hại	17 01 06			Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	11 01	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 01 02	Bê tông thải	17 01 01					CTRCN TT	11 01	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 01 03	Gạch, ngói thải	17 01 02					CTRCN TT	11 01	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	11 01 04	Tấm ốp và gốm sứ thải	17 01 03					CTRCN TT	11 01	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 01 05	Bê tông, gạch, ngói, tấm ốp và gốm sứ thải (hỗn hợp hay phân lập) không có các thành phần nguy hại	17 01 07					CTRCN TT	11 01	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 02 01	Thủy tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	17 02 04	A2011, A3180	Y5, Y10	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	11 02	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 02 02	Gỗ thải	17 02 01					CTRCN TT	11 02	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 02 03	Thủy tinh thải	17 02 02					CTRCN TT	11 02	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 02 04	Nhựa thải bỏ	17 02 03					CTRCN TT	11 02	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	11 03 01	Hỗn hợp bitum có nhựa than đá thải	17 03 01	A3010, A3070	Y11, Y39	Đ, AM, C	Rắn	CTCNP KS	11 03	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 03 02	Nhựa than đá và các sản phẩm hắc ín (tar) thải (trừ lớp nhựa đường được bóc tách từ mặt đường)	17 03 03	A3070, A3190	Y11	Đ, AM, C	Rắn	CTNH	11 03	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 03 03	Hỗn hợp bitum không có nhựa than đá thải	17 03 02					CTRCN TT	11 03	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 04 01	Phế liệu kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	17 04 09	A1010, A1020		Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	11 04	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 04 02	Phế liệu kim loại thải lẫn dầu hoặc nhựa than đá	17 04 10	A1010, A1020, A3070, A3180	Y8, Y10, Y11	Đ, ĐS, C	Rắn	CTCNP KS	11 04	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 04 03	Phế liệu đồng, nhôm, chì, kẽm, sắt thép, thiếc và hợp kim						CTRCN TT	11 04	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	11 04 04	Phế liệu dây cáp không nhiễm dầu, hắc ín và thành phần nguy hại khác	17 04 11					CTRCN TT	11 04	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 05 01	Đất đá thải có các thành phần nguy hại	17 05 03			Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	11 05	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 05 02	Bùn đất nạo vét có các thành phần nguy hại	17 05 05			Đ, ĐS	Bùn/rắn	CTCNP KS	11 05	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 05 03	Đá balat có các thành phần nguy hại	17 05 07			Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	11 05	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 05 04	Đất đá thải không có các thành phần nguy hại	17 05 04					CTRCN TT	11 05	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 05 06	Bùn đất nạo vét không có các thành phần nguy hại	17 05 06					CTRCN TT	11 05	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	11 05 07	Đá balat không có các thành phần nguy hại	17 05 08					CTRCN TT	11 05	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 06 01	Vật liệu cách nhiệt có amiăng thải	17 06 01	A2050	Y36	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	11 06	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 06 02	Các loại vật liệu cách nhiệt thải khác có hay bị nhiễm các thành phần nguy hại	17 06 03			Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	11 06	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 06 03	Vật liệu xây dựng thải có amiăng (trừ amiăng xi măng)	17 06 05	A2050	Y36	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	11 06	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 06 04	Vật liệu cách nhiệt thải không có amiăng và không bị nhiễm các thành phần nguy hại	17 06 04					CTRCN TT	11 06	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 07 01	Vật liệu xây dựng gốc thạch cao thải có các thành phần nguy hại	17 08 01			Đ	Rắn	CTCNP KS	11 07	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	11 07 02	Vật liệu xây dựng gốc thạch cao thải không nhiễm thành phần nguy hại	17 08 02					CTRCN TT	11 07	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 08 01	Các chất thải xây dựng và phá dỡ có thủy ngân	17 09 01	A1030	Y29	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	11 08	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 08 02	Các chất thải xây dựng và phá dỡ có PCB (ví dụ chất bịt kín có PCB, chất rải sàn gốc nhựa có PCB, tụ điện có PCB)	17 09 02	A3180	Y45	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	11 08	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 08 03	Các loại chất thải xây dựng và phá dỡ khác (bao gồm cả hỗn hợp chất thải) có các thành phần nguy hại	17 09 03			Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	11 08	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	11 08 04	Các loại chất thải xây dựng và phá dỡ khác (bao gồm cả hỗn hợp chất thải) không chứa các thành phần nguy hại	17 09 04					CTRCN TT	11 08	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	12 01 01	Bã lọc từ quá trình xử lý khí thải	19 01 05	A4100	Y18	Đ	Rắn	CTNH	12 01	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 01 02	Nước thải từ quá trình xử lý khí và các loại nước thải khác	19 01 06	A4100		Đ	Lỏng	CTNH	12 01	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 01 03	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải	19 01 07	A4100	Y18	Đ	Rắn	CTNH	12 01	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 01 04	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	19 01 10	A4160	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	12 01	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 01 05	Xi và tro đáy có các thành phần nguy hại	19 01 11	A4100	Y18	Đ	Rắn	CTCNP KS	12 01	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 01 06	Tro bay có các thành phần nguy hại	19 01 13	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	12 01	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	12 01 07	Bụi lò hơi có các thành phần nguy hại	19 01 15	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	12 01	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 01 08	Chất thải nhiệt phân có các thành phần nguy hại	19 01 17	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	12 01	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 01 09	Phế liệu kim loại thu hồi từ tro đáy	19 01 02					CTRCN TT	12 01	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 01 10	Xi và tro đáy không chứa các thành phần nguy hại	19 01 12					CTRCN TT	12 01	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 01 11	Tro bay không có các thành phần nguy hại	19 01 14					CTRCN TT	12 01	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 01 12	Bụi lò hơi không có các thành phần nguy hại	19 01 16					CTRCN TT	12 01	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	12 01 14	Cát thải từ đốt tầng sôi	19 01 19					CTRCN TT	12 01	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 02 01	Chất thải tiền trộn có ít nhất một loại chất thải nguy hại	19 02 04			AM, Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	12 02	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 02 02	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý hoá-lý	19 02 05	A4090	Y18	AM, Đ, ĐS	Bùn	CTCNP KS	12 02	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 02 03	Dầu và chất cô từ quá trình phân tách	19 02 07	A4060	Y9	Đ, ĐS, C	Rắn/lỏng	CTNH	12 02	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 02 04	Chất thải lỏng dễ cháy có các thành phần nguy hại	19 02 08	A4070		C, Đ, ĐS	Lỏng	CTCNP KS	12 02	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 02 05	Chất thải rắn dễ cháy có các thành phần nguy hại	19 02 09	A4070		C, Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	12 02	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	12 02 06	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại	19 02 11			Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	12 02	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 02 07	Chất thải tiền trộn không có thành phần nguy hại	19 02 03					CTRCN TT	12 02	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 02 08	Bùn thải không có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý hoá-lý	19 02 06					CTRCN TT	12 02	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 02 09	Chất thải dễ cháy không có các thành phần nguy hại	19 02 10					CTRCN TT	12 02	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 03 01	Chất thải nguy hại đã được ổn định hoá một phần	19 03 04			Đ	Lỏng/bùn	CTNH	12 03	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 03 03	Chất thải đã được ổn định hoặc hóa rắn không có thành phần nguy hại	19 03 05					CTRCN TT	12 03	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	12 04 02	Chất thải rắn chưa được thuỷ tinh hoá	19 04 03		Y18	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	12 04	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 04 03	Chất thải rắn đã được thuỷ tinh hoá	19 04 01					CTRCN TT	12 04	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 05 02	Mảnh vụn thải không phân hủy sinh học trong chất thải rắn sinh hoạt và chất thải có tính chất tương tự	19 05 01					CTRCN TT	12 05	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 05 03	Mảnh vụn thải không phân hủy sinh học trong chất thải từ động vật và thực vật	19 05 02					CTRCN TT	12 05	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 05 04	Compost thải không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	19 05 03					CTRCN TT	12 05	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 05 05	Dịch lỏng từ quá trình xử lý kỵ khí chất thải rắn sinh hoạt	19 06 03					CTRCN TT	12 05	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	12 05 06	Bùn thải từ quá trình xử lý kỵ khí chất thải rắn sinh hoạt đô thị	19 06 04					CTRCN TT	12 05	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 05 07	Dịch thải từ quá trình xử lý kỵ khí chất thải từ động vật và thực vật	19 06 05					CTRCN TT	12 05	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 05 01	Nước rỉ rác có các thành phần nguy hại	19 07 02			LN, Đ, ĐS	Lỏng	CTCNP KS	12 05	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 06 01	Nhựa trao đổi ion đã bão hoà hay đã qua sử dụng	19 08 06			Đ, ĐS	Rắn	CTNH	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 06 02	Dung dịch và bùn thải từ quá trình tái sinh cột trao đổi ion	19 08 07			Đ, ĐS	Lỏng/bùn	CTNH	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 06 03	Chất thải của hệ thống màng có kim loại nặng	19 08 08			Đ, ĐS	Rắn	CTNH	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	12 06 04	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo độc hại từ quá trình phân tách dầu/nước	19 08 10		Y9	Đ, C	Lỏng	CTNH	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 06 05	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp	19 08 11			Đ, ĐS	Bùn	CTCNP KS	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 06 06	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải khác	19 08 13			Đ, ĐS	Bùn	CTCNP KS	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 06 07	Chất thải từ thiết bị lọc, lọc cát	19 08 01					CTRCN TT	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 06 08	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải đô thị	19 08 05					CTRCN TT	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 06 09	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	19 08 09					CTRCN TT	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	12 06 10	Bùn thải không có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp	19 08 12					CTRCN TT	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 06 11	Bùn thải không có thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải	19 08 14					CTRCN TT	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 06 12	Chất thải rắn từ quá trình lọc thô	19 09 01					CTRCN TT	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 06 13	Bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp	19 09 02					CTRCN TT	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 06 14	Bùn từ quá trình khử cacbon	19 09 03					CTRCN TT	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 06 15	Than hoạt tính thải bỏ	19 09 04					CTRCN TT	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	12 06 16	Nhựa trao đổi ion đã bão hoà hay đã qua sử dụng	19 09 05					CTRCN TT	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 06 17	Dung dịch và bùn thải từ quá trình tái sinh cột trao đổi ion	19 09 06					CTRCN TT	12 06	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 07 01	Đất sét lọc đã qua sử dụng	19 11 01		Y8	Đ, ĐS, C	Rắn	CTNH	12 07	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 07 02	Hắc ín (tar) thải	19 11 02	A4090	Y11, Y34	AM, Đ, ĐS	Rắn	CTNH	12 07	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 07 03	Nước thải (chưa xử lý)	19 11 03	A4060	Y9	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	12 07	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 07 04	Chất thải từ quá trình làm sạch nhiên liệu bằng bazơ	19 11 04	A4090	Y9, Y35	AM, Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	12 07	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	12 07 05	Chất thải từ quá trình làm sạch khí thải	19 11 07	A4100	Y18	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTNH	12 07	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 07 06	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải không có thành phần nguy hại	19 11 06					CTRCN TT	12 07	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 08 01	Gỗ thải có các thành phần nguy hại	19 12 06		Y5	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	12 08	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 08 02	Chất thải (bao gồm cả hỗn hợp) có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý cơ học chất thải	19 12 11			Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	12 08	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 08 03	Giấy phế liệu thải, bìa thải	19 12 01					CTRCN TT	12 08	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 08 04	Sắt thép, kim loại thải	19 12 02					CTRCN TT	12 08	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	12 08 05	Nhựa và cao su thải	19 12 04					CTRCN TT	12 08	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 08 06	Thủy tinh thải	19 12 05					CTRCN TT	12 08	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 08 07	Gỗ thải không có các thành phần nguy hại	19 12 07					CTRCN TT	12 08	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 08 08	Sản phẩm dệt may thải bỏ	19 12 08					CTRCN TT	12 08	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 09 09	Khoáng sản thải (ví dụ như cát, sỏi...)	19 12 09					CTRCN TT	12 09	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 09 10	Chất thải dễ cháy (nhiên liệu RDF)	19 12 10					CTRCN TT	12 09	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	12 09 11	Chất thải (bao gồm cả hỗn hợp) không có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý cơ học chất thải	19 12 12					CTRCN TT	12 09	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 09 01	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý đất	19 13 01			Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	12 09	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 09 02	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý đất	19 13 03			Đ, ĐS	Bùn	CTCNP KS	12 09	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 09 03	Bùn thải, cặn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước cấp	19 13 05			Đ, ĐS	Bùn	CTCNP KS	12 09	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 09 04	Nước thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước cấp	19 13 07			Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	12 09	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 09 05	Chất thải rắn không nhiễm thành phần nguy hại từ quá trình xử lý đất	19 13 02					CTRCN TT	12 09	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	12 09 06	Bùn thải không nhiễm thành phần nguy hại từ quá trình xử lý đất	19 13 04					CTRCN TT	12 09	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	12 09 07	Bùn thải, cặn thải không nhiễm thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước cấp	19 13 06					CTRCN TT	12 09	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	13 01 01	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	18 01 03	A4020	Y1	LN	Rắn/lỏng	CTNH	13 01	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	13 01 02	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	18 01 06	A4020	Y1	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	13 01	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	13 01 03	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) và Cytotoxic and cytostatic medicines	18 01 08	A4010	Y2, Y3	Đ	Rắn/lỏng	CTNH	13 01	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	13 01 04	Chất hàn răng amalgam thải	18 01 10			Đ	Rắn	CTNH	13 01	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	13 01 04	Chất thải sắc nhọn	18 01 01					CTNH	13 01	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	13 01 05	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm Wastes whose collection and disposal is not subject to special requirements in order to prevent infection (for example dressings, plaster casts, linen, disposable clothing, diapers)	18 01 02				Rắn	CTR TT	13 01	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	13 01 06	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm	18 01 04					CTR CN TT	13 01	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	13 01 07	Hóa chất thải không bao gồm hoặc không có các thành phần nguy hại	18 01 07					CTR CN TT	13 01	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	13 01 08	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	18 01 09					CTRCN TT	13 01	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	13 02 01	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	18 02 02	A4020	Y1	LN	Rắn/lỏng	CTNH	13 02	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	13 02 02	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	18 02 05	A4020	Y1	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	13 02	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	13 02 03	Chế phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	18 02 07	A4020	Y2	Đ	Rắn/lỏng	CTNH	13 02	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	13 02 04	Chất thải sắc nhọn	18 02 01					CTNH	13 02	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	13 02 05	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm	18 02 03					CTRCN TT	13 02	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	13 02 06	Hoá chất thải không bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	18 02 06					CTRCN TT	13 02	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	13 02 07	Chế phẩm không có chất gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	18 02 08					CTRCN TT	13 02	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	13 03 01	Các bình chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoàn toàn				N	Rắn	CTNH	13 03	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	13 03 02	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế...)				Đ, ĐS	Rắn	CTNH	13 03	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	14 01 01	Chất thải có dư lượng hoá chất trừ sâu và các loài gây hại (chuột, gián, muỗi...)	02 01 08	A4030	Y4	Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	14 01	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 01 02	Chất thải có dư lượng hoá chất trừ cỏ	02 01 08	A4030	Y4	Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	14 01	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	14 01 03	Chất thải có dư lượng hoá chất diệt nấm	02 01 08	A4030	Y4	Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	14 01	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 01 04	Hoá chất bảo vệ thực vật và diệt trừ các loài gây hại thải, tồn lưu hoặc quá hạn sử dụng không có gốc halogen hữu cơ	02 01 08	A4030	Y4	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTNH	14 01	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 01 05	Bao bì mềm thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	02 01 08	A4030, A4130	Y4	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	14 01	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 01 06	Bao bì cứng thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	02 01 08	A4030, A4130	Y4	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	14 01	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 01 07	Hoá chất nông nghiệp thải, tồn lưu hoặc quá hạn sử dụng có gốc halogen hữu cơ	02 01 08	A4030	Y4	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	14 01	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 01 08	Bao bì (cứng, mềm) thải chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ	02 01 08	A4030, A4130	Y4	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	14 01	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	14 01 10	Chất thải chứa mô động vật, thực vật	02 01 02					CTRCN TT	14 01	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 01 11	Phế liệu nhựa (trừ bao bì)	02 01 04					CTRCN TT	14 01	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 01 12	Phân động vật, phân bón hữu cơ thải (gồm cả rơm)	02 01 06						14 01	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 01 13	Chất thải từ ngành lâm nghiệp	02 01 07					CTRCN TT	14 01	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 01 14	Kim loại Waste metal	02 01 09				Rắn	CTRCN TT, CTR	14 01	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 01 15	Phế liệu kim loại	02 01 10					CTRCN TT	14 01	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 02 01	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh)				LN, Đ	Rắn	CTNH	14 02	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 02 02	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại				LN, Đ	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	14 02	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	14 03 01	Bùn thải từ hoạt động vệ sinh, tẩy rửa	02 02 01					CTRCN TT	14 03	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 03 02	Chất thải chứa mô động vật	02 02 02					CTRCN TT	14 03	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 03 03	Sản phẩm, nguyên liệu chế biến hồng	02 02 03					CTRCN TT	14 03	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 03 04	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	02 02 04					CTRCN TT	14 03	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 04 01	Bùn, cặn từ hệ thống sơ chế, làm sạch và xử lý nước thải	02 03 01					CTRCN TT	14 04	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 04 02	Chất thải từ tác nhân bảo quản	02 03 02					CTRCN TT	14 04	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 04 03	Chất thải từ tách chiết dung môi	02 03 03					CTRCN TT	14 04	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 04 04	Sản phẩm, nguyên liệu chế biến hồng	02 03 04					CTRCN TT	14 04	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	14 05 01	Đất thải bỏ từ làm sạch và rửa mía	02 04 01					CTRCN TT	14 05	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 05 02	Canxi cacbonat thải bỏ	02 04 02					CTRCN TT	14 05	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 05 03	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	02 04 03					CTRCN TT	14 05	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 06 01	Sản phẩm, nguyên liệu chế biến hồng	02 05 01					CTRCN TT	14 06	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 06 02	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	02 05 02					CTRCN TT	14 06	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 07 01	Sản phẩm, nguyên liệu chế biến hồng	02 06 01					CTRCN TT	14 07	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 07 02	Chất thải phát sinh từ hoạt động bảo quản	02 06 02					CTRCN TT	14 07	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 07 03	Bùn thải từ hoạt động xử lý nước thải	02 06 03					CTRCN TT	14 07	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	14 08 01	Chất thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh, tẩy rửa và sơ chế ép cơ học	02 07 01					CTRCN TT	14 08	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 08 02	Chất thải phát sinh từ hoạt động chưng cất rượu bia	02 07 02					CTRCN TT	14 08	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 08 03	Chất thải phát sinh từ hoạt động xử lý hóa học	02 07 03					CTRCN TT	14 08	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 08 04	Sản phẩm, nguyên liệu chế biến hồng	02 07 04					CTRCN TT	14 08	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	14 08 05	Bùn thải từ hoạt động xử lý nước thải	02 07 01					CTRCN TT	14 08	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	15 01 01	Phương tiện giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường không (xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy, đầu máy và toa xe lửa, máy bay...) hết hạn sử dụng (đem đi phá dỡ) có các thành phần nguy hại hoặc các thiết	16 01 04	A1010, A1020, A1030, A1040, A1160, A2011, A3020, A4080, A4090	Y8, Y21, Y26, Y29, Y31, Y34, Y45	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		bị, bộ phận, vật liệu được phân định CTNH (trong phân nhóm 15 01 này)								
	15 01 02	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	16 01 07	A3020	Y8	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 01 03	Các thiết bị, bộ phận đã qua sử dụng có thủy ngân	16 01 08	A1030	Y29	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 01 04	Các thiết bị, bộ phận đã qua sử dụng có PCB	16 01 09	A3180	Y10	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 01 05	Các thiết bị, bộ phận đã qua sử dụng có khả năng nổ (ví dụ túi khí)	16 01 10	A4080	Y15	N, Đ, ĐS	Rắn	CTNH	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 01 06	Các chi tiết, bộ phận của phanh đã qua sử dụng có amiăng	16 01 11	A2050	Y36	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	15 01 07	Dầu thải (nếu không áp cụ thể theo nhóm mã 17)	16 01 13	A3020	Y8	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 01 08	Hoá chất chống đông thải có các thành phần nguy hại	16 01 14		Y45	Đ, ĐS	Lỏng	CTCNP KS	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 01 09	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện khác có các linh kiện điện tử có các thành phần nguy hại (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	16 01 21			Đ, ĐS	Rắn	CTNH	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 01 10	Lốp cao su hết hạn sử dụng	16 01 03					CTRCN TT	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 01 11	Phương tiện giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường không	16 01 06					CTRCN TT	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị,

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		hết hạn sử dụng (đem đi phá dỡ) không có các thành phần nguy hại hoặc các thiết bị, bộ phận, vật liệu được phân định CTNH								phương tiện giao thông vận tải
	15 01 12	Các chi tiết, bộ phận của phanh đã qua sử dụng không có amiăng	16 01 12					CTRCN TT	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 01 13	Hoá chất chống đông thải không có các thành phần nguy hại	16 01 15						15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 01 14	Bồn đựng khí hóa lỏng	16 01 16					CTRCN TT	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 01 15	Phế liệu sắt thép, kim loại màu	16 01 17					CTRCN TT	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 01 16	Phế liệu nhựa và thủy tinh	16 01 19					CTRCN TT	15 01	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị,

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										phương tiện giao thông vận tải
	15 02 01	Phương tiện giao thông vận tải đường thủy (tàu thủy, xà lan, thuyền, ca nô...) hết hạn sử dụng (đem đi phá dỡ) có các thành phần nguy hại hoặc các thiết bị, bộ phận, vật liệu được phân định là CTNH (trong phân nhóm 15 02 này)	16 01 04	A1020, A1030, A1040, A1160, A2011, A3020, A4080, A4090	Y8, Y21, Y26, Y29, Y31, Y34, Y45	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	15 02	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 02 02	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	16 01 07	A3020	Y8	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	15 02	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 02 03	Các thiết bị, bộ phận đã qua sử dụng có thủy ngân	16 01 08	A1030	Y29	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	15 02	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 02 04	Các thiết bị, bộ phận đã qua sử dụng có PCB	16 01 09	A3180	Y10	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	15 02	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị,

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										phương tiện giao thông vận tải
	15 02 05	Dầu thải (nếu không áp cụ thể theo nhóm mã 17)	16 01 13	A3020	Y8	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	15 02	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 02 06	Hoá chất chống đông thải có các thành phần nguy hại	16 01 14		Y45	Đ, ĐS	Lỏng	CTCNP KS	15 02	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 02 07	Các thiết bị, bộ phận thải khác có các thành phần nguy hại	16 01 21			Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	15 02	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 02 08	Các vật liệu dạng hạt dùng để phun mài bề mặt phương tiện (xi đồng, cát...) đã qua sử dụng có hoặc lẫn các thành phần nguy hại (asen, chì, crom hoá trị 6...)	12 01 16	A1020, A1030, A1040	Y17, Y21, Y24, Y31	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	15 02	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 02 09	Vụn sơn, gỉ sắt được bóc tách từ bề mặt phương tiện có các thành		A1020, A1030, A1040	Y17, Y21, Y24, Y31	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	15 02	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị,

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		phần nguy hại (asen, chì, crom hoá trị 6...)								phương tiện giao thông vận tải
	15 02 10	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải có amiăng		A2050	Y36	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	15 02	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 02 11	Nước la canh (nước dẫn tàu)		A4060	Y9	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	15 02	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 02 12	Nước thải lẫn dầu hoặc có các thành phần nguy hại (khác với các loại nêu tại mã 15 02 11 hoặc phân nhóm mã 17 04)		A4060	Y9	Đ, ĐS	Lỏng	CTCNP KS	15 02	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 02 13	Bùn thải lẫn dầu hoặc có các thành phần nguy hại		A4060		Đ, ĐS	Bùn	CTCNP KS	15 02	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	15 02 14	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện khác có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không	20 01 35	A1180, A2011	Y26, Y29, Y31	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	15 02	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)								
	16 01 01	Dung môi thải	20 01 13	A3140, A3150	Y41, Y42	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 02	Axit thải	20 01 14	A4090	Y34	AM, Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 03	Kiểm thải	20 01 15	A4090	Y35	AM, Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTNH	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 04	Chất quang hoá thải	20 01 17		Y16	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTNH	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 05	Thuốc diệt trừ các loài gây hại thải	20 01 19	A4030	Y4	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTNH	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	20 01 21	A1030	Y29	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 07	Các thiết bị thải bỏ có CFC	20 01 23		Y45	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	16 01 08	Các loại dầu mỡ thải	20 01 26	A3020	Y8	Đ, ĐS, C	Rắn/lỏng	CTNH	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 09	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	20 01 27	A3050, A4070	Y12, Y13	Đ, ĐS, C	Rắn/lỏng	CTCNP KS	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 10	Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	20 01 29			AM, Đ, ĐS	Lỏng	CTCNP KS	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 11	Các loại dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	20 01 31	A4010	Y3	Đ	Rắn/lỏng	CTNH	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 12	Pin, ắc quy thải	20 01 33	A1160, A1170	Y26, Y29, Y31	Đ, ĐS, AM	Rắn	CTNH	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 13	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần	20 01 35	A1180	Y26, Y29, Y31	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
		nguy hại vượt ngưỡng CTNH)								
	16 01 14	Gỗ thải có các thành phần nguy hại	20 01 37		Y5	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 15	Giấy và bìa các tông thải loại	20 01 01					CTRCN TT	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 16	Thủy tinh	20 01 02					CTRCN TT	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 17	Chất thải hữu cơ dễ phân hủy từ nhà ăn	20 01 08					CTRCN TT	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 18	Quần áo, vải thải loại	20 01 10					CTRCN TT	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 19	Dầu ăn và mỡ động vật	20 01 25					CTRCN TT	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 20	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải không nhiễm các thành phần nguy hại	20 01 28					CTRCN TT	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	16 01 21	Chất tẩy rửa thải không có các thành phần nguy hại	20 01 30						16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 22	Các loại dược phẩm không gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	20 01 32					CTRCN TT	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 24	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH.	20 01 36					CTRCN TT	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 25	Gỗ thải không chứa thành phần nguy hại	20 01 38					CTRCN TT	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 26	Nhựa phế liệu, kim loại thải	20 01 39					CTRCN TT	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	16 01 27	Chất thải phát sinh từ quá trình vệ sinh ống khói	20 01 41					CTRCN TT	16 01	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	17 01 01	Dầu thủy lực thải có PCB	13 01 01	A3180	Y10	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 01	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 01 02	Nhũ tương cơ clo thải	13 01 04	A4060	Y9	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	17 01	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 01 03	Nhũ tương cơ clo thải non-chlorinated emulsons	13 01 05	A4060	Y9	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	17 01	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 01 04	Dầu thủy lực cơ clo gốc khoáng thải	13 01 09	A3020	Y8, Y45	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 01	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 01 05	Dầu thủy lực gốc khoáng thải không cơ clo	13 01 10	A3020	Y8	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 01	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 01 06	Dầu thủy lực tổng hợp thải	13 01 11	A4060	Y9	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 01	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										chất lạnh và chất đẩy
	17 01 07	Các loại dầu thủy lực thải khác	13 01 13	A4060	Y9	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 01	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 02 01	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng cơ clo thải	13 02 04	A3020	Y8, Y45	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 02	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 02 02	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không cơ clo	13 02 05	A3020	Y8	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 02	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 02 03	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	13 02 06	A4060	Y9	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 02	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 02 04	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	13 02 07	A4060	Y9	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 02	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										chất lạnh và chất đẩy
	17 03 01	Dầu truyền nhiệt và cách điện thải có PCB	13 03 01	A3180	Y10	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 03	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 03 02	Dầu truyền nhiệt và cách điện gốc khoáng cơ clo thải	13 03 06	A3020, A3040	Y8	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 03	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 03 03	Dầu truyền nhiệt và cách điện gốc khoáng thải không cơ clo	13 03 07	A3020, A3040	Y8	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 03	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 03 04	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	13 03 08	A3040	Y8	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 03	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 03 05	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	13 03 09	A3040	Y8	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 03	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										chất lạnh và chất đẩy
	17 04 01	Dầu đáy tàu từ hoạt động đường thủy nội địa	13 04 01	A4060	Y8, Y9	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 04	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 04 02	Dầu đáy tàu từ nước thải cầu tàu	13 04 02	A4060		Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 04	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 04 03	Dầu đáy tàu từ các hoạt động đường thủy khác	13 04 03	A4060	Y8, Y9	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 04	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 05 01	Chất thải rắn từ buồng lọc cát sỏi và các bộ phận khác của thiết bị tách dầu/nước	13 05 01	A4060	Y9	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	17 05	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 05 02	Bùn thải từ thiết bị tách dầu/nước	13 05 02	A4060	Y9	Đ, ĐS	Bùn	CTNH	17 05	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										chất lạnh và chất đẩy
	17 05 03	Bùn thải từ thiết bị chặn dầu	13 05 03	A4060	Y9	Đ, ĐS	Bùn	CTNH	17 05	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 05 04	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	13 05 06	A4060	Y9	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 05	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 05 05	Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	13 05 07	A4060	Y9	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	17 05	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 05 06	Hỗn hợp chất thải từ buồng lọc cát sỏi và các bộ phận khác của thiết bị tách dầu/nước	13 05 08	A4060	Y9	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTNH	17 05	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 06 01	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	13 07 01	A4060	Y9	C, Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	17 06	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										chất lạnh và chất đẩy
	17 06 02	Xăng dầu thải	13 07 02	A4060	Y9	C, Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	17 06	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 06 03	Các loại nhiên liệu thải khác (bao gồm cả hỗn hợp)	13 07 03	A4060	Y9	C, Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	17 06	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 07 01	Bùn hoặc nhũ tương thải từ thiết bị khử muối	13 08 01	A4060	Y9	Đ, ĐS, C	Bùn/lỏng	CTNH	17 07	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 07 02	Các loại nhũ tương thải khác	13 08 02	A4060	Y9	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 07	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 07 03	Các loại dầu thải khác	13 08 99	A4060	Y9	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 07	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										chất lạnh và chất đẩy
	17 07 04	Các loại sáp và mỡ thải		A4060	Y9	Đ, ĐS, C	Rắn/Lỏng	CTNH	17 07	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 08 01	Các chất CFC, HCFC, HFC thải	14 06 01	A3150	Y45	Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	17 08	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 08 02	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi halogen hữu cơ thải	14 06 02	A3150	Y41	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 08	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 08 03	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	14 06 03	A3140	Y42	Đ, ĐS, C	Lỏng	CTNH	17 08	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	17 08 04	Bùn thải hoặc chất thải rắn có dung môi halogen hữu cơ	14 06 04	A3150	Y41	Đ, ĐS, C	Bùn/rắn	CTCNP KS	17 08	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										chất lạnh và chất đẩy
	17 08 05	Bùn thải hoặc chất thải rắn có các loại dung môi khác	14 06 05	A3140	Y42	Đ, ĐS, C	Bùn/rắn	CTCNP KS	17 08	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	18 01 01	Bao bì mềm thải có thành phần nguy hại	15 01 10	A4130		Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	18 01	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ
	18 01 02	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	15 01 11	A4130		Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	18 01	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ
	18 01 03	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa thành phần nguy hại	15 01 11	A4130		Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	18 01	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ
	18 01 04	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit...)	15 01 11	A4130		Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	18 01	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ
	18 01 05	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	15 01 01					CTRCN TT	18 01	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										liệu lọc và vải bảo vệ
	18 01 06	Bao bì nhựa thải bỏ (không nhiễm thành phần nguy hại)	15 01 02					CTRCN TT	18 01	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ
	18 01 07	Bao bì bằng gỗ thải bỏ	15 01 03					CTRCN TT	18 01	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ
	18 01 08	Bao bì cứng bằng kim loại thải bỏ (không nhiễm thành phần nguy hại)	15 01 04					CTRCN TT	18 01	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ
	18 01 09	Bao bì composite thải bỏ							18 01	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ
	18 01 10	Bao bì bằng thủy tinh thải bỏ (không nhiễm thành phần nguy hại)	15 01 07					CTRCN TT	18 01	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ
	18 01 11	Bao bì dệt may thải bỏ (không nhiễm thành phần nguy hại)	15 01 09					CTRCN TT	18 01	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
										liệu lọc và vải bảo vệ
	18 02 01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	15 02 02	A3020, A3140, A3150	Y8, Y41, Y42	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	18 02	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ
	18 02 02	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải không bị nhiễm các thành phần nguy hại	15 02 03					CTRCN TT	18 02	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ
	19 01 01	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước	09 01 01		Y16	Đ, ĐS, AM	Lỏng	CTNH	19 01	Các loại chất thải khác
	19 01 02	Dung dịch thải thuốc tráng bản in offset gốc nước	09 01 02		Y16	Đ, ĐS, AM	Lỏng	CTNH	19 01	Các loại chất thải khác
	19 01 03	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh gốc dung môi	09 01 03	A3140	Y16	Đ, ĐS, AM	Lỏng	CTNH	19 01	Các loại chất thải khác
	19 01 04	Dung dịch hãm thải	09 01 04		Y16	Đ, ĐS, AM	Lỏng	CTNH	19 01	Các loại chất thải khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	19 01 05	Dung dịch tẩy màu (làm trắng) thải	09 01 05		Y16	Đ, ĐS, AM	Lỏng	CTNH	19 01	Các loại chất thải khác
	19 01 06	Chất thải có bạc từ quá trình xử lý chất thải phim ảnh	09 01 06		Y16	Đ, ĐS, AM, OH	Lỏng	CTCNP KS	19 01	Các loại chất thải khác
	19 01 07	Máy ảnh dùng một lần đã qua sử dụng còn chứa pin	09 01 11	A1170	Y26, Y29	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	19 01	Các loại chất thải khác
	19 01 08	Nước thải từ quá trình tận thu bạc	09 01 13		Y16	Đ, ĐS, AM, OH	Lỏng	CTNH	19 01	Các loại chất thải khác
	19 01 09	Giấy in và phim ảnh thải bỏ có chứa bạc hoặc hợp chất của bạc	09 01 07					CTRCN TT	19 01	Các loại chất thải khác
	19 01 10	Giấy in và phim ảnh thải bỏ không chứa bạc hoặc hợp chất của bạc	09 01 08					CTRCN TT	19 01	Các loại chất thải khác
	19 01 11	Máy ảnh dùng một lần đã qua sử dụng không chứa pin	09 01 10					CTRCN TT	19 01	Các loại chất thải khác
	19 02 01	Máy biến thế và tụ điện thải có PCB	16 02 09	A3180	Y10	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	19 02	Các loại chất thải khác
	19 02 02	Các thiết bị điện thải khác có hoặc nhiễm PCB	16 02 10	A3180	Y10	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	19 02	Các loại chất thải khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Ngưỡng CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	19 02 03	Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC	16 02 11	A3150	Y45	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	19 02	Các loại chất thải khác
	19 02 04	Thiết bị điện thải có amiăng	16 02 12	A2050	Y36	Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	19 02	Các loại chất thải khác
	19 02 05	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	16 02 13	A1030, A2011, A3180	Y10, Y29, Y31	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	19 02	Các loại chất thải khác
	19 02 06	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	16 02 15	A1030, A2011, A3180	Y10, Y29, Y31	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	19 02	Các loại chất thải khác
	19 02 07	Thiết bị điện thải không có thành phần nguy hại	16 02 14					CTRCN TT	19 02	Các loại chất thải khác
	19 03 01	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại	16 03 03	A4140		Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	19 03	Các loại chất thải khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	19 03 02	Sản phẩm hữu cơ có các thành phần nguy hại	16 03 05	A4140		Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	19 03	Các loại chất thải khác
	19 03 03	Sản phẩm vô cơ khác với các loại trên Inorganic wastes other than those mentioned above	16 03 07				Rắn/bùn	CTRCN TT, CTR	19 03	Các loại chất thải khác
	19 03 04	Sản phẩm vô cơ không có các thành phần nguy hại	16 03 04					CTRCN TT	19 03	Các loại chất thải khác
	19 03 05	Sản phẩm hữu cơ không có các thành phần nguy hại							19 03	Các loại chất thải khác
	19 04 01	Đạn dược thải	16 04 01	A4080	Y15	N, Đ	Rắn	CTNH	19 04	Các loại chất thải khác
	19 04 02	Pháo hoa thải	16 04 02	A4080	Y15	N, Đ	Rắn	CTNH	19 04	Các loại chất thải khác
	19 04 03	Các loại chất nổ thải khác	16 04 03	A4080	Y15	N, Đ	Rắn	CTNH	19 04	Các loại chất thải khác
	19 05 01	Bình chứa áp suất thải chưa bảo đảm rỗng hoàn toàn (trừ loại nêu tại mã 13 03 01)	16 05 04	A4080		N	Rắn	CTNH	19 05	Các loại chất thải khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	19 05 02	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	16 05 06	A4150	Y14	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	19 05	Các loại chất thải khác
	19 05 03	Hoá chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (trừ các loại nêu tại nhóm mã 02, 13, 14 và 15)	16 05 07	A4140		Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	19 05	Các loại chất thải khác
	19 05 04	Hoá chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (trừ các loại nêu tại nhóm mã 03, 13, 14 và 15)	16 05 08	A4140		Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	19 05	Các loại chất thải khác
	19 05 05	Bình chứa áp suất thải không nhiễm thành phần nguy hại	16 05 05					CTRCN TT	19 05	Các loại chất thải khác
	19 05 06	Hóa chất thải bỏ không có thành phần nguy hại	16 05 09					CTRCN TT	19 05	Các loại chất thải khác
	19 06 01	Ắc quy chì thải	16 06 01	A1160, A1010	Y31	Đ, ĐS, AM	Rắn	CTNH	19 06	Các loại chất thải khác
	19 06 02	Pin Ni-Cd thải	16 06 02	A1170, A1010	Y26	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	19 06	Các loại chất thải khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	19 06 03	Pin, ắc quy thải có thủy ngân	16 06 03	A1170	Y29	Đ, ĐS	Rắn	CTNH	19 06	Các loại chất thải khác
	19 06 04	Chất điện phân từ pin và ắc quy thải	16 06 06	A1180	Y31, Y34	Đ, ĐS, AM	Rắn/lỏng	CTNH	19 06	Các loại chất thải khác
	19 06 05	Các loại pin, ắc quy khác				Đ, ĐS	Rắn	CTNH	19 06	Các loại chất thải khác
	19 07 01	Chất thải lẫn dầu	16 07 08	A4060	Y9	Đ, ĐS, C	Rắn/lỏng	CTCNP KS	19 07	Các loại chất thải khác
	19 07 02	Chất thải có các thành phần nguy hại (khác với dầu)	16 07 09			Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	19 07	Các loại chất thải khác
	19 08 01	Chất xúc tác đã qua sử dụng có các kim loại chuyển tiếp hoặc hợp chất của chúng	16 08 02	A2030		Đ, ĐS	Rắn	CTCNP KS	19 08	Các loại chất thải khác
	19 08 02	Chất xúc tác đã qua sử dụng có axit photphoric	16 08 05	A2030, A4090, A2030		AM, Đ	Rắn/lỏng	CTCNP KS	19 08	Các loại chất thải khác
	19 08 03	Xúc tác ở thể lỏng đã qua sử dụng	16 08 06	A2030		Đ, ĐS	Lỏng	CTNH	19 08	Các loại chất thải khác
	19 08 04	Xúc tác đã qua sử dụng bị nhiễm các thành phần nguy hại	16 08 07	A2030		Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTCNP KS	19 08	Các loại chất thải khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	19 09 01	Pemanganat thải	16 09 01			OH, Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTNH	19 09	Các loại chất thải khác
	19 09 02	Cromat thải (ví dụ cromat kali, dicromat kali và natri)	16 09 02	A1040	Y21	OH, Đ, ĐS	Rắn/lỏng	CTNH	19 09	Các loại chất thải khác
	19 09 03	Các hợp chất peroxit thải	16 09 03	A4120		OH, Đ	Rắn/lỏng	CTNH	19 09	Các loại chất thải khác
	19 09 04	Các loại chất oxi hoá thải	16 09 04			OH, Đ	Rắn/lỏng	CTNH	19 09	Các loại chất thải khác
	19 10 01	Nước thải có các thành phần nguy hại	16 10 01			Đ, ĐS	Lỏng	CTCNP KS	19 10	Các loại chất thải khác
	19 10 02	Cặn nước thải có các thành phần nguy hại	16 10 03			Đ, ĐS	Bùn/lỏng	CTCNP KS	19 10	Các loại chất thải khác
	19 11 01	Vật liệu lót và chịu lửa thải gốc cacbon từ quá trình luyện kim có các thành phần nguy hại	16 11 01	A3070		Đ	Rắn	CTCNP KS	19 11	Các loại chất thải khác
	19 11 02	Các loại vật liệu lót và chịu lửa thải khác từ quá trình luyện kim có các thành phần nguy hại	16 11 03	A3070		Đ	Rắn	CTCNP KS	19 11	Các loại chất thải khác

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	19 11 03	Vật liệu lót và chịu lửa thải có các thành phần nguy hại không phải từ quá trình luyện kim	16 11 05	A3070		Đ	Rắn	CTCNP KS	19 11	Các loại chất thải khác
	19 11 04	Vật liệu lót và chịu lửa thải gốc cacbon từ quá trình luyện kim không có các thành phần nguy hại	16 11 02					CTRCN TT	19 11	Các loại chất thải khác
	19 11 05	Các loại vật liệu lót và chịu lửa thải khác từ quá trình luyện kim không có các thành phần nguy hại	16 11 04					CTRCN TT	19 11	Các loại chất thải khác
	19 11 06	Vật liệu lót và chịu lửa thải không có các thành phần nguy hại từ hoạt động khác (không từ quá trình luyện kim)	16 11 06					CTRCN TT	19 11	Các loại chất thải khác
	19 12 01	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ				Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	19 12	

Danh mục	Mã CTNH	Tên CTNH	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (B)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại của CTNH	Nguồn g CTNH	Phân nhóm CTNH	Nhóm CTNH
	19 12 02	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại hữu cơ				Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	19 12	
	19 12 03	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ				Đ, ĐS	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	19 12	
	19 12 04	Các loại chất thải khác có tính ăn mòn				AM	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	19 12	
	19 12 05	Các loại chất thải khác có tính dễ cháy				C	Rắn/lỏng/bùn	CTCNP KS	19 12	

DANH MỤC PHÂN NHÓM CHẤT THẢI NGUY HẠI

Danh mục	Mã phân nhóm CTNH	Tên phân nhóm CTNH	Tên nhóm CTNH	Mã EC
C_PhanNhóm CTNH	MaMuc	TenMuc	NhomCTNH__C_NhomCTNH	MaEC
	01 01	Chất thải từ quá trình chế biến quặng sắt bằng phương pháp hoá-lý	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than	01 03
	01 02	Chất thải từ quá trình chế biến quặng kim loại màu (phi kim) bằng phương pháp hoá-lý	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than	01 04
	01 03	Bùn thải và các chất thải khác từ quá trình khoan	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than	01 05
	01 04	Chất thải từ quá trình lọc dầu	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than	05 01
	01 05	Chất thải từ quá trình chế biến than bằng phương pháp nhiệt phân	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than	05 06
	01 06	Chất thải từ quá trình tinh chế và vận chuyển khí tự nhiên	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than	05 07
	02 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng axit	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ	06 01
	02 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng bazơ	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ	06 02
	02 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng muối, dung dịch muối và oxit kim loại	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ	06 03
	02 04	Chất thải khác có kim loại từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng muối, dung dịch muối và oxit kim loại	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ	06 04
	02 05	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải tại cơ sở sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hóa chất vô cơ	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ	06 05

Danh mục	Mã phân nhóm CTNH	Tên phân nhóm CTNH	Tên nhóm CTNH	Mã EC
	02 06	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng, chế biến hoá chất lưu huỳnh và quá trình khử lưu huỳnh	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ	06 06
	02 07	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng halogen và chuyển hoá hợp chất halogen	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ	06 07
	02 08	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng silic (silicon) và các dẫn xuất của silic	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ	06 08
	02 09	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng và chế biến hoá chất photpho	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ	06 09
	02 10	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng, chế biến hoá chất nitơ và sản xuất phân bón	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ	06 10
	02 11	Chất thải khác từ các quá trình sản xuất, điều chế, chế biến, cung ứng hoá chất vô cơ	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ	06 13
	03 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ cơ bản	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ	07 01
	03 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng nhựa, cao su tổng hợp và sợi nhân tạo	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ	07 02
	03 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng phẩm màu hữu cơ	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ	07 03
	03 04	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, chất bảo quản gỗ và các loại biôxít (biocide) hữu cơ khác	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ	07 04

Danh mục	Mã phân nhóm CTNH	Tên phân nhóm CTNH	Tên nhóm CTNH	Mã EC
	03 05	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế và cung ứng dược phẩm	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ	07 05
	03 06	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng chất béo, xà phòng, chất tẩy rửa, sát trùng và mỹ phẩm	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ	07 06
	03 07	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng hoá chất tinh khiết và các hoá phẩm khác	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ	07 07
	04 01	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác	10 01
	04 02	Chất thải từ các cơ sở đốt khác	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác	10 01
	05 01	Chất thải từ ngành công nghiệp gang thép	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại	10 02
	05 02	Chất thải từ quá trình nhiệt luyện nhôm	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại	10 03
	05 03	Chất thải từ quá trình nhiệt luyện chì	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại	10 04
	05 04	Chất thải từ quá trình nhiệt luyện kẽm	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại	10 05
	05 05	Chất thải từ quá trình nhiệt luyện đồng	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại	10 06
	05 06	Chất thải từ quá trình nhiệt luyện vàng, bạc và platin	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại	10 07
	05 07	Chất thải từ quá trình nhiệt luyện các kim loại màu khác	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại	10 08
	05 08	Chất thải từ quá trình đúc kim loại đen	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại	10 09
	05 09	Chất thải từ quá trình đúc kim loại màu	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại	10 10
	05 10	Chất thải từ quá trình thủy luyện (hoàn nguyên bằng phương pháp hoá học hoặc điện phân trong môi trường dung dịch) kim loại màu	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại	11 02
	05 11	Bùn thải và chất thải rắn từ quá trình tôi luyện	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại	11 03

Danh mục	Mã phân nhóm CTNH	Tên phân nhóm CTNH	Tên nhóm CTNH	Mã EC
	06 01	Chất thải từ quá trình sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh	10 11
	06 02	Chất thải từ quá trình sản xuất hàng gốm sứ, gạch ngói, tấm ốp lát và các sản phẩm xây dựng khác	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh	10 12
	06 03	Chất thải từ quá trình sản xuất xi măng, vôi, thạch cao và các sản phẩm liên quan	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh	10 13
	07 01	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt kim loại và các vật liệu khác bằng phương pháp hoá học (ví dụ quá trình mạ điện, tráng kẽm, tẩy axit/bazơ, khắc axit, photphat hoá, tẩy mỡ nhờn bằng kiềm, anot hoá)	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác	11 01
	07 02	Chất thải từ quá trình mạ điện	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác	11 05
	07 03	Chất thải từ quá trình gia công tạo hình và xử lý cơ-lý bề mặt kim loại và các vật liệu khác	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác	12 01
	07 04	Chất thải từ quá trình hàn	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác	
	08 01	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng sơn và véc ni	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in	08 01
	08 02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng mực in	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in	08 03
	08 03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng chất kết dính và chất bịt kín (bao gồm cả sản phẩm chống thấm)	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in	08 04

Danh mục	Mã phân nhóm CTNH	Tên phân nhóm CTNH	Tên nhóm CTNH	Mã EC
	08 04	Các hợp chất isoxyanat thải	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thuỷ tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in	08 05
	09 01	Chất thải từ quá trình chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy	03 01
	09 02	Chất thải từ quá trình bảo quản gỗ	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy	03 02
	10 01	Chất thải từ ngành chế biến da và lông	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm	04 01
	10 02	Chất thải từ ngành dệt nhuộm	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm	04 02
	11 01	Bê tông, gạch, ngói, tấm ốp và gốm sứ thải	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)	17 01
	11 02	Gỗ, thuỷ tinh và nhựa thải	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)	17 02
	11 03	Hỗn hợp bitum, nhựa than đá và sản phẩm có hắc ín thải	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)	17 03
	11 04	Kim loại (bao gồm cả hợp kim của chúng) thải	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)	17 04
	11 05	Đất (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm), đá và bùn nạo vét	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)	17 05
	11 06	Vật liệu cách nhiệt và vật liệu xây dựng có amiăng thải	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)	17 06
	11 07	Vật liệu xây dựng gốc thạch cao thải	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)	17 08
	11 08	Các loại chất thải xây dựng và phá dỡ khác	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)	17 09
	12 01	Chất thải từ quá trình thiêu đốt hoặc nhiệt phân chất thải	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp	19 01
	12 02	Chất thải từ quá trình xử lý hoá-lý chất thải (bao gồm cả các quá trình xử lý crom, xử lý xyanua, trung hoà)	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp	19 02
	12 03	Chất thải đã được ổn định hóa/hoá rắn	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp	19 03

Danh mục	Mã phân nhóm CTNH	Tên phân nhóm CTNH	Tên nhóm CTNH	Mã EC
	12 04	Chất thải được thủy tinh hoá và chất thải từ quá trình thủy tinh hoá	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp	19 04
	12 05	Nước rỉ rác	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp	19 04 01
	12 06	Chất thải từ công trình xử lý nước thải chưa nêu tại các mã khác	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp	19 08
	12 07	Chất thải từ quá trình tái chế, tận thu dầu	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp	19 11
	12 08	Chất thải từ quá trình xử lý cơ học chất thải (ví dụ quá trình phân loại, băm, nghiền, nén ép, tạo hạt)	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp	19 12
	12 09	Chất thải từ quá trình xử lý đất và nước cấp	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp	19 12 08
	13 01	Chất thải từ quá trình khám bệnh, điều trị và phòng ngừa bệnh ở người	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)	18 01
	13 02	Chất thải từ các hoạt động thú y	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)	18 02
	13 03	Các thiết bị y tế và thú y thải	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)	
	14 02	Chất thải từ chăn nuôi gia súc, gia cầm	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp	
	15 01	Phương tiện giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường không hết hạn sử dụng (bao gồm cả các thiết bị ven đường) và chất thải từ quá trình phá dỡ, bảo dưỡng phương tiện giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường không	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải	
	15 02	Phương tiện giao thông vận tải đường thủy hết hạn sử dụng và chất thải từ quá trình phá dỡ, bảo dưỡng phương tiện giao thông vận tải đường thủy	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải	

Danh mục	Mã phân nhóm CTNH	Tên phân nhóm CTNH	Tên nhóm CTNH	Mã EC
	16 01	Các thành phần chất thải đã được thu gom, phân loại (trừ các loại nêu phân nhóm mã 18 01)	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác	20 01
	17 01	Dầu thủy lực thải	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy	13 01
	17 02	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy	13 02
	17 03	Dầu truyền nhiệt và cách điện thải	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy	13 03
	17 04	Dầu đáy tàu	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy	13 04
	17 05	Chất thải từ thiết bị tách dầu/nước	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy	13 05
	17 06	Nhiên liệu lỏng thải	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy	13 07
	17 07	Các loại dầu thải khác (chưa nêu tại các mã khác)	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy	13 08
	17 08	Chất thải là dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy (propellant) dạng bột/sol khí (trừ các loại nêu tại nhóm mã 03 và 08)	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy	14 06
	18 01	Bao bì thải (bao gồm cả bao bì thải phát sinh từ đô thị đã được phân loại, trừ các loại nêu tại phân nhóm mã 14 01)	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ	15 01
	18 02	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau và vải bảo vệ thải	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ	15 02
	19 01	Chất thải từ ngành phim ảnh	Các loại chất thải khác	09 01
	19 02	Các thiết bị điện, điện tử thải và chất thải từ hoạt động sản xuất, lắp ráp thiết bị điện, điện tử (trừ các loại nêu tại nhóm mã 15 và 16)	Các loại chất thải khác	16 02

Danh mục	Mã phân nhóm CTNH	Tên phân nhóm CTNH	Tên nhóm CTNH	Mã EC
	19 03	Các sản phẩm chưa qua sử dụng bị loại bỏ từ quá trình sản xuất	Các loại chất thải khác	16 03
	19 04	Chất nổ thải	Các loại chất thải khác	16 04
	19 05	Các bình chứa áp suất và hoá chất thải	Các loại chất thải khác	16 05
	19 06	Pin, ắc quy thải (trừ loại từ nguồn chất thải sinh hoạt nêu tại mã 16 01 12)	Các loại chất thải khác	16 06
	19 07	Chất thải từ quá trình vệ sinh thùng, bồn chứa và bể lưu động (trừ các loại nêu tại nhóm mã 01 và 17)	Các loại chất thải khác	16 07
	19 08	Chất xúc tác đã qua sử dụng	Các loại chất thải khác	16 08
	19 09	Các chất oxi hoá thải	Các loại chất thải khác	16 09
	19 10	Nước thải vận chuyển đi để xử lý bên ngoài cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (khác với các loại nêu tại nhóm mã 12)	Các loại chất thải khác	16 10
	19 11	Vật liệu lót và chịu lửa thải	Các loại chất thải khác	16 11
	19 12	Các loại chất thải khác (chưa nêu tại các mã khác hoặc không xác định được nguồn phát sinh)	Các loại chất thải khác	

DANH MỤC NHÓM CHẤT THẢI NGUY HẠI

Danh mục	Mã nhóm CTNH	Tên nhóm CTNH
C_NhomCTNH	MaMuc	TenMuc
	01	Chất thải từ ngành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí và than
	02	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất vô cơ
	03	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hoá chất hữu cơ
	04	Chất thải từ nhà máy nhiệt điện và các cơ sở đốt khác
	05	Chất thải từ ngành luyện kim và đúc kim loại
	06	Chất thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thủy tinh
	07	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại và các vật liệu khác
	08	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng các sản phẩm che phủ (sơn, véc ni, men thủy tinh), chất kết dính, chất bịt kín và mực in
	09	Chất thải từ ngành chế biến gỗ, sản xuất các sản phẩm gỗ, giấy và bột giấy
	10	Chất thải từ ngành chế biến da, lông và dệt nhuộm
	11	Chất thải xây dựng và phá dỡ (bao gồm cả đất đào từ các khu vực bị ô nhiễm)
	12	Chất thải từ các cơ sở tái chế, xử lý chất thải, nước thải và xử lý nước cấp
	13	Chất thải từ ngành y tế và thú y (trừ chất thải sinh hoạt từ ngành này)
	14	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp
	15	Chất thải từ hoạt động phá dỡ, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện giao thông vận tải
	16	Chất thải hộ gia đình và chất thải sinh hoạt từ các nguồn khác
	17	Dầu thải, chất thải từ nhiên liệu lỏng, chất thải dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy
	18	Các loại chất thải bao bì, chất hấp thụ, giẻ lau, vật liệu lọc và vải bảo vệ
	19	Các loại chất thải khác

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CTNH

Danh mục	Mã phương pháp	Tên phương pháp xử lý CTNH
C_PhuongPhapXuLyCTNH	MaMuc	TenMuc
	TC	Tận thu/tái chế
	PT	Phân tách/chiết/lọc/kết tủa
	OH	Oxy hóa
	SH	Sinh học
	ĐX	Đồng xử lý
	TĐ	Thiêu đốt
	HR	Hóa rắn
	CL	Cô lập/đóng kén
	C	Chôn lấp
	SC	Sơ chế
	KH	Khác

DANH MỤC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BVMT

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
C_HanhVi i VPHC	MaMuc	TenMuc	TenHanhVi	MucPhat Duoi	MucPhat Tren	DieuKhoan	HinhThucXuP hat BoSung	BienPhapK hac PhucHauQ ua	C_NghiDin hXPVPHC
	155.8.1.a	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với thực thực hiện không đúng một trong các nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ các trường hợp: Giám sát môi trường; làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và quy định tại điểm c khoản này	0	0	Điều 8 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/N Đ-CP
	155.8.1.b	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với không thực hiện một trong các nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ trường hợp giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm d khoản này	500	1,000,000	Điều 8 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/N Đ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.8.1.c	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường	1,000,000	1,500,000	Điều 8 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.8.1.d	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với không xây lắp công trình bảo vệ môi trường	1,500,000	2,000,000	Điều 8 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.8.2.a	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do thực hiện không đúng một trong các nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ các trường hợp: Giám sát môi trường; làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và trường hợp quy định tại điểm c khoản này	1,000,000	5,000,000	Điều 8 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.8.2.b	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do không thực hiện một trong các nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ trường hợp giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm d khoản này	5,000,000	10,000,000	Điều 8 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.8.2.c	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường	10,000,000	20,000,000	Điều 8 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.8.2.d	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do không xây lắp công trình bảo vệ môi trường	20,000,000	25,000,000	Điều 8 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.8.3.a	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường do thực hiện không đúng một trong các nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ các trường hợp: Giám sát môi trường; làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và trường hợp quy định tại điểm c khoản này	5,000,000	10,000,000	Điều 8 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.8.3.b	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường do không thực hiện một trong các nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ trường hợp giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm d khoản này	10,000,000	15,000,000	Điều 8 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.8.3.c	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường do xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường	20,000,000	30,000,000	Điều 8 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.8.3.d	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường do không xây lắp công trình bảo vệ môi trường	30,000,000	40,000,000	Điều 8 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.8.4.a	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của bộ, cơ quan ngang bộ do hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ các trường hợp: Giám sát môi trường; làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và trường hợp quy định tại điểm c khoản này	10,000,000	20,000,000	Điều 8 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.8.4.b	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của bộ, cơ quan ngang bộ do không thực hiện một trong các nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ trường hợp giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm d khoản này	20,000,000	25,000,000	Điều 8 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.8.4.c	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của bộ, cơ quan ngang bộ do xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường	30,000,000	40,000,000	Điều 8 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.8.4.d	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của bộ, cơ quan ngang bộ do không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 8 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.1.a	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không gửi Kế hoạch quản lý môi trường đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường để được niêm yết công khai trước khi khởi công xây dựng dự án;	2,000,000	5,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.1.b	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do lập không đúng, không đầy đủ một trong các nội dung Kế hoạch quản lý môi trường của dự án theo quy định; không cập nhật Kế hoạch quản lý môi trường và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp có thay đổi chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình triển khai xây dựng dự án	5,000,000	10,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.1.c	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không lập Kế hoạch quản lý môi trường và báo cáo cơ quan có thẩm quyền, cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	10,000,000	15,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.1.d	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không thông báo bằng văn bản đến các tổ chức nơi tiến hành tham vấn về kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành từng giai đoạn	15,000,000	20,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.1.đ	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không báo cáo kịp thời cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh để hướng dẫn giải quyết ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định	20,000,000	30,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.1.e	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do thực hiện không đúng một trong các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường(từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) theo quy định	30,000,000	40,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.1.g	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Không thực hiện một trong các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và yêu cầu trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.1.h	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Không lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch thu dọn vệ sinh lòng hồ trước khi tích nước hoặc thực hiện việc tích nước khi chưa được cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kiểm tra, chấp thuận trong trường hợp dự án có nội dung đầu tư xây dựng hồ chứa thủy lợi hoặc hồ chứa thủy điện	50,000,000	60,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.1.i	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường; không vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm dự án;	60,000,000	80,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.1.k	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Không dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và báo cáo kịp thời tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đề hướng dẫn giải quyết trong trường hợp gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường; không tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải quá 06 tháng nhưng chưa được sự chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	80,000,000	100,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.1.l	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) và gửi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định;	100,000,000	120,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.1.m	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định	120,000,000	140,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.1.n	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) theo quy định	140,000,000	160,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.1.o	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định	160,000,000	180,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.2.a	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường do không gửi Kế hoạch quản lý môi trường đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường để được niêm yết công khai trước khi khởi công xây dựng dự án;	5,000,000	10,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.2.b	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường do lập không đúng, không đầy đủ một trong các nội dung Kế hoạch quản lý môi trường của dự án theo quy định; không cập nhật Kế hoạch quản lý môi trường và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp có thay đổi chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình triển khai xây dựng dự án	10,000,000	15,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.2.c	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường do không lập Kế hoạch quản lý môi trường và báo cáo cơ quan có thẩm quyền, cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	15,000,000	20,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.2.d	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không thông báo bằng văn bản đến các tổ chức nơi tiến hành tham vấn về kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành từng giai đoạn	20,000,000	30,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.2.đ	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không báo cáo kịp thời cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh để hướng dẫn giải quyết ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định	30,000,000	40,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.2.e	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do thực hiện không đúng một trong các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) theo quy định, trừ trường hợp: Giám sát môi trường; làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và trường hợp quy định tại điểm b và điểm i khoản này	40,000,000	50,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.2.g	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không thực hiện một trong các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và yêu cầu trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) theo quy định, trừ trường hợp giám sát môi trường và trường hợp quy định tại các điểm a, c, d, đ, m và n khoản này	50,000,000	60,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.2.h	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không hợp tác với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch quản lý môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	60,000,000	80,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.2.i	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường; không vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm dự án;	80,000,000	100,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.2.k	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và báo cáo kịp thời tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hướng dẫn giải quyết trong trường hợp gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường; không tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải quá 06 tháng nhưng chưa được sự chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	100,000,000	120,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.2.l	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) và gửi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định;	120,000,000	140,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.2.m	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định	140,000,000	160,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.2.n	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) theo quy định	160,000,000	180,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.2.o	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ; cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này do không lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định	180,000,000	200,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.3.a	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho chủ dự án do không có cán bộ chuyên ngành liên quan đến dự án với trình độ đại học trở lên theo quy định; không có cán bộ có chứng chỉ tư vấn đánh giá tác động môi trường đúng chuyên ngành với trình độ đại học trở lên theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 9 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.3.b	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho chủ dự án do không có cơ sở vật chất - kỹ thuật, thiết bị chuyên dụng để đo đạc, lấy mẫu, xử lý, phân tích các mẫu về môi trường, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật theo quy định	10,000,000	30,000,000	Điều 9 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.3.c	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho chủ dự án do cung cấp sai thông tin, số liệu về dự án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; báo cáo sai sự thật về hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án, vùng kế cận	30,000,000	50,000,000	Điều 9 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.9.3.d	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho chủ dự án do không đủ tất cả các điều kiện cung ứng dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng vẫn thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	80,000,000	100,000,000	Điều 9 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9.3.đ	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho chủ dự án do cung ứng dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường vi phạm quy định tại khoản này gây hậu quả về ô nhiễm môi trường	100,000,000	150,000,000	Điều 9 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.10.1.a	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thực hiện không đúng một trong các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận, trừ trường hợp: Giám sát môi trường; làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và trường hợp quy định tại điểm c khoản này	500	1,000,000	Điều 10 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.10.1.b	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thực hiện một trong các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận, trừ trường hợp giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm d khoản này	1,000,000	2,000,000	Điều 10 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.10.1.c	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường	2,000,000	3,000,000	Điều 10 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.10.1.d	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do không xây lắp công trình bảo vệ môi trường	3,000,000	4,000,000	Điều 10 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.10.2.a	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện do không đúng một trong các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận, trừ trường hợp: Giám sát môi trường; làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và trường hợp quy định tại điểm c khoản này	5,000,000	10,000,000	Điều 10 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.10.2.b	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do không thực hiện một trong các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường	10,000,000	20,000,000	Điều 10 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.10.2.c	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường	20,000,000	30,000,000	Điều 10 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.10.2.d	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do không xây lắp công trình bảo vệ môi trường	30,000,000	40,000,000	Điều 10 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.10.3.a	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này do thực hiện không đúng một trong các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận, trừ trường hợp: Giám sát môi trường; làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và trường hợp quy định tại điểm c khoản này	5,000,000	10,000,000	Điều 10 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.10.3.b	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này do không thực hiện một trong các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận, trừ trường hợp giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm d khoản này	10,000,000	30,000,000	Điều 10 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.10.3.c	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này do xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường	40,000,000	50,000,000	Điều 10 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.10.3.d	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này do không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định	60,000,000	80,000,000	Điều 10 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.10.3.đ	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này do không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 12 và điểm k khoản 4 Điều 12 của Nghị định này	80,000,000	100,000,000	Điều 10 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.10.4.a	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường do không có văn bản báo cáo cơ quan đã phê duyệt đề án bảo vệ môi trường về tiến độ thực hiện đề án bảo vệ môi trường; về việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt	10,000,000	20,000,000	Điều 10 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.10.4.b	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường do thực hiện không đúng một trong các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, trừ trường hợp: Giám sát môi trường; làm cho môi trường tốt hơn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và trường hợp quy định tại điểm c khoản này	20,000,000	40,000,000	Điều 10 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.10.4.c	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường do không thực hiện một trong các nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, trừ trường hợp giám sát môi trường và trường hợp quy định tại điểm a và điểm đ khoản này	60,000,000	80,000,000	Điều 10 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.10.4.d	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường do xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường	80,000,000	100,000,000	Điều 10 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.10.4.đ	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường do không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 12 và điểm k khoản 4 Điều 12 của Nghị định này	100,000,000	150,000,000	Điều 10 Khoản 4 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.11.1.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do không thực hiện việc khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của mình gây ra	500	1,000,000	Điều 11 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.11.1.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có	Hành vi vi phạm Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do không có hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa; không có đủ phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ, phân loại chất thải rắn tại nguồn; để phát tán khí độc hại ra môi trường; không hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường và người lao động; xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để	1,000,000	1,500,000	Điều 11 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường						
	155.11.1.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do không có hệ thống xử lý nước thải, khí thải, bụi thải đạt quy chuẩn kỹ thuật	1,500,000	2,000,000	Điều 11 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.11.1.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận và do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do không có bản kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận theo quy định	2,000,000	3,000,000	Điều 11 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.11.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có	Hành vi vi phạm Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do không thực hiện việc khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của mình gây ra	5,000,000	10,000,000	Điều 11 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường							
	155.11.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do không có hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa; không có đủ phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ, phân loại chất thải rắn tại nguồn; để phát tán khí độc hại ra môi trường; không hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường và người lao động; xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường	10,000,000	20,000,000	Điều 11 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.11.2.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do không có hệ thống xử lý nước thải, khí thải, bụi thải đạt quy chuẩn kỹ thuật	20,000,000	30,000,000	Điều 11 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.11.2.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có	Hành vi vi phạm Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do không có bản kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận theo quy định	30,000,000	40,000,000	Điều 11 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường							
	155.11.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận do không thực hiện việc khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của mình gây ra	10,000,000	20,000,000	Điều 11 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.11.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận do không có hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa; không có đủ phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ, phân loại chất thải rắn tại nguồn; để phát tán khí độc hại ra môi trường; không hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường và người lao động; xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường	20,000,000	30,000,000	Điều 11 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.11.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có	Hành vi vi phạm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận do không có hệ thống xử lý nước thải, khí thải, bụi thải đạt quy chuẩn kỹ thuật	30,000,000	40,000,000	Điều 11 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường							
	155.11.3.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận do không có bản kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 11 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.11.4.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này do không thực hiện việc khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của mình gây ra	20,000,000	50,000,000	Điều 11 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.11.4.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có	Hành vi vi phạm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này do không có hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa; không có đủ phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ, phân loại chất thải rắn tại nguồn; để phát tán khí độc hại ra môi trường; không hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường và người lao động; xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi	50,000,000	100,000,000	Điều 11 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường						
	155.11.4.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này do không có hệ thống xử lý nước thải, khí thải, bụi thải đạt quy chuẩn kỹ thuật	120,000,000	150,000,000	Điều 11 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.11.4.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này do không có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định	150,000,000	200,000,000	Điều 11 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.11.5.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có	Hành vi vi phạm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt do không thực hiện việc khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của mình gây ra	50,000,000	100,000,000	Điều 11 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường							
	155.11.5.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt do không có hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa; không có đủ phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ, phân loại chất thải rắn tại nguồn; để phát tán khí độc hại ra môi trường; không hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường và người lao động; xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường	100,000,000	150,000,000	Điều 11 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.11.5.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt do không có hệ thống xử lý nước thải, khí thải, bụi thải đạt quy chuẩn kỹ thuật	150,000,000	200,000,000	Điều 11 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.11.5.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có	Hành vi vi phạm đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt do không có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định	200,000,000	250,000,000	Điều 11 Khoản 5 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường							
	155.12.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu kinh doanh, dịch vụ tập trung do không bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường	5,000,000	10,000,000	Điều 12 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu kinh doanh, dịch vụ tập trung do không xây dựng phương án bảo vệ môi trường theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 12 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.12.2.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu kinh doanh, dịch vụ tập trung do không có hệ thống thu gom, lưu giữ chất thải rắn theo quy định	20,000,000	30,000,000	Điều 12 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản							
	155.12.2.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu kinh doanh, dịch vụ tập trung do không có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định	120,000,000	140,000,000	Điều 12 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp do không bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 12 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.12.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp do không xây dựng phương án bảo vệ môi trường theo quy định	10,000,000	50,000,000	Điều 12 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản							
	155.12.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp do không thực hiện đầu nối triệt để nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp	50,000,000	100,000,000	Điều 12 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.3.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp do không có hệ thống thu gom nước mưa và nước thải riêng biệt theo quy định	100,000,000	150,000,000	Điều 12 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.12.3.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp do xây lắp hệ thống xử lý nước thải tập trung không đúng quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định	150,000,000	200,000,000	Điều 12 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản							
	155.12.3.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp do không có hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định	200,000,000	250,000,000	Điều 12 Khoản 3 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.4.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao do không báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 12 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.12.4.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao do không có bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường đáp ứng điều kiện theo quy định; không có người quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải tập trung theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 12 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản							
	155.12.4.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao do không đảm bảo diện tích cây xanh tối thiểu trong phạm vi khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; thực hiện không đúng quy hoạch các khu chức năng trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao	20,000,000	30,000,000	Điều 12 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.4.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao do ghi chép nhật ký vận hành không đầy đủ một trong các nội dung: Lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải	40,000,000	50,000,000	Điều 12 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.12.4.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao do không có nhật ký vận hành nhà máy xử lý nước thải tập trung; không có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	50,000,000	60,000,000	Điều 12 Khoản 4 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản							
	155.12.4.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao do không có thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu vào tại nhà máy xử lý nước thải tập trung theo quy định; không bố trí công tơ điện, độc lập tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao	60,000,000	80,000,000	Điều 12 Khoản 4 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.4.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao do không thực hiện đấu nối hoặc đấu nối không triệt để nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao theo quy định; không kiểm soát dẫn đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao	80,000,000	100,000,000	Điều 12 Khoản 4 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.12.4.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao do không có hệ thống thu gom nước mưa và nước thải riêng biệt	100,000,000	150,000,000	Điều 12 Khoản 4 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản							
	155.12.4.i	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao do xây lắp hệ thống xử lý nước thải tập trung không đúng quy định	200,000,000	250,000,000	Điều 12 Khoản 4 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.4.k	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao do không có hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định	400,000,000	500,000,000	Điều 12 Khoản 4 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.12.5.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản do không thu gom, xử lý bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản theo quy định; thải nước nuôi trồng thủy sản vượt quy chuẩn nước sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản không theo quy định của địa phương	3,000,000	5,000,000	Điều 12 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản							
	155.12.5.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản do không thực hiện phục hồi môi trường sau khi ngừng hoạt động nuôi trồng thủy sản theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 12 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.5.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản do sử dụng hóa chất độc hoặc tích tụ độc hại trong cơ sở nuôi trồng thủy sản	10,000,000	30,000,000	Điều 12 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.12.5.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản do xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản trên bãi bồi đang hình thành vùng cửa sông ven biển	30,000,000	50,000,000	Điều 12 Khoản 5 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản							
	155.12.5.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản do phá rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy sản	50,000,000	100,000,000	Điều 12 Khoản 5 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.6.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp do không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định bảo vệ môi trường của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này	10,000,000	20,000,000	Điều 12 Khoản 6 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.6.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp do xả nước thải có một trong các thông số môi trường vượt từ 10% đến 20% tiêu chuẩn quy định tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp; phạt tăng thêm 10% của mức phạt tiền quy định tại điểm này đối với trường hợp nước thải vượt từ 20% đến 30%; phạt tăng thêm 20% đối với trường hợp nước thải vượt từ 30% đến 40%; phạt tăng thêm 30% đối với trường hợp nước thải vượt từ 40% đến 50%; phạt tăng thêm 40% đối với trường hợp nước thải vượt từ 50% đến 60%; phạt tăng thêm 50% đối với trường hợp nước thải vượt từ 60% đến 70%; phạt tăng thêm 60% đối với trường hợp nước thải vượt từ 70% đến 80%; phạt tăng thêm 70% đối với trường hợp nước thải vượt từ 80% đến 90%; phạt tăng thêm 80% đối với trường hợp nước thải vượt từ 90% đến 100%; phạt tăng thêm 90% đối với trường hợp nước thải vượt 100% trở lên	20,000,000	50,000,000	Điều 12 Khoản 6 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.12.6.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp do xả trái phép nước thải không qua xử lý vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp	50,000,000	100,000,000	Điều 12 Khoản 6 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản							
	155.12.7.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giám sát môi trường (bao gồm: Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải; giám sát môi trường xung quanh và giám sát chất thải định kỳ) và các hành vi vi phạm khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do không thực hiện giám sát môi trường trong trường hợp phải thực hiện giám sát môi trường trong kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện; thực hiện không đúng, không đầy đủ (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) hoặc không thực hiện giám sát môi trường xung quanh theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế	500	1,000,000	Điều 12 Khoản 7 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.7.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giám sát môi trường (bao gồm: Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải; giám sát môi trường xung quanh và giám sát chất thải định kỳ) và các hành vi vi phạm khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do thực hiện giám sát chất thải định kỳ không đúng, không đầy đủ (về thông số, vị trí, tần suất giám sát là 03 tháng một lần) hoặc đột xuất theo quy định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; thực hiện không đúng, không đầy đủ (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) hoặc không thực hiện giám sát môi trường xung quanh theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền	10,000,000	15,000,000	Điều 12 Khoản 7 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.7.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giám sát môi trường (bao gồm: Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải; giám sát môi trường xung quanh và giám sát chất thải định kỳ) và các hành vi vi phạm khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do thực hiện giám sát chất thải định kỳ không đúng, không đầy đủ (về thông số, vị trí, tần suất giám sát là 03 tháng một lần) hoặc đột xuất theo quy định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền; không báo cáo kết quả giám sát chất thải định kỳ (một năm một lần trước ngày 31 tháng 01 hàng năm) hoặc đột xuất cho cơ quan đã xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; thực hiện không đúng, không đầy đủ (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) hoặc không thực hiện giám sát môi trường xung quanh theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ	15,000,000	20,000,000	Điều 12 Khoản 7 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.7.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giám sát môi trường (bao gồm: Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải; giám sát môi trường xung quanh và giám sát chất thải định kỳ) và các hành vi vi phạm khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do thực hiện giám sát chất thải định kỳ không đúng, không đầy đủ (về thông số, vị trí, tần suất giám sát là 03 tháng một lần) hoặc đột xuất theo quy định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ; không báo cáo kết quả giám sát chất thải định kỳ (một năm một lần trước ngày 31 tháng 01 hàng năm) hoặc đột xuất cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền; thực hiện không đúng, không đầy đủ (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) hoặc không thực hiện giám sát môi trường xung quanh theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ	20,000,000	30,000,000	Điều 12 Khoản 7 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.7.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giám sát môi trường (bao gồm: Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải; giám sát môi trường xung quanh và giám sát chất thải định kỳ) và các hành vi vi phạm khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do thực hiện giám sát chất thải định kỳ không đúng, không đầy đủ (về thông số vị trí, tần suất giám sát là 03 tháng một lần) hoặc đột xuất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ; không báo cáo kết quả giám sát chất thải định kỳ (một năm một lần trước ngày 31 tháng 01 hàng năm) hoặc đột xuất cho cơ quan đã xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ	30,000,000	40,000,000	Điều 12 Khoản 7 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.7.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giám sát môi trường (bao gồm: Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải; giám sát môi trường xung quanh và giám sát chất thải định kỳ) và các hành vi vi phạm khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do không báo cáo kết quả giám sát chất thải định kỳ (một năm một lần, trước ngày 31 tháng 01 hàng năm) hoặc đột xuất cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ; phối hợp với đơn vị không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (theo lĩnh vực và phạm vi được cấp giấy chứng nhận) để thực hiện quan trắc, giám sát môi trường, trừ các trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thành lập và giao thực hiện nhiệm vụ quan trắc, giám sát môi trường trên địa bàn tỉnh hoặc trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh	40,000,000	50,000,000	Điều 12 Khoản 7 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.12.7.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giám sát môi trường (bao gồm: Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải; giám sát môi trường xung quanh và giám sát chất thải định kỳ) và các hành vi vi phạm khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do không vận hành, vận hành không đúng quy trình đối với thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục; không lưu giữ số liệu quan trắc nước thải, khí thải theo quy định hoặc không truyền số liệu quan trắc về cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu	50,000,000	100,000,000	Điều 12 Khoản 7 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản							
	155.12.7.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giám sát môi trường (bao gồm: Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải; giám sát môi trường xung quanh và giám sát chất thải định kỳ) và các hành vi vi phạm khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do lắp đặt thiếu một trong các thông số của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	100,000,000	150,000,000	Điều 12 Khoản 7 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.12.7.i	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giám sát môi trường (bao gồm: Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải; giám sát môi trường xung quanh và giám sát chất thải định kỳ) và các hành vi vi phạm khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do không có thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	150,000,000	200,000,000	Điều 12 Khoản 7 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.12.7.k	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giám sát môi trường (bao gồm: Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải; giám sát môi trường xung quanh và giám sát chất thải định kỳ) và các hành vi vi phạm khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do xây lắp, lắp đặt đường ống, cửa xả nước thải ra ngoài môi trường ở vị trí không thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát trong trường hợp không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc pha loãng nước thải, khí thải sau xử lý nhằm đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải	200,000,000	250,000,000	Điều 12 Khoản 7 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản							
	155.13.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi vi phạm xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần (tương đương mức vượt quy chuẩn kỹ thuật là 10%)	0	0	Điều 13 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp tải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	300	500	Điều 13 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.2.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	500	2,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	2,000,000	5,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 40 m ³ /ngày (24 giờ)	5,000,000	10,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.2.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 60 m ³ /ngày (24 giờ)	10,000,000	20,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 80 m ³ /ngày (24 giờ)	20,000,000	40,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 100 m ³ /ngày (24 giờ)	40,000,000	50,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.2.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m³/ngày (24 giờ)	50,000,000	60,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m³/ngày (24 giờ)	60,000,000	70,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m³/ngày (24 giờ)	70,000,000	80,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.2.l	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 800 m³/ngày (24 giờ)	80,000,000	90,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m³/ngày (24 giờ)	90,000,000	100,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m³/ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.2.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m ³ /ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m ³ /ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m ³ /ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.2.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m ³ /ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m ³ /ngày (24 giờ)	150,000,000	170,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m ³ /ngày (24 giờ)	170,000,000	190,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.2.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m ³ /ngày (24 giờ)	190,000,000	210,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m ³ /ngày (24 giờ)	210,000,000	230,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m ³ /ngày (24 giờ)	230,000,000	250,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.2.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m ³ /ngày (24 giờ)	250,000,000	270,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm x			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.2.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	270,000,000	300,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm y			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	1,000,000	5,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.3.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	5,000,000	20,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	20,000,000	30,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 40 m ³ /ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.3.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 60 m ³ /ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 80 m ³ /ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 100 m ³ /ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.3.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 200 m ³ /ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 400 m ³ /ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 600 m ³ /ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.3.l	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 800 m ³ /ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m ³ /ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.3.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m ³ /ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m ³ /ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m ³ /ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.3.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m ³ /ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m ³ /ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m ³ /ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.3.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m ³ /ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m ³ /ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m ³ /ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.3.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m ³ /ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm x			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.3.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	650,000,000	700,000,000	Điều 13 Khoản 3 Điểm y			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	10,000,000	20,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.4.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	20,000,000	30,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 40 m ³ /ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.4.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 60 m ³ /ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 80 m ³ /ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 100 m ³ /ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.4.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 200 m ³ /ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 400 m ³ /ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 600 m ³ /ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.4.l	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 800 m ³ /ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m ³ /ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.4.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m ³ /ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m ³ /ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m ³ /ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.4.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 1.800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m ³ /ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m ³ /ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m ³ /ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.4.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m ³ /ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m ³ /ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m ³ /ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.4.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m ³ /ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm x			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.4.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	700,000,000	750,000,000	Điều 13 Khoản 4 Điểm y			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	20,000,000	30,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.5.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp Thải lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 40 m ³ /ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.5.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 60 m ³ /ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 80 m ³ /ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 100 m ³ /ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.5.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 200 m ³ /ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 400 m ³ /ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 600 m ³ /ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.5.l	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 800 m ³ /ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m ³ /ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.5.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m ³ /ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m ³ /ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m ³ /ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.5.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m ³ /ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m ³ /ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m ³ /ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.5.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m ³ /ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m ³ /ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m ³ /ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.5.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m ³ /ngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm x			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.5.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	750,000,000	850,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm y			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.6.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 40 m ³ /ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.6.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m³/ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m³/ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m³/ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.6.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 200 m ³ /ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 400 m ³ /ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 600 m ³ /ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.6.l	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 800 m ³ /ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m ³ /ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.6.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m ³ /ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m ³ /ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m ³ /ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.6.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m ³ /ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m ³ /ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m ³ /ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.6.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m ³ /ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m ³ /ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m ³ /ngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.13.6.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m ³ /ngày (24 giờ)	750,000,000	850,000,000	Điều 13 Khoản 5 Điểm x			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.6.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	850,000,000	950,000,000	Điều 13 Khoản 6 Điểm y			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13.7	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Phạt tăng thêm 10% của mức phạt tiền cao nhất đã chọn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,1 đến dưới 1,5 lần; 20% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,5 đến dưới 02 lần; 30% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 02 đến dưới 05 lần hoặc giá trị pH từ 04 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 hoặc nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae); 40% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ		#####	Điều 13 Khoản 7			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
			05 đến dưới 10 lần; 50% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 10 lần trở lên						
	155.14.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần (tương đương mức vượt quy chuẩn kỹ thuật là 10%)	0	0	Điều 14 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	1,000,000	5,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.2.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	5,000,000	10,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	10,000,000	20,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 40 m ³ /ngày (24 giờ)	20,000,000	30,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.2.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 40 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 60 m ³ /ngày (24 giờ)	30,000,000	40,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 60 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 80 m ³ /ngày (24 giờ)	40,000,000	50,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 80 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 100 m ³ /ngày (24 giờ)	50,000,000	60,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.2.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 100 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 200 m ³ /ngày (24 giờ)	60,000,000	70,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 400 m ³ /ngày (24 giờ)	70,000,000	90,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 600 m ³ /ngày (24 giờ)	90,000,000	110,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.2.l	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 800 m ³ /ngày (24 giờ)	110,000,000	130,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	130,000,000	150,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 1.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m ³ /ngày (24 giờ)	150,000,000	170,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.2.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 1.200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m ³ /ngày (24 giờ)	170,000,000	190,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 1.400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m ³ /ngày (24 giờ)	190,000,000	210,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 1.600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m ³ /ngày (24 giờ)	210,000,000	230,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.2.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 1.800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m ³ /ngày (24 giờ)	230,000,000	250,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 2.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m ³ /ngày (24 giờ)	250,000,000	270,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 2.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m ³ /ngày (24 giờ)	270,000,000	290,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.2.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 3.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m ³ /ngày (24 giờ)	290,000,000	310,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 3.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m ³ /ngày (24 giờ)	310,000,000	330,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 4.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m ³ /ngày (24 giờ)	330,000,000	350,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.2.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 4.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m ³ /ngày (24 giờ)	350,000,000	370,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm x			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.2.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần do thải lượng nước thải từ 5.000 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	370,000,000	400,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm y			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	3,000,000	5,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.3.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	5,000,000	30,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 40 m ³ /ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.3.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 40 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 60 m ³ /ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 60 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 80 m ³ /ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 80 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 100 m ³ /ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.3.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 100 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 200 m ³ /ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 400 m ³ /ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 600 m ³ /ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.3.l	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 800 m ³ /ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 1.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m ³ /ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.3.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 1.200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m ³ /ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 1.400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m ³ /ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 1.600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m ³ /ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.3.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 1.800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m ³ /ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 2.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m ³ /ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 2.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m ³ /ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.3.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 3.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m ³ /ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 3.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m ³ /ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 4.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m ³ /ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.3.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 4.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m ³ /ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm x			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.3.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần do thải lượng nước thải từ 5.000 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	700,000,000	750,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm y			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	20,000,000	30,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.4.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 40 m ³ /ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.4.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 40 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 60 m ³ /ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 60 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 80 m ³ /ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 80 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 100 m ³ /ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.4.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 100 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 200 m ³ /ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 400 m ³ /ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 600 m ³ /ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.4.l	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 800 m ³ /ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 1.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m ³ /ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.4.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 1.200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m ³ /ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 1.400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m ³ /ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 1.600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m ³ /ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.4.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 1.800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m ³ /ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 2.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m ³ /ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 2.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m ³ /ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.4.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 3.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m ³ /ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 3.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m ³ /ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 4.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m ³ /ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.4.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 4.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m ³ /ngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm x			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.4.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần do thải lượng nước thải từ 5.000 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	750,000,000	850,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm y			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.5.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 40 m ³ /ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.5.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 40 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 60 m ³ /ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 60 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 80 m ³ /ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 80 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 100 m ³ /ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.5.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 100 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 200 m ³ /ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 400 m ³ /ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 600 m ³ /ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.5.l	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 800 m ³ /ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 1.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m ³ /ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.5.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 1.200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m ³ /ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 1.400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m ³ /ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 1.600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m ³ /ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.5.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 1.800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m ³ /ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 2.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m ³ /ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 2.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m ³ /ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.5.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 3.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m ³ /ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 3.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m ³ /ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 4.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m ³ /ngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.5.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 4.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m ³ /ngày (24 giờ)	750,000,000	850,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm x			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.5.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần do thải lượng nước thải từ 5.000 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	850,000,000	950,000,000	Điều 14 Khoản 5 Điểm y			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.6.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 40 m ³ /ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.6.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 40 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 60 m ³ /ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 60 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 80 m ³ /ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 80 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 100 m ³ /ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.6.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 100 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 200 m ³ /ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 400 m ³ /ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 600 m ³ /ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.6.l	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 800 m ³ /ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 1.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m ³ /ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.6.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 1.200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m ³ /ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 1.400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m ³ /ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 1.600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m ³ /ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.6.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 1.800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m ³ /ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 2.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m ³ /ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 2.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m ³ /ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.6.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 3.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m ³ /ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 3.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m ³ /ngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 4.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m ³ /ngày (24 giờ)	750,000,000	850,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.6.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 4.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m ³ /ngày (24 giờ)	850,000,000	950,000,000	Điều 14 Khoản 6 Điểm x			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.6.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên do thải lượng nước thải từ 5.000 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	950,000,000	#####	Điều 14 Khoản 6 Điểm y			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	20,000,000	30,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.7.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do thải lượng nước thải từ 05 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 10 m³/ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 10 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 20 m³/ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 20 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 40 m³/ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.7.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 40 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m³/ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 60 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m³/ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 80 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m³/ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.7.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 100 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m³/ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 200 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m³/ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 400 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m³/ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.7.l	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 600 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 800 m³/ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 800 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m³/ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 1.000 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m³/ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.7.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 doThải lượng nước thải từ 1.200 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m³/ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 doThải lượng nước thải từ 1.400 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m³/ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 1.600 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m³/ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.7.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 1.800 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m³/ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 2.000 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m³/ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 2.500 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m³/ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.7.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 3.000 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m³/ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 3.500 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m³/ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 4.000 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m³/ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.7.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 4.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m ³ /ngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm x			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.7.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 do Thải lượng nước thải từ 5.000 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	750,000,000	850,000,000	Điều 14 Khoản 7 Điểm y			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.8.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 40 m ³ /ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.8.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 40 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 60 m ³ /ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 60 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 80 m ³ /ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 80 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 100 m ³ /ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.8.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 100 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m³/ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 200 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m³/ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 400 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m³/ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.8.l	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 800 m ³ /ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 1.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m ³ /ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.8.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 1.200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m ³ /ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 1.400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m ³ /ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 1.600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m ³ /ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.8.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 1.800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m ³ /ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 2.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m ³ /ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 2.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m ³ /ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.8.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 3.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m ³ /ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 3.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m ³ /ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 4.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m ³ /ngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.8.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 4.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m ³ /ngày (24 giờ)	750,000,000	850,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm x			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.8.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 do Thải lượng nước thải từ 5.000 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	850,000,000	950,000,000	Điều 14 Khoản 8 Điểm y			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.9.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 40 m ³ /ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.9.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 40 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 60 m ³ /ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 60 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 80 m ³ /ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 80 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 100 m ³ /ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.9.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 100 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 200 m ³ /ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 400 m ³ /ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 600 m ³ /ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.9.l	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 800 m ³ /ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 1.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m ³ /ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.9.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 1.200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m ³ /ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Thải lượng nước thải từ 1.400 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m ³ /ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 1.600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m ³ /ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.9.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 1.800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m ³ /ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 2.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m ³ /ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 2.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m ³ /ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.9.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 3.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m ³ /ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 3.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m ³ /ngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 4.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m ³ /ngày (24 giờ)	750,000,000	850,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.9.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 4.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m ³ /ngày (24 giờ)	850,000,000	950,000,000	Điều 14 Khoản 9 Điểm x			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.9.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường do Thái lượng nước thải từ 5.000 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	950,000,000	#####	Điều 14 Khoản 9 Điểm y			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14.10	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi xả nước thải có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	950,000,000	#####	Điều 14 Khoản 10			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.14.11	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Phạt tăng thêm 10% của mức phạt tiền cao nhất đã chọn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,1 đến dưới 1,5 lần; 20% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,5 đến dưới 02 lần; 30% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 02 đến dưới 03 lần hoặc giá trị pH từ 04 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 hoặc nước thải có chứa 01 trong 03 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae); 40% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 03 đến dưới 05 lần hoặc giá trị pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 hoặc nước thải có chứa từ 02 loại vi khuẩn (Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae) trở lên; 50% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 05 lần trở lên hoặc giá trị pH dưới 02 hoặc từ 12,5 đến 14		#####	Điều 14 Khoản 11			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.1	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải mùi hôi thối vào môi trường; thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần (tương đương mức vượt quy chuẩn kỹ thuật là 10%)	0	0	Điều 15 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.2.a	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m ³ /giờ	5,000,000	10,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.2.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 500 m ³ /giờ đến dưới 5.000 m ³ /giờ	#NAME?	20,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.2.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 5.000 m ³ /giờ đến dưới 10.000 m ³ /giờ	20,000,000	30,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.2.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 10.000 m ³ /giờ đến dưới 15.000 m ³ /giờ	30,000,000	50,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.2.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 15.000 m ³ /giờ đến dưới 20.000 m ³ /giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.2.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 20.000 m ³ /giờ đến dưới 25.000 m ³ /giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.2.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 25.000 m ³ /giờ đến dưới 30.000 m ³ /giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.2.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 30.000 m ³ /giờ đến dưới 35.000 m ³ /giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.2.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 35.000 m ³ /giờ đến dưới 40.000 m ³ /giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.2.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 40.000 m ³ /giờ đến dưới 45.000 m ³ /giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.2.l	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 45.000 m ³ /giờ đến dưới 50.000 m ³ /giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.2.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 50.000 m ³ /giờ đến dưới 55.000 m ³ /giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.2.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 55.000 m ³ /giờ đến dưới 60.000 m ³ /giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.2.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 60.000 m ³ /giờ đến dưới 65.000 m ³ /giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.2.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 65.000 m ³ /giờ đến dưới 70.000 m ³ /giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.2.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 70.000 m ³ /giờ đến dưới 75.000 m ³ /giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.2.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 75.000 m ³ /giờ đến dưới 80.000 m ³ /giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.2.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 80.000 m ³ /giờ đến dưới 85.000 m ³ /giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.2.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 85.000 m ³ /giờ đến dưới 90.000 m ³ /giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.2.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 90.000 m ³ /giờ đến dưới 95.000 m ³ /giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.2.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 95.000 m ³ /giờ đến dưới 100.000 m ³ /giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.2.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 100.000 m ³ /giờ trở lên	750,000,000	800,000,000	Điều 15 Khoản 2 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.3.a	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m ³ /giờ	10,000,000	20,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.3.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 500 m ³ /giờ đến dưới 5.000 m ³ /giờ	20,000,000	30,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.3.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 5.000 m ³ /giờ đến dưới 10.000 m ³ /giờ	30,000,000	50,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.3.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 10.000 m ³ /giờ đến dưới 15.000 m ³ /giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.3.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 15.000 m ³ /giờ đến dưới 20.000 m ³ /giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.3.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 20.000 m ³ /giờ đến dưới 25.000 m ³ /giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.3.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 25.000 m ³ /giờ đến dưới 30.000 m ³ /giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.3.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 30.000 m ³ /giờ đến dưới 35.000 m ³ /giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.3.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 35.000 m ³ /giờ đến dưới 40.000 m ³ /giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.3.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 40.000 m ³ /giờ đến dưới 45.000 m ³ /giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.3.l	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 45.000 m ³ /giờ đến dưới 50.000 m ³ /giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.3.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 50.000 m ³ /giờ đến dưới 55.000 m ³ /giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.3.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 55.000 m ³ /giờ đến dưới 60.000 m ³ /giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.3.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 60.000 m ³ /giờ đến dưới 65.000 m ³ /giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.3.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 65.000 m ³ /giờ đến dưới 70.000 m ³ /giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.3.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 70.000 m ³ /giờ đến dưới 75.000 m ³ /giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.3.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 75.000 m ³ /giờ đến dưới 80.000 m ³ /giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.3.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 80.000 m ³ /giờ đến dưới 85.000 m ³ /giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.3.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 85.000 m ³ /giờ đến dưới 90.000 m ³ /giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.3.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 90.000 m ³ /giờ đến dưới 95.000 m ³ /giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.3.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 95.000 m ³ /giờ đến dưới 100.000 m ³ /giờ	750,000,000	800,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.3.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 100.000 m ³ /giờ trở lên	800,000,000	850,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.4.a	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m ³ /giờ	20,000,000	30,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.4.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 500 m ³ /giờ đến dưới 5.000 m ³ /giờ	30,000,000	50,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.4.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 5.000 m ³ /giờ đến dưới 10.000 m ³ /giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.4.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 10.000 m ³ /giờ đến dưới 15.000 m ³ /giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.4.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 15.000 m ³ /giờ đến dưới 20.000 m ³ /giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.4.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 20.000 m ³ /giờ đến dưới 25.000 m ³ /giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.4.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 25.000 m ³ /giờ đến dưới 30.000 m ³ /giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.4.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 30.000 m ³ /giờ đến dưới 35.000 m ³ /giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.4.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 35.000 m ³ /giờ đến dưới 40.000 m ³ /giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.4.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 40.000 m ³ /giờ đến dưới 45.000 m ³ /giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.4.l	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 45.000 m ³ /giờ đến dưới 50.000 m ³ /giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.4.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 50.000 m ³ /giờ đến dưới 55.000 m ³ /giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.4.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 55.000 m ³ /giờ đến dưới 60.000 m ³ /giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.4.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 60.000 m ³ /giờ đến dưới 65.000 m ³ /giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.4.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 65.000 m ³ /giờ đến dưới 70.000 m ³ /giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.4.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 70.000 m ³ /giờ đến dưới 75.000 m ³ /giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.4.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 75.000 m ³ /giờ đến dưới 80.000 m ³ /giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.4.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 80.000 m ³ /giờ đến dưới 85.000 m ³ /giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.4.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 85.000 m ³ /giờ đến dưới 90.000 m ³ /giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.4.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 90.000 m ³ /giờ đến dưới 95.000 m ³ /giờ	750,000,000	800,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.4.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 95.000 m ³ /giờ đến dưới 100.000 m ³ /giờ	800,000,000	850,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.4.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 100.000 m ³ /giờ trở lên	850,000,000	900,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.5.a	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m ³ /giờ	30,000,000	50,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.5.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 500 m ³ /giờ đến dưới 5.000 m ³ /giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.5.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 5.000 m ³ /giờ đến dưới 10.000 m ³ /giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.5.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 10.000 m ³ /giờ đến dưới 15.000 m ³ /giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.5.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 15.000 m ³ /giờ đến dưới 20.000 m ³ /giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.5.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 20.000 m ³ /giờ đến dưới 25.000 m ³ /giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.5.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 25.000 m ³ /giờ đến dưới 30.000 m ³ /giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.5.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 30.000 m ³ /giờ đến dưới 35.000 m ³ /giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.5.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 35.000 m ³ /giờ đến dưới 40.000 m ³ /giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.5.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 40.000 m ³ /giờ đến dưới 45.000 m ³ /giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.5.l	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 45.000 m ³ /giờ đến dưới 50.000 m ³ /giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.5.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 50.000 m ³ /giờ đến dưới 55.000 m ³ /giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.5.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 55.000 m ³ /giờ đến dưới 60.000 m ³ /giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.5.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 60.000 m ³ /giờ đến dưới 65.000 m ³ /giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.15.5.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 65.000 m ³ /giờ đến dưới 70.000 m ³ /giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.5.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 70.000 m ³ /giờ đến dưới 75.000 m ³ /giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.5.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 75.000 m ³ /giờ đến dưới 80.000 m ³ /giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vào môi trường							
	155.15.5.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 80.000 m ³ /giờ đến dưới 85.000 m ³ /giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.5.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 85.000 m ³ /giờ đến dưới 90.000 m ³ /giờ	750,000,000	800,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.5.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 90.000 m ³ /giờ đến dưới 95.000 m ³ /giờ	800,000,000	850,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		các thông số môi trường thông thường vào môi trường							
	155.15.5.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 95.000 m ³ /giờ đến dưới 100.000 m ³ /giờ	850,000,000	900,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15.5.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 100.000 m ³ /giờ trở lên	900,000,000	950,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.1	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi làm phát tán hóa chất, hơi dung môi hữu cơ trong khu sản xuất hoặc khu dân cư gây mùi đặc trưng của hóa chất, hơi dung môi hữu cơ đó; thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần (tương đương mức vượt quy chuẩn kỹ thuật là 10%)	0	0	Điều 16 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.a	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m ³ /giờ	10,000,000	20,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 500 m ³ /giờ đến dưới 5.000 m ³ /giờ	20,000,000	30,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.2.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 5.000 m ³ /giờ đến dưới 10.000 m ³ /giờ	30,000,000	50,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 10.000 m ³ /giờ đến dưới 15.000 m ³ /giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 15.000 m ³ /giờ đến dưới 20.000 m ³ /giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.2.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 20.000 m ³ /giờ đến dưới 25.000 m ³ /giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 25.000 m ³ /giờ đến dưới 30.000 m ³ /giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 30.000 m ³ /giờ đến dưới 35.000 m ³ /giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.2.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 35.000 m ³ /giờ đến dưới 40.000 m ³ /giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 40.000 m ³ /giờ đến dưới 45.000 m ³ /giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.l	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 45.000 m ³ /giờ đến dưới 50.000 m ³ /giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.2.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 50.000 m ³ /giờ đến dưới 55.000 m ³ /giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 55.000 m ³ /giờ đến dưới 60.000 m ³ /giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 60.000 m ³ /giờ đến dưới 65.000 m ³ /giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.2.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 65.000 m ³ /giờ đến dưới 70.000 m ³ /giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 70.000 m ³ /giờ đến dưới 75.000 m ³ /giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 75.000 m ³ /giờ đến dưới 80.000 m ³ /giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.2.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 80.000 m ³ /giờ đến dưới 85.000 m ³ /giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 85.000 m ³ /giờ đến dưới 90.000 m ³ /giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 90.000 m ³ /giờ đến dưới 95.000 m ³ /giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.2.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 95.000 m ³ /giờ đến dưới 100.000 m ³ /giờ	750,000,000	800,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.2.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần khi Lưu lượng khí thải từ 100.000 m ³ /giờ trở lên	800,000,000	850,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.a	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m ³ /giờ	20,000,000	30,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.3.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 500 m ³ /giờ đến dưới 5.000 m ³ /giờ	30,000,000	50,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 5.000 m ³ /giờ đến dưới 10.000 m ³ /giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 10.000 m ³ /giờ đến dưới 15.000 m ³ /giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.3.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 15.000 m ³ /giờ đến dưới 20.000 m ³ /giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 20.000 m ³ /giờ đến dưới 25.000 m ³ /giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 25.000 m ³ /giờ đến dưới 30.000 m ³ /giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.3.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 30.000 m ³ /giờ đến dưới 35.000 m ³ /giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 35.000 m ³ /giờ đến dưới 40.000 m ³ /giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 40.000 m ³ /giờ đến dưới 45.000 m ³ /giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.3.l	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 45.000 m ³ /giờ đến dưới 50.000 m ³ /giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 50.000 m ³ /giờ đến dưới 55.000 m ³ /giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 55.000 m ³ /giờ đến dưới 60.000 m ³ /giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.3.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 60.000 m ³ /giờ đến dưới 65.000 m ³ /giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 65.000 m ³ /giờ đến dưới 70.000 m ³ /giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 70.000 m ³ /giờ đến dưới 75.000 m ³ /giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.3.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 75.000 m ³ /giờ đến dưới 80.000 m ³ /giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 80.000 m ³ /giờ đến dưới 85.000 m ³ /giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 85.000 m ³ /giờ đến dưới 90.000 m ³ /giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.3.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 90.000 m ³ /giờ đến dưới 95.000 m ³ /giờ	750,000,000	800,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 95.000 m ³ /giờ đến dưới 100.000 m ³ /giờ	800,000,000	850,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.3.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần khi Lưu lượng khí thải từ 100.000 m ³ /giờ trở lên	850,000,000	900,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.4.a	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m ³ /giờ	30,000,000	50,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.4.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 500 m ³ /giờ đến dưới 5.000 m ³ /giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.4.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 5.000 m ³ /giờ đến dưới 10.000 m ³ /giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.4.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 10.000 m ³ /giờ đến dưới 15.000 m ³ /giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.4.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 15.000 m ³ /giờ đến dưới 20.000 m ³ /giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.4.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 20.000 m ³ /giờ đến dưới 25.000 m ³ /giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.4.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 25.000 m ³ /giờ đến dưới 30.000 m ³ /giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.4.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 30.000 m ³ /giờ đến dưới 35.000 m ³ /giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.4.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 35.000 m ³ /giờ đến dưới 40.000 m ³ /giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.4.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 40.000 m ³ /giờ đến dưới 45.000 m ³ /giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.4.l	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 45.000 m ³ /giờ đến dưới 50.000 m ³ /giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.4.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 50.000 m ³ /giờ đến dưới 55.000 m ³ /giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.4.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 55.000 m ³ /giờ đến dưới 60.000 m ³ /giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.4.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 60.000 m ³ /giờ đến dưới 65.000 m ³ /giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.4.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 65.000 m ³ /giờ đến dưới 70.000 m ³ /giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.4.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 70.000 m ³ /giờ đến dưới 75.000 m ³ /giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.4.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 75.000 m ³ /giờ đến dưới 80.000 m ³ /giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.4.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 80.000 m ³ /giờ đến dưới 85.000 m ³ /giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.4.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 85.000 m ³ /giờ đến dưới 90.000 m ³ /giờ	750,000,000	800,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.4.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 90.000 m ³ /giờ đến dưới 95.000 m ³ /giờ	800,000,000	850,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.4.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 95.000 m ³ /giờ đến dưới 100.000 m ³ /giờ	850,000,000	900,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.4.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần khi Lưu lượng khí thải từ 100.000 m ³ /giờ trở lên	900,000,000	950,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.a	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m ³ /giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 500 m ³ /giờ đến dưới 5.000 m ³ /giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.5.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 5.000 m ³ /giờ đến dưới 10.000 m ³ /giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 10.000 m ³ /giờ đến dưới 15.000 m ³ /giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 15.000 m ³ /giờ đến dưới 20.000 m ³ /giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.5.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 20.000 m ³ /giờ đến dưới 25.000 m ³ /giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 25.000 m ³ /giờ đến dưới 30.000 m ³ /giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 30.000 m ³ /giờ đến dưới 35.000 m ³ /giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.5.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 35.000 m ³ /giờ đến dưới 40.000 m ³ /giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 40.000 m ³ /giờ đến dưới 45.000 m ³ /giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.l	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 45.000 m ³ /giờ đến dưới 50.000 m ³ /giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.5.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 50.000 m ³ /giờ đến dưới 55.000 m ³ /giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 55.000 m ³ /giờ đến dưới 60.000 m ³ /giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 60.000 m ³ /giờ đến dưới 65.000 m ³ /giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.5.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 65.000 m ³ /giờ đến dưới 70.000 m ³ /giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm p			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 70.000 m ³ /giờ đến dưới 75.000 m ³ /giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm q			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 75.000 m ³ /giờ đến dưới 80.000 m ³ /giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm r			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.5.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 80.000 m ³ /giờ đến dưới 85.000 m ³ /giờ	750,000,000	800,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm s			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 85.000 m ³ /giờ đến dưới 90.000 m ³ /giờ	800,000,000	850,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm t			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 90.000 m ³ /giờ đến dưới 95.000 m ³ /giờ	850,000,000	900,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm u			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.16.5.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 95.000 m³/giờ đến dưới 100.000 m³/giờ	900,000,000	950,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm ư			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.5.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường khi Lưu lượng khí thải từ 100.000 m³/giờ trở lên	950,000,000	#####	Điều 16 Khoản 5 Điểm v			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.16.6	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	950,000,000	#####	Điều 16 Khoản 6			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.17.1	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn dưới 02 dBA	0	0	Điều 17 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.17.2	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 02 dBA đến dưới 05 dBA	1,000,000	5,000,000	Điều 17 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.17.3	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 05 dBA đến dưới 10 dBA	5,000,000	20,000,000	Điều 17 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.17.4	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 10 dBA đến dưới 15 dBA	20,000,000	40,000,000	Điều 17 Khoản 4			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.17.5	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 15 dBA đến dưới 20 dBA	40,000,000	60,000,000	Điều 17 Khoản 5			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.17.6	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 20 dBA đến dưới 25 dBA	60,000,000	80,000,000	Điều 17 Khoản 6			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.17.7	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 25 dBA đến dưới 30 dBA	80,000,000	100,000,000	Điều 17 Khoản 7			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.17.8	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 30 dBA đến dưới 35 dBA	100,000,000	120,000,000	Điều 17 Khoản 8			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.17.9	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 35 dBA đến dưới 40 dBA	120,000,000	140,000,000	Điều 17 Khoản 9			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.17.10	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn trên 40 dBA	140,000,000	160,000,000	Điều 17 Khoản 10			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.1.a	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi gây độ rung trong hoạt động xây dựng vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung dưới 02 dB	0	0	Điều 18 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.1.b	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi gây độ rung trong hoạt động xây dựng vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 02 dB đến dưới 05 dB	1,000,000	5,000,000	Điều 18 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.1.c	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi gây độ rung trong hoạt động xây dựng vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 05 dB đến dưới 10 dB	5,000,000	20,000,000	Điều 18 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.1.d	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi gây độ rung trong hoạt động xây dựng vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 10 dB đến dưới 15 dB	20,000,000	40,000,000	Điều 18 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.1.đ	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi gây độ rung trong hoạt động xây dựng vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 15 dB đến dưới 20 dB	40,000,000	60,000,000	Điều 18 Khoản 1 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.1.e	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi gây độ rung trong hoạt động xây dựng vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 20 dB đến dưới 25 dB	60,000,000	80,000,000	Điều 18 Khoản 1 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.18.1.g	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi gây độ rung trong hoạt động xây dựng vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 25 dB đến dưới 30 dB	80,000,000	100,000,000	Điều 18 Khoản 1 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.1.h	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi gây độ rung trong hoạt động xây dựng vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 30 dB đến dưới 35 dB	100,000,000	120,000,000	Điều 18 Khoản 1 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.1.i	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi gây độ rung trong hoạt động xây dựng vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 35 dB đến dưới 40 dB	120,000,000	140,000,000	Điều 18 Khoản 1 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.1.k	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi gây độ rung trong hoạt động xây dựng vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 40 dB trở lên	140,000,000	160,000,000	Điều 18 Khoản 1 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.2.a	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung dưới 02 dB	0	0	Điều 18 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.2.b	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 02 dB đến dưới 05 dB	3,000,000	5,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.2.c	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 05 dB đến dưới 10 dB	5,000,000	30,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.18.2.d	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 10 dB đến dưới 15 dB	30,000,000	50,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.2.đ	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 15 dB đến dưới 20 dB	50,000,000	70,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.2.e	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 20 dB đến dưới 25 dB	70,000,000	90,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.2.g	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 25 dB đến dưới 30 dB	90,000,000	110,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.2.h	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 30 dB đến dưới 35 dB	110,000,000	130,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.2.i	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 35 dB đến dưới 40 dB	130,000,000	150,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18.2.k	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 40 dB trở lên	150,000,000	170,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.19.1	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Hành vi thải chất thải vệ sinh hàm cầu, hóa chất độc, các nguồn gây dịch bệnh vào môi trường trái quy định về bảo vệ môi trường	5,000,000	10,000,000	Điều 19 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.19.2.a	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước (nước ngầm, nước mặt bên trong và ngoài khuôn viên của cơ sở) hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đất, nước, không khí xung quanh khi Hàm lượng chất gây ô nhiễm (thông số môi trường) trong đất, nước hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật dưới 03 lần đối với thông số môi trường nguy hại hoặc dưới 05 lần đối với thông số môi trường thông thường	50,000,000	80,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.19.2.b	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước (nước ngầm, nước mặt bên trong và ngoài khuôn viên của cơ sở) hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đất, nước, không khí xung quanh khi Hàm lượng chất gây ô nhiễm (thông số môi trường) trong đất, nước hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 03 lần đến dưới 05 lần đối với thông số môi trường nguy hại hoặc từ 05 lần đến dưới 10 lần đối với thông số môi trường thông thường	80,000,000	100,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.19.2.c	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước (nước ngầm, nước mặt bên trong và ngoài khuôn viên của cơ sở) hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đất, nước, không khí xung quanh khi Hàm lượng chất gây ô nhiễm (thông số môi trường) trong đất, nước hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 05 lần trở lên đối với thông số môi trường nguy hại hoặc từ 10 lần trở lên đối với thông số môi trường thông thường	100,000,000	150,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.19.3	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Phạt tăng thêm từ 20% đến 30% của mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điều 13, 14, 15 và 16; khoản 3, điểm d khoản 6 và khoản 9 Điều 20; điểm a khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 21; khoản 8 và khoản 9 Điều 22; khoản 7 và khoản 8 Điều 23; các khoản 4, 5 và 6 Điều 27; khoản 4 Điều 32 hoặc vi phạm trong phân khu phục hồi sinh thái, khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn mà làm hàm lượng chất gây ô nhiễm trong đất, nước hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đất, nước, không khí xung quanh đến dưới 03 lần đối với thông số môi trường nguy hại hoặc dưới 05 lần đối với thông số môi trường thông thường		#####	Điều 19 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.19.6.a	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Hành vi gây ô nhiễm môi trường kéo dài, lặp lại nhiều lần mà không khắc phục được, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên với thông số môi trường thông thường hoặc từ 02 lần trở lên đối với thông số môi trường nguy hại	130,000,000	150,000,000	Điều 19 Khoản 6 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.19.6.b	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Hành vi gây ô nhiễm môi trường kéo dài, lặp lại nhiều lần mà không khắc phục được, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xả khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần trở lên đối với thông số môi trường thông thường hoặc từ 1,5 lần trở lên đối với thông số môi trường nguy hại	130,000,000	150,000,000	Điều 19 Khoản 6 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.19.6.c	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Hành vi gây ô nhiễm môi trường kéo dài, lặp lại nhiều lần mà không khắc phục được, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 10 dBA trở lên hoặc gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 20 dB trở lên	130,000,000	150,000,000	Điều 19 Khoản 6 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.19.7.a	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường thuộc danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng về hành vi không niêm yết bản tóm tắt kế hoạch xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại địa điểm hoạt động hoặc không gửi bản tóm tắt kế hoạch xử lý triệt để ô nhiễm môi trường đến Ủy ban nhân dân cấp xã để được niêm yết công khai hoặc không gửi kế hoạch, báo cáo định kỳ tiến độ thực hiện kế hoạch xử lý triệt để ô nhiễm môi trường cho cơ quan có thẩm quyền chỉ đạo xử lý triệt để ô nhiễm môi trường	10,000,000	20,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.19.7.b	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường thuộc danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng về hành vi không xây dựng kế hoạch xử lý triệt để ô nhiễm môi trường	20,000,000	50,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.19.7.c	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường thuộc danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng về hành vi không thực hiện biện pháp giảm thiểu ô nhiễm trong thời gian xử lý triệt để ô nhiễm môi trường	50,000,000	100,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.19.7.d	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường thuộc danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng về hành vi không tiến hành các biện pháp ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường, hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh trong thời gian xử lý triệt để ô nhiễm môi trường	100,000,000	150,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.19.7.đ	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường thuộc danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng về hành vi thực hiện không đúng nội dung, yêu cầu, tiến độ xử lý ô nhiễm môi trường	150,000,000	200,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.19.7.e	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường thuộc danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng về hành vi không thực hiện biện pháp xử lý triệt để ô nhiễm môi trường	200,000,000	250,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.20.1.a	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi thu gom, thải rác thải sinh hoạt trái quy định về bảo vệ môi trường với hành vi vứt, thải, bỏ đầu, mẩu và tàn thuốc lá không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng	500,000	1,000,000	Điều 20 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.20.1.b	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi thu gom, thải rác thải sinh hoạt trái quy định về bảo vệ môi trường với hành vi vệ sinh cá nhân (tiểu tiện, đại tiện) không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng	1,000,000	3,000,000	Điều 20 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.20.1.c	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi thu gom, thải rác thải sinh hoạt trái quy định về bảo vệ môi trường với hành vi vứt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng	3,000,000	5,000,000	Điều 20 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.20.1.d	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn,	Hành vi thu gom, thải rác thải sinh hoạt trái quy định về bảo vệ môi trường với hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt trên vỉa hè, đường phố hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt trong khu vực đô thị	5,000,000	7,000,000	Điều 20 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		lắp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường							
	155.20.2	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường;	Hành vi điều khiển phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường trong khi tham gia giao thông	7,000,000	10,000,000	Điều 20 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường							
	155.20.3	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi không sử dụng thiết bị, phương tiện chuyên dụng trong quá trình vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa làm rò rỉ, phát tán ra môi trường	10,000,000	15,000,000	Điều 20 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.20.4	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi không phân loại, không lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; không ký hợp đồng hoặc không chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định	15,000,000	20,000,000	Điều 20 Khoản 4			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.20.5	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn,	Hành vi không phân loại, không lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định; không ký hợp đồng hoặc không chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; không báo cáo định kỳ về tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định	20,000,000	25,000,000	Điều 20 Khoản 5			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		lắp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường							
	155.20.6.a	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường;	Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường với hành vi không có báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường gửi cơ quan chức năng theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 20 Khoản 6 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường							
	155.20.6.b	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường với hành vi vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường không đến điểm tập kết, trạm trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 20 Khoản 6 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.20.6.c	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường với hành vi không bố trí các thiết bị lưu chứa phù hợp để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định	20,000,000	30,000,000	Điều 20 Khoản 6 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.20.6.d	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn,	Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường với hành vi sử dụng các phương tiện, thiết bị vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định; bố trí thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ tạm thời hoặc trạm trung chuyển, phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; để rơi vãi chất thải	30,000,000	40,000,000	Điều 20 Khoản 6 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		lắp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình vận chuyển						
	155.20.7.a	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường;	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với hành vi không lập báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định	10,000,000	30,000,000	Điều 20 Khoản 7 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường							
	155.20.7.b	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với hành vi hệ thống, thiết bị xử lý (kể cả sơ chế, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng), khu vực lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 20 Khoản 7 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.20.7.c	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung trong Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định hoặc phương án xử lý chất thải rắn sinh hoạt	50,000,000	70,000,000	Điều 20 Khoản 7 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.20.7.d	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn,	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung trong Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định hoặc phương án xử lý chất thải rắn sinh hoạt	70,000,000	100,000,000	Điều 20 Khoản 7 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		lắp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường							
	155.20.7.đ	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường;	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với hành vi không có Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường hoặc phương án xử lý chất thải rắn sinh hoạt được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định	140,000,000	160,000,000	Điều 20 Khoản 7 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường							
	155.20.8.a	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi không lập báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	10,000,000	30,000,000	Điều 20 Khoản 8 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.20.8.b	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi hệ thống, thiết bị xử lý (kể cả sơ chế, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng) chất thải rắn công nghiệp thông thường không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 20 Khoản 8 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.20.8.c	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn,	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung trong Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường hoặc phương án xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	50,000,000	70,000,000	Điều 20 Khoản 8 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		lắp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường							
	155.20.8.d	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường;	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung trong Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường hoặc phương án xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	70,000,000	100,000,000	Điều 20 Khoản 8 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường							
	155.20.8.đ	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường không phù hợp với địa bàn hoạt động, công suất, loại chất thải, các hệ thống, thiết bị xử lý chất thải đã đầu tư xây dựng, lắp đặt theo quy định	100,000,000	120,000,000	Điều 20 Khoản 8 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.20.8.e	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi không thực hiện kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và phục hồi môi trường khi chấm dứt hoạt động theo quy định	120,000,000	140,000,000	Điều 20 Khoản 8 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.20.8.g	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn,	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi không có Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường hoặc phương án xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định	140,000,000	160,000,000	Điều 20 Khoản 8 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		lắp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường							
	155.20.9.a	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường;	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định đối với chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường dưới 1.000 kg	2,000,000	5,000,000	Điều 20 Khoản 9 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường							
	155.20.9.b	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô	Hành vi chuyên giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định đối với Chuyên giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg	5,000,000	10,000,000	Điều 20 Khoản 9 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiễm môi trường							
	155.20.9.c	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô	Hành vi chuyên giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định đối với Chuyên giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 2.000 kg đến dưới 3.000 kg	10,000,000	15,000,000	Điều 20 Khoản 9 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiễm môi trường							
	155.20.9.d	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô	Hành vi chuyên giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định đối với Chuyên giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 3.000 kg đến dưới 4.000 kg	15,000,000	20,000,000	Điều 20 Khoản 9 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiễm môi trường							
	155.20.9.đ	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô	Hành vi chuyên giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định đối với Chuyên giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 4.000 kg đến dưới 5.000 kg	20,000,000	25,000,000	Điều 20 Khoản 9 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiễm môi trường							
	155.20.9.e	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô	Hành vi chuyên giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định đối với Chuyên giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 5.000 kg đến dưới 10.000 kg	25,000,000	30,000,000	Điều 20 Khoản 9 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiễm môi trường							
	155.20.9.g	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô	Hành vi chuyên giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định đối với Chuyên giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 10.000 kg đến dưới 20.000 kg	30,000,000	35,000,000	Điều 20 Khoản 9 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiễm môi trường							
	155.20.9.h	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô	Hành vi chuyên giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định đối với Chuyên giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 20.000 kg đến dưới 30.000 kg	35,000,000	40,000,000	Điều 20 Khoản 9 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiễm môi trường							
	155.20.9.i	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô	Hành vi chuyên giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định đối với Chuyên giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 30.000 kg đến dưới 40.000 kg	40,000,000	50,000,000	Điều 20 Khoản 9 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiễm môi trường							
	155.20.9.k	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô	Hành vi chuyên giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định đối với Chuyên giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 40.000 kg đến dưới 60.000 kg	50,000,000	100,000,000	Điều 20 Khoản 9 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiễm môi trường							
	155.20.9.1	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô	Hành vi chuyên giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định đối với Chuyên giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 60.000 kg đến dưới 80.000 kg	100,000,000	150,000,000	Điều 20 Khoản 9 Điểm 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiễm môi trường							
	155.20.9.m	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô	Hành vi chuyên giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định đối với Chuyên giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 80.000 kg đến dưới 100.000 kg	150,000,000	200,000,000	Điều 20 Khoản 9 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiễm môi trường							
	155.20.9.n	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định đối với Chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 100.000 kg trở lên	200,000,000	250,000,000	Điều 20 Khoản 9 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiễm môi trường							
	155.20.11	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô	Hành vi vi phạm quy định tại khoản 9 Điều này trong trường hợp chất thải có chứa chất phóng xạ, gây nhiễm xạ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	900,000,000	#####	Điều 20 Khoản 11			

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiễm môi trường							
	155.21.1.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định hoặc không lập báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	5,000,000	10,000,000	Điều 21 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.1.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi kê khai không đúng, không đầy đủ chất thải nguy hại đã chuyển giao trong chứng từ chất thải nguy hại theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 21 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.21.1.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không báo cáo theo quy định với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc lưu giữ chất thải nguy hại quá 06 tháng kể từ ngày phát sinh chất thải nguy hại trong trường hợp chưa tìm được chủ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phù hợp	5,000,000	10,000,000	Điều 21 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.1.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không chuyển chứng từ chất thải nguy hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 21 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng; không lưu trữ báo cáo quản lý chất thải nguy hại và các hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến hoạt động quản lý chất thải nguy hại theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.21.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không thu gom chất thải nguy hại theo quy định; để chất thải nguy hại ngoài trời gây ô nhiễm môi trường xung quan	10,000,000	20,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện kê khai chứng từ chất thải nguy hại theo quy định; không thực hiện kê khai chứng từ chất thải nguy hại trực tuyến trên hệ thống thông tin của Tổng cục Môi trường hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền	20,000,000	30,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý chủ nguồn thải trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày chấm dứt hoạt động phát sinh chất thải nguy hại	20,000,000	30,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.21.4	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại hoặc không đăng ký cấp lại chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định	30,000,000	40,000,000	Điều 21 Khoản 4			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.5.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không ký hợp đồng với đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp trước khi chuyển giao chất thải nguy hại để xử lý theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.5.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp để thu gom, xử lý	40,000,000	50,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.21.5.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không phân định, phân loại, xác định đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại để quản lý theo quy định; báo cáo không đúng thực tế với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại	40,000,000	50,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.5.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không đóng gói, bảo quản chất thải nguy hại trong các bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.5.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không bố trí hoặc bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.21.6.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi để lẫn chất thải nguy hại khác loại với nhau trong trường hợp các chất thải nguy hại không cùng tính chất, không cùng phương pháp xử lý hoặc để lẫn chất thải nguy hại với chất thải khác đối với tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần đối với trường hợp để chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc, thiết bị đơn chiếc vào chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường	5,000,000	10,000,000	Điều 21 Khoản 6 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.6.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi để lẫn chất thải nguy hại khác loại với nhau trong trường hợp các chất thải nguy hại không cùng tính chất, không cùng phương pháp xử lý hoặc để lẫn chất thải nguy hại với chất thải khác đối với để lẫn từ 02 đến dưới 05 chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc, thiết bị đơn chiếc hoặc dưới 10% khối lượng chất thải nguy hại khác loại vào các bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại khác hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có cùng tính chất, phương pháp xử lý hoặc để vào chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường	10,000,000	40,000,000	Điều 21 Khoản 6 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.6.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi để lẫn chất thải nguy hại khác loại với nhau trong trường hợp các chất thải nguy hại không cùng tính chất, không cùng phương pháp xử lý hoặc để lẫn chất thải nguy hại với chất thải khác đối với để lẫn từ 05 đến dưới 10 chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc, thiết bị đơn chiếc hoặc từ 10% đến dưới 50% khối lượng chất thải nguy hại khác loại vào các bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại khác hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có cùng tính chất, phương pháp xử lý hoặc để vào chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường	40,000,000	70,000,000	Điều 21 Khoản 6 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.21.6.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi để lẫn chất thải nguy hại khác loại với nhau trong trường hợp các chất thải nguy hại không cùng tính chất, không cùng phương pháp xử lý hoặc để lẫn chất thải nguy hại với chất thải khác đối với để lẫn từ 10 chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc, thiết bị đơn chiếc trở lên hoặc từ 50% khối lượng chất thải nguy hại khác loại trở lên vào các bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại khác hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có cùng tính chất, phương pháp xử lý hoặc để vào chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường	70,000,000	100,000,000	Điều 21 Khoản 6 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.7.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán dưới 100 kg chất thải nguy hại	10,000,000	40,000,000	Điều 21 Khoản 7 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.7.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 100 kg đến dưới 600 kg chất thải nguy hại	40,000,000	70,000,000	Điều 21 Khoản 7 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.21.7.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 600 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại	70,000,000	100,000,000	Điều 21 Khoản 7 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.7.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg chất thải nguy hại	100,000,000	130,000,000	Điều 21 Khoản 7 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.7.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 2.000 kg đến dưới 3.000 kg chất thải nguy hại	130,000,000	160,000,000	Điều 21 Khoản 7 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.21.7.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 3.000 kg đến dưới 4.000 kg chất thải nguy hại	160,000,000	190,000,000	Điều 21 Khoản 7 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.7.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 4.000 kg đến dưới 5.000 kg chất thải nguy hại	190,000,000	220,000,000	Điều 21 Khoản 7 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.7.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 5.000 kg chất thải nguy hại trở lên	220,000,000	250,000,000	Điều 21 Khoản 7 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.21.8.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi làm tràn đổ chất thải nguy hại hoặc để xảy ra sự cố tràn đổ chất thải nguy hại ra môi trường đất, nước ngầm, nước mặt gây ô nhiễm môi trường	200,000,000	250,000,000	Điều 21 Khoản 8 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.8.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc không đúng nội dung trong sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	200,000,000	250,000,000	Điều 21 Khoản 8 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.8.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi xuất khẩu chất thải nguy hại khi chưa có văn bản chấp thuận hoặc không đúng nội dung văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	200,000,000	250,000,000	Điều 21 Khoản 8 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.21.9.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải dưới 100 kg chất thải nguy hại	100,000,000	150,000,000	Điều 21 Khoản 9 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.9.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 100 kg đến dưới 250 kg chất thải nguy hại	150,000,000	200,000,000	Điều 21 Khoản 9 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.9.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 250 kg đến dưới 500 kg chất thải nguy hại	200,000,000	250,000,000	Điều 21 Khoản 9 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.21.9.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 500 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại	250,000,000	300,000,000	Điều 21 Khoản 9 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.9.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 1.000 kg đến dưới 1.500 kg chất thải nguy hại	300,000,000	350,000,000	Điều 21 Khoản 9 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.9.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 1.500 kg đến dưới 2.000 kg chất thải nguy hại	350,000,000	400,000,000	Điều 21 Khoản 9 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.21.9.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 2.000 kg đến dưới 2.500 kg chất thải nguy hại	400,000,000	450,000,000	Điều 21 Khoản 9 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.9.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 2.500 kg đến dưới 3.000 kg chất thải nguy hại	450,000,000	500,000,000	Điều 21 Khoản 9 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21.10.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định của pháp luật	500,000,000	#####	Điều 21 Khoản 10 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.21.10.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định của pháp luật dưới 3.000 kg	500,000,000	#####	Điều 21 Khoản 10 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.1.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện đúng một trong các nội dung của bộ hồ sơ đăng ký kèm theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại sau: Quy trình vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng; kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường; kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố; kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm	5,000,000	10,000,000	Điều 22 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.1.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không báo cáo với cơ quan cấp phép các thay đổi về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự chủ chốt hoặc các chương trình, kế hoạch trong bộ hồ sơ đăng ký kèm theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại	5,000,000	10,000,000	Điều 22 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.22.1.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không chuyển chứng từ chất thải nguy hại cho cơ quan có thẩm quyền	5,000,000	10,000,000	Điều 22 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.1.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định hoặc không lập báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo không đúng thực tế với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động quản lý chất thải nguy hại	5,000,000	10,000,000	Điều 22 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng, báo cáo quản lý chất thải nguy hại và các hồ sơ, tài liệu khác có yêu cầu lưu trữ liên quan đến hoạt động quản lý chất thải nguy hại theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 22 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.22.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không lập và gửi hồ sơ đăng ký vận chuyển chất thải nguy hại xuyên biên giới cho chủ nguồn thải chất thải nguy hại, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 22 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.2.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không lập sổ giao nhận, nhật ký theo dõi chất thải nguy hại theo quy định; không lập hồ sơ trực tuyến theo dõi hành trình phương tiện vận chuyển bằng GPS và cung cấp quyền truy cập cho cơ quan cấp phép theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 22 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.2.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không báo cáo cơ quan cấp phép trước khi thực hiện Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt khi địa bàn thu gom không quy định trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại	10,000,000	20,000,000	Điều 22 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.22.2.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không thông báo bằng văn bản cho chủ nguồn thải chất thải nguy hại trong trường hợp có lý do phải lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại mà chưa chuyển đi xử lý sau 03 tháng nhưng không được quá 06 tháng kể từ ngày thực hiện chuyển giao ghi trên chứng từ chất thải nguy hại	10,000,000	20,000,000	Điều 22 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.2.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện đúng kế hoạch xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường khi chấm dứt hoạt động	10,000,000	20,000,000	Điều 22 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.2.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định; không thực hiện kê khai chứng từ chất thải nguy hại trực tuyến trên hệ thống thông tin của Tổng cục Môi trường hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền	10,000,000	20,000,000	Điều 22 Khoản 2 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.22.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không trang bị hệ thống định vị vệ tinh (GPS) đối với phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại theo quy định	20,000,000	50,000,000	Điều 22 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không ký hợp đồng với chủ nguồn thải chất thải nguy hại trước khi thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại theo quy định	20,000,000	50,000,000	Điều 22 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không ký hợp đồng ba bên với chủ nguồn thải chất thải nguy hại, chủ hành nghề quản lý chất thải nguy hại hoặc chủ xử lý chất thải nguy hại được cấp phép về việc chuyển giao chất thải nguy hại hoặc ký hợp đồng với chủ nguồn thải mà không có sự chứng kiến, xác nhận của chủ hành nghề quản lý chất thải nguy hại hoặc chủ xử lý chất thải nguy hại trên hợp đồng theo quy định	20,000,000	50,000,000	Điều 22 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.22.3.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không có đề nghị bằng văn bản kèm theo hợp đồng để cơ quan cấp phép xem xét, chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện việc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị xử lý chất thải nguy hại khác	20,000,000	50,000,000	Điều 22 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.4.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại ngoài địa bàn quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại	50,000,000	100,000,000	Điều 22 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.4.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện đúng một trong các nội dung quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại	50,000,000	100,000,000	Điều 22 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.22.4.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi vận chuyển chất thải nguy hại không theo tuyến đường, quãng đường, thời gian theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	50,000,000	100,000,000	Điều 22 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.4.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi phương tiện, thiết bị chuyên dụng thu gom, vận chuyển, đóng gói, bảo quản và lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định	50,000,000	100,000,000	Điều 22 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.4.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi để lẫn chất thải nguy hại khác loại có khả năng phản ứng, tương tác với nhau trong quá trình vận chuyển hoặc trong quá trình lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại; không thu gom triệt để chất thải nguy hại và để chất thải nguy hại ngoài trời gây ô nhiễm hoặc làm phát tán ra môi trường xung quanh	50,000,000	100,000,000	Điều 22 Khoản 4 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.22.5.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại ngoài danh mục chất thải nguy hại quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại	100,000,000	150,000,000	Điều 22 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.5.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại vượt quá khối lượng quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại	100,000,000	150,000,000	Điều 22 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.5.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi sử dụng phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại không được đăng ký trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại	100,000,000	150,000,000	Điều 22 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.22.6.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán dưới 100 kg chất thải nguy hại	10,000,000	40,000,000	Điều 22 Khoản 6 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.6.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 100 kg đến dưới 600 kg chất thải nguy hại	40,000,000	70,000,000	Điều 22 Khoản 6 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.6.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 600 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại	70,000,000	100,000,000	Điều 22 Khoản 6 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.22.6.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg chất thải nguy hại	100,000,000	130,000,000	Điều 22 Khoản 6 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.6.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 2.000 kg đến dưới 3.000 kg chất thải nguy hại	130,000,000	160,000,000	Điều 22 Khoản 6 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.6.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 3.000 kg đến dưới 4.000 kg chất thải nguy hại	160,000,000	190,000,000	Điều 22 Khoản 6 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.22.6.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 4.000 kg đến dưới 5.000 kg chất thải nguy hại	190,000,000	220,000,000	Điều 22 Khoản 6 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.6.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 5.000 kg chất thải nguy hại trở lên	220,000,000	250,000,000	Điều 22 Khoản 6 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.7	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi vận chuyển chất thải nguy hại khi không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp: Vận chuyển chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sinh hoạt hoặc cơ sở kinh doanh, dịch vụ (không bao gồm sản xuất) quy mô hộ gia đình, cá nhân được quản lý, xử lý theo quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ; vận chuyển chất thải nguy hại thuộc Kế hoạch thu gom, vận chuyển, lưu giữ, trung chuyển chất thải nguy hại do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; vận chuyển chất thải nguy hại từ các công trình dầu khí ngoài biển vào đất liền	200,000,000	250,000,000	Điều 22 Khoản 7			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.22.8.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải dưới 100 kg chất thải nguy hại	100,000,000	150,000,000	Điều 22 Khoản 8 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.8.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 100 kg đến dưới 250 kg chất thải nguy hại	150,000,000	200,000,000	Điều 22 Khoản 8 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.8.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 250 kg đến dưới 500 kg chất thải nguy hại	200,000,000	250,000,000	Điều 22 Khoản 8 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.22.8.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 500 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại	250,000,000	300,000,000	Điều 22 Khoản 8 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.8.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 1.000 kg đến dưới 1.500 kg chất thải nguy hại	300,000,000	350,000,000	Điều 22 Khoản 8 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.8.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 1.500 kg đến dưới 2.000 kg chất thải nguy hại	350,000,000	400,000,000	Điều 22 Khoản 8 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.22.8.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 2.000 kg đến dưới 2.500 kg chất thải nguy hại	400,000,000	450,000,000	Điều 22 Khoản 8 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.8.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 2.500 kg đến dưới 3.000 kg chất thải nguy hại	450,000,000	500,000,000	Điều 22 Khoản 8 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.22.9.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định của pháp luật	500,000,000	#####	Điều 22 Khoản 9 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.22.9.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định của pháp luật dưới 3.000 kg	500,000,000	#####	Điều 22 Khoản 9 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.1.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện đúng một trong các nội dung của bộ hồ sơ đăng ký kèm theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại sau: Quy trình vận hành an toàn các phương tiện, thiết bị chuyên dụng; kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường; kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe; kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố; kế hoạch đào tạo, tập huấn định kỳ hàng năm	10,000,000	20,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.1.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện chương trình giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý chất thải nguy hại trong bộ hồ sơ đăng ký kèm theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại	10,000,000	20,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.23.1.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định; không thực hiện kê khai chứng từ chất thải nguy hại trực tuyến trên hệ thống thông tin của Tổng cục Môi trường hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền	10,000,000	20,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.1.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không chuyển chứng từ chất thải nguy hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.1.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng, báo cáo quản lý chất thải nguy hại và các hồ sơ, tài liệu khác có yêu cầu lưu trữ liên quan đến hoạt động quản lý chất thải nguy hại theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.23.1.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không báo cáo với cơ quan cấp phép các thay đổi về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự chủ chốt hoặc các chương trình, kế hoạch trong bộ hồ sơ đăng ký kèm theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại so với khi được cấp phép	10,000,000	20,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.1.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không có đủ ít nhất 02 người đảm nhận quản lý, điều hành, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật có trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành liên quan đến môi trường hoặc hóa học và được cấp chứng chỉ quản lý chất thải nguy hại theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.1.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không có đủ ít nhất 01 người đảm nhận quản lý, điều hành, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật có trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành liên quan đến môi trường hoặc hóa học đối với trạm trung chuyển chất thải nguy hại	10,000,000	20,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.23.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định hoặc không lập báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo không đúng thực tế với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động quản lý chất thải nguy hại	20,000,000	50,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không lập sổ giao nhận chất thải nguy hại, sổ nhật ký vận hành hệ thống, phương tiện, thiết bị xử lý chất thải nguy hại; không lập sổ theo dõi số lượng, chất lượng, nguồn tiêu thụ của các sản phẩm tái chế hoặc thu hồi từ chất thải nguy hại theo quy định	20,000,000	50,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.2.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền trước khi tham gia Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trên địa bàn thu gom không quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại	20,000,000	50,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.23.2.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không có báo cáo bằng văn bản cho cơ quan cấp phép về việc thay đổi nội dung, gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng với đơn vị vận chuyển khác trong thời hạn quy định kể từ ngày thực hiện việc thay đổi, gia hạn hoặc chấm dứt	20,000,000	50,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.2.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không thông báo bằng văn bản cho chủ nguồn thải chất thải nguy hại trong trường hợp có lý do phải lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại mà chưa đưa vào xử lý sau 06 tháng kể từ ngày thực hiện chuyển giao ghi trên chứng từ chất thải nguy hại	20,000,000	50,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.2.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện đúng kế hoạch xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường khi chấm dứt hoạt động; không nộp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại sau khi chấm dứt hoạt động theo quy định	20,000,000	50,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.23.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện đúng các quy định theo nội dung hợp đồng xử lý chất thải nguy hại	50,000,000	100,000,000	Điều 23 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không lắp đặt các bảng hướng dẫn dạng sơ đồ về quy trình vận hành an toàn các hệ thống, phương tiện, thiết bị xử lý chất thải nguy hại theo quy định	50,000,000	100,000,000	Điều 23 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không lưu giữ chất thải nguy hại trước và sau khi xử lý trong thiết bị chuyên dụng phù hợp với loại hình chất thải nguy hại; thiết bị chuyên dụng phục vụ lưu giữ chất thải nguy hại, khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại hoặc thiết bị xử lý chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định; không thu gom triệt để chất thải nguy hại và để chất thải nguy hại ngoài trời gây ô nhiễm hoặc làm phát tán ra môi trường xung quanh	50,000,000	100,000,000	Điều 23 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.23.3.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không lập Kế hoạch vận hành thử nghiệm xử lý chất thải nguy hại trong môi trường thí nghiệm gửi cơ quan có thẩm quyền; không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền đối với Kế hoạch vận hành thử nghiệm xử lý chất thải nguy hại trong môi trường thí nghiệm theo quy định	50,000,000	100,000,000	Điều 23 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.4.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi tiếp nhận xử lý chất thải nguy hại do cá nhân, tổ chức không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại vận chuyển đến mà không có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, trừ chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sinh hoạt hoặc cơ sở kinh doanh, dịch vụ (không bao gồm sản xuất), quy mô hộ gia đình, cá nhân được quản lý, xử lý theo quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ	100,000,000	150,000,000	Điều 23 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.4.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi tiếp nhận chất thải nguy hại từ các đơn vị vận chuyển khác	100,000,000	150,000,000	Điều 23 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.23.4.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện đúng các quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trừ trường hợp quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 5 Điều này	100,000,000	150,000,000	Điều 23 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.5.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng xử lý chất thải nguy hại không có trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại	150,000,000	250,000,000	Điều 23 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.5.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi xử lý chất thải nguy hại ngoài danh mục chất thải nguy hại trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại	150,000,000	250,000,000	Điều 23 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.23.5.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi xử lý chất thải nguy hại được thu gom ngoài địa bàn quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại	150,000,000	250,000,000	Điều 23 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.5.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi xử lý chất thải nguy hại vượt quá khối lượng quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại	150,000,000	250,000,000	Điều 23 Khoản 5 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.5.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi xử lý chất thải nguy hại khi không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định	150,000,000	250,000,000	Điều 23 Khoản 5 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.23.6.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán dưới 100 kg chất thải nguy hại	10,000,000	40,000,000	Điều 23 Khoản 6 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.6.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 100 kg đến dưới 600 kg chất thải nguy hại	40,000,000	70,000,000	Điều 23 Khoản 6 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.6.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 600 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại	70,000,000	100,000,000	Điều 23 Khoản 6 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.23.6.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg chất thải nguy hại	100,000,000	130,000,000	Điều 23 Khoản 6 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.6.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 2.000 kg đến dưới 3.000 kg chất thải nguy hại	130,000,000	160,000,000	Điều 23 Khoản 6 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.6.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 3.000 kg đến dưới 4.000 kg chất thải nguy hại	160,000,000	190,000,000	Điều 23 Khoản 6 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.23.6.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 4.000 kg đến dưới 5.000 kg chất thải nguy hại	190,000,000	220,000,000	Điều 23 Khoản 6 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.6.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chuyển giao, cho, bán từ 5.000 kg chất thải nguy hại trở lên	220,000,000	250,000,000	Điều 23 Khoản 6 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.7.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải dưới 100 kg chất thải nguy hại	100,000,000	150,000,000	Điều 23 Khoản 7 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.23.7.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 100 kg đến dưới 250 kg chất thải nguy hại	150,000,000	200,000,000	Điều 23 Khoản 7 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.7.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 250 kg đến dưới 500 kg chất thải nguy hại	200,000,000	250,000,000	Điều 23 Khoản 7 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.7.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 500 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại	250,000,000	300,000,000	Điều 23 Khoản 7 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.23.7.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 1.000 kg đến dưới 1.500 kg chất thải nguy hại	300,000,000	350,000,000	Điều 23 Khoản 7 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.7.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 1.500 kg đến dưới 2.000 kg chất thải nguy hại	350,000,000	400,000,000	Điều 23 Khoản 7 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.7.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 2.000 kg đến dưới 2.500 kg chất thải nguy hại	400,000,000	450,000,000	Điều 23 Khoản 7 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.23.7.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với chôn, lấp, đổ, thải từ 2.500 kg đến dưới 3.000 kg chất thải nguy hại	450,000,000	500,000,000	Điều 23 Khoản 7 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.8.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định của pháp luật	500,000,000	#####	Điều 23 Khoản 8 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23.8.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định của pháp luật dưới 3.000 kg	500,000,000	#####	Điều 23 Khoản 8 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.24.1	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải (trừ tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ), nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc trái quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100,000,000	150,000,000	Điều 24 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.24.2	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu,	Hành vi vận chuyển, quá cảnh hàng hóa, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải (trừ tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ) có khả năng gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà chưa được phép của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường	150,000,000	200,000,000	Điều 24 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu							
	155.24.3	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao	Hành vi nhập khẩu hợp chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên	200,000,000	250,000,000	Điều 24 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu							
	155.24.4.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với không có cán bộ được cấp chứng chỉ tập huấn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 24 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.24.4.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với không có văn bản xác nhận đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường với tàu biển nhập khẩu do tổ chức chứng nhận phù hợp cấp	50,000,000	100,000,000	Điều 24 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.24.4.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu,	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với không có quyết định phê duyệt kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền trước khi tiến hành phá dỡ từng con tàu	100,000,000	150,000,000	Điều 24 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu							
	155.24.4.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với không đủ điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ đã tiến hành các hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng	200,000,000	300,000,000	Điều 24 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu							
	155.24.4.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với không đủ điều kiện nhưng vẫn nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	500,000,000	600,000,000	Điều 24 Khoản 4 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.24.4.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với nhập khẩu không đúng chủng loại tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	800,000,000	900,000,000	Điều 24 Khoản 4 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.24.4.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu,	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường đối với nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng nhiễm chất phóng xạ, vi trùng gây bệnh, chất độc khác chưa được tẩy rửa hoặc không có khả năng làm sạch để phá dỡ	900,000,000	#####	Điều 24 Khoản 4 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu							
	155.25.1	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi không có báo cáo tình hình nhập khẩu và sử dụng phế liệu trong năm gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định	20,000,000	30,000,000	Điều 25 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi vi phạm trong trường hợp trực tiếp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với kho hoặc bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100,000,000	130,000,000	Điều 25 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.25.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi vi phạm trong trường hợp trực tiếp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với không có kho hoặc bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu theo quy định	130,000,000	150,000,000	Điều 25 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.2.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi vi phạm trong trường hợp trực tiếp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với không có công nghệ, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu, xử lý tạp chất đi kèm phế liệu đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định của pháp luật	150,000,000	170,000,000	Điều 25 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.2.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi vi phạm trong trường hợp trực tiếp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với nhập khẩu phế liệu vượt quá khối lượng cho phép trong Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	170,000,000	200,000,000	Điều 25 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.25.2.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi vi phạm trong trường hợp trực tiếp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với chuyển giao phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở của mình cho tổ chức, cá nhân khác; sử dụng phế liệu nhập khẩu không đúng với Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	200,000,000	230,000,000	Điều 25 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.2.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi vi phạm trong trường hợp trực tiếp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với nhập khẩu phế liệu không đúng chủng loại trong Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	230,000,000	250,000,000	Điều 25 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi vi phạm trong trường hợp nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với lưu giữ phế liệu nhập khẩu trong trường hợp không có kho hoặc bãi đảm bảo các điều kiện quy định về bảo vệ môi trường theo quy định	100,000,000	130,000,000	Điều 25 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.25.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi vi phạm trong trường hợp nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với nhập khẩu phế liệu vượt quá khối lượng cho phép trong Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	130,000,000	150,000,000	Điều 25 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi vi phạm trong trường hợp nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với chuyển giao phế liệu nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu không đúng hợp đồng ủy thác; sử dụng phế liệu nhập khẩu không đúng với Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	150,000,000	200,000,000	Điều 25 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.3.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi vi phạm trong trường hợp nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với nhập khẩu phế liệu không đúng chủng loại trong Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	200,000,000	250,000,000	Điều 25 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.25.4	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi không thanh toán các khoản chi phí xử lý phế liệu nhập khẩu trong trường hợp sổ tiền ký quỹ không đủ để xử lý phế liệu nhập khẩu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường	200,000,000	250,000,000	Điều 25 Khoản 4			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.5.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi vi phạm quy định về tạm nhập, chuyển khẩu phế liệu đối với thảo, mủ, sử dụng và làm phát tán phế liệu trong quá trình vận chuyển, lưu giữ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	200,000,000	250,000,000	Điều 25 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.5.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi vi phạm quy định về tạm nhập, chuyển khẩu phế liệu đối với làm thay đổi tính chất, khối lượng của phế liệu	200,000,000	250,000,000	Điều 25 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.25.5.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi vi phạm quy định về tạm nhập, chuyển khẩu phế liệu đối với không tái xuất, chuyển khẩu toàn bộ phế liệu đã được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	200,000,000	250,000,000	Điều 25 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.6.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu đối với tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng dưới 200 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng dưới 1.000 kg	100,000,000	200,000,000	Điều 25 Khoản 6 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.6.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu đối với tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 200 kg đến dưới 300 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 1.000 kg đến dưới 5.000 kg	200,000,000	250,000,000	Điều 25 Khoản 6 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.25.6.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu đối với tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 300 kg đến dưới 400 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 5.000 kg đến dưới 10.000 kg	250,000,000	300,000,000	Điều 25 Khoản 6 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.6.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu đối với chất là chất thải nguy hại hoặc chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 400 kg đến dưới 500 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 10.000 kg đến dưới 20.000 kg	300,000,000	400,000,000	Điều 25 Khoản 6 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.6.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu đối với tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 500 kg đến dưới 600 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 20.000 kg đến dưới 30.000 kg	400,000,000	500,000,000	Điều 25 Khoản 6 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.25.6.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu đối với tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 600 kg đến dưới 700 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 30.000 kg đến dưới 40.000 kg	500,000,000	600,000,000	Điều 25 Khoản 6 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.6.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu đối với tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 700 kg đến dưới 800 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 40.000 kg đến dưới 50.000 kg	600,000,000	700,000,000	Điều 25 Khoản 6 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.6.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu đối với tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 800 kg đến dưới 900 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 50.000 kg đến dưới 60.000 kg	700,000,000	800,000,000	Điều 25 Khoản 6 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.25.6.i	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu đối với tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 900 kg đến dưới 1.000 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 60.000 kg đến dưới 70.000 kg	800,000,000	900,000,000	Điều 25 Khoản 6 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25.7	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Hành vi nhập khẩu, quá cảnh phế liệu có chứa chất phóng xạ hoặc phế liệu không thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	900,000,000	#####	Điều 25 Khoản 7			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.26.1.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải	Hành vi vi phạm các quy định về lưu hành chế phẩm sinh học không đúng với nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam đối với hình thức, nội dung bao bì, nhãn mác chế phẩm đã đăng ký	5,000,000	10,000,000	Điều 26 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.26.1.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải	Hành vi vi phạm các quy định về lưu hành chế phẩm sinh học không đúng với nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam đối với thành phần của chế phẩm sinh học	10,000,000	20,000,000	Điều 26 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.26.1.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải	Hành vi vi phạm các quy định về lưu hành chế phẩm sinh học không đúng với nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam đối với thay đổi về xuất xứ chủng gốc vi sinh vật đối với chế phẩm vi sinh vật	20,000,000	30,000,000	Điều 26 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.26.1.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải	Hành vi vi phạm các quy định về lưu hành chế phẩm sinh học không đúng với nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam đối với đặc tính, hiệu quả của chế phẩm sinh học đã đăng ký	30,000,000	40,000,000	Điều 26 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.26.1.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải	Hành vi vi phạm các quy định về lưu hành chế phẩm sinh học không đúng với nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam đối với quyền sở hữu công nghiệp đối với chế phẩm sinh học đã đăng ký	40,000,000	50,000,000	Điều 26 Khoản 1 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.26.2	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải	Hành vi lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đã hết hiệu lực	50,000,000	60,000,000	Điều 26 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.26.3	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải	Hành vi nhập khẩu chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam	60,000,000	80,000,000	Điều 26 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.26.4	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải	Hành vi sản xuất chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải nhằm mục đích thương mại (trừ nghiên cứu, thử nghiệm) chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam	80,000,000	100,000,000	Điều 26 Khoản 4			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.27.1	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển	Hành vi đối với Chủ phương tiện vận tải, kho lưu giữ hàng hóa trên biển có nguy cơ gây ra sự cố môi trường mà không thông báo cho các lực lượng cứu nạn, cứu hộ quốc gia, lực lượng Cảnh sát biển, tổ chức, cá nhân liên quan khác theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 27 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.27.2	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển	Hành vi đối với Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản, chủ phương tiện vận chuyển xăng, dầu, hóa chất, chất phóng xạ và các chất độc hại khác trên biển không có kế hoạch, nhân lực, trang thiết bị bảo đảm phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	50,000,000	80,000,000	Điều 27 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.27.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển	Hành vi đối với hoạt động khai thác nguồn lợi, tài nguyên biển và hoạt động khác liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên biển thực hiện không đúng theo quy hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên đã được phê duyệt	80,000,000	150,000,000	Điều 27 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.27.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển	Hành vi đối với hoạt động trong khu bảo tồn thiên nhiên, khu rừng ngập mặn, di sản tự nhiên biển không tuân theo quy chế của ban quản lý, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan	80,000,000	150,000,000	Điều 27 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.27.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển	Hành vi đối với không xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với chất thải và các yếu tố gây ô nhiễm khác từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xây dựng, giao thông, vận tải, khai thác trên biển	80,000,000	150,000,000	Điều 27 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.27.3.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển	Hành vi đối với đê, lưu giữ phương tiện vận tải, kho tàng, các công trình khai thác dầu khí trên biển quá thời gian phải xử lý	80,000,000	150,000,000	Điều 27 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.27.3.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển	Hành vi đối với không thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại theo quy định đối với hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên biển, phá dỡ phương tiện vận tải trên biển	80,000,000	150,000,000	Điều 27 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.27.4.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển	Hành vi đối với đổ xuống biển chất thải thông thường của các phương tiện vận tải, các giàn khoan hoạt động trên biển mà không được xử lý theo quy định hoặc chất thải không được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải	150,000,000	250,000,000	Điều 27 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.27.4.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển	Hành vi đối với đồ chất thải rắn từ đất liền xuống biển mà không có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định	150,000,000	250,000,000	Điều 27 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.27.4.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển	Hành vi đối với đồ chất thải từ hoạt động nạo vét luồng, lạch xuống biển mà không có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định	150,000,000	250,000,000	Điều 27 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.27.5	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển	Hành vi đối với đồ các loại hóa chất độc hại, chất thải rắn; nước thải không xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật xuống vùng biển thuộc khu bảo tồn thiên nhiên, di sản tự nhiên, vùng có hệ sinh thái tự nhiên mới, khu vực sinh sản thường xuyên hoặc theo mùa của các loài thủy, hải sản, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	250,000,000	500,000,000	Điều 27 Khoản 5			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.27.6	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển	Hành vi đối với đồ chất thải nguy hại, chất thải có chứa chất phóng xạ xuống vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	500,000,000	#####	Điều 27 Khoản 6			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.28.1	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư	Hành vi không niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường ở nơi công cộng	0	0	Điều 28 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.28.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư	Hành vi hoạt động quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, lễ hội, khu du lịch, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác đối với không có đủ công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom chất thải đáp ứng yêu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 28 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.28.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư	Hành vi hoạt động quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, lễ hội, khu du lịch, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác đối với không thu gom chất thải trong phạm vi quản lý theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 28 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.28.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư	Hành vi đối với chủ đầu tư xây dựng mới khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu chung cư có hành vi bàn giao công trình đưa vào sử dụng mà không thực hiện đúng và đầy đủ một trong các yêu cầu về bảo vệ môi trường khi không có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường phù hợp với quy hoạch đô thị, khu dân cư tập trung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	200,000,000	250,000,000	Điều 28 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.28.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư	Hành vi đối với chủ đầu tư xây dựng mới khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu chung cư có hành vi bàn giao công trình đưa vào sử dụng mà không thực hiện đúng và đầy đủ một trong các yêu cầu về bảo vệ môi trường khi không có thiết bị, phương tiện thu gom, tập trung chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải và đủ khả năng tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các hộ gia đình trong khu dân cư	200,000,000	250,000,000	Điều 28 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.28.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư	Hành vi đối với chủ đầu tư xây dựng mới khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu chung cư có hành vi bàn giao công trình đưa vào sử dụng mà không thực hiện đúng và đầy đủ một trong các yêu cầu về bảo vệ môi trường khi không bảo đảm các yêu cầu về cảnh quan đô thị, vệ sinh môi trường	200,000,000	250,000,000	Điều 28 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.28.3.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư	Hành vi đối với chủ đầu tư xây dựng mới khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu chung cư có hành vi bàn giao công trình đưa vào sử dụng mà không thực hiện đúng và đầy đủ một trong các yêu cầu về bảo vệ môi trường khi không có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải riêng biệt phù hợp với quy hoạch thoát nước thải, bảo vệ môi trường của khu dân cư	200,000,000	250,000,000	Điều 28 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.28.3.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư	Hành vi đối với chủ đầu tư xây dựng mới khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu chung cư có hành vi bàn giao công trình đưa vào sử dụng mà không thực hiện đúng và đầy đủ một trong các yêu cầu về bảo vệ môi trường khi không có nơi tập trung rác thải sinh hoạt bảo đảm vệ sinh môi trường	200,000,000	250,000,000	Điều 28 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.28.3.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư	Hành vi đối với chủ đầu tư xây dựng mới khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu chung cư có hành vi bàn giao công trình đưa vào sử dụng mà không thực hiện đúng và đầy đủ một trong các yêu cầu về bảo vệ môi trường khi không có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	200,000,000	250,000,000	Điều 28 Khoản 3 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.29.1	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đất	Hành vi không thực hiện quan trắc chất lượng môi trường đất định kỳ và báo cáo kết quả cho cơ quan quản lý nhà nước đối với các cơ sở	50,000,000	60,000,000	Điều 29 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.29.2	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đất	Hành vi không thực hiện biện pháp kiểm soát các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất tại cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ	50,000,000	80,000,000	Điều 29 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.29.3	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đất	Hành vi không đánh giá chất lượng môi trường đất, không công bố thông tin giữa các đối tượng sử dụng đất khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất của các cơ sở	80,000,000	100,000,000	Điều 29 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.29.4	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đất	Hành vi không có xác nhận chất lượng đất phù hợp với mục đích sử dụng là đất ở, đất thương mại của cơ quan có thẩm quyền khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất của các cơ sở	100,000,000	120,000,000	Điều 29 Khoản 4			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.29.5	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đất	Hành vi không công khai chất lượng môi trường đất tại các khu vực bị ô nhiễm hóa chất độc hại cho các tổ chức, cá nhân có liên quan	120,000,000	150,000,000	Điều 29 Khoản 5			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.30.1	Vi phạm các quy định về hoạt động, sinh sống ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ đặc biệt nguy hiểm về môi trường đối với sức khỏe và tính mạng con người	Hành vi sinh sống trái phép ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ đặc biệt nguy hiểm về môi trường đối với sức khỏe và tính mạng con người	0	0	Điều 30 Khoản 1			
	155.30.2	Vi phạm các quy định về hoạt động, sinh sống ở khu vực được cơ quan nhà nước có	Hành vi hoạt động trái phép ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ đặc biệt nguy hiểm về môi trường đối với sức khỏe và tính mạng con người	5,000,000	10,000,000	Điều 30 Khoản 2			

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		thâm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ đặc biệt nguy hiểm về môi trường đối với sức khỏe và tính mạng con người							
	155.31.1	Vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ	Hành vi không chuyển giao sản phẩm thải bỏ đến điểm thu hồi theo quy định	0	0	Điều 31 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.31.2	Vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ	Hành vi nhà phân phối không phối hợp với nhà sản xuất thiết lập điểm thu hồi và tiếp nhận sản phẩm thải bỏ theo quy định; không lưu giữ các sản phẩm thải bỏ tại điểm thu hồi; không cung cấp thông tin cho nhà sản xuất theo quy định	500,000,000	1,000,000	Điều 31 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.31.3	Vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ	Hành vi thu gom nhưng không chuyển các sản phẩm thải bỏ từ người tiêu dùng đến điểm thu hồi theo quy định	1,000,000	5,000,000	Điều 31 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.31.4.a	Vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ	Hành vi vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ khi không có phương án, kế hoạch thu hồi sản phẩm thải bỏ đã đưa ra thị trường Việt Nam; không báo cáo định kỳ cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định; không công khai thông tin về danh sách các điểm thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 31 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.31.4.b	Vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ	Hành vi vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ khi không có điểm thu hồi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 31 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.31.4.c	Vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ	Hành vi vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ khi không thiết lập điểm hoặc hệ thống các điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ theo quy định	20,000,000	40,000,000	Điều 31 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.31.4.d	Vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ	Hành vi vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ khi không tiếp nhận để xử lý những sản phẩm thải bỏ của mình đã đưa ra thị trường hoặc những sản phẩm thải bỏ của mình đã đưa ra thị trường do nhà sản xuất khác thu hồi được khi có yêu cầu	40,000,000	80,000,000	Điều 31 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.31.4.đ	Vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ	Hành vi vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ khi không tự xử lý, tái sử dụng hoặc không chuyển giao sản phẩm thải bỏ đã thu hồi cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định	80,000,000	100,000,000	Điều 31 Khoản 4 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.31.5	Vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ	Hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này gây ô nhiễm môi trường	100,000,000	200,000,000	Điều 31 Khoản 5			
	155.32.1	Vi phạm các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản	Hành vi thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ một trong các nội dung trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định	100,000,000	120,000,000	Điều 32 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.32.2	Vi phạm các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản	Hành vi không có xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định	120,000,000	150,000,000	Điều 32 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.32.3	Vi phạm các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản	Hành vi không có phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	150,000,000	200,000,000	Điều 32 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.32.4	Vi phạm các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản	Hành vi không thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc từng giai đoạn hoạt động hoặc khi kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt	200,000,000	250,000,000	Điều 32 Khoản 4			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.1	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi để xảy ra sự cố tràn dầu hoặc phát hiện sự cố tràn dầu mà không báo cáo kịp thời đến cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông tin về sự cố tràn dầu theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 33 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.33.2.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không tổ chức tập huấn hoặc cử cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia ứng phó đi tập huấn để nâng cao kỹ năng ứng phó sự cố tràn dầu	10,000,000	30,000,000	Điều 33 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.2.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không triển khai thực hành huấn luyện ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định	10,000,000	30,000,000	Điều 33 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.3	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không thực hiện báo cáo trong ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 33 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.33.4.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền đối với cán bộ quản lý, nhân viên liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, tàng trữ xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng không có Giấy chứng nhận đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường	10,000,000	20,000,000	Điều 33 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.4.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền đối với không đầu tư hoặc không hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm đề huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định	20,000,000	30,000,000	Điều 33 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.4.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền đối với không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền	30,000,000	40,000,000	Điều 33 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.33.4.d	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền đối với không có Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 33 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.4.đ	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền đối với không xây dựng Kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định	50,000,000	60,000,000	Điều 33 Khoản 4 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.5.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của chủ đầu tư cảng, chủ cơ sở, chủ dự án có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu đối với không đầu tư hoặc không hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm để huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định	20,000,000	30,000,000	Điều 33 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.33.5.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của chủ đầu tư cảng, chủ cơ sở, chủ dự án có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu đối với không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền	30,000,000	40,000,000	Điều 33 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.5.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của chủ đầu tư cảng, chủ cơ sở, chủ dự án có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu đối với không có Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 33 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.5.d	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của chủ đầu tư cảng, chủ cơ sở, chủ dự án có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu đối với không xây dựng Kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định	50,000,000	60,000,000	Điều 33 Khoản 5 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.33.6.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động dầu khí ngoài khơi có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu khi không đầu tư hoặc không hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm đề huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định	30,000,000	40,000,000	Điều 33 Khoản 6 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.6.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động dầu khí ngoài khơi có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu khi không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền	40,000,000	50,000,000	Điều 33 Khoản 6 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.6.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động dầu khí ngoài khơi có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu khi không có Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm - Cứu nạn phê duyệt theo quy định	50,000,000	60,000,000	Điều 33 Khoản 6 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.33.6.d	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động dầu khí ngoài khơi có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu khi không xây dựng Kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định	60,000,000	70,000,000	Điều 33 Khoản 6 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.7.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của tàu dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu không có Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu, ô nhiễm hóa chất từ tàu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định	25,000,000	35,000,000	Điều 33 Khoản 7 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.7.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của tàu dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu không có Kế hoạch hoạt động chuyển tải dầu giữa tàu với tàu trên biển được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định	35,000,000	45,000,000	Điều 33 Khoản 7 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.33.7.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của tàu dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu không có Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và hóa chất độc hại để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ tàu xảy ra sự cố tràn dầu trong ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố	45,000,000	55,000,000	Điều 33 Khoản 7 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.7.d	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của tàu dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu không mua bảo hiểm hoặc các bảo đảm tài chính khác theo mức trách nhiệm dân sự được pháp luật quy định để bồi thường thiệt hại đối với ô nhiễm dầu theo quy định	55,000,000	65,000,000	Điều 33 Khoản 7 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.8.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường khi khối lượng dầu dưới 2.000 kg	40,000,000	80,000,000	Điều 33 Khoản 8 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.33.8.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường khi khối lượng dầu từ 2.000 kg đến dưới 10.000 kg	80,000,000	150,000,000	Điều 33 Khoản 8 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.8.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường khi khối lượng dầu từ 10.000 kg đến dưới 20.000 kg	150,000,000	250,000,000	Điều 33 Khoản 8 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.8.d	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường khi khối lượng dầu từ 20.000 kg đến dưới 50.000 kg	250,000,000	350,000,000	Điều 33 Khoản 8 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.33.8.đ	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường khi khối lượng dầu từ 50.000 kg đến dưới 100.000 kg	350,000,000	450,000,000	Điều 33 Khoản 8 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.8.e	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường khi khối lượng dầu từ 100.000 kg đến dưới 200.000 kg	450,000,000	550,000,000	Điều 33 Khoản 8 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.8.g	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường khi khối lượng dầu từ 200.000 kg đến dưới 300.000 kg	550,000,000	650,000,000	Điều 33 Khoản 8 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.33.8.h	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường khi khối lượng dầu từ 300.000 kg đến dưới 400.000 kg	650,000,000	750,000,000	Điều 33 Khoản 8 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.8.i	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường khi khối lượng dầu từ 400.000 kg đến dưới 500.000 kg	750,000,000	850,000,000	Điều 33 Khoản 8 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.8.k	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường khi khối lượng dầu từ 500.000 kg trở lên	850,000,000	950,000,000	Điều 33 Khoản 8 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.33.9.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra khi khối lượng dầu dưới 2.000 kg	50,000,000	100,000,000	Điều 33 Khoản 9 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.9.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra khi khối lượng dầu từ 2.000 kg đến dưới 10.000 kg	100,000,000	200,000,000	Điều 33 Khoản 9 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.9.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra khi khối lượng dầu từ 10.000 kg đến dưới 20.000 kg	200,000,000	300,000,000	Điều 33 Khoản 9 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.33.9.d	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra khi khối lượng dầu từ 20.000 kg đến dưới 50.000 kg	300,000,000	400,000,000	Điều 33 Khoản 9 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.9.đ	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra khi khối lượng dầu từ 50.000 kg đến dưới 100.000 kg	400,000,000	500,000,000	Điều 33 Khoản 9 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.9.e	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra khi khối lượng dầu từ 100.000 kg đến dưới 200.000 kg	500,000,000	600,000,000	Điều 33 Khoản 9 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.33.9.g	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra khi khối lượng dầu từ 200.000 kg đến dưới 300.000 kg	600,000,000	700,000,000	Điều 33 Khoản 9 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.9.h	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra khi khối lượng dầu từ 300.000 kg đến dưới 400.000 kg	700,000,000	800,000,000	Điều 33 Khoản 9 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33.9.i	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra khi khối lượng dầu từ 400.000 kg đến dưới 500.000 kg	800,000,000	900,000,000	Điều 33 Khoản 9 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.33.9.k	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra khi khối lượng dầu từ 500.000 kg trở lên	900,000,000	#####	Điều 33 Khoản 9 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.34.1.a	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y	Hành vi vận chuyển hàng nguy hiểm đối với không thực hiện báo cáo về vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định	3,000,000	5,000,000	Điều 34 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.34.1.b	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y	Hành vi vận chuyển hàng nguy hiểm đối với vi phạm các quy định về điều kiện trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm; không sử dụng thiết bị, phương tiện chuyên dụng để vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định	3,000,000	5,000,000	Điều 34 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.34.1.c	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó,	Hành vi vận chuyển hàng nguy hiểm đối với phương tiện vận chuyển hàng nguy hiểm không có biểu trưng hàng nguy hiểm, báo hiệu nguy hiểm	3,000,000	5,000,000	Điều 34 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y							
	155.34.1.d	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật,	Hành vi vận chuyển hàng nguy hiểm đối với không thực hiện đúng quy trình làm sạch phương tiện vận chuyển hàng nguy hiểm hoặc làm sạch phương tiện vận chuyển hàng nguy hiểm không đúng nơi quy định	3,000,000	5,000,000	Điều 34 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		thuốc thú y							
	155.34.1.đ	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y	Hành vi vận chuyển hàng nguy hiểm đối với vận chuyển hàng nguy hiểm mà không có Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất độc hại, chất lây nhiễm theo quy định	3,000,000	5,000,000	Điều 34 Khoản 1 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.34.2.a	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khi không kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất khi phát hiện sự cố môi trường	5,000,000	10,000,000	Điều 34 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.34.2.b	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó,	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khi không thực hiện đúng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; không báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường về việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường khi xảy ra sự cố	10,000,000	30,000,000	Điều 34 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y							
	155.34.2.c	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật,	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khi không lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 34 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		thuốc thú y							
	155.34.2.d	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khi không đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị và tổ chức đào tạo, tập huấn phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định	50,000,000	70,000,000	Điều 34 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.34.2.đ	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khi không có kế hoạch và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; hành vi không chấp hành hoặc chấp hành không đúng lệnh huy động khẩn cấp nhân lực, vật tư, phương tiện để khắc phục sự cố môi trường	80,000,000	100,000,000	Điều 34 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.34.2.e	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó,	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khi không thực hiện những biện pháp thuộc trách nhiệm của mình để kịp thời ứng phó và khắc phục sự cố môi trường	100,000,000	150,000,000	Điều 34 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y							
	155.34.2.g	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật,	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khi gây sự cố môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	150,000,000	200,000,000	Điều 34 Khoản 2 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		thuốc thú y							
	155.34.2.h	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khi không thực hiện khắc phục sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, không đền bù thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	200,000,000	250,000,000	Điều 34 Khoản 2 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.34.3.a	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y khi không đăng ký phát thải hóa chất, kiểm kê, báo cáo và quản lý thông tin về hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y theo quy định; sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sai quy định và gây ô nhiễm môi trường	10,000,000	15,000,000	Điều 34 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.34.3.b	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó,	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y khi không thực hiện việc quan trắc môi trường đối với hóa chất nguy hại theo quy định hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền	15,000,000	30,000,000	Điều 34 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y							
	155.34.3.c	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật,	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y khi không thực hiện việc đánh giá và kiểm soát phát thải hóa chất theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 34 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		thuốc thú y							
	155.34.3.d	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép và gây ô nhiễm môi trường	50,000,000	70,000,000	Điều 34 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.34.3.đ	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y khi nhập khẩu hóa chất, vật liệu chứa hóa chất nguy hại không đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường	50,000,000	100,000,000	Điều 34 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.35.1	Vi phạm các quy định về nộp phí bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong	Hành vi vi phạm hành chính về phí bảo vệ môi trường bị xử phạt theo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí và hóa đơn		#####	Điều 35 Khoản 1			

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		hoạt động khai thác khoáng sản và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường							
	155.35.2	Vi phạm các quy định về nộp phí bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	Hành vi chậm nộp ký quỹ theo quy định, nộp chậm số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường chậm nộp			Điều 35 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.35.3	Vi phạm các quy định về nộp phí bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	Hành vi không thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định		#####	Điều 35 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.35.4	Vi phạm các quy định về nộp phí bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động	Hành vi không mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định	220,000,000	250,000,000	Điều 35 Khoản 4			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		động khai thác khoáng sản và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường							
	155.36.1	Vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai khác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường	Hành vi cản trở trái phép việc quan trắc, thu thập, trao đổi, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường	1,000,000	5,000,000	Điều 36 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.36.2.a	Vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai khác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường	Hành vi cung cấp dữ liệu, thông tin về môi trường, kết quả quan trắc môi trường không đúng chức năng, thẩm quyền theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 36 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.36.2.b	Vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai khác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường	Hành vi không công bố, cung cấp, công khai thông tin, dữ liệu về môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 36 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.36.3	Vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai khác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường	Hành vi xâm nhập trái phép vào hệ thống lưu trữ dữ liệu, thông tin về môi trường	10,000,000	40,000,000	Điều 36 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.36.4.a	Vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai khác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường	Hành vi không thống kê, lưu trữ số liệu về các tác động đối với môi trường, về các nguồn thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định	40,000,000	60,000,000	Điều 36 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.36.4.b	Vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai khác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường	Hành vi không nộp đầy đủ các số liệu điều tra, khảo sát, quan trắc môi trường và các tài liệu liên quan khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định	40,000,000	60,000,000	Điều 36 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.36.5	Vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai khác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường	Hành vi tẩy xóa dữ liệu, thông tin về môi trường, kết quả quan trắc môi trường	60,000,000	80,000,000	Điều 36 Khoản 5			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.36.6	Vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai khác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường	Hành vi cung cấp dữ liệu, thông tin về môi trường, kết quả quan trắc môi trường không trung thực cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định	80,000,000	100,000,000	Điều 36 Khoản 6			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.37.1.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường	Hành vi gây cản trở việc khai thác, sử dụng các công trình bảo vệ môi trường	1,000,000	5,000,000	Điều 37 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.37.1.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường	Hành vi trồng cây làm ảnh hưởng đến hành lang an toàn kỹ thuật của công trình bảo vệ môi trường	1,000,000	5,000,000	Điều 37 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.37.2	Vi phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường	Hành vi dịch chuyển trái phép các thiết bị, máy móc quan trắc môi trường	5,000,000	10,000,000	Điều 37 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vệ môi trường							
	155.37.3	Vi phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường	Hành vi xây dựng công trình làm ảnh hưởng đến hành lang an toàn kỹ thuật của công trình bảo vệ môi trường	10,000,000	50,000,000	Điều 37 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.37.4	Vi phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường	Hành vi làm hư hại các máy móc, thiết bị và công trình bảo vệ môi trường	50,000,000	100,000,000	Điều 37 Khoản 4			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.38.1	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi thay đổi một trong các điều kiện trong bộ hồ sơ đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường nhưng không thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định	10,000,000	30,000,000	Điều 38 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.38.2	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; tẩy xóa Giấy chứng nhận	30,000,000	60,000,000	Điều 38 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.38.3	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi thay đổi một trong các điều kiện trong bộ hồ sơ đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mà không còn đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định nhưng vẫn thực hiện hoạt động quan trắc môi trường	60,000,000	80,000,000	Điều 38 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.38.4.a	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi cung cấp số liệu quan trắc chất thải, giám sát môi trường không đúng với tình hình ô nhiễm, hiện trạng môi trường của tổ chức, cá nhân	80,000,000	100,000,000	Điều 38 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.38.4.b	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi câu kết với tổ chức, cá nhân để báo cáo sai sự thật về kết quả quan trắc chất thải, giám sát môi trường nhằm đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	80,000,000	100,000,000	Điều 38 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.38.4.c	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi cung cấp, mua, bán, cho, tặng số liệu quan trắc chất thải, kết quả giám sát môi trường của tổ chức, cá nhân trái quy định của pháp luật	80,000,000	100,000,000	Điều 38 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.38.5	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (đối với mỗi thông số, nội dung quan trắc) theo quy định hoặc Giấy chứng nhận đã hết hiệu lực nhưng vẫn thực hiện hoạt động quan trắc môi trường	100,000,000	150,000,000	Điều 38 Khoản 5			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.39.1	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi không báo cáo định kỳ hiện trạng đa dạng sinh học của khu bảo tồn với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định	0	0	Điều 39 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.39.2.a	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi xây dựng công trình, nhà ở, lán trại mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phân khu phục hồi sinh thái, phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đối với đưa vật tư, thiết bị để xây dựng công trình, nhà ở, lán trại vào phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn	500,000	1,000,000	Điều 39 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.39.2.b	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi xây dựng công trình, nhà ở, lán trại mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phân khu phục hồi sinh thái, phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đối với đưa vật tư, thiết bị để xây dựng công trình, nhà ở, lán trại vào phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn	1,000,000	3,000,000	Điều 39 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.39.2.c	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi xây dựng công trình, nhà ở, lán trại mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phân khu phục hồi sinh thái, phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đối với xây dựng công trình, nhà ở, lán trại tại phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn	30,000,000	50,000,000	Điều 39 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.39.2.d	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi xây dựng công trình, nhà ở, lán trại mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phân khu phục hồi sinh thái, phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đối với xây dựng công trình, nhà ở, lán trại tại phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn	50,000,000	80,000,000	Điều 39 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.39.2.đ	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi xây dựng công trình, nhà ở, lán trại mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phân khu phục hồi sinh thái, phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đối với điều tra, khảo sát, thăm dò, khai thác khoáng sản; chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại, nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp gây ô nhiễm môi trường trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn	80,000,000	100,000,000	Điều 39 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.39.3.a	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi tác động đến hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên (như đào bới, san ủi, nổ mìn, đào, đắp ngăn nước, sử dụng lửa, các chế phẩm độc hại) không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi gây thiệt hại dưới 200 m ² đất, đất ngập nước, mặt nước tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn	1,000,000	5,000,000	Điều 39 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.39.3.b	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi tác động đến hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên (như đào bới, san ủi, nổ mìn, đào, đắp ngăn nước, sử dụng lửa, các chế phẩm độc hại) không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi gây thiệt hại từ 200 m ² đến dưới 400 m ² đất, đất ngập nước, mặt nước tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn	5,000,000	20,000,000	Điều 39 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.39.3.c	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi tác động đến hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên (như đào bới, san ủi, nổ mìn, đào, đắp ngăn nước, sử dụng lửa, các chế phẩm độc hại) không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi gây thiệt hại từ 400 m ² đến dưới 800 m ² đất, đất ngập nước, mặt nước tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn	20,000,000	40,000,000	Điều 39 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.39.3.d	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi tác động đến hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên (như đào bới, san ủi, nổ mìn, đào, đắp ngăn nước, sử dụng lửa, các chế phẩm độc hại) không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi gây thiệt hại từ 800 m ² đến dưới 1.200 m ² đất, đất ngập nước, mặt nước tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn	40,000,000	80,000,000	Điều 39 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.39.3.đ	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi tác động đến hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên (như đào bới, san ủi, nổ mìn, đào, đắp ngăn nước, sử dụng lửa, các chế phẩm độc hại) không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi gây thiệt hại từ 1.200 m ² đến dưới 1.500 m ² đất, đất ngập nước, mặt nước tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn hoặc gây thiệt hại dưới 100 m ² đất, đất ngập nước, mặt nước tại phân khu bảo tồn nghiêm ngặt của khu bảo tồn	80,000,000	150,000,000	Điều 39 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.39.3.e	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi tác động đến hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên (như đào bới, san ủi, nổ mìn, đào, đắp ngăn nước, sử dụng lửa, các chế phẩm độc hại) không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi gây thiệt hại từ 1.500 m ² đến dưới 2.000 m ² đất, đất ngập nước, mặt nước tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn hoặc gây thiệt hại từ 100 m ² đến dưới 200 m ² đất, đất ngập nước, mặt nước tại phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn	150,000,000	250,000,000	Điều 39 Khoản 3 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.39.3.g	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi tác động đến hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên (như đào bới, san ủi, nổ mìn, đào, đắp ngăn nước, sử dụng lửa, các chế phẩm độc hại) không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi gây thiệt hại từ 2.000 m ² đất, đất ngập nước, mặt nước trở lên tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn hoặc gây thiệt hại từ 200 m ² đến dưới 300 m ² đất, đất ngập nước, mặt nước tại phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn	250,000,000	400,000,000	Điều 39 Khoản 3 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.40.1	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy	Hành vi trồng cây nhân tạo loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm và vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ mà không thông báo theo quy định	0	0	Điều 40 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ							
	155.40.2.a	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Hành vi khai thác trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đối với tang vật vi phạm có giá trị dưới 500.000 đồng	1,000,000	2,000,000	Điều 40 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.40.2.b	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Hành vi khai thác trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 500.000 đồng đến dưới 1.500.000 đồng	2,000,000	5,000,000	Điều 40 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.40.2.c	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu	Hành vi khai thác trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 1.500.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng	5,000,000	15,000,000	Điều 40 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		tiên bảo vệ							
	155.40.2.d	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Hành vi khai thác trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng	15,000,000	30,000,000	Điều 40 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.40.2.đ	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Hành vi khai thác trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng	30,000,000	60,000,000	Điều 40 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.40.2.e	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu	Hành vi khai thác trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đối với tang vật vi phạm là giống cây trồng, nấm, vi sinh vật có giá trị từ 20.000.000 đồng trở lên; tang vật vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng	60,000,000	120,000,000	Điều 40 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		tiên bảo vệ							
	155.40.3.a	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đối với tang vật vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng	2,000,000	5,000,000	Điều 40 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.40.3.b	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng	5,000,000	10,000,000	Điều 40 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.40.3.c	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu	Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng	10,000,000	15,000,000	Điều 40 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		tiên bảo vệ							
	155.40.3.d	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng	15,000,000	30,000,000	Điều 40 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.40.3.d	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng	30,000,000	60,000,000	Điều 40 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.40.3.e	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu	Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc tang vật vi phạm là gỗ có khối lượng dưới 0,5 m ³	60,000,000	120,000,000	Điều 40 Khoản 3 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		tiên bảo vệ							
	155.40.4	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Hành vi tàng trữ vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc khối lượng dưới 1,5 m ³ gỗ	60,000,000	120,000,000	Điều 40 Khoản 4			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.41.1.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ các khu bảo tồn thuộc hệ thống rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển	Hành vi khai thác trái phép loài hoang dã không thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đối với tang vật vi phạm có giá trị dưới 500.000 đồng	100,000	500,000	Điều 41 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.41.1.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ các khu bảo tồn thuộc hệ thống rừng đặc dụng và	Hành vi khai thác trái phép loài hoang dã không thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 500.000 đồng đến dưới 1.500.000 đồng	1,000,000	3,000,000	Điều 41 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		khu bảo tồn biển							
	155.41.1.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ các khu bảo tồn thuộc hệ thống rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển	Hành vi khai thác trái phép loài hoang dã không thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 1.500.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng	3,000,000	10,000,000	Điều 41 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.41.1.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ các khu bảo tồn thuộc hệ thống rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển	Hành vi khai thác trái phép loài hoang dã không thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng	10,000,000	20,000,000	Điều 41 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.41.1.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ các khu bảo tồn thuộc hệ thống rừng đặc dụng và	Hành vi khai thác trái phép loài hoang dã không thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng	20,000,000	40,000,000	Điều 41 Khoản 1 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		khu bảo tồn biển							
	155.41.1.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ các khu bảo tồn thuộc hệ thống rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển	Hành vi khai thác trái phép loài hoang dã không thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng	40,000,000	80,000,000	Điều 41 Khoản 1 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.41.1.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ các khu bảo tồn thuộc hệ thống rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển	Hành vi khai thác trái phép loài hoang dã không thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 30.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng	80,000,000	120,000,000	Điều 41 Khoản 1 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.41.1.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ các khu bảo tồn thuộc hệ thống rừng đặc dụng và	Hành vi khai thác trái phép loài hoang dã không thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 40.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng	120,000,000	160,000,000	Điều 41 Khoản 1 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		khu bảo tồn biển							
	155.42.1	Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hành vi không báo cáo tình trạng loài thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định	0	0	Điều 42 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.42.2	Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hành vi không đăng ký, khai báo nguồn gốc, lập hồ sơ theo dõi các cá thể loài thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ	500,000	1,000,000	Điều 42 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.42.3.a	Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hành vi không duy trì một trong các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận	2,000,000	5,000,000	Điều 42 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.42.3.b	Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hành vi không tuân thủ các quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành về bảo vệ, nuôi dưỡng, chăm sóc loài thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	2,000,000	5,000,000	Điều 42 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.42.3.c	Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hành vi không tuân thủ các quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành về lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền	2,000,000	5,000,000	Điều 42 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.42.4.a	Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hành vi khai báo không đúng sự thật các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận	5,000,000	10,000,000	Điều 42 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.42.4.b	Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hành vi hoạt động không có Giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp	5,000,000	10,000,000	Điều 42 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.1	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn không vì mục đích thương mại, trong trường hợp kiểm soát được sự phát triển, lây lan của chúng và chưa gây ra thiệt hại	0	0	Điều 43 Khoản 1			

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.43.2	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn vì mục đích thương mại, trong trường hợp kiểm soát được sự phát triển, lây lan của chúng và chưa gây ra thiệt hại	5,000,000	10,000,000	Điều 43 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.3.a	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn đối với gây thiệt hại trị giá đến dưới 10.000.000 đồng	20,000,000	40,000,000	Điều 43 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.3.b	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn đối với gây thiệt hại trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng	40,000,000	80,000,000	Điều 43 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.43.3.c	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn đối với gây thiệt hại trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng	80,000,000	160,000,000	Điều 43 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.3.d	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn đối với gây thiệt hại trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng	160,000,000	240,000,000	Điều 43 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.3.đ	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn đối với gây thiệt hại trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng	240,000,000	320,000,000	Điều 43 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.43.3.e	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn đối với gây thiệt hại trị giá từ 80.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng	320,000,000	400,000,000	Điều 43 Khoản 3 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.3.g	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn đối với gây thiệt hại trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng	400,000,000	480,000,000	Điều 43 Khoản 3 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.3.h	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn đối với gây thiệt hại trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 140.000.000 đồng	480,000,000	560,000,000	Điều 43 Khoản 3 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.43.3.i	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn đối với gây thiệt hại trị giá từ 140.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng	560,000,000	640,000,000	Điều 43 Khoản 3 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.4.a	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại trong phạm vi khu bảo tồn, trong trường hợp kiểm soát được sự phát triển, lây lan của chúng đối với xảy ra ngoài phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	50,000,000	100,000,000	Điều 43 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.4.b	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại trong phạm vi khu bảo tồn, trong trường hợp kiểm soát được sự phát triển, lây lan của chúng đối với xảy ra trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	100,000,000	200,000,000	Điều 43 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.43.5.a	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy các loài ngoại lai xâm hại trong phạm vi khu bảo tồn, trong trường hợp không kiểm soát được sự phát triển, lây lan của chúng Phạt tăng thêm từ 20% đến 30% của mức tiền phạt quy định tại khoản 4 Điều này đối với vi phạm thực hiện ở ngoài phân khu bảo vệ nghiêm ngặt		#####	Điều 43 Khoản 5 Điểm a			
	155.43.5.b	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy các loài ngoại lai xâm hại trong phạm vi khu bảo tồn, trong trường hợp không kiểm soát được sự phát triển, lây lan của chúng Phạt tăng thêm từ 40% đến 50% của mức tiền phạt quy định tại khoản 4 Điều này đối với vi phạm thực hiện ở trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt		#####	Điều 43 Khoản 5 Điểm b			
	155.43.6	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu vi sinh vật ngoại lai xâm hại	150,000,000	200,000,000	Điều 43 Khoản 6			

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.43.7.a	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại tang vật vi phạm trị giá dưới 10.000.000 đồng	20,000,000	40,000,000	Điều 43 Khoản 7 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.7.b	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại tang vật vi phạm trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng	40,000,000	80,000,000	Điều 43 Khoản 7 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.7.c	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại tang vật vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng	80,000,000	160,000,000	Điều 43 Khoản 7 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.43.7.d	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại tang vật vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng	160,000,000	240,000,000	Điều 43 Khoản 7 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.7.đ	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại tang vật vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng	240,000,000	320,000,000	Điều 43 Khoản 7 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.7.e	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại tang vật vi phạm trị giá từ 80.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng	320,000,000	400,000,000	Điều 43 Khoản 7 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.43.7.g	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại tang vật vi phạm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng	400,000,000	480,000,000	Điều 43 Khoản 7 Điểm g			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.7.h	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại tang vật vi phạm trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 140.000.000 đồng	480,000,000	560,000,000	Điều 43 Khoản 7 Điểm h			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.7.i	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại tang vật vi phạm trị giá từ 140.000.000 đồng đến dưới 160.000.000 đồng	560,000,000	640,000,000	Điều 43 Khoản 7 Điểm i			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.43.7.k	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại tang vật vi phạm trị giá từ 160.000.000 đồng đến dưới 180.000.000 đồng	640,000,000	720,000,000	Điều 43 Khoản 7 Điểm k			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.7.l	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại tang vật vi phạm trị giá từ 180.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng	720,000,000	800,000,000	Điều 43 Khoản 7 Điểm l			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.7.m	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại tang vật vi phạm trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 220.000.000 đồng	800,000,000	880,000,000	Điều 43 Khoản 7 Điểm m			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.43.7.n	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại tang vật vi phạm trị giá từ 220.000.000 đồng đến dưới 230.000.000 đồng	880,000,000	920,000,000	Điều 43 Khoản 7 Điểm n			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43.7.o	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại tang vật vi phạm trị giá từ 230.000.000 đồng đến dưới 250.000.000 đồng	920,000,000	#####	Điều 43 Khoản 7 Điểm o			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.44.1.a	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi không thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về hoạt động trao đổi, chuyển giao, cung cấp nguồn gen cho tổ chức, cá nhân khác để sử dụng cho mục đích nghiên cứu phát triển và sản xuất sản phẩm thương mại	0	0	Điều 44 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.44.1.b	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi không thông báo quá trình nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và lợi ích phát sinh từ quá trình phát triển và sản xuất sản phẩm thương mại theo quy định	0	0	Điều 44 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.44.2.a	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi không tuân thủ các quy định về kiểm soát việc điều tra, thu thập nguồn gen của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	5,000,000	10,000,000	Điều 44 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.44.2.b	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi không ký hợp đồng bằng văn bản với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao quản lý nguồn gen về việc tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	5,000,000	10,000,000	Điều 44 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.44.2.c	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi không thực hiện thủ tục xác nhận của cơ quan có thẩm quyền việc tiếp cận nguồn gen đối với hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	5,000,000	10,000,000	Điều 44 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.44.2.d	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi không tiến hành việc chia sẻ lợi ích thu được với các bên liên quan theo quy định của Giấy phép tiếp cận nguồn gen và Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	5,000,000	10,000,000	Điều 44 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.44.2.đ	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi không thực hiện việc báo cáo theo quy định của pháp luật với cơ quan có thẩm quyền về kết quả nghiên cứu phát triển, sản xuất sản phẩm thương mại theo thời hạn quy định trong Giấy phép tiếp cận nguồn gen	5,000,000	10,000,000	Điều 44 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.44.2.e	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi sử dụng Giấy phép tiếp cận nguồn gen không đúng nội dung, mục đích	5,000,000	10,000,000	Điều 44 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.44.3	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi trao đổi, chuyển giao, cung cấp nguồn gen được giao quản lý cho tổ chức, cá nhân khác không đúng quy định của pháp luật	10,000,000	30,000,000	Điều 44 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.44.4	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi tiếp cận nguồn gen khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép	30,000,000	50,000,000	Điều 44 Khoản 4			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.45.1	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	Hành vi không công khai thông tin về mức độ rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro đối với môi trường và đa dạng sinh học khi nghiên cứu tạo ra, phát triển công nghệ sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen	100,000	500,000	Điều 45 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.45.2	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật	Hành vi nghiên cứu tạo ra, phân tích thử nghiệm, cách ly sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen tại các nơi không được phép thực hiện	5,000,000	10,000,000	Điều 45 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		biến đổi gen							
	155.45.3.a	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	Hành vi cung cấp thông tin sai lệch trong hồ sơ đăng ký cấp phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, hồ sơ cấp Giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi	10,000,000	20,000,000	Điều 45 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.45.3.b	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	Hành vi không thực hiện đúng nội dung trong Giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen, Giấy chứng nhận an toàn sinh học, Giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi	10,000,000	20,000,000	Điều 45 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.45.4.a	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật	Hành vi vi phạm về hoạt động nghiên cứu, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen đối với che giấu thông tin về nguy cơ gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đa dạng sinh học và sức khỏe con người, vật nuôi trong quá trình nghiên cứu, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	20,000,000	30,000,000	Điều 45 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		biến đổi gen							
	155.45.4.b	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	Hành vi vi phạm về hoạt động nghiên cứu, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen đối với đưa vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mẫu nghiên cứu ngoài khuôn khổ đề tài đã đăng ký; không thuộc Giấy phép và Kế hoạch khảo nghiệm đã được phê duyệt	20,000,000	30,000,000	Điều 45 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.45.5.a	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	Hành vi vi phạm về hoạt động nghiên cứu, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen đối với không tuân thủ chặt chẽ các quy định về cách ly gây thất thoát sinh vật biến đổi gen ra ngoài môi trường trong quá trình nghiên cứu, khảo nghiệm	30,000,000	50,000,000	Điều 45 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.45.5.b	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật	Hành vi vi phạm về hoạt động nghiên cứu, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen đối với không áp dụng các biện pháp khẩn cấp để xử lý, tiêu hủy triệt để sinh vật biến đổi gen khi phát hiện sinh vật biến đổi gen gây ra rủi ro đối với môi trường, đa dạng sinh học, sức khỏe con người và vật nuôi mà không kiểm soát được	30,000,000	50,000,000	Điều 45 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		biến đổi gen							
	155.45.5.c	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	Hành vi vi phạm về hoạt động nghiên cứu, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen đối với đề thất thoát sinh vật biến đổi gen ra ngoài môi trường trong quá trình nghiên cứu, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	30,000,000	50,000,000	Điều 45 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.46.1	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen bị xử phạt như sau	Hành vi không công khai thông tin về mức độ rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro đối với môi trường và đa dạng sinh học khi nhập khẩu, mua, bán, phóng thích sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen	100,000	500,000	Điều 46 Khoản 1			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.46.2	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen bị xử	Hành vi sản xuất, kinh doanh sinh vật biến đổi gen khi không có Giấy chứng nhận an toàn sinh học theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 46 Khoản 2			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		phạt như sau							
	155.46.3.a	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen bị xử phạt như sau	Hành vi nuôi, trồng, thả có chủ đích vào môi trường sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen chưa được cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học	50,000,000	70,000,000	Điều 46 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.46.3.b	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen bị xử phạt như sau	Hành vi nhập khẩu trái phép sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen	50,000,000	70,000,000	Điều 46 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.46.4.a	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen bị xử	Hành vi nuôi, trồng, thả có chủ đích vào môi trường sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen chưa được cấp Giấy chứng nhận an toàn sinh học gây ảnh hưởng đến môi trường và đa dạng sinh học	80,000,000	100,000,000	Điều 46 Khoản 4 Điểm a			

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		phạt như sau							
	155.46.4.b	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen bị xử phạt như sau	Hành vi nhập khẩu trái phép sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen gây ảnh hưởng đến môi trường và đa dạng sinh học	80,000,000	100,000,000	Điều 46 Khoản 4 Điểm b			

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.47.1.a	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi gây khó khăn cho công tác điều tra, nghiên cứu, kiểm soát, đánh giá hiện trạng môi trường	5,000,000	10,000,000	Điều 47 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.47.1.b	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự đối với người đang thi hành công vụ	5,000,000	10,000,000	Điều 47 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.47.1.c	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi từ chối nhận quyết định thanh tra, kiểm tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	5,000,000	10,000,000	Điều 47 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.47.1.d	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi không tổ chức đối thoại về môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường hoặc theo đơn thư khiếu nại, tố cáo, khởi kiện của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 47 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.47.2.a	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi không thực hiện việc kê khai, khai báo hoặc kê khai, khai báo không trung thực, không đúng thời hạn	10,000,000	20,000,000	Điều 47 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.47.2.b	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của người thi hành công vụ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền	10,000,000	20,000,000	Điều 47 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.47.2.c	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi không hợp tác hoặc cản trở công tác của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc người được giao nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường	10,000,000	20,000,000	Điều 47 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.47.2.d	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi không cử đại diện có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tham gia buổi công bố quyết định thanh tra về bảo vệ môi trường hoặc không cử đại diện có thẩm quyền làm việc với đoàn thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường	10,000,000	20,000,000	Điều 47 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.47.3	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi tự ý tháo gỡ niêm phong tang vật, phương tiện, nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị vi phạm đang bị niêm phong, tạm giữ hoặc tẩu tán tang vật vi phạm, tự ý làm thay đổi hiện trường vi phạm hành chính	20,000,000	50,000,000	Điều 47 Khoản 3			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.47.4.a	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi trì hoãn, trốn tránh không thi hành quyết định thanh tra, kiểm tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	50,000,000	80,000,000	Điều 47 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	155.47.4.b	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi không thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung và yêu cầu trong kết luận kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	50,000,000	80,000,000	Điều 47 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	45.9.1.a	Vi phạm các quy định về thực hiện đăng ký môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện nội dung đăng ký môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường với hành vi không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ cam kết hoặc phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải trong đăng ký môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, trừ trường hợp vi phạm quy định về chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại	500,000	1,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.9.1.b	Vi phạm các quy định về thực hiện đăng ký môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện nội dung đăng ký môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường với hành vi nộp đăng ký môi trường không đúng thời hạn theo quy định; không đăng ký môi trường đủ các nội dung về loại chất thải, khối lượng chất thải phát sinh và phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở; không đăng ký môi trường lại theo quy định	3,000,000	5,000,000	Điều 9 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.9.2.a	Vi phạm các quy định về thực hiện đăng ký môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện nội dung đăng ký môi trường đối với dự án, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh bị xử phạt với hành vi không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ cam kết hoặc phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải trong đăng ký môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, trừ trường hợp vi phạm quy định về chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại	5,000,000	10,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.9.2.b	Vi phạm các quy định về thực hiện đăng ký môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện nội dung đăng ký môi trường đối với dự án, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh bị xử phạt với hành vi nộp đăng ký môi trường không đúng thời hạn theo quy định; không đăng ký môi trường đủ các nội dung về loại chất thải, khối lượng chất thải phát sinh và phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở; không đăng ký môi trường lại theo quy định	10,000,000	15,000,000	Điều 9 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.9.3.a	Vi phạm các quy định về thực hiện đăng ký môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện nội dung đăng ký môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị xử phạt với hành vi không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ cam kết hoặc phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải trong đăng ký môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, trừ trường hợp vi phạm quy định về chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại	15,000,000	20,000,000	Điều 9 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.9.3.b	Vi phạm các quy định về thực hiện đăng ký môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện nội dung đăng ký môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị xử phạt với hành vi nộp đăng ký môi trường không đúng thời hạn theo quy định; không đăng ký môi trường đủ các nội dung về loại chất thải, khối lượng chất thải phát sinh và phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở; không đăng ký môi trường lại theo quy định	20,000,000	30,000,000	Điều 9 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.10.1.a	Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử phạt với hành vi không có văn bản thông báo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định cho cơ quan đã phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường	10,000,000	15,000,000	Điều 10 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.10.1.b	Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử phạt với hành vi không công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định	15,000,000	20,000,000	Điều 10 Khoản 1 Điểm b		Buộc công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.10.1.c	Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử phạt với hành vi không điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	20,000,000	30,000,000	Điều 10 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.10.1.d	Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử phạt với hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ một trong các nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và quy định tại điểm đ, e, g khoản này	30,000,000	40,000,000	Điều 10 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.10.1.đ	Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử phạt với hành vi không thực hiện nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải, trừ trường hợp quy định tại điểm e, g khoản này	40,000,000	50,000,000	Điều 10 Khoản 1 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.10.1.e	Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử phạt với hành vi không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định để được xem xét, chấp thuận trong quá trình cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường trong trường hợp có thay đổi theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường	50,000,000	60,000,000	Điều 10 Khoản 1 Điểm e			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.10.1.g	Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì xử phạt với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành hoặc vận hành không thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải; không xây lắp hoặc xây lắp không đúng công trình xử lý chất thải, công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, kiểm soát ánh sáng, bức xạ nhiệt theo quy định trong giai đoạn thi công, triển khai xây dựng dự án có phát sinh chất thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt	60,000,000	80,000,000	Điều 10 Khoản 1 Điểm g	Đình chỉ hoạt động thi công, xây dựng có phát sinh chất thải từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều này	- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra ngoài môi trường; không vận hành hoặc vận hành không thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải; không xây lắp hoặc xây lắp không đúng công trình xử lý chất thải theo quy định tại điểm g khoản 1; điểm g khoản 2 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								- Buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm g khoản 1, điểm g khoản 2 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.10.2.a	Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị xử phạt với hành vi không có văn bản thông báo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định cho cơ quan đã phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức đối với trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường	15,000,000	20,000,000	Điều 10 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.10.2.b	Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị xử phạt với hành vi không công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định	20,000,000	30,000,000	Điều 10 Khoản 2 Điểm b		Buộc công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.10.2.c	Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị xử phạt với hành vi không điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	30,000,000	40,000,000	Điều 10 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.10.2.d	Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị xử phạt với hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ một trong các nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và quy định tại điểm đ, e, g khoản này	40,000,000	50,000,000	Điều 10 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.10.2.đ	Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị xử phạt với hành vi không thực hiện nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải, trừ trường hợp quy định tại điểm e, g khoản này	50,000,000	60,000,000	Điều 10 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.10.2.e	Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị xử phạt với hành vi không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định để được xem xét, chấp thuận trong quá trình cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường trong trường hợp có thay đổi theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường	60,000,000	80,000,000	Điều 10 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.10.2.g	Vi phạm các quy định về đánh giá tác động môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị xử phạt với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành hoặc vận hành không thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải; không xây lắp hoặc xây lắp không đúng công trình xử lý chất thải, công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, kiểm soát ánh sáng, bức xạ nhiệt theo quy định trong giai đoạn thi công, triển khai xây dựng dự án có phát sinh chất thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt	80,000,000	100,000,000	Điều 10 Khoản 2 Điểm g	Đình chỉ hoạt động thi công, xây dựng có phát sinh chất thải từ 03 tháng đến 06 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm g khoản 2 Điều này	- Buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm g khoản 1, điểm g khoản 2 Điều này - Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra ngoài môi trường; không vận hành hoặc vận hành không thường xuyên	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								xuân hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải; không xây lắp hoặc xây lắp không đúng công trình xử lý chất thải theo quy định tại điểm g khoản 1; điểm g khoản 2 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.1.a	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không báo cáo cơ quan cấp giấy phép để được xem xét, giải quyết trong trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp theo quy định; nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường không đúng thời hạn quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 11 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.11.1.b	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không công khai giấy phép môi trường theo quy định	10,000,000	15,000,000	Điều 11 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.1.c	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ một trong các nội dung giấy phép môi trường, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về quan trắc môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và trường hợp quy định tại các điểm a, b, đ, e và g khoản này	15,000,000	20,000,000	Điều 11 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.11.1.d	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không rà soát công trình, thiết bị xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm hoặc không cải tạo, nâng cấp công trình xử lý chất thải theo quy định trong trường hợp báo cáo số liệu không đúng thực tế ô nhiễm hoặc trong trường hợp có vi phạm về hành vi xả nước thải, bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	20,000,000	25,000,000	Điều 11 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.1.đ	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi cung cấp không chính xác, không trung thực thông tin về kết quả hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm theo quy định; không thực hiện việc cấp đổi, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định; không thực hiện nội dung của giấy phép môi trường theo quy định, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về quan trắc môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và trường hợp quy định tại điểm a, b, c, e và g khoản này	25,000,000	30,000,000	Điều 11 Khoản 1 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.1.e	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không có giấy phép môi trường được cấp lại theo quy định	30,000,000	35,000,000	Điều 11 Khoản 1 Điểm e			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.11.1.g	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không vận hành hoặc không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải; xây lắp công trình xử lý chất thải không đúng theo giấy phép môi trường	35,000,000	40,000,000	Điều 11 Khoản 1 Điểm g		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1, điểm g, h khoản 2 và điểm g, h khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.1.h	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 11 Khoản 1 Điểm h	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm h khoản 1, điểm h khoản 2 và điểm h khoản 3 Điều này	- Buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm h khoản 1, điểm h khoản 2 và điểm h khoản 3 Điều này - Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1, điểm g, h khoản 2 và điểm g, h khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.2.a	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không báo cáo cơ quan cấp giấy phép để được xem xét, giải quyết trong trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp theo quy định; nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường không đúng thời hạn quy định	10,000,000	15,000,000	Điều 11 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.11.2.b	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không công khai giấy phép môi trường theo quy định	15,000,000	20,000,000	Điều 11 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.2.c	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ một trong các nội dung của giấy phép môi trường theo quy định, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về quan trắc môi trường, phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và trường hợp quy định tại các điểm a, b, đ, e và g khoản này	20,000,000	30,000,000	Điều 11 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.11.2.d	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không rà soát công trình, thiết bị xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm hoặc không cải tạo, nâng cấp công trình xử lý chất thải theo quy định trong trường hợp báo cáo số liệu không đúng thực tế ô nhiễm hoặc trong trường hợp có vi phạm về hành vi xả nước thải, bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	80,000,000	100,000,000	Điều 11 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.2.đ	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi cung cấp không chính xác, không trung thực thông tin về kết quả hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm theo quy định; không thực hiện việc cấp đổi, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định; không thực hiện nội dung của giấy phép môi trường theo quy định, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về quan trắc môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và trường hợp quy định tại điểm a, b, c, e và g khoản này	100,000,000	150,000,000	Điều 11 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.2.e	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không có giấy phép môi trường được cấp lại theo quy định	150,000,000	170,000,000	Điều 11 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.11.2.g	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không vận hành hoặc vận hành không thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải; xây lắp công trình xử lý chất thải không đúng theo giấy phép môi trường	170,000,000	200,000,000	Điều 11 Khoản 2 Điểm g		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1, điểm g, h khoản 2 và điểm g, h khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.2.h	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định	400,000,000	500,000,000	Điều 11 Khoản 2 Điểm h	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm h khoản 1, điểm h khoản 2 và điểm h khoản 3 Điều này	- Buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm h khoản 1, điểm h khoản 2 và điểm h khoản 3 Điều này - Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1, điểm g, h khoản 2 và điểm g, h khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.3.a	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không báo cáo cơ quan cấp giấy phép để được xem xét, giải quyết trong trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp theo quy định; nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường không đúng thời hạn quy định	15,000,000	20,000,000	Điều 11 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.11.3.b	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không công khai giấy phép môi trường theo quy định	20,000,000	30,000,000	Điều 11 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.3.c	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi cung cấp không chính xác, không trung thực thông tin về chất thải trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định; thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ một trong các nội dung của giấy phép môi trường theo quy định, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về quan trắc môi trường, phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và trường hợp quy định tại các điểm a, b, đ, e và g khoản này	30,000,000	40,000,000	Điều 11 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.3.d	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không rà soát công trình, thiết bị xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm hoặc không cải tạo, nâng cấp công trình xử lý chất thải theo quy định trong trường hợp báo cáo số liệu không đúng thực tế ô nhiễm hoặc trong trường hợp có vi phạm về hành vi xả nước thải, bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	100,000,000	150,000,000	Điều 11 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.3.đ	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi cung cấp không chính xác, không trung thực thông tin về kết quả hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm theo quy định; không thực hiện việc cấp đổi, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định; không thực hiện nội dung của giấy phép môi trường theo quy định, trừ các trường hợp: vi phạm quy định về quan trắc môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và trường hợp quy định tại điểm a, b, c, e và g khoản này	150,000,000	200,000,000	Điều 11 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.3.e	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không có giấy phép môi trường được cấp lại theo quy định	200,000,000	220,000,000	Điều 11 Khoản 3 Điểm e			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.11.3.g	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi không vận hành hoặc vận hành không thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải; xây lắp công trình xử lý chất thải không đúng theo giấy phép môi trường	220,000,000	250,000,000	Điều 11 Khoản 3 Điểm g		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1, điểm g, h khoản 2 và điểm g, h khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.11.3.h	Vi phạm quy định về giấy phép môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trừ trường hợp quy định tại các Điều 15, 29, 30, 31, 35 và 38 của Nghị định này bị xử phạt với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định	800,000,000	#####	Điều 11 Khoản 3 Điểm h	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm h khoản 1, điểm h khoản 2 và điểm h khoản 3 Điều này	- Buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm h khoản 1, điểm h khoản 2 và điểm h khoản 3 Điều này - Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1, điểm g, h khoản 2 và điểm g, h khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.1.a	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện bị xử phạt với hành vi không thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; không có sổ nhật ký vận hành hoặc không ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định; không phối hợp với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án để được kiểm tra, giám sát trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định	10,000,000	15,000,000	Điều 12 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.1.b	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện bị xử phạt với hành vi không dừng hoạt động, không giảm công suất của dự án đầu tư hoặc không rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành hệ thống xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm hoặc không cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định trong trường hợp chất thải xả ra ngoài môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	15,000,000	20,000,000	Điều 12 Khoản 1 Điểm b	Đình chỉ hoạt động vận hành có liên quan đến công trình vận hành thử nghiệm của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, đ khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này	Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại điểm b, đ khoản 1, điểm b, đ khoản 2 và điểm b, đ khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.1.c	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện bị xử phạt với hành vi không lập, không gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đối với dự án đầu tư, cơ sở đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định	25,000,000	30,000,000	Điều 12 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.1.d	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện bị xử phạt với hành vi không vận hành thử nghiệm hoặc không vận hành thử nghiệm lại các công trình xử lý chất thải theo quy định; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải quá thời gian theo quy định mà không có văn bản thông báo gia hạn quá trình vận hành thử nghiệm; không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) hoặc phối hợp với tổ chức không đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định; không theo dõi, giám sát kết quả quan trắc nước thải, bụi, khí thải tự động, liên tục hoặc không kết nối, truyền số liệu về cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án trong trường hợp thuộc đối tượng quan trắc nước thải, bụi, khí thải tự động	30,000,000	40,000,000	Điều 12 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.1.đ	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện bị xử phạt với hành vi không dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải hoặc không báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường	40,000,000	50,000,000	Điều 12 Khoản 1 Điểm đ	Đình chỉ hoạt động vận hành có liên quan đến công trình vận hành thử nghiệm của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, đ khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này	Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại điểm b, đ khoản 1, điểm b, đ khoản 2 và điểm b, đ khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.2.a	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh bị xử phạt với hành vi không thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; không có sổ nhật ký vận hành hoặc không ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định; không phối hợp với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án để được kiểm tra, giám sát trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định	15,000,000	20,000,000	Điều 12 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.2.b	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh bị xử phạt với hành vi không dừng hoạt động, không giảm công suất của dự án đầu tư hoặc không rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành hệ thống xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm hoặc không cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định trong trường hợp chất thải xả ra ngoài môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	20,000,000	30,000,000	Điều 12 Khoản 2 Điểm b	Đình chỉ hoạt động vận hành có liên quan đến công trình vận hành thử nghiệm của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, đ khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này	Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại điểm b, đ khoản 1, điểm b, đ khoản 2 và điểm b, đ khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.2.c	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh bị xử phạt với hành vi không lập, không gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đối với dự án đầu tư, cơ sở đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định	40,000,000	60,000,000	Điều 12 Khoản 2 Điểm c		Buộc di dời dự án đầu tư, cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp vi phạm không có giấy phép môi trường được cấp theo quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này mà địa điểm đang thực hiện dự án đầu tư, cơ sở không phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								trường được phê duyệt theo quy định	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.2.d	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh bị xử phạt với hành vi không vận hành thử nghiệm hoặc không vận hành thử nghiệm lại các công trình xử lý chất thải theo quy định; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải quá thời gian theo quy định mà không có văn bản thông báo gia hạn quá trình vận hành thử nghiệm; không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) hoặc phối hợp với tổ chức không đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định; không theo dõi, giám sát kết quả quan trắc nước thải, bụi, khí thải tự động, liên tục hoặc không kết nối, truyền số liệu về cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án trong trường hợp thuộc đối tượng quan trắc nước thải, bụi, khí thải tự động	60,000,000	80,000,000	Điều 12 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.2.đ	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh bị xử phạt với hành vi không dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải hoặc không báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường	80,000,000	100,000,000	Điều 12 Khoản 2 Điểm đ	Đình chỉ hoạt động vận hành có liên quan đến công trình vận hành thử nghiệm của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 và điểm đ khoản 3 Điều này	Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại điểm b, đ khoản 1, điểm b, đ khoản 2 và điểm b, đ khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.3.a	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì bị xử phạt với hành vi không thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở cho cơ quan nhà. nước có thẩm quyền theo quy định; không có sổ nhật ký vận hành hoặc không ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định; không phối hợp với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án để được kiểm tra, giám sát trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định	20,000,000	30,000,000	Điều 12 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.3.b	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì bị xử phạt với hành vi không dừng hoạt động, không giảm công suất của dự án đầu tư, cơ sở hoặc không rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành hệ thống xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm hoặc không cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định trong trường hợp chất thải xả ra ngoài môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	30,000,000	40,000,000	Điều 12 Khoản 3 Điểm b	Đình chỉ hoạt động vận hành có liên quan đến công trình vận hành thử nghiệm của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, đ khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này	Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại điểm b, đ khoản 1, điểm b, đ khoản 2 và điểm b, đ khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.3.c	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì bị xử phạt với hành vi không lập, không gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đối với dự án đầu tư đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định	60,000,000	80,000,000	Điều 12 Khoản 3 Điểm c		Buộc di dời dự án đầu tư, cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp vi phạm không có giấy phép môi trường được cấp theo quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này mà địa điểm đang thực hiện dự án đầu tư, cơ sở không phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								trường được phê duyệt theo quy định	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.3.d	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì bị xử phạt với hành vi không vận hành thử nghiệm hoặc không vận hành thử nghiệm lại các công trình xử lý chất thải theo quy định; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải quá thời gian theo quy định mà không có văn bản thông báo gia hạn quá trình vận hành thử nghiệm; không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) hoặc phối hợp với tổ chức không đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định; không theo dõi, giám sát kết quả quan trắc nước thải, bụi, khí thải tự động, liên tục hoặc không kết nối, truyền số liệu về cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án trong trường hợp thuộc đối tượng quan trắc nước thải, bụi, khí thải tự động	80,000,000	100,000,000	Điều 12 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.12.3.đ	Vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	Hành vi vi phạm quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đối tượng tương đương thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì bị xử phạt với hành vi không dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải hoặc không báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường	100,000,000	120,000,000	Điều 12 Khoản 3 Điểm đ	Đình chỉ hoạt động vận hành có liên quan đến công trình vận hành thử nghiệm của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 và điểm đ khoản 3 Điều này	Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại điểm b, đ khoản 1, điểm b, đ khoản 2 và điểm b, đ khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.13.1.a	Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong trường hợp không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành với hành vi không có công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, kiểm soát ánh sáng, bức xạ nhiệt theo quy định; xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành hoặc không vận hành thường xuyên đối với công trình bảo vệ m.ôi trường theo quy định	50,000,000	100,000,000	Điều 13 Khoản 1 Điểm a		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện một trong các hành vi: xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra ngoài môi trường; không vận hành thường xuyên đối với công trình xử lý chất thải theo quy định; không có công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại điểm a, b khoản 1; điểm a, b khoản 2 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.13.1.b	Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong trường hợp không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành với hành vi không có công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định	120,000,000	150,000,000	Điều 13 Khoản 1 Điểm b	Đình chỉ hoạt động triển khai thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án đầu tư, cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này	Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện một trong các hành vi: xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra ngoài môi trường; không vận hành thường xuyên đối với công trình xử lý chất thải theo quy định; không có công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại điểm a, b khoản 1; điểm a, b khoản 2 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.13.1.c	Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong trường hợp không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành với hành vi không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định	150,000,000	200,000,000	Điều 13 Khoản 1 Điểm c	Đình chỉ hoạt động triển khai thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án đầu tư, cơ sở mà không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm các quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này	Buộc di dời dự án, cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều này mà địa điểm đang thực hiện dự án đầu tư, cơ sở không phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được phê duyệt theo quy định	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.13.2.a	Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong trường hợp không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành với hành vi không có công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, kiểm soát ánh sáng, bức xạ nhiệt theo quy định; xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành hoặc không vận hành thường xuyên đối với công trình bảo vệ môi trường theo quy định	100,000,000	150,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm a		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện một trong các hành vi: xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra ngoài môi trường; không vận hành thường xuyên đối với công trình xử lý chất thải theo quy định; không có công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại điểm a, b khoản 1; điểm a, b khoản 2 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.13.2.b	Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong trường hợp không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành với hành vi không có công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định	150,000,000	200,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm b	Đình chỉ hoạt động triển khai thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án đầu tư, cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này	Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện một trong các hành vi: xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra ngoài môi trường; không vận hành thường xuyên đối với công trình xử lý chất thải theo quy định; không có công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại điểm a, b khoản 1; điểm a, b khoản 2 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.13.2.c	Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong trường hợp không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành với hành vi không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định	200,000,000	250,000,000	Điều 13 Khoản 2 Điểm c	Đình chỉ hoạt động triển khai thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án đầu tư, cơ sở mà không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm các quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này	Buộc di dời dự án, cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều này mà địa điểm đang thực hiện dự án đầu tư, cơ sở không phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được phê duyệt theo quy định	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.1.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định, khi triển khai xây dựng mới hoặc vận hành chính thức với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường có hành vi không thu gom, quản lý, xử lý nước thải, bụi, khí thải; không kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt theo quy định	500,000,000	#####	Điều 14 Khoản 1 Điểm a		Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm a, c, đ khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.1.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định, khi triển khai xây dựng mới hoặc vận hành chính thức với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường có hành vi không đăng ký môi trường theo quy định	3,000,000,000	#####	Điều 14 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.1.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định, khi triển khai xây dựng mới hoặc vận hành chính thức với dự án đầu tư, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh có hành vi không thu gom, quản lý, xử lý nước thải, bụi, khí thải; không kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt theo quy định	5,000,000,000	#####	Điều 14 Khoản 1 Điểm c		Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm a, c, đ khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.1.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định, khi triển khai xây dựng mới hoặc vận hành chính thức với hành vi không đăng ký môi trường theo quy định đối với dự án đầu tư, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh	10,000,000,000	#####	Điều 14 Khoản 1 Điểm d	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm các quy định tại điểm d và e khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.1.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định, khi triển khai xây dựng mới hoặc vận hành chính thức với hành vi không thu gom, quản lý, xử lý chất thải theo quy định trừ trường hợp vi phạm quy định về chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại đối với dự án đầu tư, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường	15,000,000,000	#####	Điều 14 Khoản 1 Điểm đ		Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm a, c, đ khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.1.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định, khi triển khai xây dựng mới hoặc vận hành chính thức với hành vi không đăng ký môi trường theo quy định đối với dự án đầu tư, cơ sở phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường	20,000,000,000	#####	Điều 14 Khoản 1 Điểm e	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm các quy định tại điểm d và e khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.14.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp huyện, khi triển khai xây	20,000,000	25,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm a		Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi không rà soát công trình, thiết bị xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm hoặc không cải tạo, nâng cấp công trình xử lý chất thải theo quy định trong trường hợp báo cáo số liệu không đúng thực tế ô nhiễm hoặc có vi phạm về hành vi xả nước thải, bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; không thực hiện việc khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của mình gây ra					báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm a, c, d khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp huyện, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi không có công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung theo quy định	25,000,000	30,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.2.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp huyện, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi không có giấy phép môi trường theo quy định	30,000,000	35,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm c	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.2.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp huyện, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành hoặc không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường	35,000,000	40,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm d		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện một trong các hành vi quy định tại điểm d, đ khoản 2; điểm d, đ khoản 3 và điểm d, đ khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.2.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp huyện, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi không có công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường	40,000,000	50,000,000	Điều 14 Khoản 2 Điểm đ	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm các quy định tại điểm d và e khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều này	- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện một trong các hành vi quy định tại điểm d, đ khoản 2; điểm d, đ khoản 3 và điểm d, đ khoản 4 Điều này - Buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2, điểm đ khoản 3 và điểm đ khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi không rà soát công trình, thiết bị xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm hoặc không cải tạo, nâng cấp công trình xử lý chất thải theo quy định trong trường hợp báo cáo số liệu không đúng thực tế ô nhiễm hoặc có vi phạm về hành vi xả nước thải, bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; không thực hiện việc khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của mình gây ra	30,000,000	40,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm a		Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm a, c, d khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi không có công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung theo quy định	50,000,000	100,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi không có giấy phép môi trường theo quy định	150,000,000	170,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm c	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.3.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi không vận hành hoặc không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường	170,000,000	200,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm d		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện một trong các hành vi quy định tại điểm d, đ khoản 2; điểm d, đ khoản 3 và điểm d, đ khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.3.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi không có công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường	400,000,000	500,000,000	Điều 14 Khoản 3 Điểm đ	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm các quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này	- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện một trong các hành vi quy định tại điểm đ, đ khoản 2; điểm đ, đ khoản 3 và điểm đ, đ khoản 4 Điều này - Buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2, điểm đ khoản 3 và điểm đ khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.4.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi không rà soát công trình, thiết bị xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm hoặc không cải tạo, nâng cấp công trình xử lý chất thải theo quy định trong trường hợp báo cáo số liệu không đúng thực tế ô nhiễm hoặc có vi phạm về hành vi xả nước thải, bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; không thực hiện việc khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của mình gây ra	40,000,000	50,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm a		Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm a, c, d khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.4.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi không có công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung theo quy định	100,000,000	150,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.4.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi không có giấy phép môi trường theo quy định	200,000,000	220,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm c	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này	Buộc di dời dự án đầu tư, cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp vi phạm không có giấy phép môi trường được cấp theo quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này mà địa điểm đang thực hiện dự án đầu tư, cơ sở không phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								trường được phê duyệt theo quy định	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.4.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi không vận hành hoặc không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường	220,000,000	250,000,000	Điều 14 Khoản 4 Điểm d		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện một trong các hành vi quy định tại điểm d, đ khoản 2; điểm d, đ khoản 3 và điểm d, đ khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.14.4.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành hoặc cơ sở đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường, khi triển khai xây dựng hoặc vận hành chính thức bị xử phạt với hành vi không có công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường	800,000,000	#####	Điều 14 Khoản 4 Điểm đ	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm các quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này	- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện một trong các hành vi quy định tại điểm đ, đ khoản 2; điểm đ, đ khoản 3 và điểm đ, đ khoản 4 Điều này - Buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2, điểm đ khoản 3 và điểm đ khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.15.1	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với cá nhân, tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong làng nghề vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường bị xử phạt như đối với cá nhân, tổ chức hoạt động bên ngoài các làng nghề			Điều 15 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.15.2	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường với hành vi không có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nước thải, khí thải	1,500,000	2,000,000	Điều 15 Khoản 2			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.15.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp đối với hành vi không bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.15.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp đối với hành vi không ban hành quy chế bảo vệ môi trường cụm công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; không kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân; không phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường, kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong cụm công nghiệp theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.15.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp đối với hành vi không bố trí diện tích cây xanh bảo đảm tỷ lệ theo quy định; không bố trí công tơ điện độc lập tại nhà máy xử lý nước thải tập trung; không bố trí hố ga lắng cặn, tách váng đầu của nước mưa trước khi xả vào môi trường tiếp nhận; ghi chép nhật ký vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung không đầy đủ một trong các nội dung: lun lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có), lượng điện tiêu thụ, loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; không lưu giữ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.15.3.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp đối với hành vi không có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung	50,000,000	60,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.15.3.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp đối với hành vi không hoàn thành việc xây lắp, lắp đặt hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cụm công nghiệp đang hoạt động đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; không nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải theo quy định; không có hệ thống thu gom, thoát nước mưa theo phân kỳ đầu tư của cụm công nghiệp đang hoạt động theo quy định; không có hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo quy định; tiếp nhận thêm hoặc nâng công suất dự án đầu tư có phát sinh nước thải trong cụm công nghiệp khi chưa có hệ thống thu gom, thoát và xử lý nước thải tập trung theo quy định	60,000,000	100,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.15.3.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp,	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp đối với hành vi không thu gom, đấu nối triệt để nước thải của các cơ sở trong cụm công nghiệp vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định (trừ các trường hợp được phép miễn trừ đấu nối nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép thải ra môi trường ngoài phạm vi quản lý của cụm công nghiệp); xây dựng hệ thống thoát nước thải sau xử lý không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định	100,000,000	150,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm e			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		làng nghề							
	45.15.3.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp đối với hành vi xây lắp, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tập trung không đúng quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định; không hoàn thành việc xây lắp, lắp đặt hệ thống thu gom, thoát và xử lý nước thải của cụm công nghiệp đang hoạt động theo quy định; không vận hành hoặc vận hành không đúng hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp theo quy định	150,000,000	200,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm g			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.15.3.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp đối với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không có hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định	400,000,000	500,000,000	Điều 15 Khoản 3 Điểm h		- Buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm h khoản 3 và điểm i khoản 4 Điều này - Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định quy định tại điểm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								h khoản 3 và điểm i khoản 4 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.15.4.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đối với hành vi không bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường theo quy định; không ban hành quy chế bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; không phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường, kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.15.4.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đối với hành vi không kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân; không bố trí diện tích cây xanh bảo đảm tỷ lệ theo quy định; không bố trí khu vực chức năng, các loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định; không bố trí hố ga lắng cặn, tách váng dầu của nước mưa trước khi xả vào môi trường tiếp nhận; ghi chép nhật ký vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung không đầy đủ một trong các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có), lượng điện tiêu thụ, loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; không lưu giữ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.15.4.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đối với hành vi không có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung	50,000,000	60,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		công nghiệp, làng nghề							
	45.15.4.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đối với hành vi không bố trí công tơ điện, độc lập tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung	60,000,000	80,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.15.4.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đối với hành vi không thu gom, đấu nối hoặc đấu nối không triệt để nước mưa của các cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa theo quy định; không có hệ thống thu gom, thoát nước mưa theo phân kỳ đầu tư của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đang hoạt động theo quy định; không nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom thoát nước thải theo quy định; hệ thống thu gom, thoát nước thải sau xử lý không đảm bảo yêu cầu theo quy định; không kiểm soát dẫn đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung	80,000,000	100,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.15.4.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đối với hành vi không có hệ thống thu gom nước thải theo phân kỳ đầu tư của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đang hoạt động theo quy định; không có hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo quy định; không thực hiện thu gom, đấu nối hoặc đấu nối không triệt để nước thải của các cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung theo quy định	100,000,000	150,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm e			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nghiệp, làng nghề							
	45.15.4.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đối với hành vi tiếp nhận thêm dự án mới không thuộc danh mục ngành nghề được phép thu hút đầu tư theo quy định; tiếp nhận dự án mới hoặc nâng công suất dự án đang hoạt động có phát sinh nước thải trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khi không có hạ tầng bảo vệ môi trường hoặc hạ tầng bảo vệ môi trường không đáp ứng theo quy định hoặc không phù hợp với khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định	150,000,000	180,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm g			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.15.4.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đối với hành vi xây lắp hệ thống xử lý nước thải tập trung không đúng quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định	200,000,000	250,000,000	Điều 15 Khoản 4 Điểm h			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.15.4.i	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đối với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không có hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định	800,000,000	#####	Điều 15 Khoản 4 Điểm i		- Buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm h khoản 3 và điểm i khoản 4 Điều này - Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định quy định tại điểm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								h khoản 3 và điểm i khoản 4 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.15.5.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường của chủ đầu tư các cơ sở hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đối với hành vi không bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường đối với trường hợp phải có theo quy định; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định bảo vệ môi trường của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, trừ trường hợp quy định tại điểm c, d khoản này	10,000,000	20,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.15.5.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường của chủ đầu tư các cơ sở hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đối với hành vi không có hệ thống quản lý môi trường theo quy định	20,000,000	25,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.15.5.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường của chủ đầu tư các cơ sở hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đối với hành vi không xử lý sơ bộ nước thải phát sinh theo điều kiện trong văn bản thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và giấy phép môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trước khi đấu nối với hệ thống thu gom để tiếp tục xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định	25,000,000	30,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.15.5.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường của chủ đầu tư các cơ sở hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đối với hành vi không đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và giấy phép môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, trừ trường hợp cơ sở đã có biện pháp, công trình xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và đã được miễn trừ đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định	30,000,000	40,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.15.5.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường của chủ đầu tư các cơ sở hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đối với hành vi không chấm dứt xả thải, điều chỉnh, thực hiện đầu nối, xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước thải theo quy định đối với cơ sở đang xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa	40,000,000	50,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.15.5.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường của chủ đầu tư các cơ sở hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đối với hành vi xả trái phép nước thải vào hệ thống thoát nước mưa của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	150,000,000	200,000,000	Điều 15 Khoản 5 Điểm e			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.15.6	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề	Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường của chủ đầu tư các cơ sở hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đối với hành vi cố tình xây lắp, lắp đặt đường ống, điểm xả nước thải ra ngoài môi trường không có biển báo, ký hiệu rõ ràng, ở vị trí không thể thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát, giám sát theo quy định; pha loãng nước thải, khí thải sau xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường nhằm đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; không di dời cơ sở để bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; không hạn chế, tạm dừng hoặc điều chỉnh thời gian hoạt động của cơ sở sản xuất có lưu lượng xả bụi, khí thải lưu lượng lớn ra môi trường và thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo chỉ đạo thực hiện các biện pháp khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng	200,000,000	250,000,000	Điều 15 Khoản 6		Buộc phải phá dỡ công trình, thiết bị để pha loãng chất thải và phải xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.16.1.a	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, bụi, khí thải công nghiệp với hành vi lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, bụi, khí thải công nghiệp không đúng thời hạn theo quy định	50,000,000	60,000,000	Điều 16 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.16.1.b	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, bụi, khí thải công nghiệp với hành vi sử dụng thiết bị quan trắc tự động, liên tục không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải, bụi, khí thải công nghiệp theo quy định; không vận hành, vận hành không đúng, không đầy đủ quy trình theo yêu cầu về quản lý, vận hành hệ thống đối với hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc hệ thống quan trắc bụi, khí thải công nghiệp tự động, liên tục; không lắp đặt camera theo dõi hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải, bụi, khí thải công nghiệp theo quy định; không lắp đặt thiết bị lấy mẫu tự động đối với nước thải tại hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải; không lưu giữ số liệu quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp theo quy định hoặc không kết nối, truyền số liệu quan trắc về cơ quan có thẩm quyền theo quy định	80,000,000	100,000,000	Điều 16 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.16.1.c	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, bụi, khí thải công nghiệp với hành vi lắp đặt thiếu một trong các thông số quan trắc tự động, liên tục của hệ thống quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp tự động, liên tục theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn của dữ liệu quan trắc tự động, liên tục; can thiệp, làm thay đổi kết quả quan trắc tự động, liên tục trước khi truyền dữ liệu về cơ quan tiếp nhận theo quy định	100,000,000	150,000,000	Điều 16 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.16.1.d	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, bụi, khí thải công nghiệp với hành vi không có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc không có hệ thống quan trắc bụi, khí thải công nghiệp tự động theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc không khắc phục sự cố hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	150,000,000	200,000,000	Điều 16 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.16.1.đ	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm quy định về thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải, bụi, khí thải công nghiệp với hành vi không kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp tự động, liên tục theo quy định thì áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường			Điều 16 Khoản 1 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.16.2.a	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm về quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ, quan trắc, giám sát môi trường khác đối với hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ nội dung về quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) theo nội dung giấy phép môi trường	30,000,000	40,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm a		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi hành chính không thực hiện chương trình quan trắc chất thải trong quá trình vận hành dự án đầu tư quy định tại khoản 2, khoản 3,	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								khoản 4 Điều này	
	45.16.2.b	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm về quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ, quan trắc, giám sát môi trường khác đối với hành vi không thực hiện nội dung về quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ trong trường hợp phải thực hiện theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 16 Khoản 2 Điểm b		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi hành chính không thực hiện chương trình quan trắc chất thải trong quá trình vận hành dự án đầu tư quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.16.3.a	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm về quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ, quan trắc, giám sát môi trường khác đối với hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ nội dung về quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ, quan trắc, giám sát môi trường khác (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) theo nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường	60,000,000	80,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm a		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi hành chính không thực hiện chương trình quan trắc chất thải trong quá trình vận hành dự án đầu tư quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.16.3.b	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm về quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ, quan trắc, giám sát môi trường khác đối với hành vi không thực hiện nội dung về quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ, quan trắc, giám sát môi trường khác trong trường hợp phải thực hiện theo quy định	80,000,000	100,000,000	Điều 16 Khoản 3 Điểm b		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi hành chính không thực hiện chương trình quan trắc chất thải trong quá trình vận hành dự án đầu tư quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.16.4.a	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm về quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ, quan trắc, giám sát môi trường khác đối với hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ nội dung về quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ, quan trắc, giám sát môi trường khác (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) theo nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường	80,000,000	100,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm a		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi hành chính không thực hiện chương trình quan trắc chất thải trong quá trình vận hành dự án đầu tư quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.16.4.b	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm về quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ, quan trắc, giám sát môi trường khác đối với hành vi không thực hiện nội dung về quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp định kỳ, quan trắc, giám sát môi trường khác trong trường hợp phải thực hiện theo quy định	100,000,000	120,000,000	Điều 16 Khoản 4 Điểm b		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi hành chính không thực hiện chương trình quan trắc chất thải trong quá trình vận hành dự án đầu tư quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.16.5.a	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm về thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước, chất lượng không khí xung quanh và sử dụng kết quả quan trắc tự động để cung cấp, công bố thông tin cho cộng đồng đối với hành vi không thực hiện báo cáo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định về việc đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về quan trắc môi trường trước khi công bố thông tin cho cộng đồng	30,000,000	50,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.16.5.b	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm về thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước, chất lượng không khí xung quanh và sử dụng kết quả quan trắc tự động để cung cấp, công bố thông tin cho cộng đồng đối với hành vi sử dụng các thiết bị quan trắc tự động, liên tục không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, không đảm bảo về vị trí lắp đặt, nhân lực quản lý vận hành đối với trạm quan trắc chất lượng nước, chất lượng không khí xung quanh theo quy định để quan trắc và công bố thông tin về chất lượng môi trường cho cộng đồng	60,000,000	80,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.16.5.c	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm về thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước, chất lượng không khí xung quanh và sử dụng kết quả quan trắc tự động để cung cấp, công bố thông tin cho cộng đồng đối với hành vi không thực hiện đầy đủ yêu cầu về quản lý, vận hành trạm quan trắc chất lượng nước, chất lượng không khí xung quanh tự động, liên tục theo quy định và sử dụng kết quả quan trắc tự động để cung cấp, công bố thông tin cho cộng đồng	80,000,000	100,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.16.5.d	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi vi phạm về thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước, chất lượng không khí xung quanh và sử dụng kết quả quan trắc tự động để cung cấp, công bố thông tin cho cộng đồng đối với hành vi duy trì việc công bố thông tin về chất lượng môi trường từ các kết quả quan trắc tự động, liên tục mà thực tế không có thiết bị quan trắc hoặc thiết bị không hoạt động tại điểm quan trắc	100,000,000	120,000,000	Điều 16 Khoản 5 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.16.6	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi không bố trí sàn thao tác bảo đảm an toàn tại vị trí lấy mẫu nước thải, bụi, khí thải, lỗ lấy mẫu khí thải theo quy định	60,000,000	80,000,000	Điều 16 Khoản 6			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.16.7	Vi phạm quy định về quan trắc, giám sát môi trường	Hành vi phối hợp với đơn vị không có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi được cấp giấy chứng nhận để thực hiện quan trắc, giám sát môi trường	100,000,000	120,000,000	Điều 16 Khoản 7			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.17.1	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi thay đổi nhân sự, thiết bị, địa điểm cơ sở nhưng không thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định	10,000,000	30,000,000	Điều 17 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.17.2	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi không duy trì đầy đủ điều kiện về hóa chất (không có hóa chất, hóa chất đã hết hạn sử dụng) phục vụ quan trắc các thông số được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	30,000,000	60,000,000	Điều 17 Khoản 2			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.17.3.a	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi không duy trì đầy đủ điều kiện về nhân lực (số lượng cán bộ chuyên trách thực hiện hoạt động quan trắc tại hiện trường, số lượng cán bộ chuyên trách thực hiện hoạt động phân tích môi trường, người quản lý phòng thí nghiệm, người phụ trách bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng) thực hiện quan trắc môi trường đối với các thông số được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	60,000,000	80,000,000	Điều 17 Khoản 3 Điểm a	Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a khoản 3, điểm c khoản 4 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.17.3.b	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi phiếu trả kết quả quan trắc không đánh số thứ tự, ký hiệu, không đủ thông tin theo quy định	60,000,000	80,000,000	Điều 17 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.17.4.a	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi hoạt động không đúng phạm vi theo nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; cung cấp kết quả quan trắc, thử nghiệm đối với các thông số hoặc theo các phương pháp không được chứng nhận trong giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định (trừ các thông số không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường)	80,000,000	100,000,000	Điều 17 Khoản 4 Điểm a	Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 4 Điều này	Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi hành chính quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.17.4.b	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi không duy trì đầy đủ điều kiện về trang thiết bị phục vụ cho hoạt động quan trắc hiện trường hoặc phân tích môi trường so với thời điểm được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	80,000,000	100,000,000	Điều 17 Khoản 4 Điểm b	Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 4 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.17.4.c	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi thực hiện kỹ thuật quan trắc không đúng theo quy định kỹ thuật quan trắc môi trường hoặc yêu cầu của phương pháp quan trắc đã được chứng nhận, không thực hiện đúng và đầy đủ quy định về quy trình, phương pháp quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định	80,000,000	100,000,000	Điều 17 Khoản 4 Điểm c	Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a khoản 3, điểm c khoản 4 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.17.4.d	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi không lưu trữ đầy đủ dữ liệu quan trắc gốc đối với toàn bộ hoạt động dịch vụ quan trắc thực hiện trong 03 năm gần nhất hoặc từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đối với các đơn vị hoạt động dưới 3 năm	80,000,000	100,000,000	Điều 17 Khoản 4 Điểm d	Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 4 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.17.5	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi không có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định nhưng vẫn thực hiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	120,000,000	150,000,000	Điều 17 Khoản 5		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi hành chính quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.17.6	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Hành vi không kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị quan trắc theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quy định của nhà sản xuất thì áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo lường			Điều 17 Khoản 6			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần (tương đương mức vượt quy chuẩn kỹ thuật là 10%). Phạt cảnh cáo	0	0	Điều 18 Khoản 1		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	300,000	500,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 10 m3/ngày (24 giờ)	500,000	2,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 20 m3/ngày (24 giờ)	2,000,000	5,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 40 m3/ngày (24 giờ)	5,000,000	10,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m3/ngày (24 giờ)	10,000,000	20,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m3/ngày (24 giờ)	20,000,000	40,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m3/ngày (24 giờ)	40,000,000	50,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm g		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m3/ngày (24 giờ)	50,000,000	60,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm h		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m3/ngày (24 giờ)	60,000,000	70,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm i		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m3/ngày (24 giờ)	70,000,000	80,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm k		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 800 m3/ngày (24 giờ)	80,000,000	90,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm 1		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m3/ngày (24 giờ)	90,000,000	100,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm m		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m3/ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm n		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m3/ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm o		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m3/ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm p		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m ³ /ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm q		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m3/ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm r		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m3/ngày (24 giờ)	150,000,000	170,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm s		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m3/ngày (24 giờ)	170,000,000	190,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm t		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m3/ngày (24 giờ)	190,000,000	210,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm u		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m3/ngày (24 giờ)	210,000,000	230,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm ư		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m3/ngày (24 giờ)	230,000,000	250,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm v		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m3/ngày (24 giờ)	250,000,000	270,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm x		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.2.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m3/ngày (24 giờ) trở lên	270,000,000	300,000,000	Điều 18 Khoản 2 Điểm y		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m3/ngày (24 giờ)	1,000,000	5,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 10 m3/ngày (24 giờ)	5,000,000	20,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	20,000,000	30,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 40 m3/ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m3/ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m3/ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m3/ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm g		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m3/ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm h		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m3/ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm i		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m3/ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm k		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 800 m3/ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm l		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm m		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m3/ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm n		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 ttiVngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m3/ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm o		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m3/ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm p		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m3/ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm q		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 rhVngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm r		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m3/ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm s		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m ³ /ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm t		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m3/ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm u		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m3/ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm ư		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m3/ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm v		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m3/ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm x		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.3.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m3/ngày (24 giờ) trở lên	650,000,000	700,000,000	Điều 18 Khoản 3 Điểm y		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m3/ngày (24 giờ)	10,000,000	20,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	20,000,000	30,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 40 m3/ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 60 m ³ /ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m3/ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m3/ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm g		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m3/ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm h		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m3/ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m3/n.gày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 800 m3/ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm l	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm m	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m3/ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm n	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m3/ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm o	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m3/ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm p	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m3/ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm q	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ' 1.800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m3/ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm r	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m3/ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm s	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m3/ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm t	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m3/ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm u	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m ³ /ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm ư	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm ư, v, x và y khoản 4, các điểm u, ư, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm ư, v, x và y khoản 4, các điểm u, ư, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m ³ /ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm v	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m3/ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm x	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.4.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m3/ngày (24 giờ) trở lên	700,000,000	750,000,000	Điều 18 Khoản 4 Điểm y	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m3/ngày (24 giờ)	20,000,000	30,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 40 m ³ /ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m3/ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m3/ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m3/ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm g		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m3/ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m3/ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m3/ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 800 m3/ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm l	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm m	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m3/ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm n	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m3/ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm o	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m3/ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm p	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m3/ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm q	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m3/ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm r	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m3/ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm s	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m3/ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm t	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m3/ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm u	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 mVngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm ư	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm ư, v, x và y khoản 4, các điểm u, ư, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, ư, v,x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm ư, v, x và y khoản 4, các điểm u, ư, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m3/ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm v	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m3/ngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm x	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.5.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m3/ngày (24 giờ) trở lên	750,000,000	850,000,000	Điều 18 Khoản 5 Điểm y	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m3/ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 10 m3/ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 20 m3/ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 40 m3/ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m3/ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m3/ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m3/ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm g	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m3/ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m3/ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m3/ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 800 m3/ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm l	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m3/ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm m	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m3/ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm n	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m3/ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm o	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m3/ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm p	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m3/ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm q	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m3/ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm r	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m3/ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm s	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t và u khoản 4, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 5 và các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m3/ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm t	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m3/ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm u	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m3/ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm ư	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm ư, v, x và y khoản 4, các điểm u, ư, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm ư, v, x và y khoản 4, các điểm u, ư, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m3/ngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm v	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m3/ngày (24 giờ)	750,000,000	850,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm x	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.6.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m3/ngày (24 giờ) trở lên	850,000,000	950,000,000	Điều 18 Khoản 6 Điểm y	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v., x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, v, x và y khoản 4, các điểm u, u, v, x và y khoản 5 và các điểm t, u, u, v, x và y khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.18.7	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi vi phạm quy định tại Điều này đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,1 đến dưới 1,5 lần; 20% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,5 đến dưới 03 lần; 30% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 03 đến dưới 05 lần hoặc giá trị pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật; 40% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 05 đến dưới 10 lần; 50% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 10 lần trở lên		#####	Điều 18 Khoản 7		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần (tương đương mức vượt quy chuẩn kỹ thuật là 10%). Phạt cảnh cáo	Phạt cảnh cáo	Phạt cảnh cáo	Điều 19 Khoản 1		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp tải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m ³ /ngày (24 giờ)	1,000,000	5,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 10 m3/ngày (24 giờ)	5,000,000	10,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	10,000,000	20,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 40 m3/ngày (24 giờ)	20,000,000	30,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 60 m ³ /ngày (24 giờ)	30,000,000	40,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m3/ngày (24 giờ)	40,000,000	50,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m3/ngày (24 giờ)	50,000,000	60,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm g		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp tải lượng nước thải từ 100 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m3/ngày (24 giờ)	60,000,000	70,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm h		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m3/ngày (24 giờ)	70,000,000	90,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm i		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp tải lượng nước thải từ 400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m3/ngày (24 giờ)	90,000,000	110,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm k		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp tải lượng nước thải từ 600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 800 m3/ngày (24 giờ)	110,000,000	130,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm l		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m3/ngày (24 giờ)	130,000,000	150,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm m		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp tải lượng nước thải từ 1.000 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m ³ /ngày (24 giờ)	150,000,000	170,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm n		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.0	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp tải lượng nước thải từ 1.200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m3/ngày (24 giờ)	170,000,000	190,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm o		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m3/ngày (24 giờ)	190,000,000	210,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm p		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m3/ngày (24 giờ)	210,000,000	230,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm q		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m3/ngày (24 giờ)	230,000,000	250,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm r		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m3/ngày (24 giờ)	250,000,000	270,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm s		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m ³ /ngày (24 giờ)	270,000,000	290,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm t		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m3/ngày (24 giờ)	290,000,000	310,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm u		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m3/ngày (24 giờ)	310,000,000	330,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm ư		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m3/ngày (24 giờ)	330,000,000	350,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm v		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp tải lượng nước thải từ 4.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m3/ngày (24 giờ)	350,000,000	370,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm x		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.2.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp tải lượng nước thải từ 5.000 m3/ngày (24 giờ) trở lên	370,000,000	400,000,000	Điều 19 Khoản 2 Điểm y		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m3/ngày (24 giờ)	3,000,000	5,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 10 m3/ngày (24 giờ)	5,000,000	30,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 20 m3/ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 40 m3/ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m3/ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m3/ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m3/ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm g		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m3/ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm h		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m3/ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm i		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m3/ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm k		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 800 m3/ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm l		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m3/ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm m		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m3/ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm n		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m3/ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm o		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m3/ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm p		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m3/ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm q		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m3/ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm r		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m3/ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm s		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m3/ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm t		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m3/ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm u		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m3/ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm ư		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m3/ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm v		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m3/ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm x		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.3.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m3/ngày (24 giờ) trở lên	700,000,000	750,000,000	Điều 19 Khoản 3 Điểm y		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m3/ngày (24 giờ)	20,000,000	30,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 20 m3/ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 40 m3/ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m3/ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m3/ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m3/ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm g		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m3/ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m3/ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m3/ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 800 m3/ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm l	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m3/ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm m	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m3/ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm n	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m3/ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm o	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m3/ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm p	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m3/ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm q	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m ³ /ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm r	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ' 2.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m3/ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm s	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m3/ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm t	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m3/ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm u	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5, và khoản 10 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5 và khoản 10 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m3/ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm ư	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, ư, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 5, và khoản 10 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, ư, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 5 và khoản 10 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ' 4.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m3/ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm v	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5, và khoản 10 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5 và khoản 10 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m3/ngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm x	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5, và khoản 10 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5 và khoản 10 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.4.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m3/ngày (24 giờ) trở lên	750,000,000	850,000,000	Điều 19 Khoản 4 Điểm y	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5, và khoản 10 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5 và khoản 10 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m3/ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 10 m ³ /ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 20 m ³ /ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 40 m3/ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m3/ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 80 m ³ /ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m3/ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm g	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m3/ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m3/ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m3/ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 800 m3/ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm l	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m3/ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm m	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m3/ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm n	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m3/ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm o	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m3/ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm p	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m3/ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm q	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m3/ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm r	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m3/ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm s	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m3/ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm t	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5, và khoản 10 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5 và khoản 10 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m3/ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm u	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5, và khoản 10 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5 và khoản 10 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m3/ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm ư	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, ư, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 5, và khoản 10 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, ư, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, ư, v, x và y khoản 5 và khoản 10 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m3/ngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm v	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5, và khoản 10 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5 và khoản 10 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m3/ngày (24 giờ)	750,000,000	850,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm x	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5, và khoản 10 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5 và khoản 10 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.5.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần đến dưới 05 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m3/ngày (24 giờ) trở lên	850,000,000	950,000,000	Điều 19 Khoản 5 Điểm y	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5, và khoản 10 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5 và khoản 10 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.6.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m3/ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 19 Khoản 6 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.6.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 10 m3/ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 19 Khoản 6 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.6.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 20 m3/ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 19 Khoản 6 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.6.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 40 m3/ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 19 Khoản 6 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.6.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m3/ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 19 Khoản 6 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.6.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m3/ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 19 Khoản 6 Điểm e	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.6.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m3/ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 19 Khoản 6 Điểm g	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.6.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m3/ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 19 Khoản 6 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.6.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 300 m3/ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 19 Khoản 6 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.6.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 300 m3/ngày (24 giờ) trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	200,000,000	220,000,000	Điều 19 Khoản 6 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m3/ngày (24 giờ)	20,000,000	30,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 10 m3/ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 20 m3/ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 40 m ³ /ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m3/ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m3/ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m3/ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm g		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m3/ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 400 m ³ /ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m3/ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 800 m3/ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm l		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m3/ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm m		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m3/ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm n		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m3/ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm o		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m3/ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm p		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m3/ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm q		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m3/ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm r		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m3/ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm s		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m3/ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm t		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m3/ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm u		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m3/ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm ư		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m3/ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm v		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m ³ /ngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm x		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.7.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 4 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m3/ngày (24 giờ) trở lên	750,000,000	850,000,000	Điều 19 Khoản 7 Điểm y		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m3/ngày (24 giờ)	30,000,000	50,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 10 m3/ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 20 m3/ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 40 m3/ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m3/ngà;y (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m3/ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m3/ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm g	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m3/ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, 1, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, 1, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m3/ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m3/ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 800 m3/ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm l		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm m		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m3/ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm n		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m3/ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm o		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m3/ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm p		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m3/ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm q		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m3/ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm r		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m3/ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm s		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m3/ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm t		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m3/ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm u		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 m3/ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm ư		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m3/ngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm v		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m3/ngày (24 giờ)	750,000,000	850,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm x		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.8.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có độ pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5 trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m3/ngày (24 giờ) trở lên	850,000,000	950,000,000	Điều 19 Khoản 8 Điểm y		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.a	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m3/ngày (24 giờ)	50,000,000	100,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.b	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 10 m3/ngày (24 giờ)	100,000,000	110,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.c	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 20 m3/ngày (24 giờ)	110,000,000	120,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.d	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 40 m3/ngày (24 giờ)	120,000,000	130,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.đ	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m3/ngày (24 giờ)	130,000,000	140,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.e	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m3/ngày (24 giờ)	140,000,000	150,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm e	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.g	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m3/ngày (24 giờ)	150,000,000	160,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm g	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.h	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m3/ngày (24 giờ)	160,000,000	180,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.i	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m3/ngày (24 giờ)	180,000,000	200,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.k	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 600 m3/ngày (24 giờ)	200,000,000	220,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 4, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 5, các điểm e, g, h, i và k khoản 6, các điểm h, i và k khoản 7, các điểm g, h, i và k khoản 8 và các điểm e, g, h, i và k khoản 9 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.1	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 800 m3/ngày (24 giờ)	220,000,000	250,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm l		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.m	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 800 m ³ /ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)	250,000,000	300,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm m		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.n	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.200 m3/ngày (24 giờ)	300,000,000	350,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm n		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.o	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.200 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.400 m3/ngày (24 giờ)	350,000,000	400,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm o		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.p	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.400 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.600 m3/ngày (24 giờ)	400,000,000	450,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm p		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.q	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.600 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 1.800 m3/ngày (24 giờ)	450,000,000	500,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm q		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.r	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 1.800 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.000 m3/ngày (24 giờ)	500,000,000	550,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm r		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.s	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 2.500 m3/ngày (24 giờ)	550,000,000	600,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm s		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.t	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 2.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.000 m3/ngày (24 giờ)	600,000,000	650,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm t		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.u	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 3.500 m3/ngày (24 giờ)	650,000,000	700,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm u		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.ư	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 3.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.000 mVngày (24 giờ)	700,000,000	750,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm ư		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.v	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.000 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 4.500 m3/ngày (24 giờ)	750,000,000	850,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm v		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.x	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 4.500 m3/ngày (24 giờ) đến dưới 5.000 m3/ngày (24 giờ)	850,000,000	950,000,000	Điều 19 Khoản 9 Điểm x		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.9.y	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH từ 0 đến dưới 2 hoặc từ 12,5 đến 14, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp thải lượng nước thải từ 5.000 m3/ngày (24 giờ) trở lên	950,000,000	#####	Điều 19 Khoản 9 Điểm y		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.10	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi xả nước thải có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	950,000,000	#####	Điều 19 Khoản 10	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5, và khoản 10 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm u, u, v, x và y khoản 4, các điểm t, u, u, v, x và y khoản 5 và khoản 10 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.19.11	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường hoặc xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải có pH nằm ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật	Hành vi vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường phạt tăng thêm 10% của mức phạt tiền cao nhất đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,5 đến dưới 02 lần; 30% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 02 đến dưới 03 lần hoặc giá trị pH từ 04 đến dưới cận dưới của quy chuẩn kỹ thuật cho phép hoặc từ trên cận trên của quy chuẩn kỹ thuật cho phép đến dưới 10,5; 40% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 03 đến dưới 05 lần hoặc giá trị pH từ 02 đến dưới 04 hoặc từ 10,5 đến dưới 12,5; 50% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 05 lần trở lên hoặc giá trị pH dưới 02 hoặc từ 12,5 đến 14		#####	Điều 19 Khoản 11		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.1.a	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải chất gây mùi khó chịu, hôi thối vào môi trường; thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần (tương đương mức vượt quy chuẩn kỹ thuật là 10%)			Điều 20 Khoản 1 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.1.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải chất gây mùi khó chịu, hôi thối vào môi trường trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần	1,000,000	3,000,000	Điều 20 Khoản 1 Điều b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.a	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m3/giờ	5,000,000	10,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 500 m3/giờ đến dưới 5.000 m3/giờ	10,000,000	20,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m3/giờ đến dưới 10.000 m3/giờ	20,000,000	30,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 10.000 m3/giờ đến dưới 15.000 m3/giờ	30,000,000	50,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 15.000 m ³ /giờ đến dưới 20.000 m ³ /giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điều đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m3/giờ đến dưới 25.000 m3/giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 25.000 m3/giờ đến dưới 30.000 m3/giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điều g		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 30.000 m3/giờ đến dưới 35.000 m3/giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điều h		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 35.000 m3/giờ đến dưới 40.000 m3/giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp luận lượng khí thải từ 40.000 m3/giờ đến dưới 45.000 m3/giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.1	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 45.000 m3/giờ đến dưới 50.000 m3/giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm 1	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 50.000 m3/giờ đến dưới 55.000 m3/giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điều m	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, 1, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, 1, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, 1, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, 1, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 55.000 m3/giờ đến dưới 60.000 m3/giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm n	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 60.000 m3/giờ đến dưới 65.000 m3/giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm o	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 65.000 m3/giờ đến dưới 70.000 m3/giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm p	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 70.000 m3/giờ đến dưới 75.000 m3/giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm q	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 75.000 m3/giờ đến dưới 80.000 m3/giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm r	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 80.000 m3/giờ đến dưới 85.000 m3/giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm s	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 85.000 m3/giờ đến dưới 90.000 m3/giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm t	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 90.000 m3/giờ đến dưới 95.000 m3/giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm u	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 95.000 m3/giờ đến dưới 100.000 m3/giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm ư	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.2.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 100.000 m3/giờ trở lên	750,000,000	800,000,000	Điều 20 Khoản 2 Điểm v	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.a	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m3/giờ	10,000,000	20,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 500 m3/giờ đến dưới 5.000 m3/giờ	20,000,000	30,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m3/giờ đến dưới 10.000 m3/giờ	30,000,000	50,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 10.000 m3/giờ đến dưới 15.000 m3/giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 15.000 m3/giờ đến dưới 20.000 m3/giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m3/giờ đến dưới 25.000 m3/giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 25.000 m3/giờ đến dưới 30.000 m3/giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm g		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 30.000 m3/giờ đến dưới 35.000 m3/giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 35.000 m3/giờ đến dưới 40.000 m3/giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 40.000 m3/giờ đến dưới 45.000 m3/giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.1	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 45.000 m3/giờ đến dưới 50.000 m3/giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm l	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 50.000 m3/giờ đến dưới 55.000 m3/giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm m	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 55.000 m3/giờ đến dưới 60.000 m3/giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm n	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 60.000 m3/giờ đến dưới 65.000 m3/giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm o	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 65.000 m3/giờ đến dưới 70.000 m3/giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm p	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 70.000 m3/giờ đến dưới 75.000 m3/giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm q	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 75.000 m3/giờ đến dưới 80.000 m3/giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm r	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 80.000 m3/giờ đến dưới 85.000 m3/giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm s	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 85.000 m3/giờ đến dưới 90.000 m3/giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm t	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 90.000 m3/giờ đến dưới 95.000 m3/giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm u	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 95.000 m3/giờ đến dưới 100.000 m3/giờ	750,000,000	800,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm ư	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.3.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 100.000 m3/giờ trở lên	800,000,000	850,000,000	Điều 20 Khoản 3 Điểm v	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.a	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m3/giờ	20,000,000	30,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 500 m3/giờ đến dưới 5.000 m3/giờ	30,000,000	50,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m3/giờ đến dưới 10.000 m3/giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 10.000 m3/giờ đến dưới 15.000 m3/giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 15.000 m3/giờ đến dưới 20.000 m3/giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m3/giờ đến dưới 25.000 m3/giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 25.000 m3/giờ đến dưới 30.000 m3/giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm g	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 30.000 m3/giờ đến dưới 35.000 m3/giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 35.000 m3/giờ đến dưới 40.000 m3/giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 40.000 m3/giờ đến dưới 45.000 m3/giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.1	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 45.000 m3/giờ đến dưới 50.000 m3/giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm l	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 50.000 m3/giờ đến dưới 55.000 m3/giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm m	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 55.000 m3/giờ đến dưới 60.000 m3/giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm n	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 60.000 m3/giờ đến dưới 65.000 m3/giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm o	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 65.000 m3/giờ đến dưới 70.000 m3/giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm p	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 70.000 m3/giờ đến dưới 75.000 m3/giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm q	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 75.000 m3/giờ đến dưới 80.000 m3/giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm r	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 80.000 m3/giờ đến dưới 85.000 m3/giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm s	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 85.000 m3/giờ đến dưới 90.000 m3/giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm t	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 90.000 m3/giờ đến dưới 95.000 m3/giờ	750,000,000	800,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm u	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 95.000 m3/giờ đến dưới 100.000 m3/giờ	800,000,000	850,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm ư	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.4.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 100.000 m3/giờ trở lên	850,000,000	900,000,000	Điều 20 Khoản 4 Điểm v	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.a		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m3/giờ	30,000,000	50,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.b		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 500 m3/giờ đến dưới 5.000 m3/giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.c		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m3/giờ đến dưới 10.000 m3/giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.d		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 10.000 m3/giờ đến dưới 15.000 m3/giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.đ		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 15.000 m3/giờ đến dưới 20.000 m3/giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.e		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m3/giờ đến dưới 25.000 m3/giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm e	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.g		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 25.000 m ³ /giờ đến dưới 30.000 m ³ /giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm g	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.h		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 30.000 m3/giờ đến dưới 35.000 m3/giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.i		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 35.000 m3/giờ đến dưới 40.000 m3/giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.k		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 40.000 m3/giờ đến dưới 45.000 m3/giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.1		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 45.000 m3/giờ đến dưới 50.000 m3/giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm l	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.m		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 50.000 m3/giờ đến dưới 55.000 m3/giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm m	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, 1, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, 1, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, 1, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, 1, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.n		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 55.000 m ³ /giờ đến dưới 60.000 m ³ /giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm n	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.o		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 60.000 m3/giờ đến dưới 65.000 m3/giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm o	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.p		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 65.000 m3/giờ đến dưới 70.000 m3/giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm p	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r và s khoản 2, các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 4 và các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.q		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 70.000 m3/giờ đến dưới 75.000 m3/giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm q	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.r		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 75.000 m3/giờ đến dưới 80.000 m3/giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm r	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.s		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 80.000 m3/giờ đến dưới 85.000 m3/giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm s	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.t		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 85.000 m3/giờ đến dưới 90.000 m3/giờ	750,000,000	800,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm t	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.u		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 90.000 m3/giờ đến dưới 95.000 m3/giờ	800,000,000	850,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm u	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.ư		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 95.000 m3/giờ đến dưới 100.000 m3/giờ	850,000,000	900,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm ư	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.5.v		Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 100.000 m ³ /giờ trở lên	900,000,000	950,000,000	Điều 20 Khoản 5 Điểm v	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và v khoản 2, các điểm s, t, u, ư và v khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và v khoản 4 và các điểm q, r, s, t, u, ư và v khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm t, u, ư và V khoản 2, các điểm s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							4 và các điểm q, r, s, t, u, v và V khoản 5 Điều này	quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.20.6		Hành vi vi phạm quy định tại Điều này Phạt tăng thêm 10% của mức phạt tiền tối đa đã chọn đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép từ 1,1 đến dưới 1,5 lần; 20% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,5 đến dưới 02 lần; 30% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 02 đến dưới 03 lần; 40% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 03 lần trở lên		#####	Điều 20 Khoản 6		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.1	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi làm phát tán hóa chất, hơi dung môi hữu cơ trong khu sản xuất hoặc khu dân cư gây mùi đặc trưng của hóa chất, hơi dung môi hữu cơ đó; thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần (tương đương mức vượt quy chuẩn kỹ thuật là 10%)	0	0	Điều 21 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.21.2.a	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m3/giờ	10,000,000	20,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.21.2.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 500 m3/giờ đến dưới 5.000 m3/giờ	20,000,000	30,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m3/giờ đến dưới 10.000 m3/giờ	30,000,000	50,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.21.2.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 10.000 m3/giờ đến dưới 15.000 m3/giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.21.2.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 15.000 m3/giờ đến dưới 20.000 m3/giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m3/giờ đến dưới 25.000 m3/giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm e			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.21.2.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 25.000 m3/giờ đến dưới 30.000 m3/giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm g			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lượng khí thải từ 30.000 m3/giờ đến dưới 35.000 m3/giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 35.000 m ³ /giờ đến dưới 40.000 m ³ /giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 40.000 m ³ /giờ đến dưới 45.000 m ³ /giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.1	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 45.000 m3/giờ đến dưới 50.000 m3/giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm 1	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 50.000 m3/giờ đến dưới 55.000 m3/giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm m	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 55.000 m3/giờ đến dưới 60.000 m3/giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm n	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 60.000 m3/giờ đến dưới 65.000 m3/giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm o	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 65.000 m3/giờ đến dưới 70.000 m3/giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm p	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 70.000 m3/giờ đến dưới 75.000 m3/giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm q	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 75.000 m3/giờ đến dưới 80.000 m3/giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm r	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 80.000 m3/giờ đến dưới 85.000 m3/giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm s	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 85.000 m3/giờ đến dưới 90.000 m3/giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm t	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 90.000 m3/giờ đến dưới 95.000 m3/giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm u	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 95.000 m3/giờ đến dưới 100.000 m3/giờ	750,000,000	800,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm ư	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.2.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 đến dưới 1,5 lần hoặc thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 100.000 m ³ /giờ trở lên	800,000,000	850,000,000	Điều 21 Khoản 2 Điểm v	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		
	45.21.3.a	Vi phạm các quy định về thải bụi,	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m3/giờ	20,000,000	30,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường							
	45.21.3.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 500 m3/giờ đến dưới 5.000 m3/giờ	30,000,000	50,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.21.3.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m3/giờ đến dưới 10.000 m3/giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.21.3.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 10.000 m3/giờ đến dưới 15.000 m3/giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường							
	45.21.3.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 15.000 m3/giờ đến dưới 20.000 m3/giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.21.3.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m3/giờ đến dưới 25.000 m3/giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm e			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 25.000 m3/giờ đến dưới 30.000 m3/giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm g	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 30.000 m3/giờ đến dưới 35.000 m3/giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 35.000 m3/giờ đến dưới 40.000 m3/giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, 1, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, 1, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, 1, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, 1, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 40.000 m3/giờ đến dưới 45.000 m3/giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.1	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 45.000 m3/giờ đến dưới 50.000 m3/giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm 1	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, 1, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, 1, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, 1, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, 1, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 50.000 m3/giờ đến dưới 55.000 m3/giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm m	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 55.000 m3/giờ đến dưới 60.000 m3/giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm n	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, 1, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, 1, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, 1, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, 1, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 60.000 m3/giờ đến dưới 65.000 m3/giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm o	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 65.000 m3/giờ đến dưới 70.000 m3/giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm p	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 70.000 m3/giờ đến dưới 75.000 m3/giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm q	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 75.000 m3/giờ đến dưới 80.000 m3/giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm r	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 80.000 m3/giờ đến dưới 85.000 m3/giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm s	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 85.000 m3/giờ đến dưới 90.000 m3/giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm t	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 90.000 m3/giờ đến dưới 95.000 m3/giờ	750,000,000	800,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm u	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 95.000 m3/giờ đến dưới 100.000 m3/giờ	800,000,000	850,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm ư	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.3.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 02 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 100.000 m3/giờ trở lên	850,000,000	900,000,000	Điều 21 Khoản 3 Điểm v	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		
	45.21.4.a	Vi phạm các quy định về thải bụi,	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m3/giờ	30,000,000	50,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường							
	45.21.4.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 500 m3/giờ đến dưới 5.000 m3/giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.21.4.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m3/giờ đến dưới 10.000 m3/giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.21.4.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 10.000 m3/giờ đến dưới 15.000 m3/giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường							
	45.21.4.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 15.000 m3/giờ đến dưới 20.000 m3/giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m3/giờ đến dưới 25.000 m3/giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm e	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 25.000 m3/giờ đến dưới 30.000 m3/giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm g	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 30.000 m3/giờ đến dưới 35.000 m3/giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 35.000 m3/giờ đến dưới 40.000 m3/giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 40.000 m3/giờ đến dưới 45.000 m3/giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.l	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 45.000 m3/giờ đến dưới 50.000 m3/giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm l	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 50.000 m3/giờ đến dưới 55.000 m3/giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm m	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 55.000 m3/giờ đến dưới 60.000 m3/giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm n	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 60.000 m3/giờ đến dưới 65.000 m3/giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm o	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 65.000 m3/giờ đến dưới 70.000 m3/giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm p	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 70.000 m3/giờ đến dưới 75.000 m3/giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm q	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 75.000 m3/giờ đến dưới 80.000 m3/giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm r	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 80.000 m3/giờ đến dưới 85.000 m3/giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm s	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 85.000 m3/giờ đến dưới 90.000 m3/giờ	750,000,000	800,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm t	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 90.000 m3/giờ đến dưới 95.000 m3/giờ	800,000,000	850,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm u	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 95.000 m3/giờ đến dưới 100.000 m3/giờ	850,000,000	900,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm ư	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.4.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần đến dưới 03 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 100.000 m3/giờ trở lên	900,000,000	950,000,000	Điều 21 Khoản 4 Điểm v	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		
	45.21.5.a	Vi phạm các quy định về thải bụi,	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 500 m ³ /giờ	50,000,000	70,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường							
	45.21.5.b	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 500 m3/giờ đến dưới 5.000 m3/giờ	70,000,000	90,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.21.5.c	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m3/giờ đến dưới 10.000 m3/giờ	90,000,000	110,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.21.5.d	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 10.000 m3/giờ đến dưới 15.000 m3/giờ	110,000,000	130,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường							
	45.21.5.đ	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 15.000 m3/giờ đến dưới 20.000 m3/giờ	130,000,000	150,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm đ	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.e	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 20.000 m3/giờ đến dưới 25.000 m3/giờ	150,000,000	200,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm e	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.g	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 25.000 m3/giờ đến dưới 30.000 m3/giờ	200,000,000	250,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm g	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.h	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 30.000 m ³ /giờ đến dưới 35.000 m ³ /giờ	250,000,000	300,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.i	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 35.000 m ³ /giờ đến dưới 40.000 m ³ /giờ	300,000,000	350,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.k	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 40.000 m ³ /giờ đến dưới 45.000 m ³ /giờ	350,000,000	400,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.l	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 45.000 m3/giờ đến dưới 50.000 m3/giờ	400,000,000	450,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm l	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.m	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 50.000 m3/giờ đến dưới 55.000 m3/giờ	450,000,000	500,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm m	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, 1, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, 1, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, 1, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, 1, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.n	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 55.000 m3/giờ đến dưới 60.000 m3/giờ	500,000,000	550,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm n	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.o	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 60.000 m3/giờ đến dưới 65.000 m3/giờ	550,000,000	600,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm o	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 2, các điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p và q khoản 3, các điểm e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 4 và các điểm đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.p	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 65.000 m3/giờ đến dưới 70.000 m3/giờ	600,000,000	650,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm p	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.q	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 70.000 m3/giờ đến dưới 75.000 m3/giờ	650,000,000	700,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm q	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.r	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 75.000 m ³ /giờ đến dưới 80.000 m ³ /giờ	700,000,000	750,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm r	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.s	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 80.000 m ³ /giờ đến dưới 85.000 m ³ /giờ	750,000,000	800,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm s	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.t	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 85.000 m3/giờ đến dưới 90.000 m3/giờ	800,000,000	850,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm t	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.u	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 90.000 m3/giờ đến dưới 95.000 m3/giờ	850,000,000	900,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm u	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.ư	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 95.000 m3/giờ đến dưới 100.000 m3/giờ	900,000,000	950,000,000	Điều 21 Khoản 5 Điểm ư	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.5.v	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 100.000 m3/giờ trở lên	950,000,000	#####	Điều 21 Khoản 5 Điểm v	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, ư và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, ư và V khoản 3, các điểm q,		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
							r, s, t, u, ư và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, ư và V khoản 5 và khoản 6 Điều n		

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.21.6	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi thải bụi, khí thải có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	950,000,000	#####	Điều 21 Khoản 6	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm s, t, u, r và V khoản 2, các điểm r, s, t, u, r và V khoản 3, các điểm q, r, s, t, u, r và V khoản 4, các điểm p, q, r, s, t, u, r và V khoản 5 và khoản 6 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.21.7	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Hành vi vi phạm quy định tại Điều này phạt tăng thêm 10% của mức phạt tiền tối đa đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,1 đến dưới 1,5 lần; 20% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 1,5 đến dưới 02 lần; 30% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 02 đến dưới 03 lần; 40% đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 03 lần trở lên		#####	Điều 21 Khoản 7			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.22.1	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn dưới 02 dBA	0	0	Điều 22 Khoản 1		- Buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm tiếng ồn theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.22.2	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 02 dBA đến dưới 05 dBA	1,000,000	5,000,000	Điều 22 Khoản 2		- Buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm tiếng ồn theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.22.3	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 05 dBA đến dưới 10 dBA	5,000,000	20,000,000	Điều 22 Khoản 3		- Buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm tiếng ồn theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.22.4	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 10 dBA đến dưới 15 dBA	20,000,000	40,000,000	Điều 22 Khoản 4	Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm tiếng ồn của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này	- Buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm tiếng ồn theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.22.5	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 15 dBA đến dưới 20 dBA	40,000,000	60,000,000	Điều 22 Khoản 5	Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm tiếng ồn của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này	- Buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm tiếng ồn theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.22.6	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 20 dBA đến dưới 25 dBA	60,000,000	80,000,000	Điều 22 Khoản 6	Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm tiếng ồn của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này	- Buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm tiếng ồn theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.22.7	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 25 dBA đến dưới 30 dBA	80,000,000	100,000,000	Điều 22 Khoản 7	Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm tiếng ồn của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này	- Buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm tiếng ồn theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.22.8	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 30 dBA đến dưới 35 dBA	100,000,000	120,000,000	Điều 22 Khoản 8	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 10 Điều này	- Buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm tiếng ồn theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.22.9	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 35 dBA đến dưới 40 dBA	120,000,000	140,000,000	Điều 22 Khoản 9	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 10 Điều này	- Buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm tiếng ồn theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.22.10	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 40 dBA trở lên	140,000,000	160,000,000	Điều 22 Khoản 10	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 10 Điều này	- Buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm tiếng ồn theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.1.a	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động xây dựng đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung dưới 02 dB	0	0	Điều 23 Khoản 1 Điểm a		- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.1.b	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động xây dựng đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 02 dB đến dưới 05 dB	1,000,000	5,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm b		- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.1.c	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động xây dựng đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 05 dB đến dưới 10 dB	5,000,000	20,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm c		- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.1.d	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động xây dựng đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 10 dB đến dưới 15 dB	20,000,000	40,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm d	Đình chỉ hoạt động gây độ rung của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 1 và các điểm d, đ, e và g khoản 2 Điều này	- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.1.đ	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động xây dựng đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 15 dB đến dưới 20 dB	40,000,000	60,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm đ	Đình chỉ hoạt động gây độ rung của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 1 và các điểm d, đ, e và g khoản 2 Điều này	- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.1.e	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động xây dựng đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 20 dB đến dưới 25 dB	60,000,000	80,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm e	Đình chỉ hoạt động gây độ rung của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 1 và các điểm d, đ, e và g khoản 2 Điều này	- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.1.g	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động xây dựng đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 25 dB đến dưới 30 dB	80,000,000	100,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm g	Đình chỉ hoạt động gây độ rung của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 1 và các điểm d, đ, e và g khoản 2 Điều này	- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.1.h	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động xây dựng đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 30 dB đến dưới 35 dB	100,000,000	120,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i và k khoản 1 và các điểm h, i và k khoản 2 Điều này	- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.1.i	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động xây dựng đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 35 dB đến dưới 40 dB	120,000,000	140,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i và k khoản 1 và các điểm h, i và k khoản 2 Điều này	- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.1.k	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động xây dựng đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 40 dB trở lên	140,000,000	160,000,000	Điều 23 Khoản 1 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i và k khoản 1 và các điểm h, i và k khoản 2 Điều này	- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.2.a	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung dưới 02 dB	0	0	Điều 23 Khoản 2 Điểm a		- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.2.b	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 02 dB đến dưới 05 dB	3,000,000	5,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm b		- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.2.c	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 05 dB đến dưới 10 dB	5,000,000	30,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm c		- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.2.d	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 10 dB đến dưới 15 dB	30,000,000	50,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm d	Đình chỉ hoạt động gây độ rung của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 1 và các điểm d, đ, e và g khoản 2 Điều này	- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.2.đ	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 15 dB đến dưới 20 dB	50,000,000	70,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm đ	Đình chỉ hoạt động gây độ rung của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 1 và các điểm d, đ, e và g khoản 2 Điều này	- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.2.e	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 20 dB đến dưới 25 dB	70,000,000	90,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm e	Đình chỉ hoạt động gây độ rung của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 1 và các điểm d, đ, e và g khoản 2 Điều này	- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.2.g	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 25 dB đến dưới 30 dB	90,000,000	110,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm g	Đình chỉ hoạt động gây độ rung của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 1 và các điểm d, đ, e và g khoản 2 Điều này	- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.2.h	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 30 dB đến dưới 35 dB	110,000,000	130,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm h	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i và k khoản 1 và các điểm h, i và k khoản 2 Điều này	- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.2.i	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 35 dB đến dưới 40 dB	130,000,000	150,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm i	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i và k khoản 1 và các điểm h, i và k khoản 2 Điều này	- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.23.2.k	Vi phạm các quy định về độ rung	Hành vi vi phạm các quy định về độ rung trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ đối với hành vi gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 40 dB trở lên	150,000,000	170,000,000	Điều 23 Khoản 2 Điểm k	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm h, i và k khoản 1 và các điểm h, i và k khoản 2 Điều này	- Buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.24.1	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài	Hành vi rò rỉ, thải hóa chất độc vào môi trường đất, nước trái quy định về bảo vệ môi trường	40,000,000	50,000,000	Điều 24 Khoản 1		- Buộc phải khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu hoặc phục hồi môi trường theo quy định, thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.24.2	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài	Hành vi thải các nguồn gây dịch bệnh vào môi trường bị áp dụng hình thức xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế			Điều 24 Khoản 2		- Buộc phải khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu hoặc phục hồi môi trường theo quy định, thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.24.3.a	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước (nước ngầm, nước mặt bên trong và ngoài khuôn viên của cơ sở) hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đất, nước, không khí xung quanh đối với trường hợp hàm lượng chất gây ô nhiễm (thông số môi trường) trong đất, nước hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật dưới 03 lần đối với thông số môi trường nguy hại hoặc dưới 05 lần đối với thông số môi trường thông thường	50,000,000	80,000,000	Điều 24 Khoản 3 Điểm a	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này	- Buộc phải khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu hoặc phục hồi môi trường theo quy định, thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.24.3.b	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước (nước ngầm, nước mặt bên trong và ngoài khuôn viên của cơ sở) hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đất, nước, không khí xung quanh đối với trường hợp hàm lượng chất gây ô nhiễm (thông số môi trường) trong đất, nước hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 03 lần đến dưới 05 lần đối với thông số môi trường nguy hại hoặc từ 05 lần đến dưới 10 lần đối với thông số môi trường thông thường	80,000,000	100,000,000	Điều 24 Khoản 3 Điểm b	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 3, khoản 5, khoản 7 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản này từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 3, khoản 5 và khoản 7 Điều này	- Buộc phải khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu hoặc phục hồi môi trường theo quy định, thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.24.3.c	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước (nước ngầm, nước mặt bên trong và ngoài khuôn viên của cơ sở) hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đất, nước, không khí xung quanh đối với trường hợp hàm lượng chất gây ô nhiễm (thông số môi trường) trong đất, nước hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 05 lần trở lên đối với thông số môi trường nguy hại hoặc từ 10 lần trở lên đối với thông số môi trường thông thường	100,000,000	150,000,000	Điều 24 Khoản 3 Điểm c	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 3, khoản 5, khoản 7 Điều này	- Buộc phải khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu hoặc phục hồi môi trường theo quy định, thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.24.4	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài	Hành vi vi phạm quy định tại các Điều 18, 19, 20 và 21; khoản 4 Điều 25, điểm d khoản 5 và khoản 8 Điều 26; điểm a khoản 6, khoản 7, điểm b khoản 8 Điều 29; khoản 7, điểm b khoản 8 Điều 30; khoản 7, điểm b khoản 8 Điều 31; các khoản 4 và 5 Điều 36 hoặc vi phạm trong phân khu phục hồi sinh thái, khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn mà làm hàm lượng chất gây ô nhiễm trong đất, nước hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đất, nước, không khí xung quanh đến dưới 03 lần đối với thông số môi trường nguy hại hoặc dưới 05 lần đối với thông số môi trường thông thường. Phạt tăng thêm từ 20% đến 30% của mức tiền phạt		#####	Điều 24 Khoản 4	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này	- Buộc phải khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu hoặc phục hồi môi trường theo quy định, thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.24.5	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài	Hành vi vi phạm quy định tại các điều 18, 19, 20 và 21; khoản 4 Điều 25, điểm d khoản 5 và khoản 8 Điều 26; điểm a khoản 6, khoản 7, điểm b khoản 8 Điều 29; khoản 7, điểm b khoản 8 Điều 30; khoản 7, điểm b khoản 8 Điều 31; các khoản 4 và 5 Điều 36 hoặc vi phạm trong phân khu phục hồi sinh thái, khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn mà làm hàm lượng chất gây ô nhiễm trong đất, nước hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đất, nước, không khí xung quanh từ 03 lần đến dưới 05 lần đối với thông số môi trường nguy hại hoặc từ 05 lần đến dưới 10 lần đối với thông số môi trường thông thường. Phạt tăng thêm từ 30% đến 40% của mức tiền phạt		#####	Điều 24 Khoản 5	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 3, khoản 5, khoản 7 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản này từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 3, khoản 5 và khoản 7 Điều này	- Buộc phải khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu hoặc phục hồi môi trường theo quy định, thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.24.6	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài	Hành vi vi phạm quy định tại các 18, 19, 20 và 21; khoản 4 Điều 25, điểm d khoản 5 và khoản 8 Điều 26; điểm a khoản 6, khoản 7, điểm b khoản 8 Điều 29; khoản 7, điểm b khoản 8 Điều 30; khoản 7, điểm b khoản 8 Điều 31; các khoản 4 và 5 Điều 36 hoặc vi phạm trong phân khu phục hồi sinh thái, khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn mà làm hàm lượng chất gây ô nhiễm trong đất, nước hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đất, nước, không khí xung quanh từ 05 lần trở lên đối với thông số môi trường nguy hại hoặc từ 10 lần trở lên đối với thông số môi trường thông thường. Phạt tăng thêm từ 40% đến 50% của mức tiền phạt		#####	Điều 24 Khoản 6		- Buộc phải khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu hoặc phục hồi môi trường theo quy định, thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.24.7.a	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài	Hành vi gây ô nhiễm môi trường trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi sau mà tiếp tục tái phạm và hết thời hạn khắc phục hậu quả vi phạm mà chưa khắc phục được đối với Xã nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 03 lần trở lên với thông số môi trường thông thường hoặc từ 02 lần trở lên đối với thông số môi trường nguy hại	130,000,000	150,000,000	Điều 24 Khoản 7 Điểm a	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 3, khoản 5, khoản 7 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản này từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 3, khoản 5 và khoản 7 Điều này	- Buộc phải khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu hoặc phục hồi môi trường theo quy định, thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.24.7.b	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài	Hành vi gây ô nhiễm môi trường trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi sau mà tiếp tục tái phạm và hết thời hạn khắc phục hậu quả vi phạm mà chưa khắc phục được đối với Xả khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 02 lần trở lên đối với thông số môi trường thông thường hoặc từ 1,5 lần trở lên đối với thông số môi trường nguy hại	130,000,000	150,000,000	Điều 24 Khoản 7 Điểm b	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 3, khoản 5, khoản 7 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản này từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 3, khoản 5 và khoản 7 Điều này	- Buộc phải khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu hoặc phục hồi môi trường theo quy định, thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.24.7.c	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài	Hành vi gây ô nhiễm môi trường trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi sau mà tiếp tục tái phạm và hết thời hạn khắc phục hậu quả vi phạm mà chưa khắc phục được đối với Gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 10 dBA trở lên hoặc gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 20 dB trở lên	130,000,000	150,000,000	Điều 24 Khoản 7 Điểm c	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở đối với cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 3, khoản 5, khoản 7 Điều này; Đình chỉ hoạt động của cơ sở đối với cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản này từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 3, khoản 5 và khoản 7 Điều này	- Buộc phải khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu hoặc phục hồi môi trường theo quy định, thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.25.1	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi không niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường ở nơi công cộng	0	0	Điều 25 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.25.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm	Hành vi thu gom, thải rác thải trái quy định về bảo vệ môi trường đối với hành vi vứt, thải, bỏ đầu, mẫu, tàn thuốc lá không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng	100,000	150,000	Điều 25 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		môi trường							
	45.25.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi thu gom, thải rác thải trái quy định về bảo vệ môi trường đối với hành vi vệ sinh cá nhân (tiểu tiện, đại tiện) không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng	150,000	250,000	Điều 25 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.25.2.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi thu gom, thải rác thải trái quy định về bảo vệ môi trường đối với hành vi vứt, thải, bỏ rác thải, đổ nước thải không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng, trừ vi phạm quy định tại điểm d khoản này	500,000	1,000,000	Điều 25 Khoản 2 Điểm c		Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; nếu gây ô nhiễm môi trường phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm tại điểm c, d khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.25.2.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	Hành vi thu gom, thải rác thải trái quy định về bảo vệ môi trường đối với hành vi vứt, thải, bỏ rác thải trên vỉa hè, lòng đường hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt; đổ nước thải không đúng quy định trên vỉa hè, lòng đường phố; thải bỏ chất thải nhựa phát sinh từ sinh hoạt vào ao hồ, kênh rạch, sông, suối, biển	1,000,000	2,000,000	Điều 25 Khoản 2 Điểm d		Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; nếu gây ô nhiễm môi trường phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		gây ô nhiễm môi trường						vi phạm tại điểm c, d khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này	
	45.25.3	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi vận chuyển nguyên liệu, vật liệu không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường trong khi tham gia giao thông	2,000,000	4,000,000	Điều 25 Khoản 3		Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; nếu gây ô nhiễm môi trường phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm tại điểm c, d khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.25.4	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi không sử dụng thiết bị, phương tiện chuyên dụng trong quá trình vận chuyển vật liệu, hàng hóa làm rò rỉ, phát tán ra môi trường	10,000,000	15,000,000	Điều 25 Khoản 4		Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; nếu gây ô nhiễm môi trường phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm tại điểm c, d khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.25.5.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi trong hoạt động quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, lễ hội, khu du lịch, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác đối với không có đủ công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom chất thải đáp ứng yêu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 25 Khoản 5 Điểm a		Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.25.5.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi trong hoạt động quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, lễ hội, khu du lịch, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác đối với không thu gom chất thải trong phạm vi quản lý theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 25 Khoản 5 Điểm b		Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.25.5.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi trong hoạt động quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, lễ hội, khu du lịch, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác đối với không bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý; không có cán bộ, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 25 Khoản 5 Điểm c		Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.25.6.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi đối với chủ đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư tập trung vi phạm không có mạng lưới thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; không có công trình vệ sinh nơi công cộng đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	200,000,000	250,000,000	Điều 25 Khoản 6 Điểm a		- Buộc phải xây dựng, lắp đặt công trình bảo vệ môi trường theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm a, b, c khoản 6 Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.25.6.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi đối với chủ đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư tập trung vi phạm không có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đồng bộ, phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt	200,000,000	250,000,000	Điều 25 Khoản 6 Điểm b		- Buộc phải xây dựng, lắp đặt công trình bảo vệ môi trường theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm a, b, c khoản 6 Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.25.6.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi đối với chủ đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư tập trung vi phạm không có thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư tập trung	200,000,000	250,000,000	Điều 25 Khoản 6 Điểm c		- Buộc phải xây dựng, lắp đặt công trình bảo vệ môi trường theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm a, b, c khoản 6 Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.25.6.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Hành vi đối với chủ đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư tập trung vi phạm không đảm bảo diện tích cây xanh, mặt nước, không gian thoáng trong khu đô thị, khu dân cư tập trung theo quy định	200,000,000	250,000,000	Điều 25 Khoản 6 Điểm d		Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.26.1	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ,	Hành vi hộ gia đình, cá nhân không phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; không sử dụng bao bì chứa chất thải rắn sinh hoạt theo quy định	500,000	1,000,000	Điều 26 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		đốt, xử lý chất thải rắn thông thường							
	45.26.2.a	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm của cơ quan, tổ chức, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi không có biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý cho mỗi lần chuyển giao theo quy định	3,000,000	5,000,000	Điều 26 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.26.2.b	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm của cơ quan, tổ chức, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi không phân loại tại nguồn chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định; thiết bị, dụng cụ lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định; kho hoặc khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định; không ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định	20,000,000	25,000,000	Điều 26 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.2.c	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm của cơ quan, tổ chức, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi không lưu giữ riêng chất thải rắn công nghiệp thông thường đã được phân loại theo quy định; không có thiết bị, dụng cụ, khu vực, kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định	25,000,000	30,000,000	Điều 26 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.26.2.d	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm của cơ quan, tổ chức, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi tự tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải rắn công nghiệp thông thường khi không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 26 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.3.a	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm của cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với tổng khối lượng từ 300 kg/ngày trở lên, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đối với hành vi không ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải theo quy định	15,000,000	20,000,000	Điều 26 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.26.3.b	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm của cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với tổng khối lượng từ 300 kg/ngày trở lên, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đối với hành vi sử dụng phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định	20,000,000	30,000,000	Điều 26 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.26.4.a	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ,	Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi không có biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường cho mỗi lần chuyển giao hoặc đột chuyển giao đối với nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định	3,000,000	5,000,000	Điều 26 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		đốt, xử lý chất thải rắn thông thường							
	45.26.4.b	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi không ký hợp đồng thu gom, vận chuyển đối với nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý với chủ nguồn thải theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 26 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.4.c	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi sử dụng phương tiện vận chuyển, thiết bị lưu chứa, trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ tạm thời chất thải rắn công nghiệp thông thường không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định; không vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường theo loại sau khi đã được phân loại theo quy định; phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý không có thiết bị định vị theo quy định; hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường không theo tuyến đường và thời gian quy định của ủy ban nhân dân cấp tỉnh	30,000,000	40,000,000	Điều 26 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.26.5.a	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với hành vi không đào tạo nghiệp vụ, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp từ chối thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phân loại, không sử dụng bao bì đúng quy định; không ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt	5,000,000	10,000,000	Điều 26 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.5.b	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với hành vi vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không đến đúng điểm tập kết, trạm trung chuyển, địa điểm đã quy định, cơ sở xử lý chất thải theo quy định; vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không đúng tuyến đường, thời gian theo quy định của ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không phối hợp với ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư trong việc xác định thời gian, địa điểm, tần suất, tuyến đường thu gom chất thải rắn sinh hoạt; không công bố rộng rãi thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; không thông báo tới cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh trên địa bàn về thời gian đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt để giám sát theo quy định; không báo cáo cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường về hiện trạng của bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 26 Khoản 5 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.5.c	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với hành vi không bảo đảm đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt tại những địa điểm đã quy định; phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không lắp đặt thiết bị giám sát hành trình hoặc không cung cấp thông tin, dữ liệu vận chuyển cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại địa phương	20,000,000	30,000,000	Điều 26 Khoản 5 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.26.5.d	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với hành vi sử dụng các phương tiện, thiết bị không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định; để rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển; không vệ sinh, phun xịt rửa mùi phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trước khi ra khỏi trạm trung chuyển, cơ sở xử lý và sau khi hoàn thành công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	30,000,000	40,000,000	Điều 26 Khoản 5 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.5.d	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với hành vi không bố trí các thiết bị, phương tiện để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; không bố trí phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ nước rỉ rác tại các trạm trung chuyển theo quy định; không đáp ứng một trong các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt không bố trí thiết bị lưu chứa chất thải theo quy định, không thực hiện vệ sinh khử mùi, không có đèn chiếu sáng theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 26 Khoản 5 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.26.5.e	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với hành vi không có các biển báo, chỉ dẫn an toàn trong bãi chôn lấp sau khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt; không lập hồ sơ và bàn giao mặt bằng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi kết thúc hoạt động xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; không thành lập lại bản đồ địa hình của khu vực bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt theo quy định	50,000,000	60,000,000	Điều 26 Khoản 5 Điểm e			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.5.g	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với hành vi không tiến hành cải tạo cảnh quan, không có biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường ngay sau khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt; không tổ chức quan trắc, theo dõi diễn biến môi trường tại bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt kể từ ngày kết thúc việc đóng bãi chôn lấp và báo cáo cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh theo quy định	100,000,000	150,000,000	Điều 26 Khoản 5 Điểm g			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.26.6.a	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm của chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị, chung cư, tòa nhà văn phòng đối với hành vi không bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định	200,000,000	250,000,000	Điều 26 Khoản 6 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.26.6.b	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ,	Hành vi vi phạm của chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị, chung cư, tòa nhà văn phòng đối với hành vi không tổ chức thu gom chất thải từ hộ gia đình, cá nhân theo quy định; không bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phù hợp trong khuôn viên của dự án đầu tư theo quy định	250,000,000	300,000,000	Điều 26 Khoản 6 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		đốt, xử lý chất thải rắn thông thường							
	45.26.7.a	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi không báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình phát sinh, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; không có biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý đối với mỗi lần nhận chuyển giao; không lập nhật ký vận hành các hệ thống, phương tiện, thiết bị xử lý bao gồm sơ chế, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường; không có sổ theo dõi số lượng các sản phẩm tái chế hoặc thu hồi từ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định	3,000,000	5,000,000	Điều 26 Khoản 7 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.26.7.b	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi không có phương tiện, thiết bị, dụng cụ lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 26 Khoản 7 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		thải rắn thông thường							
	45.26.7.c	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với các hành vi xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường không phù hợp với địa bàn hoạt động, công suất, loại chất thải, các hệ thống, thiết bị xử lý chất thải đã đầu tư xây dựng, lắp đặt theo quy định; kho hoặc khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường trong nhà hoặc ngoài trời không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định	100,000,000	120,000,000	Điều 26 Khoản 7 Điểm c	Đình chỉ hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm c khoản 7, điểm 1, m, n khoản 8, khoản 9 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.26.7.d	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với hành vi không có kho hoặc khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định	130,000,000	150,000,000	Điều 26 Khoản 7 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.8.a	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải rắn thông thường dưới 1.000 kg	2,000,000	5,000,000	Điều 26 Khoản 8 Điểm a		- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này gây ra - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.8.b	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải rắn thông thường từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg	5,000,000	10,000,000	Điều 26 Khoản 8 Điểm b		- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này gây ra - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.8.c	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải rắn thông thường từ 2.000 kg đến dưới 3.000 kg	10,000,000	15,000,000	Điều 26 Khoản 8 Điểm c		- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này gây ra - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.8.d	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải rắn thông thường từ 3.000 kg đến dưới 4.000 kg	15,000,000	20,000,000	Điều 26 Khoản 8 Điểm d		- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này gây ra - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.8.đ	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải rắn thông thường từ 4.000 kg đến dưới 5.000 kg	20,000,000	25,000,000	Điều 26 Khoản 8 Điểm đ		- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này gây ra - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.8.e	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải rắn thông thường từ 5.000 kg đến dưới 10.000 kg	25,000,000	30,000,000	Điều 26 Khoản 8 Điểm e	Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm e, g, h, i, k, 1, m, n khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này	- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này gây ra - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.8.g	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải rắn thông thường từ 10.000 kg đến dưới 20.000 kg	30,000,000	35,000,000	Điều 26 Khoản 8 Điểm g	Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm e, g, h, i, k, 1, m, n khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này	- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này gây ra - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.8.h	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải rắn thông thường từ 20.000 kg đến dưới 30.000 kg	35,000,000	40,000,000	Điều 26 Khoản 8 Điểm h	Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm e, g, h, i, k, 1, m, n khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này	- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này gây ra - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.8.i	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải rắn thông thường từ 30.000 kg đến dưới 40.000 kg	40,000,000	50,000,000	Điều 26 Khoản 8 Điểm i	Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm e, g, h, i, k, 1, m, n khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này	- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này gây ra - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.8.k	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải rắn thông thường từ 40.000 kg đến dưới 60.000 kg	50,000,000	100,000,000	Điều 26 Khoản 8 Điểm k	Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm e, g, h, i, k, 1, m, n khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này	- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này gây ra - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.8.1	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải rắn thông thường từ 60.000 kg đến dưới 80.000 kg, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	100,000,000	150,000,000	Điều 26 Khoản 8 Điểm l	Đình chỉ hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm c khoản 7, điểm 1, m, n khoản 8, khoản 9 Điều này; Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm e, g, h, i, k, 1, m, n khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này	- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này gây ra - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.8.m	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải rắn thông thường từ 80.000 kg đến dưới 100.000 kg, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	150,000,000	200,000,000	Điều 26 Khoản 8 Điểm m	Đình chỉ hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm c khoản 7, điểm 1, m, n khoản 8, khoản 9 Điều này; Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm e, g, h, i, k, 1, m, n khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này	- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này gây ra - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.8.n	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận hoặc đốt chất thải rắn thông thường từ 100.000 kg trở lên	200,000,000	250,000,000	Điều 26 Khoản 8 Điểm n	Đình chỉ hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm c khoản 7, điểm 1, m, n khoản 8, khoản 9 Điều này; Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm e, g, h, i, k, 1, m, n khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này	- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này gây ra - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.9	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Phạt tăng thêm từ 40% đến 50% số tiền phạt so với mức phạt tiền tương ứng trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường hoặc chất thải rắn thông thường có chứa các thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường xung quanh		#####	Điều 26 Khoản 9	Đình chỉ hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm c khoản 7, điểm 1, m, n khoản 8, khoản 9 Điều này; Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm e, g, h, i, k, 1, m, n khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này	- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.10	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý trong trường hợp chất thải rắn thông thường có chứa chất phóng xạ, gây nhiễm xạ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	900,000,000	#####	Điều 26 Khoản 10	Đình chỉ hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 10 Điều này; Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm e, g, h, i, k, l, m, n khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này	- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.26.11	Vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường	Hành vi cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với tổng khối lượng dưới 300kg/ngày và lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân thì việc xử lý hành vi vi phạm được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này như đối với tổ chức	500,000	1,000,000	Điều 26 Khoản 11			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.27.1.a	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải rắn thông thường vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam chất thải rắn thông thường dưới 1.000 kg	2,000,000	5,000,000	Điều 27 Khoản 1 Điểm a		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.27.1.b	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải rắn thông thường vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam chất thải rắn thông thường từ 1.000 kg đến dưới 2.000kg	5,000,000	10,000,000	Điều 27 Khoản 1 Điểm b		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.27.1.c	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải rắn thông thường vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam chất thải rắn thông thường từ 2.000 kg đến dưới 3.000 kg	10,000,000	15,000,000	Điều 27 Khoản 1 Điểm c		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.27.1.d	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải rắn thông thường vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam chất thải rắn thông thường từ 3.000 kg đến dưới 4.000 kg	15,000,000	20,000,000	Điều 27 Khoản 1 Điểm d		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.27.1.đ	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải rắn thông thường vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam chất thải rắn thông thường từ 4.000 kg đến dưới 5.000 kg	20,000,000	25,000,000	Điều 27 Khoản 1 Điểm đ		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.27.1.e	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải rắn thông thường vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam chất thải rắn thông thường từ 5.000 kg đến dưới 10.000 kg	25,000,000	30,000,000	Điều 27 Khoản 1 Điểm e		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.27.1.g	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải rắn thông thường vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam chất thải rắn thông thường từ 10.000 kg đến dưới 20.000 kg	30,000,000	35,000,000	Điều 27 Khoản 1 Điểm g		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.27.1.h	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải rắn thông thường vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam chất thải rắn thông thường từ 20.000 kg đến dưới 30.000 kg	35,000,000	40,000,000	Điều 27 Khoản 1 Điểm h		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.27.1.i	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải rắn thông thường vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam chất thải rắn thông thường từ 30.000 kg đến dưới 40.000 kg	40,000,000	50,000,000	Điều 27 Khoản 1 Điểm i		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.27.1.k	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải rắn thông thường vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam chất thải rắn thông thường từ 40.000 kg đến dưới 60.000 kg	50,000,000	100,000,000	Điều 27 Khoản 1 Điểm k		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.27.1.1	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải rắn thông thường vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam chất thải rắn thông thường từ 60.000 kg đến dưới 70.000 kg	100,000,000	150,000,000	Điều 27 Khoản 1 Điểm 1		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.27.2.a	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải nguy hại vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam dưới 50 kg chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc dưới 100 kg chất thải nguy hại khác	100,000,000	150,000,000	Điều 27 Khoản 2 Điểm a		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.27.2.b	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải nguy hại vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ 50 kg đến dưới 125 kg chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 100 kg đến dưới 250 kg chất thải nguy hại khác	150,000,000	200,000,000	Điều 27 Khoản 2 Điểm b		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.27.2.c	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải nguy hại vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ 125 kg đến dưới 250 kg chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 250 kg đến dưới 500 kg chất thải nguy hại khác	200,000,000	250,000,000	Điều 27 Khoản 2 Điểm c		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.27.2.d	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải nguy hại vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ 250 kg đến dưới 400 kg chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 500 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại khác	250,000,000	300,000,000	Điều 27 Khoản 2 Điểm d		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.27.2.đ	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải nguy hại vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ 400 kg đến dưới 650 kg chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 1.000 kg đến dưới 1.500 kg chất thải nguy hại khác	300,000,000	350,000,000	Điều 27 Khoản 2 Điểm đ		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.27.2.e	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải nguy hại vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ 650 kg đến dưới 800 kg chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 1.500 kg đến dưới 2.000 kg chất thải nguy hại khác	350,000,000	400,000,000	Điều 27 Khoản 2 Điểm e		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.27.2.g	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải nguy hại vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ 800 kg đến dưới 900 kg chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 2.000 kg đến dưới 2.500 kg chất thải nguy hại khác	400,000,000	450,000,000	Điều 27 Khoản 2 Điểm g		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.27.2.h	Vi phạm các quy định về đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam	Hành vi đưa chất thải nguy hại vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật bị xử phạt đối với trường hợp đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ 900 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 2.500 kg đến dưới 3.000 kg chất thải nguy hại	450,000,000	500,000,000	Điều 27 Khoản 2 Điểm h		Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.28.1.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy bị xử phạt đối với hành vi không gửi văn bản thông báo tới Bộ Tài nguyên và Môi trường kèm theo kết quả đánh giá sự phù hợp đối với nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy sau khi được thông quan và trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường; không gửi văn bản thông báo tới Bộ Tài nguyên và Môi trường về khối lượng và tên chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) trước khi thực hiện hoạt động nhập khẩu đối với từng lô hàng theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 28 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.28.1.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu,	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy bị xử phạt đối với hành vi không dán nhãn và công bố thông tin hoặc dán nhãn và công bố thông tin không đúng về nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy theo quy định	50,000,000	100,000,000	Điều 28 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy							
	45.28.1.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy bị xử phạt đối với hành vi không thực hiện các biện pháp thu gom, lưu giữ và quản lý an toàn chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy theo quy định	200,000,000	300,000,000	Điều 28 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.28.1.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy bị xử phạt đối với hành vi không thực hiện các biện pháp tiêu hủy, xử lý an toàn chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy vượt quá giới hạn tối đa cho phép theo quy định	300,000,000	400,000,000	Điều 28 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.28.1.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy bị xử phạt đối với hành vi nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy vượt quá giới hạn tối đa cho phép theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm e Điều này và khoản 4 Điều 35 Nghị định này	400,000,000	500,000,000	Điều 28 Khoản 1 Điểm đ	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ, e khoản 1, khoản 2 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều này; - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								với các vi phạm quy định tại điểm đ, e khoản 1, khoản 2 Điều này - Buộc phải thực hiện biện pháp thu gom, lưu giữ và quản lý an toàn chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị đã nhập khẩu, sản xuất và sử dụng có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy theo đúng quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm đối với các vi phạm quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.28.1.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy thuộc Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy có hàm lượng vượt quá giới hạn tối đa cho phép theo quy định của pháp luật; nhập khẩu, sản xuất và sử dụng các chất POP mà không thực hiện thủ tục đăng ký miễn trừ theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định này	Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy bị xử phạt đối với hành vi nhập khẩu, sản xuất và sử dụng chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy có hàm lượng vượt quá giới hạn tối đa cho phép theo quy định của pháp luật; nhập khẩu, sản xuất và sử dụng các chất POP mà không thực hiện thủ tục đăng ký miễn trừ theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định này	500,000,000	#####	Điều 28 Khoản 1 Điểm e	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ, e khoản 1, khoản 2 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều này; - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								với các vi phạm quy định tại điểm đ, e khoản 1, khoản 2 Điều này - Buộc phải thực hiện biện pháp thu gom, lưu giữ và quản lý an toàn chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị đã nhập khẩu, sản xuất và sử dụng có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy theo đúng quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm đối với các vi phạm quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.28.2	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường hoặc đốt chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định của pháp luật	500,000,000	#####	Điều 28 Khoản 2	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ, e khoản 1, khoản 2 Điều này	- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này gây ra; - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm đ, e khoản 1, khoản 2 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.29.1	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc lưu giữ chất thải nguy hại trong trường hợp lưu giữ quá 01 năm kể từ thời điểm phát sinh mà chưa tìm được cơ sở xử lý chất thải nguy hại phù hợp, chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi	5,000,000	10,000,000	Điều 29 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không lưu trữ và quản lý chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng, các hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý chất thải nguy hại theo quy định; không cung cấp đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại cho cơ quan có thẩm quyền để phục vụ công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra theo quy định; không có biên bản bàn giao trong trường hợp chuyển giao chất thải y tế nguy hại để xử lý theo mô hình cụm theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 29 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền về việc quá 6 tháng kể từ ngày chuyển giao chất thải nguy hại trong trường hợp không nhận được hai liên cuối của chứng từ chất thải nguy hại từ tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao chất thải nguy hại theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 29 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.29.2.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 29 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không ký hợp đồng với đơn vị có giấy phép môi trường phù hợp trước khi chuyển giao chất thải nguy hại để xử lý theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 29 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi vận chuyển chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở khi không có phương tiện chính chủ hoặc phương tiện, thiết bị không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 29 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.29.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có giấy phép môi trường phù hợp để thu gom, xử lý theo quy định trong trường hợp không được phép tiếp tục lưu giữ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	40,000,000	50,000,000	Điều 29 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.3.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không phân định chất thải nguy hại theo mã, danh mục và ngưỡng chất thải nguy hại; không phân loại chất thải nguy hại theo quy định; xác định không đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại để quản lý theo quy định; không khai báo hoặc khai không đúng khối lượng, loại chất thải nguy hại trong báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 29 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.3.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không đóng gói, bảo quản chất thải nguy hại trong các bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định hoặc sử dụng bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 29 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.29.3.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi không bố trí hoặc bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 29 Khoản 3 Điểm e			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.4.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi để lẫn chất thải nguy hại khác loại với nhau trong trường hợp các chất thải nguy hại không cùng tính chất, không cùng phương pháp xử lý hoặc để lẫn chất thải nguy hại với chất thải khác trong quá trình lưu giữ bị xử phạt đối với trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần đối với trường hợp để chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc, thiết bị đơn chiếc vào chất thải rắn thông thường	5,000,000	10,000,000	Điều 29 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.4.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi để lẫn chất thải nguy hại khác loại với nhau trong trường hợp các chất thải nguy hại không cùng tính chất, không cùng phương pháp xử lý hoặc để lẫn chất thải nguy hại với chất thải khác trong quá trình lưu giữ bị xử phạt đối với trường hợp để lẫn từ 02 đến dưới 05 chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc, thiết bị đơn chiếc hoặc dưới 10% khối lượng chất thải nguy hại khác loại vào các bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại khác hoặc nhóm chất thải nguy hại khác không cùng tính chất, phương pháp xử lý hoặc để vào chất thải rắn thông thường	10,000,000	40,000,000	Điều 29 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.29.4.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi để lẫn chất thải nguy hại khác loại với nhau trong trường hợp các chất thải nguy hại không cùng tính chất, không cùng phương pháp xử lý hoặc để lẫn chất thải nguy hại với chất thải khác trong quá trình lưu giữ bị xử phạt đối với trường hợp để lẫn từ 05 đến dưới 10 chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc, thiết bị đơn chiếc hoặc từ 10% đến dưới 50% khối lượng chất thải nguy hại khác loại vào các bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại khác hoặc nhóm chất thải nguy hại khác không cùng tính chất, phương pháp xử lý hoặc để vào chất thải rắn thông thường	40,000,000	70,000,000	Điều 29 Khoản 4 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.4.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi để lẫn chất thải nguy hại khác loại với nhau trong trường hợp các chất thải nguy hại không cùng tính chất, không cùng phương pháp xử lý hoặc để lẫn chất thải nguy hại với chất thải khác trong quá trình lưu giữ bị xử phạt đối với trường hợp để lẫn từ 10 chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc, thiết bị đơn chiếc trở lên hoặc từ 50% khối lượng chất thải nguy hại khác loại trở lên vào các bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại khác hoặc nhóm chất thải nguy hại khác không cùng tính chất, phương pháp xử lý hoặc để vào chất thải rắn thông thường	70,000,000	100,000,000	Điều 29 Khoản 4 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.29.5.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán, mua, tặng chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có chức năng xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tặng dưới 100 kg chất thải nguy hại	10,000,000	40,000,000	Điều 29 Khoản 5 Điểm a		Buộc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.5.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán, mua, tặng chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có chức năng xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tặng từ 100 kg đến dưới 600 kg chất thải nguy hại	40,000,000	70,000,000	Điều 29 Khoản 5 Điểm b		Buộc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.5.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán, mua, tặng chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có chức năng xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tặng từ 600 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại	70,000,000	100,000,000	Điều 29 Khoản 5 Điểm c		Buộc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.29.5.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán, mua, tặng chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có chức năng xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tặng từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg chất thải nguy hại	100,000,000	130,000,000	Điều 29 Khoản 5 Điểm d		Buộc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.5.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán, mua, tặng chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có chức năng xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tặng từ 2.000 kg đến dưới 3.000 kg chất thải nguy hại	130,000,000	160,000,000	Điều 29 Khoản 5 Điểm đ		Buộc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.5.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán, mua, tặng chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có chức năng xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tặng từ 3.000 kg đến dưới 4.000 kg chất thải nguy hại	160,000,000	190,000,000	Điều 29 Khoản 5 Điểm e		Buộc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.29.5.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán, mua, tặng chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có chức năng xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tặng từ 4.000 kg đến dưới 5.000 kg chất thải nguy hại	190,000,000	220,000,000	Điều 29 Khoản 5 Điểm g		Buộc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.5.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán, mua, tặng chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có chức năng xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tặng từ 5.000 kg chất thải nguy hại trở lên	220,000,000	250,000,000	Điều 29 Khoản 5 Điểm h		Buộc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.5.i	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán, mua, tặng chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có chức năng xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, mua, bán, tặng chất thải nguy hại có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy	500,000,000	#####	Điều 29 Khoản 5 Điểm i		Buộc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý do hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.29.6.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi làm tràn đổ chất thải nguy hại hoặc để xảy ra sự cố tràn đổ chất thải nguy hại ra môi trường đất, nước ngầm, nước mặt gây ô nhiễm môi trường	200,000,000	250,000,000	Điều 29 Khoản 6 Điểm a		Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6, khoản 7 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.6.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc không đúng nội dung trong giấy phép môi trường	200,000,000	250,000,000	Điều 29 Khoản 6 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.6.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi xuất khẩu chất thải nguy hại khi chưa có văn bản chấp thuận hoặc không đúng nội dung văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	200,000,000	250,000,000	Điều 29 Khoản 6 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.29.7.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt dưới 100 kg chất thải nguy hại	100,000,000	150,000,000	Điều 29 Khoản 7 Điểm a	- Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6, khoản 7 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.7.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 100 kg đến dưới 250 kg chất thải nguy hại	150,000,000	200,000,000	Điều 29 Khoản 7 Điểm b	- Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6, khoản 7 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.29.7.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 250 kg đến dưới 500 kg chất thải nguy hại	200,000,000	250,000,000	Điều 29 Khoản 7 Điểm c	- Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6, khoản 7 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.7.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 500 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại	250,000,000	300,000,000	Điều 29 Khoản 7 Điểm d	- Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6, khoản 7 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.29.7.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 1.000 kg đến dưới 1.500 kg chất thải nguy hại, trừ trường hợp chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy theo quy định	300,000,000	350,000,000	Điều 29 Khoản 7 Điểm đ	- Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6, khoản 7 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.7.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 1.500 kg đến dưới 2.000 kg chất thải nguy hại, trừ trường hợp chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy theo quy định	350,000,000	400,000,000	Điều 29 Khoản 7 Điểm e	- Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6, khoản 7 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.29.7.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 2.000 kg đến dưới 2.500 kg chất thải nguy hại, trừ trường hợp chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy theo quy định	400,000,000	450,000,000	Điều 29 Khoản 7 Điểm g	- Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6, khoản 7 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.29.7.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 2.500 kg đến dưới 3.000 kg chất thải nguy hại, trừ trường hợp chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy theo quy định	450,000,000	500,000,000	Điều 29 Khoản 7 Điểm h	- Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6, khoản 7 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.29.7.i	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp đốt từ 3.000 kg chất thải nguy hại trở lên	500,000,000	600,000,000	Điều 29 Khoản 7 Điểm i	- Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6, khoản 7 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.1.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không báo cáo cơ quan cấp giấy phép môi trường trong trường hợp thuê các phương tiện vận chuyển công cộng để vận chuyển chất thải nguy hại theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 30 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.1.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không lập và gửi hồ sơ đăng ký vận chuyển chất thải nguy hại xuyên biên giới cho chủ nguồn thải chất thải nguy hại, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 30 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.30.1.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không lưu giữ, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường hồ sơ vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại đã có xác nhận của đơn vị xử lý ở nước ngoài	10,000,000	20,000,000	Điều 30 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.1.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không báo cáo cơ quan cấp phép trước khi thực hiện kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại do ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt khi địa bàn thu gom không quy định trong giấy phép môi trường	10,000,000	20,000,000	Điều 30 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không trang bị hệ thống định vị vệ tinh (GPS) đối với phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại theo quy định hoặc phương tiện có trang bị nhưng không duy trì hoạt động hệ thống định vị vệ tinh (GPS) trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại	20,000,000	50,000,000	Điều 30 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.30.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không cung cấp tài khoản theo dõi thiết bị định vị vệ tinh của phương tiện vận chuyển cho Bộ Tài nguyên và Môi trường giám sát, quản lý theo quy định	20,000,000	50,000,000	Điều 30 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.2.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không ký hợp đồng với chủ nguồn thải chất thải nguy hại trước khi thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại theo quy định	20,000,000	50,000,000	Điều 30 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại ngoài địa bàn quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại	50,000,000	100,000,000	Điều 30 Khoản 3 Điểm a	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.30.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi thực hiện việc liên kết vận chuyển chất thải nguy hại giữa hai cá nhân, tổ chức có giấy phép môi trường về nội dung thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại khi chưa được chấp thuận bằng văn bản của cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định	50,000,000	100,000,000	Điều 30 Khoản 3 Điểm b	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện đúng một trong các nội dung quy định trong giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này	50,000,000	100,000,000	Điều 30 Khoản 3 Điểm c	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.3.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng thu gom, vận chuyển, đóng gói, bảo quản và lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định	50,000,000	100,000,000	Điều 30 Khoản 3 Điểm d	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.30.3.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đúng quy định	50,000,000	100,000,000	Điều 30 Khoản 3 Điểm đ	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.4.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại ngoài danh mục chất thải nguy hại quy định trong giấy phép môi trường	100,000,000	150,000,000	Điều 30 Khoản 4 Điểm a	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.4.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại vượt quá khối lượng một trong các nhóm chất thải nguy hại được quy định trong giấy phép môi trường	100,000,000	150,000,000	Điều 30 Khoản 4 Điểm b	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.30.4.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Sử dụng phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại không được đăng ký trong giấy phép môi trường hoặc không có hợp đồng thuê phương tiện vận chuyển theo quy định	100,000,000	150,000,000	Điều 30 Khoản 4 Điểm c	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.5.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận dưới 100 kg chất thải nguy hại	10,000,000	40,000,000	Điều 30 Khoản 5 Điểm a	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.30.5.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận từ 100 kg đến dưới 600 kg chất thải nguy hại	40,000,000	70,000,000	Điều 30 Khoản 5 Điểm b	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.5.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận từ 600 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại	70,000,000	100,000,000	Điều 30 Khoản 5 Điểm c	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.30.5.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg chất thải nguy hại	100,000,000	130,000,000	Điều 30 Khoản 5 Điểm d	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.5.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận từ 2.000 kg đến dưới 3.000 kg chất thải nguy hại	130,000,000	160,000,000	Điều 30 Khoản 5 Điểm đ	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.30.5.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận từ 3.000 kg đến dưới 4.000 kg chất thải nguy hại	160,000,000	190,000,000	Điều 30 Khoản 5 Điểm e	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.5.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận từ 4.000 kg đến dưới 5.000 kg chất thải nguy hại	190,000,000	220,000,000	Điều 30 Khoản 5 Điểm g	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.30.5.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận từ 5.000 kg chất thải nguy hại trở lên	220,000,000	250,000,000	Điều 30 Khoản 5 Điểm h	Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.6	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi vận chuyển chất thải nguy hại khi không có giấy phép môi trường, trừ các trường hợp: vận chuyển chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sinh hoạt hoặc cơ sở kinh doanh, dịch vụ (không bao gồm sản xuất) quy mô hộ gia đình, cá nhân được quản lý, xử lý theo quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ; vận chuyển chất thải nguy hại thuộc kế hoạch thu gom, vận chuyển, lưu giữ, trung chuyển chất thải nguy hại do ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; vận chuyển chất thải nguy hại từ các công trình dầu khí ngoài biển vào đất liền và trường hợp quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định này	200,000,000	250,000,000	Điều 30 Khoản 6	Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.30.7.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt dưới 100 kg chất thải nguy hại	100,000,000	150,000,000	Điều 30 Khoản 7 Điểm a	- Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.7.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 100 kg đến dưới 250 kg chất thải nguy hại	150,000,000	200,000,000	Điều 30 Khoản 7 Điểm b	- Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.30.7.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 250 kg đến dưới 500 kg chất thải nguy hại	200,000,000	250,000,000	Điều 30 Khoản 7 Điểm c	- Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.7.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 500 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại	250,000,000	300,000,000	Điều 30 Khoản 7 Điểm d	- Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.30.7.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 1.000 kg đến dưới 1.500 kg chất thải nguy hại, trừ trường hợp chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy theo quy định	300,000,000	350,000,000	Điều 30 Khoản 7 Điểm đ	- Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.7.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 1.500 kg đến dưới 2.000 kg chất thải nguy hại, trừ trường hợp chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy theo quy định	350,000,000	400,000,000	Điều 30 Khoản 7 Điểm e	- Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.30.7.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 2.000 kg đến dưới 2.500 kg chất thải nguy hại, trừ trường hợp chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy theo quy định	400,000,000	450,000,000	Điều 30 Khoản 7 Điểm g	- Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.30.7.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 2.500 kg đến dưới 3.000 kg chất thải nguy hại, trừ trường hợp chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy theo quy định	450,000,000	500,000,000	Điều 30 Khoản 7 Điểm h	- Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.30.7.i	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp đốt từ 3.000 kg chất thải nguy hại trở lên	500,000,000	600,000,000	Điều 30 Khoản 7 Điểm i	- Đình chỉ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.1.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không có quy trình vận hành an toàn công nghệ, phương tiện, thiết bị chuyên dụng phù hợp; không lập kế hoạch quản lý môi trường theo quy định; không có nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 31 Khoản 1 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.1.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện chương trình giám sát vận hành xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý chất thải nguy hại trong giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại đã được cấp	10,000,000	20,000,000	Điều 31 Khoản 1 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.1.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không đào tạo, tập huấn định kỳ về môi trường hàng năm theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 31 Khoản 1 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.1.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng, báo cáo quản lý chất thải nguy hại và các hồ sơ, tài liệu khác có yêu cầu lưu trữ liên quan đến hoạt động quản lý chất thải nguy hại theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 31 Khoản 1 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.1.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định; không thực hiện kê khai chứng từ chất thải nguy hại trực tuyến trên hệ thống thông tin của cơ quan có thẩm quyền hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền	10,000,000	20,000,000	Điều 31 Khoản 1 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.1.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không chuyển chứng từ chất thải nguy hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 31 Khoản 1 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.1.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng, báo cáo quản lý chất thải nguy hại và các hồ sơ, tài liệu khác có yêu cầu lưu trữ liên quan đến hoạt động quản lý chất thải nguy hại theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 31 Khoản 1 Điểm g		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.1.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không công khai, cung cấp thông tin về loại, số lượng chất thải nguy hại thu gom, xử lý, phương pháp xử lý; thông tin về tên, địa chỉ chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý và các thông tin về môi trường khác cần phải công khai, cung cấp thông tin theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 31 Khoản 1 Điểm h		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định	20,000,000	50,000,000	Điều 31 Khoản 2 Điểm a		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không lập sổ giao nhận chất thải nguy hại, sổ nhật ký vận hành hệ thống, phương tiện, thiết bị xử lý chất thải nguy hại; không lập sổ theo dõi số lượng, chất lượng, nguồn tiêu thụ của các sản phẩm tái chế hoặc thu hồi từ chất thải nguy hại theo quy định	20,000,000	50,000,000	Điều 31 Khoản 2 Điểm b		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.2.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi thực hiện kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại (mô hình cụm) không đúng quy định của ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20,000,000	50,000,000	Điều 31 Khoản 2 Điểm c		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.2.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi sử dụng kho chứa chất thải nguy hại không có trong giấy phép môi trường, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này	20,000,000	50,000,000	Điều 31 Khoản 2 Điểm d		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.2.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không thông báo bằng văn bản cho chủ nguồn thải chất thải nguy hại trong trường hợp có lý do phải lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại mà chưa đưa vào xử lý sau 06 tháng kể từ ngày thực hiện chuyển giao ghi trên chứng từ chất thải nguy hại	20,000,000	50,000,000	Điều 31 Khoản 2 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.2.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện đúng kế hoạch xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường khi chấm dứt hoạt động	20,000,000	50,000,000	Điều 31 Khoản 2 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.2.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không có hợp đồng ba bên về việc liên kết thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản của chủ nguồn thải chất thải nguy hại trong trường hợp nhận chuyển giao chất thải nguy hại để xử lý theo hợp đồng liên kết	20,000,000	50,000,000	Điều 31 Khoản 2 Điểm g		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện đúng các quy định theo nội dung hợp đồng xử lý chất thải nguy hại	50,000,000	100,000,000	Điều 31 Khoản 3 Điểm a	Đình chỉ hoạt động xử lý chất thải nguy hại của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không lắp đặt các bảng hướng dẫn dạng sơ đồ về quy trình vận hành an toàn các hệ thống, phương tiện, thiết bị xử lý chất thải nguy hại theo quy định	50,000,000	100,000,000	Điều 31 Khoản 3 Điểm b	Đình chỉ hoạt động xử lý chất thải nguy hại của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không lưu giữ chất thải nguy hại trước và sau khi xử lý trong thiết bị chuyên dụng phù hợp với loại hình chất thải nguy hại; thiết bị chuyên dụng phục vụ lưu giữ chất thải nguy hại, khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại hoặc thiết bị xử lý chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định; không thu gom chất thải nguy hại theo quy định	50,000,000	100,000,000	Điều 31 Khoản 3 Điểm c	Đình chỉ hoạt động xử lý chất thải nguy hại của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.3.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định	50,000,000	100,000,000	Điều 31 Khoản 3 Điểm d	Đình chỉ hoạt động xử lý chất thải nguy hại của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.4.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi tiếp nhận xử lý chất thải nguy hại do cá nhân, tổ chức không có giấy phép môi trường vận chuyển đến mà không có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, trừ chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sinh hoạt hoặc cơ sở kinh doanh, dịch vụ (không bao gồm sản xuất), quy mô hộ gia đình, cá nhân được quản lý, xử lý theo quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ	100,000,000	150,000,000	Điều 31 Khoản 4 Điểm a	Đình chỉ hoạt động xử lý chất thải nguy hại của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.4.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi tiếp nhận chất thải nguy hại từ các chủ xử lý chất thải nguy hại khác	100,000,000	150,000,000	Điều 31 Khoản 4 Điểm b	Đình chỉ hoạt động xử lý chất thải nguy hại của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.4.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không thực hiện đúng các quy định trong giấy phép môi trường, trừ trường hợp quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 5 Điều này	100,000,000	150,000,000	Điều 31 Khoản 4 Điểm c	Đình chỉ hoạt động xử lý chất thải nguy hại của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.5.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng xử lý chất thải nguy hại không có trong giấy phép môi trường	150,000,000	250,000,000	Điều 31 Khoản 5 Điểm a	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d khoản 5 và khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.5.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi tiếp nhận, xử lý chất thải nguy hại ngoài danh mục chất thải nguy hại trong giấy phép môi trường	150,000,000	250,000,000	Điều 31 Khoản 5 Điểm b	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d khoản 5 và khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.5.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi xử lý chất thải nguy hại được thu gom ngoài địa bàn quy định trong giấy phép môi trường	150,000,000	250,000,000	Điều 31 Khoản 5 Điểm c	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d khoản 5 và khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.5.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi xử lý chất thải nguy hại vượt quá công suất xử lý một trong các nhóm chất thải nguy hại quy định trong giấy phép môi trường	150,000,000	250,000,000	Điều 31 Khoản 5 Điểm d	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d khoản 5 và khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.5.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi xử lý chất thải nguy hại khi không có giấy phép môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định này	150,000,000	250,000,000	Điều 31 Khoản 5 Điểm đ	Đình chỉ hoạt động cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 và khoản 6 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.5.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi không xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường sau khi kết thúc hoạt động theo quy định	150,000,000	250,000,000	Điều 31 Khoản 5 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.6.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận dưới 100 kg chất thải nguy hại	10,000,000	40,000,000	Điều 31 Khoản 6 Điểm a	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d khoản 5 và khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 và khoản 6 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.6.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận từ 100 kg đến dưới 600 kg chất thải nguy hại	40,000,000	70,000,000	Điều 31 Khoản 6 Điểm b	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d khoản 5 và khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 và khoản 6 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.6.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận từ 600 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại	70,000,000	100,000,000	Điều 31 Khoản 6 Điểm c	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d khoản 5 và khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 và khoản 6 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.6.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg chất thải nguy hại	100,000,000	130,000,000	Điều 31 Khoản 6 Điểm d	Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d khoản 5 và khoản 6 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 và khoản 6 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.6.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận từ 2.000 kg đến dưới 3.000 kg chất thải nguy hại	130,000,000	160,000,000	Điều 31 Khoản 6 Điểm đ		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 và khoản 6 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.6.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận từ 3.000 kg đến dưới 4.000 kg chất thải nguy hại	160,000,000	190,000,000	Điều 31 Khoản 6 Điểm e		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 và khoản 6 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.6.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận từ 4.000 kg đến dưới 5.000 kg chất thải nguy hại	190,000,000	220,000,000	Điều 31 Khoản 6 Điểm g		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 và khoản 6 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.6.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép môi trường phù hợp hoặc mua, tiếp nhận chất thải nguy hại từ các tổ chức, cá nhân khi không có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho bên thứ ba để xử lý trong trường hợp có hợp đồng liên kết thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, mua, tiếp nhận từ 5.000 kg chất thải nguy hại trở lên	220,000,000	250,000,000	Điều 31 Khoản 6 Điểm h		- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 và khoản 6 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.7.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt dưới 100 kg chất thải nguy hại	100,000,000	150,000,000	Điều 31 Khoản 7 Điểm a	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.7.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 100 kg đến dưới 250 kg chất thải nguy hại	150,000,000	200,000,000	Điều 31 Khoản 7 Điểm b	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.7.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 250 kg đến dưới 500 kg chất thải nguy hại	200,000,000	250,000,000	Điều 31 Khoản 7 Điểm c	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.7.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 500 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại	250,000,000	300,000,000	Điều 31 Khoản 7 Điểm d	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.7.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 1.000 kg đến dưới 1.500 kg chất thải nguy hại, trừ trường hợp chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy theo quy định	300,000,000	350,000,000	Điều 31 Khoản 7 Điểm đ	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.7.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 1.500 kg đến dưới 2.000 kg chất thải nguy hại, trừ trường hợp chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy theo quy định	350,000,000	400,000,000	Điều 31 Khoản 7 Điểm e	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.7.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 2.000 kg đến dưới 2.500 kg chất thải nguy hại, trừ trường hợp chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy theo quy định	400,000,000	450,000,000	Điều 31 Khoản 7 Điểm g	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.7.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt từ 2.500 kg đến dưới 3.000 kg chất thải nguy hại, trừ trường hợp chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy theo quy định	450,000,000	500,000,000	Điều 31 Khoản 7 Điểm h	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.31.7.i	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại và thực hiện giấy phép môi trường về xử lý chất thải nguy hại	Hành vi chôn, lấp, đổ, thải hoặc đốt chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt đối với trường hợp đốt từ 3.000 kg chất thải nguy hại trở lên	500,000,000	600,000,000	Điều 31 Khoản 7 Điểm i	- Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường của cơ sở xử lý chất thải nguy hại từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này - Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	- Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này gây ra - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu do hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.32.1	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi không công khai hoặc công khai không đầy đủ thông tin về sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu theo quy định	50,000,000	100,000,000	Điều 32 Khoản 1	Buộc công khai thông tin về sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu theo quy định đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.32.2.a	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định đăng ký kế hoạch tái chế, kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế, bị xử phạt đối với hành vi kê khai không đầy đủ, không đúng nội dung, chỉ tiêu, số liệu đăng ký kế hoạch tái chế, kê khai nộp tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế theo quy định nhưng không làm giảm trách nhiệm tái chế hoặc làm tăng kết quả khối lượng tái chế	150,000,000	250,000,000	Điều 32 Khoản 2 Điểm a	Buộc thực hiện đăng ký kế hoạch tái chế, gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế theo quy định đối với trường hợp quy định tại điểm a, d, đ, e, g, h khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.32.2.b	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất,	Hành vi vi phạm quy định đăng ký kế hoạch tái chế, kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế, bị xử phạt đối với hành vi đăng ký kế hoạch tái chế, gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế quá thời hạn quy định dưới 31 ngày	250,000,000	350,000,000	Điều 32 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhập khẩu							
	45.32.2.c	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định đăng ký kế hoạch tái chế, kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế, bị xử phạt đối với hành vi đăng ký kế hoạch tái chế, gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế quá thời hạn quy định từ 31 ngày đến dưới 91 ngày	350,000,000	450,000,000	Điều 32 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.32.2.d	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định đăng ký kế hoạch tái chế, kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế, bị xử phạt đối với hành vi đăng ký kế hoạch tái chế, kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế không đúng làm giảm dưới 30% trách nhiệm tái chế hoặc làm tăng kết quả khối lượng tái chế dưới 30%	450,000,000	550,000,000	Điều 32 Khoản 2 Điểm d	Buộc thực hiện đăng ký kế hoạch tái chế, gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế theo quy định đối với trường hợp quy định tại điểm a, d, đ, e, g, h khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.32.2.đ	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định đăng ký kế hoạch tái chế, kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế, bị xử phạt đối với hành vi đăng ký kế hoạch tái chế, kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế không đúng làm giảm từ 30% đến dưới 50% trách nhiệm tái chế hoặc làm tăng kết quả khối lượng tái chế từ 30% đến dưới 50%	550,000,000	650,000,000	Điều 32 Khoản 2 Điểm đ	Buộc thực hiện đăng ký kế hoạch tái chế, gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế theo quy định đối với trường hợp quy định tại điểm a, d, đ, e, g, h khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.32.2.e	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định đăng ký kế hoạch tái chế, kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế, bị xử phạt đối với hành vi đăng ký kế hoạch tái chế, kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế không đúng làm giảm từ 50% đến dưới 70% trách nhiệm tái chế hoặc làm tăng kết quả khối lượng tái chế từ 50% đến dưới 70%	650,000,000	750,000,000	Điều 32 Khoản 2 Điểm e	Buộc thực hiện đăng ký kế hoạch tái chế, gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế theo quy định đối với trường hợp quy định tại điểm a, d, đ, e, g, h khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.32.2.g	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định đăng ký kế hoạch tái chế, kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế, bị xử phạt đối với hành vi đăng ký kế hoạch tái chế, kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế không đúng làm giảm từ 70% trở lên trách nhiệm tái chế hoặc làm tăng kết quả khối lượng tái chế từ 70% trở lên	750,000,000	#####	Điều 32 Khoản 2 Điểm g	Buộc thực hiện đăng ký kế hoạch tái chế, gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế theo quy định đối với trường hợp quy định tại điểm a, d, đ, e, g, h khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.32.2.h	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định đăng ký kế hoạch tái chế, kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế, bị xử phạt đối với hành vi không đăng ký kế hoạch tái chế hoặc không gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế hoặc không báo cáo kết quả tái chế hoặc đăng ký kế hoạch tái chế, gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế nhưng quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên	850,000,000	#####	Điều 32 Khoản 2 Điểm h	Buộc thực hiện đăng ký kế hoạch tái chế, gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, báo cáo kết quả tái chế theo quy định đối với trường hợp quy định tại điểm a, d, đ, e, g, h khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.32.3.a	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định tỷ lệ tái chế bắt buộc, quy cách tái chế bắt buộc và nộp tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, bị xử phạt đối với trường hợp kết quả khối lượng tái chế từ 70% đến dưới 100% trách nhiệm tái chế hoặc từ 70% đến dưới 100% kết quả khối lượng tái chế đạt quy cách tái chế bắt buộc	450,000,000	550,000,000	Điều 32 Khoản 3 Điểm a	Buộc nộp số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế tương ứng tỷ lệ tái chế bắt buộc chưa hoàn thành hoặc không đáp ứng quy cách tái chế bắt buộc vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (theo định mức chi phí tái chế) đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.32.3.b	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định tỷ lệ tái chế bắt buộc, quy cách tái chế bắt buộc và nộp tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, bị xử phạt đối với trường hợp kết quả khối lượng tái chế từ 50% đến dưới 70% trách nhiệm tái chế hoặc từ 50% đến dưới 70% kết quả khối lượng tái chế đạt quy cách tái chế bắt buộc	550,000,000	650,000,000	Điều 32 Khoản 3 Điểm b	Buộc nộp số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế tương ứng tỷ lệ tái chế bắt buộc chưa hoàn thành hoặc không đáp ứng quy cách tái chế bắt buộc vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (theo định mức chi phí tái chế) đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.32.3.c	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định tỷ lệ tái chế bắt buộc, quy cách tái chế bắt buộc và nộp tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, bị xử phạt đối với trường hợp kết quả khối lượng tái chế từ 30% đến dưới 50% trách nhiệm tái chế hoặc từ 30% đến dưới 50% kết quả khối lượng tái chế đạt quy cách tái chế bắt buộc	650,000,000	750,000,000	Điều 32 Khoản 3 Điểm c	Buộc nộp số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế tương ứng tỷ lệ tái chế bắt buộc chưa hoàn thành hoặc không đáp ứng quy cách tái chế bắt buộc vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (theo định mức chi phí tái chế) đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.32.3.d	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định tỷ lệ tái chế bắt buộc, quy cách tái chế bắt buộc và nộp tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, bị xử phạt đối với trường hợp kết quả khối lượng tái chế dưới 30% trách nhiệm tái chế hoặc dưới 30% kết quả khối lượng tái chế đạt quy cách tái chế bắt buộc	750,000,000	#####	Điều 32 Khoản 3 Điểm d	Buộc nộp số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế tương ứng tỷ lệ tái chế bắt buộc chưa hoàn thành hoặc không đáp ứng quy cách tái chế bắt buộc vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (theo định mức chi phí tái chế) đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.32.4.a	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi nộp tiền đóng góp hỗ trợ tái chế quá thời hạn quy định, bị xử phạt đối với hành vi chậm nộp tiền đóng góp hỗ trợ tái chế quá thời hạn quy định dưới 31 ngày hoặc không nộp đủ số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế quá thời hạn quy định dưới 31 ngày	500,000,000	700,000,000	Điều 32 Khoản 4 Điểm a	Buộc nộp số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế chậm nộp hoặc thiếu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.32.4.b	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi nộp tiền đóng góp hỗ trợ tái chế quá thời hạn quy định, bị xử phạt đối với hành vi chậm nộp tiền đóng góp hỗ trợ tái chế quá thời hạn quy định dưới 31 ngày hoặc không nộp đủ số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế quá thời hạn quy định từ 31 ngày đến dưới 91 ngày	700,000,000	900,000,000	Điều 32 Khoản 4 Điểm a	Buộc nộp số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế chậm nộp hoặc thiếu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.32.5	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi không thực hiện trách nhiệm tái chế hoặc không nộp tiền đóng góp hỗ trợ tái chế quá hạn 91 ngày trở lên hoặc không nộp đủ số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế quá thời hạn 91 ngày trở lên	900,000,000	#####	Điều 32 Khoản 5	Buộc nộp số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế tương ứng với tỷ lệ, quy cách tái chế bắt buộc phải thực hiện (theo định mức chi phí tái chế) hoặc còn chậm hoặc còn thiếu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.32.6.a	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định tự thực hiện tái chế, ký hợp đồng thực hiện tái chế, hợp đồng ủy quyền tổ chức thực hiện tái chế, bị xử phạt đối với hành vi tự thực hiện tái chế, ký hợp đồng tái chế với đơn vị tái chế không đáp ứng yêu cầu theo quy định hoặc ký hợp đồng thực hiện tái chế với nhà sản xuất, nhập khẩu mà không đáp ứng yêu cầu theo quy định	850,000,000	#####	Điều 32 Khoản 6 Điểm a	Buộc chấm dứt hợp đồng thực hiện tái chế, hợp đồng ủy quyền tổ chức tái chế và nộp số tiền hỗ trợ tái chế tương ứng với tỷ lệ tái chế bắt buộc, quy cách tái chế bắt buộc vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (theo định mức chi phí tái chế) đối với trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.32.6.b	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định tự thực hiện tái chế, ký hợp đồng thực hiện tái chế, hợp đồng ủy quyền tổ chức thực hiện tái chế, bị xử phạt đối với hành vi ký hợp đồng ủy quyền cho tổ chức trung gian tổ chức tái chế không đáp ứng yêu cầu theo quy định hoặc ký hợp đồng ủy quyền tổ chức tái chế cho nhà sản xuất, nhà nhập khẩu mà không đáp ứng yêu cầu theo quy định	900,000,000	#####	Điều 32 Khoản 6 Điểm b	Buộc chấm dứt hợp đồng thực hiện tái chế, hợp đồng ủy quyền tổ chức tái chế và nộp số tiền hỗ trợ tái chế tương ứng với tỷ lệ tái chế bắt buộc, quy cách tái chế bắt buộc vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (theo định mức chi phí tái chế) đối với trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.32.7.a	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi tái chế phế liệu nhập khẩu để xác định kết quả khối lượng tái chế cho nhà sản xuất, nhập khẩu hoặc đề nghị hỗ trợ tái chế	900,000,000	#####	Điều 32 Khoản 7 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.32.7.b	Vi phạm quy định thực hiện trách	Hành vi sử dụng một kết quả khối lượng tái chế để xác định tỷ lệ tái chế cho nhiều nhà sản xuất, nhập khẩu	900,000,000	#####	Điều 32 Khoản 7 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu							
	45.32.7.c	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi sử dụng kết quả khối lượng tái chế đã xác định tỷ lệ tái chế cho nhà sản xuất, nhập khẩu để đề nghị được hỗ trợ tái chế hoặc đã được nhận hỗ trợ tái chế để xác định tỷ lệ tái chế cho nhà sản xuất, nhập khẩu	900,000,000	#####	Điều 32 Khoản 7 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.32.7.d	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi sử dụng khối lượng tái chế không đạt quy cách tái chế bắt buộc để xác định kết quả khối lượng tái chế cho nhà sản xuất, nhập khẩu	900,000,000	#####	Điều 32 Khoản 7 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.33.1	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi không công khai hoặc công khai không đầy đủ thông tin về sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu theo quy định	50,000,000	100,000,000	Điều 33 Khoản 1	Buộc công khai thông tin về sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu theo quy định đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.33.2.a	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải, bị xử phạt đối với hành vi kê khai không đầy đủ, không đúng nội dung, chỉ tiêu, số liệu bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải nhưng không làm giảm số tiền phải nộp	150,000,000	250,000,000	Điều 33 Khoản 2 Điểm a	Buộc gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải theo quy định đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.33.2.b	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải, bị xử phạt đối với hành vi gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải quá thời hạn quy định dưới 31 ngày	250,000,000	350,000,000	Điều 33 Khoản 2 Điểm b	Buộc gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải theo quy định đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.33.2.c	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải, bị xử phạt đối với hành vi gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải quá thời hạn quy định từ 31 ngày đến dưới 91 ngày	350,000,000	450,000,000	Điều 33 Khoản 2 Điểm c	Buộc gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải theo quy định đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.33.2.d	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải, bị xử phạt đối với hành vi kê khai thông tin không đúng làm giảm dưới 30% so với số tiền phải nộp	450,000,000	550,000,000	Điều 33 Khoản 2 Điểm d	Buộc gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải theo quy định đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.33.2.đ	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải, bị xử phạt đối với hành vi kê khai thông tin không đúng làm giảm từ 30% đến dưới 50% so với số tiền phải nộp	550,000,000	650,000,000	Điều 33 Khoản 2 Điểm đ	Buộc gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải theo quy định đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.33.2.e	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải, bị xử phạt đối với hành vi kê khai thông tin không đúng làm giảm từ 50% đến dưới 70% so với số tiền phải nộp	650,000,000	750,000,000	Điều 33 Khoản 2 Điểm e	Buộc gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải theo quy định đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.33.2.g	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải, bị xử phạt đối với hành vi kê khai thông tin không đúng làm giảm từ 70% trở lên so với số tiền phải nộp	750,000,000	#####	Điều 33 Khoản 2 Điểm g	Buộc gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải theo quy định đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.33.2.h	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi vi phạm quy định kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải, bị xử phạt đối với hành vi không gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải hoặc gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải nhưng quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên	850,000,000	#####	Điều 33 Khoản 2 Điểm h	Buộc gửi bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải theo quy định đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.33.3.a	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi nộp tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải quá thời hạn quy định, bị xử phạt đối với hành vi chậm nộp tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải quá thời hạn quy định dưới 31 ngày hoặc không nộp đủ số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải quá thời hạn quy định dưới 31 ngày	500,000,000	700,000,000	Điều 33 Khoản 3 Điểm a	Buộc nộp số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải còn thiếu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.33.3.b	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi nộp tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải quá thời hạn quy định, bị xử phạt đối với hành vi chậm nộp tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải quá thời hạn quy định từ 31 ngày đến dưới 91 ngày hoặc không nộp đủ số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải quá thời hạn quy định từ 31 ngày đến dưới 91 ngày	700,000,000	900,000,000	Điều 33 Khoản 3 Điểm b	Buộc nộp số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải còn thiếu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.33.4	Vi phạm quy định thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu	Hành vi không nộp tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải hoặc chậm nộp tiền hỗ trợ xử lý chất thải quá thời hạn 91 ngày trở lên hoặc không nộp đủ số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải quá thời hạn 91 ngày trở lên	900,000,000	#####	Điều 33 Khoản 4	Buộc nộp số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải còn thiếu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.34.1	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện (trừ tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ), nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc trái quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100,000,000	150,000,000	Điều 34 Khoản 1	Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b, đ, e, g và h khoản 3 Điều này khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, tàu biển đã qua sử dụng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, điểm b, đ, e, g, h khoản 3 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.34.2	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi vận chuyển, quá cảnh hàng hóa, thiết bị, phương tiện (trừ tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ) có khả năng gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà chưa được phép của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường	150,000,000	200,000,000	Điều 34 Khoản 2	Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b, đ, e, g và h khoản 3 Điều này khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, tàu biển đã qua sử dụng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, điểm b, đ, e, g, h khoản 3 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.34.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt hành vi không thực hiện báo cáo định kỳ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 34 Khoản 3 Điểm a		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.34.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với hành vi không áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 đối với cơ sở hoạt động phá dỡ tàu biển	50,000,000	100,000,000	Điều 34 Khoản 3 Điểm b	Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b, đ, e, g và h khoản 3 Điều này khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, tàu biển đã qua sử dụng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, điểm b, đ, e, g, h khoản 3 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.34.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với hành vi không thu gom nhiên liệu, dầu, nước đáy tàu, nước dằn tàu, chất lỏng khác và các vật liệu có khả năng gây cháy, nổ; không tiến hành các biện pháp thông gió, cấp đủ dưỡng khí cho các không gian kín trên tàu để bảo đảm điều kiện làm việc an toàn theo quy định	100,000,000	150,000,000	Điều 34 Khoản 3 Điểm c		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.34.3.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với hành vi không thực hiện bóc tách, thu gom amiăng và PCBs theo quy định; không bố trí đủ nhân lực, thiết bị bảo hộ lao động để loại bỏ amiăng theo quy định; khu vực bóc tách amiăng không đảm bảo theo quy định	150,000,000	200,000,000	Điều 34 Khoản 3 Điểm d		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.34.3.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với hành vi không đủ điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường đã tiến hành các hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng	200,000,000	300,000,000	Điều 34 Khoản 3 Điểm đ	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu cũ của cơ sở từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ, e, g và h khoản 3 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b, đ, e, g và h khoản 3 Điều này khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, tàu biển đã qua sử dụng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, điểm b, đ, e, g, h khoản 3 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.34.3.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với hành vi không đủ điều kiện nhưng vẫn nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	500,000,000	600,000,000	Điều 34 Khoản 3 Điểm e	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu cũ của cơ sở từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ, e, g và h khoản 3 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b, đ, e, g và h khoản 3 Điều này khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, tàu biển đã qua sử dụng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, điểm b, đ, e, g, h khoản 3 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.34.3.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với hành vi nhập khẩu không đúng chủng loại tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	800,000,000	900,000,000	Điều 34 Khoản 3 Điểm g	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu cũ của cơ sở từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ, e, g và h khoản 3 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b, đ, e, g và h khoản 3 Điều này khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, tàu biển đã qua sử dụng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, điểm b, đ, e, g, h khoản 3 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.34.3.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường, bị xử phạt đối với hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng nhiễm chất phóng xạ, vi trùng gây bệnh, chất độc khác chưa được tẩy rửa hoặc không có khả năng làm sạch để phá dỡ; nước dằn tàu có chứa loài ngoại lai xâm hại hoặc loài có nguy cơ xâm hại theo quy định; không thu hồi toàn bộ khí C.F.C trong các thiết bị trước khi nhập khẩu vào Việt Nam	900,000,000	#####	Điều 34 Khoản 3 Điểm h	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu cũ của cơ sở từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ, e, g và h khoản 3 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b, đ, e, g và h khoản 3 Điều này khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, tàu biển đã qua sử dụng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, điểm b, đ, e, g, h khoản 3 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.1.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi vi phạm trong trường hợp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất bị xử phạt đối với hành vi kho hoặc bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo quy định; lưu giữ phế liệu nhập khẩu tại khu vực không phải là kho, bãi lưu giữ đã được cấp giấy phép môi trường	100,000,000	130,000,000	Điều 35 Khoản 1 Điểm a	Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này	- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.1.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi vi phạm trong trường hợp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất bị xử phạt đối với hành vi không có kho hoặc bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; không ký hợp đồng trực tiếp với tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	130,000,000	150,000,000	Điều 35 Khoản 1 Điểm b	Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này	- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.1.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi vi phạm trong trường hợp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất bị xử phạt đối với hành vi không có công nghệ, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu theo quy định; không xử lý tạp chất đi kèm phế liệu hoặc không chuyển giao tạp chất cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định; không phân định, phân loại chất thải phát sinh từ quá trình sử dụng phế liệu nhập khẩu để có phương án xử lý chất thải phù hợp theo quy định	150,000,000	170,000,000	Điều 35 Khoản 1 Điểm c	Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này	- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.1.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi vi phạm trong trường hợp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất bị xử phạt đối với hành vi nhập khẩu phế liệu vượt quá khối lượng cho phép trong giấy phép môi trường	170,000,000	200,000,000	Điều 35 Khoản 1 Điểm d	Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy phế liệu nhập khẩu	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.1.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi vi phạm trong trường hợp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất bị xử phạt đối với hành vi sử dụng phế liệu nhập khẩu không đúng quy định	200,000,000	230,000,000	Điều 35 Khoản 1 Điểm đ	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.1.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi vi phạm trong trường hợp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất bị xử phạt đối với hành vi nhập khẩu phế liệu không đúng chủng loại trong giấy phép môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này	230,000,000	250,000,000	Điều 35 Khoản 1 Điểm e	Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy phế liệu nhập khẩu	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này gây ra	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi chuyển giao phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân khác không đúng với giấy phép môi trường bị xử phạt đối với hành vi chuyển giao dưới 500 tấn phế liệu sắt, thép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân khác; chuyển giao dưới 100 tấn phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân khác; chuyển giao dưới 50 tấn phế liệu nhựa nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân khác	150,000,000	200,000,000	Điều 35 Khoản 2 Điểm a	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi chuyển giao phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân khác không đúng với giấy phép môi trường bị xử phạt đối với hành vi chuyển giao từ 500 tấn đến dưới 1.000 tấn phế liệu sắt, thép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân khác; chuyển giao từ 100 tấn đến 500 tấn phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân khác; chuyển giao từ trên 50 tấn đến 100 tấn phế liệu nhựa nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân khác	230,000,000	250,000,000	Điều 35 Khoản 2 Điểm b	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.2.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi chuyển giao phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân khác không đúng với giấy phép môi trường bị xử phạt đối với hành vi chuyển giao trên 1.000 tấn phế liệu sắt, thép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân khác; chuyển giao trên 500 tấn phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân khác; chuyển giao trên 100 tấn phế liệu nhựa nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân khác	270,000,000	300,000,000	Điều 35 Khoản 2 Điểm c	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.3	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi không thanh toán các khoản chi phí xử lý phế liệu nhập khẩu trong trường hợp số tiền ký quỹ không đủ để xử lý phế liệu nhập khẩu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường; không ký quỹ bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu theo quy định; nhập khẩu phế liệu khi không có giấy phép môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định này	200,000,000	250,000,000	Điều 35 Khoản 3	Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy phế liệu nhập khẩu	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.4.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu, bị xử phạt đối với trường hợp tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng dưới 200 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng dưới 1.000 kg	100,000,000	200,000,000	Điều 35 Khoản 4 Điểm a	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.4.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu, bị xử phạt đối với trường hợp tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 200 kg đến dưới 300 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 1.000 kg đến dưới 5.000 kg	200,000,000	250,000,000	Điều 35 Khoản 4 Điểm b	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.4.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu, bị xử phạt đối với trường hợp tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 300 kg đến dưới 400 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 5.000 kg đến dưới 10.000 kg	250,000,000	300,000,000	Điều 35 Khoản 4 Điểm c	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.4.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu, bị xử phạt đối với trường hợp tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 400 kg đến dưới 500 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 10.000 kg đến dưới 20.000 kg	300,000,000	400,000,000	Điều 35 Khoản 4 Điểm d	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.4.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu, bị xử phạt đối với trường hợp tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 500 kg đến dưới 600 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 20.000 kg đến dưới 30.000 kg	400,000,000	500,000,000	Điều 35 Khoản 4 Điểm đ	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.4.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu, bị xử phạt đối với trường hợp tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 600 kg đến dưới 700 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 30.000 kg đến dưới 40.000 kg	500,000,000	600,000,000	Điều 35 Khoản 4 Điểm e	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.4.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu, bị xử phạt đối với trường hợp tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 700 kg đến dưới 800 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 40.000 kg đến dưới 50.000 kg	600,000,000	700,000,000	Điều 35 Khoản 4 Điểm g	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.4.h	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu, bị xử phạt đối với trường hợp tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 800 kg đến dưới 900 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 50.000 kg đến dưới 60.000 kg	700,000,000	800,000,000	Điều 35 Khoản 4 Điểm h	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.4.i	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất đi kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu, bị xử phạt đối với trường hợp tạp chất là chất thải nguy hại hoặc chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, với tổng khối lượng từ 900 kg đến dưới 1.000 kg; tạp chất là chất thải khác, với tổng khối lượng từ 60.000 kg đến dưới 70.000 kg	800,000,000	900,000,000	Điều 35 Khoản 4 Điểm i	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy phế liệu nhập khẩu	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.5	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa chất phóng xạ; nhập khẩu phế liệu không thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	900,000,000	#####	Điều 35 Khoản 5	- Đình chỉ hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này - Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	- Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể tái xuất đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ và e khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.35.6	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài	Hành vi vi phạm của tổ chức giám định chất lượng phế liệu nhập khẩu về kết quả giám định, phân tích chất lượng của các lô hàng phế liệu nhập khẩu thì áp dụng xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa			Điều 35 Khoản 6		Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về nhập khẩu phế liệu vi phạm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.36.1	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển và bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí trên biển	Hành vi không thu gom vận chuyển chất thải rắn thông thường phải chuyển vào bờ theo quy định đối với chất thải phát sinh từ hoạt động dầu khí trên biển	30,000,000	40,000,000	Điều 36 Khoản 1		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.36.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển và bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí trên biển	Hành vi hoạt động khai thác nguồn lợi, tài nguyên biển và hoạt động khác liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên biển thực hiện không đúng theo quy hoạch đã được phê duyệt	80,000,000	150,000,000	Điều 36 Khoản 2 Điểm a		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.36.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển và bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí trên biển	Hành vi không xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với chất thải và các yếu tố gây ô nhiễm khác từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xây dựng, giao thông, vận tải, khai thác trên biển	80,000,000	150,000,000	Điều 36 Khoản 2 Điểm b		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.36.2.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển và bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí trên biển	Hành vi để, lưu giữ phương tiện vận tải, kho tàng, các công trình khai thác dầu khí trên biển quá thời gian phải xử lý	80,000,000	150,000,000	Điều 36 Khoản 2 Điểm c		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.36.2.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển và bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí trên biển	Hành vi không thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại theo quy định đối với hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên biển, phá dỡ phương tiện vận tải trên biển	80,000,000	150,000,000	Điều 36 Khoản 2 Điểm d		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.36.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển và bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí trên biển	Hành vi đổ xuống biển chất thải thông thường của các phương tiện vận tải, các giàn khoan hoạt động trên biển mà không được xử lý theo quy định hoặc chất thải không được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải	150,000,000	250,000,000	Điều 36 Khoản 3 Điểm a	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này	Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.36.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển và bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí trên biển	Hành vi đổ chất thải rắn thông thường từ đất liền xuống biển, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	150,000,000	250,000,000	Điều 36 Khoản 3 Điểm b	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này	Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.36.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển và bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí trên biển	Hành vi thải mùn khoan, dung dịch khoan nền nước hoặc thải mùn khoan, dung dịch khoan nền không nước phát sinh trong hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí trên biển xuống vùng biển không đúng quy định	150,000,000	250,000,000	Điều 36 Khoản 3 Điểm c	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này	Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.36.3.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển và bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí trên biển	Hành vi thải xuống biển mùn khoan nền không nước phát sinh trong hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí trên biển không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật theo quy định	150,000,000	250,000,000	Điều 36 Khoản 3 Điểm d	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này	Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.36.3.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển và bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí trên biển	Hành vi thải nước rửa sàn, thiết bị công nghệ và khoang chứa dầu bị nhiễm dầu, nước thải sinh hoạt phát sinh trong hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí trên biển xuống vùng biển không đúng quy định	150,000,000	250,000,000	Điều 36 Khoản 3 Điểm đ	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này	Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.36.4	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển và bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí trên biển	Hành vi đổ các loại hóa chất độc hại, chất thải rắn; nước thải không xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật xuống vùng biển thuộc khu bảo tồn thiên nhiên, di sản tự nhiên, vùng có hệ sinh thái tự nhiên mới, khu vực sinh sản thường xuyên hoặc theo mùa của các loài thủy, hải sản, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	250,000,000	500,000,000	Điều 36 Khoản 4	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này	- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.36.5	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển và bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí trên biển	Hành vi đổ chất thải nguy hại, chất thải có chứa chất phóng xạ xuống vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	500,000,000	#####	Điều 36 Khoản 5	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này	- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.37.1	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đất	Hành vi không thực hiện việc điều tra sơ bộ, điều tra chi tiết khu vực đất bị ô nhiễm theo quy định trong trường hợp gây ra ô nhiễm môi trường; không báo cáo cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh về kết quả xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất theo quy định	50,000,000	60,000,000	Điều 37 Khoản 1		Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.37.2	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đất	Hành vi không lập phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm theo quy định trong trường hợp gây ra ô nhiễm môi trường; không gửi phương án xử lý cải tạo phục hồi môi trường tới cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh để kiểm tra, giám sát theo quy định	60,000,000	80,000,000	Điều 37 Khoản 2		Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.37.3	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đất	Hành vi không thực hiện xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm theo quy định trong trường hợp gây ra ô nhiễm môi trường	80,000,000	100,000,000	Điều 37 Khoản 3		Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.38.1	Vi phạm các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản	Hành vi không thực hiện đúng tiến độ hoặc thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ một trong các hạng mục công việc phải thực hiện trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định	100,000,000	120,000,000	Điều 38 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.38.2	Vi phạm các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản	Hành vi không lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định	150,000,000	200,000,000	Điều 38 Khoản 2			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.38.3	Vi phạm các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản	Hành vi không thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc từng giai đoạn hoạt động theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt	200,000,000	250,000,000	Điều 38 Khoản 3	Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.1.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi để xảy ra sự cố tràn dầu hoặc phát hiện sự cố tràn dầu mà không báo cáo kịp thời đến cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông tin về sự cố tràn dầu theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 39 Khoản 1 Điểm a		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.39.1.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 39 Khoản 1 Điểm b		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	
	45.39.1.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không thông báo kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan để phối hợp triển khai	5,000,000	10,000,000	Điều 39 Khoản 1 Điểm c		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.2.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không tổ chức tập huấn hoặc cử cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia ứng phó đi tập huấn để nâng cao kỹ năng ứng phó sự cố tràn dầu	10,000,000	30,000,000	Điều 39 Khoản 2 Điểm a		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.39.2.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không triển khai thực hành huấn luyện ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định	10,000,000	30,000,000	Điều 39 Khoản 2 Điểm b		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	
	45.39.3	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền trợ giúp trong trường hợp sự cố tràn dầu vượt quá khả năng, nguồn lực tại chỗ của cơ sở theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 39 Khoản 3		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.4.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền bị xử phạt đối với hành vi không đầu tư hoặc không hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm để huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định	10,000,000	15,000,000	Điều 39 Khoản 4 Điểm a		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.39.4.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền bị xử phạt đối với hành vi không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền	15,000,000	20,000,000	Điều 39 Khoản 4 Điểm b		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	
	45.39.4.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền bị xử phạt đối với hành vi không có kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan chủ quản phê duyệt theo quy định	20,000,000	25,000,000	Điều 39 Khoản 4 Điểm c		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.4.d	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền bị xử phạt đối với hành vi không xây dựng kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định	25,000,000	30,000,000	Điều 39 Khoản 4 Điểm d		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.39.5.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50.000 m ³ trở lên, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng lớn hơn hoặc bằng 50.000 DWT bị xử phạt đối với hành vi không đầu tư hoặc không ký hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm để huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định	30,000,000	40,000,000	Điều 39 Khoản 5 Điểm a		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	
	45.39.5.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50.000 m ³ trở lên, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng lớn hơn hoặc bằng 50.000 DWT bị xử phạt đối với hành vi không tổ chức, chỉ huy lực lượng, phương tiện, thiết bị của mình hoặc lực lượng, phương tiện, thiết bị trong hợp đồng ứng phó sự cố tràn dầu để triển khai thực hiện ứng phó kịp thời; không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền	40,000,000	50,000,000	Điều 39 Khoản 5 Điểm b		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.5.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50.000 m ³ trở lên, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng lớn hơn hoặc bằng 50.000 DWT bị xử phạt đối với hành vi không có kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn phê duyệt theo quy định	50,000,000	60,000,000	Điều 39 Khoản 5 Điểm c		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.39.5.d	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50.000 m ³ trở lên, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng lớn hơn hoặc bằng 50.000 DWT bị xử phạt đối với hành vi không xây dựng kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định	60,000,000	70,000,000	Điều 39 Khoản 5 Điểm d		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	
	45.39.6.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của các cảng tại địa phương, các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ dưới 50.000 m ³ , các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT bị xử phạt đối với hành vi không đầu tư hoặc không ký hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm đề huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định	20,000,000	30,000,000	Điều 39 Khoản 6 Điểm a		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.6.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của các cảng tại địa phương, các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ dưới 50.000 m ³ , các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT bị xử phạt đối với hành vi không tổ chức, chỉ huy lực lượng, phương tiện, thiết bị của mình hoặc lực lượng, phương tiện, thiết bị trong hợp đồng ứng phó sự cố tràn dầu để triển khai thực hiện ứng phó kịp thời; không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền	30,000,000	40,000,000	Điều 39 Khoản 6 Điểm b		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.39.6.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của các cảng tại địa phương, các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ dưới 50.000 m ³ , các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT bị xử phạt đối với hành vi không có kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 39 Khoản 6 Điểm c		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	
	45.39.6.d	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của các cảng tại địa phương, các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ dưới 50.000 m ³ , các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT bị xử phạt đối với hành vi không xây dựng kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định	50,000,000	60,000,000	Điều 39 Khoản 6 Điểm d		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.7.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của chủ đầu tư cảng, chủ cơ sở, chủ dự án có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt đối với hành vi không đầu tư hoặc không hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm để huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định	20,000,000	30,000,000	Điều 39 Khoản 7 Điểm a		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.7.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của chủ đầu tư cảng, chủ cơ sở, chủ dự án có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt đối với hành vi không tổ chức, chỉ huy lực lượng, phương tiện, thiết bị của mình hoặc lực lượng, phương tiện, thiết bị trong hợp đồng ứng phó sự cố tràn dầu để triển khai thực hiện ứng phó kịp thời; không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; không tổ chức giám sát các hoạt động có nguy cơ tràn dầu cao trong địa bàn hoạt động của mình để kịp thời triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp; không thực hiện đầy đủ các yêu cầu, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm ngăn chặn hoặc giảm thiểu thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra khi xảy ra sự cố tràn dầu	30,000,000	40,000,000	Điều 39 Khoản 7 Điểm b		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.39.7.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của chủ đầu tư cảng, chủ cơ sở, chủ dự án có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt đối với hành vi không có kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định; không lập lại kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định	40,000,000	50,000,000	Điều 39 Khoản 7 Điểm c		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	
	45.39.7.d	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của chủ đầu tư cảng, chủ cơ sở, chủ dự án có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt đối với hành vi không xây dựng kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định	50,000,000	60,000,000	Điều 39 Khoản 7 Điểm d		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.8.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động dầu khí ngoài khơi có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt đối với hành vi không thông báo kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được phê duyệt đến ủy ban nhân dân các tỉnh có nguy cơ bị ảnh hưởng khi xảy ra sự cố tại cơ sở, dự án	20,000,000	30,000,000	Điều 39 Khoản 8 Điểm a		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.8.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động dầu khí ngoài khơi có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt đối với hành vi không đầu tư hoặc không hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó hay với Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm để huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định	30,000,000	40,000,000	Điều 39 Khoản 8 Điểm b		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.8.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động dầu khí ngoài khơi có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt đối với hành vi không sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia phối hợp ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền	40,000,000	50,000,000	Điều 39 Khoản 8 Điểm c		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.8.d	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động dầu khí ngoài khơi có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt đối với hành vi không có kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn phê duyệt theo quy định	50,000,000	60,000,000	Điều 39 Khoản 8 Điểm d		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.8.đ	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động dầu khí ngoài khơi có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt đối với hành vi không xây dựng kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu ở mức độ tương ứng với khả năng tràn dầu do hoạt động của mình gây ra theo quy định	60,000,000	70,000,000	Điều 39 Khoản 8 Điểm đ		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.9.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của tàu dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt đối với hành vi không thông báo kế hoạch chuyển tải dầu giữa tàu với tàu trên biển để cơ quan nhà nước có thẩm quyền giám sát và có biện pháp ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố tràn dầu theo quy định	15,000,000	25,000,000	Điều 39 Khoản 9 Điểm a		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.9.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của tàu dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt đối với hành vi không có kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu của tàu được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt đối với các tàu chở dầu mang cờ quốc tịch Việt Nam có tổng dung tích từ 150 GT trở lên, các tàu khác không phải tàu chở dầu có tổng dung tích từ 400 GT trở lên theo quy định	25,000,000	35,000,000	Điều 39 Khoản 9 Điểm b		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.9.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của tàu dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt đối với hành vi không có kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu của tàu được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt đối với các tàu chở dầu mang cờ quốc tịch Việt Nam có tổng dung tích từ 150 GT trở lên tham gia vào việc chuyển tải dầu giữa tàu với tàu trên biển	35,000,000	45,000,000	Điều 39 Khoản 9 Điểm c		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.9.d	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của tàu dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt đối với hành vi thực hiện chuyển tải dầu giữa tàu với tàu trên biển khi chưa sự đồng ý của Đầu mối liên lạc quốc gia hoặc Cảng vụ theo quy định	45,000,000	55,000,000	Điều 39 Khoản 9 Điểm d		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.9.đ	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động của tàu dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu bị xử phạt đối với hành vi không mua bảo hiểm hoặc các bảo đảm tài chính khác theo mức trách nhiệm dân sự được pháp luật quy định để bồi thường thiệt hại đối với ô nhiễm dầu theo quy định	55,000,000	65,000,000	Điều 39 Khoản 9 Điểm đ		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.10	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi sử dụng chất phân tán dầu tràn và chế phẩm sinh học trong ứng phó sự cố tràn dầu không đúng theo quy định	70,000,000	80,000,000	Điều 39 Khoản 10		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.11.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu dưới 2.000 kg	40,000,000	80,000,000	Điều 39 Khoản 11 Điểm a		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.11.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 2.000 kg đến dưới 10.000 kg	80,000,000	150,000,000	Điều 39 Khoản 11 Điểm b		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.11.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 10.000 kg đến dưới 20.000 kg	150,000,000	250,000,000	Điều 39 Khoản 11 Điểm c		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.11.d	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 20.000 kg đến dưới 50.000 kg	250,000,000	350,000,000	Điều 39 Khoản 11 Điểm d		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.11.đ	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 50.000 kg đến dưới 100.000 kg	350,000,000	450,000,000	Điều 39 Khoản 11 Điểm đ		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.11.e	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 100.000 kg đến dưới 200.000 kg	450,000,000	550,000,000	Điều 39 Khoản 11 Điểm e		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.11.g	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 200.000 kg đến dưới 300.000 kg	550,000,000	650,000,000	Điều 39 Khoản 11 Điểm g		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.11.h	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 300.000 kg đến dưới 400.000 kg	650,000,000	750,000,000	Điều 39 Khoản 11 Điểm h		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.11.i	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 400.000 kg đến dưới 500.000 kg	750,000,000	850,000,000	Điều 39 Khoản 11 Điểm i		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.11.k	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi gây ra sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu, trừ các hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 500.000 kg trở lên	850,000,000	950,000,000	Điều 39 Khoản 11 Điểm k		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 8, 9 và 11 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.12.a	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu dưới 2.000 kg	50,000,000	100,000,000	Điều 39 Khoản 12 Điểm a		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.39.12.b	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 2.000 kg đến dưới 10.000 kg	100,000,000	200,000,000	Điều 39 Khoản 12 Điểm b		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	
	45.39.12.c	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 10.000 kg đến dưới 20.000 kg	200,000,000	300,000,000	Điều 39 Khoản 12 Điểm c		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.12.d	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 20.000 kg đến dưới 50.000 kg	300,000,000	400,000,000	Điều 39 Khoản 12 Điểm d		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.39.12.đ	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 50.000 kg đến dưới 100.000 kg	400,000,000	500,000,000	Điều 39 Khoản 12 Điểm đ		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	
	45.39.12.e	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 100.000 kg đến dưới 200.000 kg	500,000,000	600,000,000	Điều 39 Khoản 12 Điểm e		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.12.g	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 200.000 kg đến dưới 300.000 kg	600,000,000	700,000,000	Điều 39 Khoản 12 Điểm g		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.39.12.h	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 300.000 kg đến dưới 400.000 kg	700,000,000	800,000,000	Điều 39 Khoản 12 Điểm h		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	
	45.39.12.i	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 400.000 kg đến dưới 500.000 kg	800,000,000	900,000,000	Điều 39 Khoản 12 Điểm i		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.39.12.k	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Hành vi không khắc phục hậu quả sự cố cháy nổ dầu, tràn dầu; không thực hiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra bị xử phạt trong trường hợp khối lượng dầu từ 500.000 kg trở lên	900,000,000	#####	Điều 39 Khoản 12 Điểm k		Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.40.1.a	Vi phạm các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải thì bị xử phạt đối với hành vi không lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải hoặc không lập kế hoạch phục hồi môi trường sau sự cố chất thải	10,000,000	30,000,000	Điều 40 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.40.1.b	Vi phạm các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải thì bị xử phạt đối với hành vi không công khai kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; không thông báo tới ủy ban nhân dân cấp xã và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện khi xảy ra sự cố chất thải	30,000,000	50,000,000	Điều 40 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.40.1.c	Vi phạm các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải thì bị xử phạt đối với hành vi không bố trí lực lượng tại chỗ; không xây dựng kế hoạch tập huấn, huấn luyện cho lực lượng tại chỗ về ứng phó sự cố chất thải; không tổ chức diễn tập ứng phó sự cố chất thải	50,000,000	70,000,000	Điều 40 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.40.1.d	Vi phạm các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải thì bị xử phạt đối với hành vi không xây dựng, lắp đặt công trình, trang thiết bị ứng phó sự cố chất thải; không bảo đảm vật tư, phương tiện ứng phó sự cố chất thải theo kế hoạch ứng phó sự cố chất thải	80,000,000	100,000,000	Điều 40 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		cổ chất thải							
	45.40.1.đ	Vi phạm các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải thì bị xử phạt đối với hành vi không chấp hành hoặc chấp hành không đúng lệnh huy động lực lượng, trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố chất thải của cơ quan, người có thẩm quyền	100,000,000	120,000,000	Điều 40 Khoản 1 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.40.1.e	Vi phạm các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải thì bị xử phạt đối với hành vi không thực hiện đúng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải, không dừng hoạt động sản xuất khi xảy ra sự cố chất thải, không thực hiện những biện pháp thuộc trách nhiệm của mình để kịp thời ứng phó sự cố chất thải	120,000,000	150,000,000	Điều 40 Khoản 1 Điểm e			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.40.1.g	Vi phạm các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải thì bị xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này mà không thực hiện phục hồi môi trường hoặc thực hiện phục hồi môi trường nhưng không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất lượng môi trường xung quanh, không đáp ứng với quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản	200,000,000	250,000,000	Điều 40 Khoản 1 Điểm g	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 09 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều này	Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, khắc phục sự cố môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.40.1.h	Vi phạm các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải	Hành vi vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải thì bị xử phạt đối với hành vi không thanh toán chi phí tổ chức ứng phó sự cố chất thải, chi phí phục hồi môi trường cho Nhà nước trong trường hợp Nhà nước đứng ra tổ chức ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố, không đền bù thiệt hại do sự cố chất thải theo quy định, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	250,000,000	350,000,000	Điều 40 Khoản 1 Điểm h		Buộc chi trả chi phí tổ chức ứng phó sự cố chất thải, chi phí phục hồi môi trường đối với các vi phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.40.2.a	Vi phạm các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải	Hành vi gây sự cố chất thải thì bị xử phạt đối với hành vi gây sự cố chất thải cấp cơ sở, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	150,000,000	200,000,000	Điều 40 Khoản 2 Điểm a	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.40.2.b	Vi phạm các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự	Hành vi gây sự cố chất thải thì bị xử phạt đối với hành vi gây sự cố chất thải cấp huyện, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	200,000,000	300,000,000	Điều 40 Khoản 2 Điểm b	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		cố chất thải					khoản 2 Điều này		
	45.40.2.c	Vi phạm các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải	Hành vi gây sự cố chất thải thì bị xử phạt đối với hành vi gây sự cố chất thải cấp tỉnh, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	300,000,000	400,000,000	Điều 40 Khoản 2 Điểm c	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.40.2.d	Vi phạm các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố chất thải	Hành vi gây sự cố chất thải thì bị xử phạt đối với hành vi gây sự cố chất thải cấp quốc gia, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường	400,000,000	500,000,000	Điều 40 Khoản 2 Điểm d	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.41.1	Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp	Hành vi đốt ngoài trời phụ phẩm từ cây trồng cạnh khu vực dân cư, sân bay, các tuyến giao thông chính	2,500,000	3,000,000	Điều 41 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.41.2	Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp	Hành vi không đăng ký, kiểm kê, báo cáo và quản lý thông tin về hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y theo quy định; sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sai quy định và gây ô nhiễm môi trường	10,000,000	15,000,000	Điều 41 Khoản 2		Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, khắc phục sự cố môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 2 và 4 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.41.3	Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp	Hành vi không thực hiện việc đánh giá và kiểm soát hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 41 Khoản 3			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.41.4	Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp	Hành vi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép và gây ô nhiễm môi trường	50,000,000	70,000,000	Điều 41 Khoản 4	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 09 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 4 và 5 Điều này	Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm, khắc phục sự cố môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm quy định tại các khoản 2 và 4 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.41.5	Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp	Hành vi nhập khẩu hóa chất, vật liệu chứa hóa chất nguy hại không đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường	50,000,000	100,000,000	Điều 41 Khoản 5	Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 09 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 4 và 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.42.1	Vi phạm các quy định về nộp phí bảo vệ môi trường, ký quỹ bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	Hành vi vi phạm hành chính về phí bảo vệ môi trường bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí và hóa đơn		#####	Điều 42 Khoản 1		- Truy thu số phí bảo vệ môi trường nộp thiếu, trốn nộp kể từ thời điểm nộp thiếu, trốn nộp phí bảo vệ môi trường (tính theo kết quả phân tích mẫu chất thải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra và xử phạt thực hiện theo quy định) đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.42.2	Vi phạm các quy định về nộp phí bảo vệ môi trường, ký quỹ bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	Hành vi chậm nộp ký quỹ 2 phạt 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền ký quỹ bảo vệ môi trường		#####	Điều 42 Khoản 2		- Truy thu số phí bảo vệ môi trường nộp thiếu, trốn nộp kể từ thời điểm nộp thiếu, trốn nộp phí bảo vệ môi trường (tính theo kết quả phân tích mẫu chất thải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra và xử phạt thực hiện theo quy định) đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này - Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.42.3	Vi phạm các quy định về nộp phí bảo vệ môi trường, ký quỹ bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	Hành vi không thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường theo quy định phạt tiền từ 2 đến 3 lần số tiền phải ký quỹ		#####	Điều 42 Khoản 3		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường; buộc mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								khoản 4 Điều này	

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.42.4	Vi phạm các quy định về nộp phí bảo vệ môi trường, ký quỹ bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	Hành vi không mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	220,000,000	250,000,000	Điều 42 Khoản 4		- Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm quy định tại Điều này - Buộc phải thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường; buộc mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								khoản 4 Điều này	
	45.43.1	Vi phạm các quy định về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai	Hành vi vi phạm không lập báo cáo, báo cáo không đúng, không đầy đủ hoặc không gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường tới các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 43 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		thông tin về môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường							
	45.43.2.a	Vi phạm các quy định về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai thông tin về môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm hành chính về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường thì bị xử phạt đối với hành vi cản trở trái phép việc quan trắc, thu thập, trao đổi, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường	1,000,000	5,000,000	Điều 43 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.43.2.b	Vi phạm các quy định về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai	Hành vi vi phạm hành chính về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường thì bị xử phạt đối với hành vi không thu thập, lưu giữ và quản lý thông tin môi trường theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 43 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		thông tin về môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường							
	45.43.2.c	Vi phạm các quy định về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai thông tin về môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm hành chính về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường thì bị xử phạt đối với hành vi xâm nhập trái phép vào hệ thống lưu trữ dữ liệu, thông tin về môi trường theo quy định	10,000,000	40,000,000	Điều 43 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.43.2.d	Vi phạm các quy định về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai	Hành vi vi phạm hành chính về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường thì bị xử phạt đối với hành vi chỉnh sửa làm sai khác thông tin dữ liệu, tẩy xóa dữ liệu, thông tin về môi trường, kết quả quan trắc môi trường	60,000,000	80,000,000	Điều 43 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		thông tin về môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường							
	45.43.3.a	Vi phạm các quy định về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai thông tin về môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm hành chính về công khai thông tin môi trường thì bị xử phạt đối với hành vi công khai dữ liệu, thông tin về môi trường, kết quả quan trắc môi trường không đúng, không đầy đủ theo quy định; không cung cấp, cập nhật thông tin môi trường của mình vào cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia và cấp tỉnh theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 43 Khoản 3 Điểm a		Buộc phải công khai thông tin đối với các vi phạm quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.43.3.b	Vi phạm các quy định về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai thông tin về môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm hành chính về công khai thông tin môi trường thì bị xử phạt đối với hành vi vi phạm không công khai thông tin, dữ liệu về môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 10; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 11; điểm h khoản 1 Điều 31; khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 33; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 54 Nghị định này	10,000,000	15,000,000	Điều 43 Khoản 3 Điểm b		Buộc phải công khai thông tin đối với các vi phạm quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.43.3.c	Vi phạm các quy định về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai thông tin về môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm hành chính về công khai thông tin môi trường thì bị xử phạt đối với hành vi không công khai kết quả quan trắc chất thải của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật	15,000,000	20,000,000	Điều 43 Khoản 3 Điểm c		Buộc phải công khai thông tin đối với các vi phạm quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.43.3.d	Vi phạm các quy định về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai thông tin về môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm hành chính về công khai thông tin môi trường thì bị xử phạt đối với hành vi gian dối khi cung cấp thông tin môi trường trong trường hợp phải công khai thông tin cho cộng đồng theo quy định	100,000,000	150,000,000	Điều 43 Khoản 3 Điểm d		Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn về hiện trạng môi trường đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.43.4.a	Vi phạm các quy định về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai thông tin về môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm hành chính về cung cấp thông tin môi trường thì bị xử phạt đối với hành vi không cung cấp thông tin, dữ liệu về môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định	15,000,000	20,000,000	Điều 43 Khoản 4 Điểm a		Buộc phải cung cấp, công bố thông tin đối với vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.43.4.b	Vi phạm các quy định về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai thông tin về môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường	Hành vi vi phạm hành chính về cung cấp thông tin môi trường thì bị xử phạt đối với hành vi cung cấp dữ liệu, thông tin về môi trường, kết quả quan trắc môi trường không trung thực cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo số liệu kết quả quan trắc nước thải, khí thải, chất thải khác không đúng với thực tế ô nhiễm của dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	100,000,000	150,000,000	Điều 43 Khoản 4 Điểm b		- Buộc phải cung cấp, công bố thông tin đối với vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều này - Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn về hiện trạng môi trường đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.43.5	Vi phạm các quy định về quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai thông tin về môi trường	Hành vi không cung cấp, công bố thông tin theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu, pháp luật về bảo vệ môi trường	20,000,000	30,000,000	Điều 43 Khoản 5		Buộc phải cung cấp, công bố thông tin đối với vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường							
	45.44.1.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường	Hành vi gây cản trở việc khai thác, sử dụng các công trình bảo vệ môi trường	1,000,000	5,000,000	Điều 44 Khoản 1 Điểm a		Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.44.1.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường	Hành vi trồng cây làm ảnh hưởng đến hành lang an toàn kỹ thuật của công trình bảo vệ môi trường	1,000,000	5,000,000	Điều 44 Khoản 1 Điểm b		Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								quy định tại Điều này	
	45.44.2	Vi phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường	Hành vi dịch chuyển trái phép các thiết bị, máy móc quan trắc môi trường	5,000,000	10,000,000	Điều 44 Khoản 2		Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.44.3	Vi phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường	Hành vi xây dựng công trình làm ảnh hưởng đến hành lang an toàn kỹ thuật của công trình bảo vệ môi trường	10,000,000	50,000,000	Điều 44 Khoản 3		Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		vệ môi trường						chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	
	45.44.4	Vi phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường	Hành vi phá hoại, xâm chiếm công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường	50,000,000	100,000,000	Điều 44 Khoản 4		Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.45.1.a	Vi phạm các quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	Hành vi không nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định	0	0	Điều 45 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.45.1.b	Vi phạm các quy định về giảm nhẹ phát thải	Hành vi không nộp báo cáo mức giảm phát thải cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định	0	0	Điều 45 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		khí nhà kính							
	45.45.2.a	Vi phạm các quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	Hành vi cung cấp thông tin không đúng, không đầy đủ trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính	5,000,000	10,000,000	Điều 45 Khoản 2 Điểm a		Buộc cung cấp thông tin đúng, đầy đủ trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính, báo cáo mức giảm phát thải khí nhà kính đối với các hành, vi quy định tại khoản 2 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.45.2.b	Vi phạm các quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	Hành vi cung cấp thông tin không đúng, không đầy đủ trong báo cáo mức giảm phát thải khí nhà kính	5,000,000	10,000,000	Điều 45 Khoản 2 Điểm b		Buộc cung cấp thông tin đúng, đầy đủ trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính, báo cáo mức giảm phát thải khí nhà kính đối với các hành, vi quy định tại khoản 2 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.45.3.a	Vi phạm các quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	Hành vi không lập báo cáo kiểm kê khí nhà kính theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 45 Khoản 3 Điểm a		Buộc lập báo cáo kiểm kê khí nhà kính, báo cáo mức giảm phát thải khí nhà kính cho (các) năm nộp chậm, nộp thiếu và chịu mọi phí tổn phát sinh nếu có đối với các hành vi quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.45.3.b	Vi phạm các quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	Hành vi không lập báo cáo mức giảm phát thải khí nhà kính theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 45 Khoản 3 Điểm b		Buộc lập báo cáo kiểm kê khí nhà kính, báo cáo mức giảm phát thải khí nhà kính cho (các) năm nộp chậm, nộp thiếu và chịu mọi phí tổn phát sinh nếu có đối với các hành vi quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.45.3.c	Vi phạm các quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	Hành vi thẩm định báo cáo không đúng lĩnh vực đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố	30,000,000	50,000,000	Điều 45 Khoản 3 Điểm c		Buộc hủy kết quả thẩm định báo cáo kiểm kê khí nhà kính, báo cáo mức giảm phát thải khí nhà kính đối với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.1.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi không thực hiện đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát ban hành theo Danh mục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 92 Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi là các chất được kiểm soát)	0	0	Điều 46 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.1.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi không xây dựng lộ trình phù hợp để thay thế, loại bỏ chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát theo quy định	0	0	Điều 46 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.1.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi không nộp báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát theo thời hạn quy định	0	0	Điều 46 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.2.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi không lập báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát định kỳ theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 46 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.46.2.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi cung cấp thông tin không đúng, không đầy đủ trong báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát	5,000,000	10,000,000	Điều 46 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.3.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi kỹ thuật viên thực hiện thu gom các chất được kiểm soát không có văn bản, chứng chỉ, chứng nhận phù hợp theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 46 Khoản 3 Điểm a		Buộc xây dựng quy trình thu gom, vận chuyển, lưu giữ an toàn theo quy định đối với vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.3.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi không sử dụng thiết bị phù hợp cho hoạt động thu gom, vận chuyển, lưu giữ các chất được kiểm soát theo quy định	10,000,000	20,000,000	Điều 46 Khoản 3 Điểm b		Buộc xây dựng quy trình thu gom, vận chuyển, lưu giữ an toàn theo quy định đối với vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.3.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi không có quy trình thu gom, vận chuyển, lưu giữ an toàn các chất được kiểm soát theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường	10,000,000	20,000,000	Điều 46 Khoản 3 Điểm c		Buộc xây dựng quy trình thu gom, vận chuyển, lưu giữ an toàn theo quy định đối với vi phạm quy định tại điểm	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								c khoản 3 Điều này	
	45.46.4.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi sản xuất các chất được kiểm soát vượt hạn ngạch được cấp theo quyết định phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát	20,000,000	25,000,000	Điều 46 Khoản 4 Điểm a		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.4.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi nhập khẩu các chất được kiểm soát vượt hạn ngạch được cấp theo quyết định phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát	20,000,000	25,000,000	Điều 46 Khoản 4 Điểm b		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.4.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi chuyển nhượng hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát	20,000,000	25,000,000	Điều 46 Khoản 4 Điểm c		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.46.4.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi sử dụng trái phép thông báo phân bố, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát	20,000,000	25,000,000	Điều 46 Khoản 4 Điểm d		Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.5	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi không chuyển giao chất được kiểm soát cho đơn vị có giấy phép môi trường phù hợp để tái chế, xử lý theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 46 Khoản 5		Buộc chuyển giao các chất và thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát cần xử lý theo đúng quy định cho đơn vị có chức năng xử lý và chịu mọi chi phí phát sinh đối với vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.6.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi thải ra môi trường các chất được kiểm soát không phát sinh cùng các loại chất thải nguy hại khác của tổ chức bị xử phạt đối với hành vi thải ra môi trường dưới 10 kg chất được kiểm soát	30,000,000	50,000,000	Điều 46 Khoản 6 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.46.6.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi thải ra môi trường các chất được kiểm soát không phát sinh cùng các loại chất thải nguy hại khác của tổ chức bị xử phạt đối với hành vi thải ra môi trường từ 10 kg đến dưới 30 kg chất được kiểm soát	50,000,000	70,000,000	Điều 46 Khoản 6 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.6.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi thải ra môi trường các chất được kiểm soát không phát sinh cùng các loại chất thải nguy hại khác của tổ chức bị xử phạt đối với hành vi thải ra môi trường từ 30 kg đến dưới 50 kg chất được kiểm soát	70,000,000	100,000,000	Điều 46 Khoản 6 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.6.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi thải ra môi trường các chất được kiểm soát không phát sinh cùng các loại chất thải nguy hại khác của tổ chức bị xử phạt đối với hành vi thải ra môi trường từ 50 kg đến dưới 100 kg chất được kiểm soát	100,000,000	150,000,000	Điều 46 Khoản 6 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.6.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi thải ra môi trường các chất được kiểm soát không phát sinh cùng các loại chất thải nguy hại khác của tổ chức bị xử phạt đối với hành vi thải ra môi trường từ 100 kg đến dưới 250 kg chất được kiểm soát	150,000,000	200,000,000	Điều 46 Khoản 6 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.6.e	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi thải ra môi trường các chất được kiểm soát không phát sinh cùng các loại chất thải nguy hại khác của tổ chức bị xử phạt đối với hành vi thải ra môi trường từ 250 kg đến dưới 500 kg chất được kiểm soát	200,000,000	250,000,000	Điều 46 Khoản 6 Điểm e			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.6.g	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi thải ra môi trường các chất được kiểm soát không phát sinh cùng các loại chất thải nguy hại khác của tổ chức bị xử phạt đối với hành vi thải ra môi trường từ 500 kg trở lên chất được kiểm soát	250,000,000	300,000,000	Điều 46 Khoản 6 Điểm g			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.46.7.a	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi sản xuất các chất được kiểm soát bị cấm; sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát bị cấm	100,000,000	200,000,000	Điều 46 Khoản 7 Điểm a	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều này - Buộc tiêu hủy các chất và thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát bị cấm và chịu mọi chi phí phát sinh đối với vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.46.7.b	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi nhập khẩu, xuất khẩu các chất được kiểm soát bị cấm; nhập khẩu, xuất khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát bị cấm	100,000,000	200,000,000	Điều 46 Khoản 7 Điểm b	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều này - Buộc tiêu hủy các chất và thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát bị cấm và chịu mọi chi phí phát sinh đối với vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.46.7.c	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi sản xuất trái phép các chất được kiểm soát; sản xuất trái phép chất và thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát	100,000,000	200,000,000	Điều 46 Khoản 7 Điểm c	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều này - Buộc tiêu hủy các chất và thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát bị cấm và chịu mọi chi phí phát sinh đối với vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.46.7.d	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi nhập khẩu, xuất khẩu trái phép các chất được kiểm soát; nhập khẩu, xuất khẩu trái phép thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát	100,000,000	200,000,000	Điều 46 Khoản 7 Điểm d	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều này - Buộc tiêu hủy các chất và thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát bị cấm và chịu mọi chi phí phát sinh đối với vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.46.7.đ	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi tiêu thụ các chất được kiểm soát bị cấm; tiêu thụ thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát bị cấm	100,000,000	200,000,000	Điều 46 Khoản 7 Điểm đ	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 7 Điều này - Buộc tiêu hủy các chất và thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ các chất được kiểm soát bị cấm và chịu mọi chi phí phát sinh đối với vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.46.8	Vi phạm các quy định về bảo vệ tầng ô-dôn	Hành vi thực hiện tái chế, xử lý các chất được kiểm soát không có giấy phép môi trường phù hợp	150,000,000	250,000,000	Điều 46 Khoản 8	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 09 tháng đến 12 tháng đối với các vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.1	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Các hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên được xác lập theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, thủy sản, di sản văn hóa được áp dụng hình thức xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đó			Điều 47 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.47.2.a	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên là khu bảo tồn, trừ các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi săn bắt, đánh bắt, khai thác động vật hoang dã, thực vật hoang dã trong khu bảo tồn đất ngập nước, trừ trường hợp tội phạm về môi trường và trừ trường hợp vì mục đích nghiên cứu khoa học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	5,000,000	10,000,000	Điều 47 Khoản 2 Điểm a	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.2.b	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên là khu bảo tồn, trừ các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi ngăn cản đường đi của các loài thủy sinh trong phân khu dịch vụ hành chính của khu bảo tồn đất ngập nước	10,000,000	30,000,000	Điều 47 Khoản 2 Điểm b	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	- Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc phá dỡ công trình, nhà ở trái phép đối với hành vi quy định tại điểm b, đ, g khoản 2 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.47.2.c	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên là khu bảo tồn, trừ các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi san lấp, đào đắp, thay đổi, ngăn dòng chảy tự nhiên làm thay đổi chế độ thủy văn trong khu bảo tồn đất ngập nước; chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại, nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp; cư trú trái phép trong khu bảo tồn	30,000,000	50,000,000	Điều 47 Khoản 2 Điểm c	- Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	- Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								khoản 5 Điều này	
	45.47.2.d	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên là khu bảo tồn, trừ các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi ngăn cản đường đi của các loài thủy sinh trong phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn đất ngập nước	50,000,000	100,000,000	Điều 47 Khoản 2 Điểm d	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.2.d	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên là khu bảo tồn, trừ các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, bị xử phạt đối với một trong các hành vi xây dựng công trình, nhà ở trái phép trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn; ngăn cản đường đi của các loài thủy sinh trong khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn đất ngập nước	100,000,000	150,000,000	Điều 47 Khoản 2 Điểm d	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	- Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Buộc phá dỡ công trình, nhà ở trái phép đối với hành vi quy định tại điểm b, đ, g khoản 2 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.47.2.e	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên là khu bảo tồn, trừ các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi làm thay đổi cấu trúc của hệ sinh thái và suy giảm thành phần loài trong khu bảo tồn đất ngập nước	150,000,000	200,000,000	Điều 47 Khoản 2 Điểm e	Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								khoản 5 Điều này	
	45.47.2.g	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi xây dựng công trình, nhà ở trái phép trong phân khu phục hồi sinh thái, phân khu dịch vụ hành chính của khu bảo tồn bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng			Điều 47 Khoản 2 Điểm g	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc phá dỡ công trình, nhà ở trái phép đối với hành vi quy định tại điểm b, đ, g khoản 2 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.3.a	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại dưới 200 m ² đất, đất ngập nước, mặt nước tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn	1,000,000	5,000,000	Điều 47 Khoản 3 Điểm a	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.3.b	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại từ 200 m2 đến dưới 400 m2 đất, đất ngập nước, mặt nước tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn	5,000,000	20,000,000	Điều 47 Khoản 3 Điểm b	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.3.c	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại từ 400 m2 đến dưới 800 m2 đất, đất ngập nước, mặt nước tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn	20,000,000	40,000,000	Điều 47 Khoản 3 Điểm c	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.3.d	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại từ 800 m2 đến dưới 1.200 m2 đất, đất ngập nước, mặt nước tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn	40,000,000	80,000,000	Điều 47 Khoản 3 Điểm d	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.3.đ	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại từ 1.200 m2 đến dưới 1.500 m2 đất, đất ngập nước, mặt nước tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn hoặc gây thiệt hại dưới 100 m2 đất, đất ngập nước, mặt nước tại phân khu bảo tồn nghiêm ngặt của khu bảo tồn	80,000,000	150,000,000	Điều 47 Khoản 3 Điểm đ	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.3.e	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại từ 1.500 m2 đến dưới 2.000 m2 đất, đất ngập nước, mặt nước tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn hoặc gây thiệt hại từ 100 m2 đến dưới 200 m2 đất, đất ngập nước, mặt nước tại phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn	150,000,000	250,000,000	Điều 47 Khoản 3 Điểm e	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.3.g	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong khu bảo tồn, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại từ 2.000 m2 đất, đất ngập nước, mặt nước trở lên tại khu vực không thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn hoặc gây thiệt hại từ 200 m2 đến dưới 300 m2 đất, đất ngập nước, mặt nước tại phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn	250,000,000	400,000,000	Điều 47 Khoản 3 Điểm g	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.4.a	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi hủy hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên là vùng đất ngập nước quan trọng ngoài khu bảo tồn, bị xử phạt đối các hành vi gây tổn hại đến sinh cảnh của các loài chim nước, chim di cư	10,000,000	20,000,000	Điều 47 Khoản 4 Điểm a	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.4.b	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi hủy hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên là vùng đất ngập nước quan trọng ngoài khu bảo tồn, bị xử phạt đối với hành vi gây tổn hại đến nơi nuôi dưỡng và bãi đẻ của các loài thủy sản, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này	20,000,000	30,000,000	Điều 47 Khoản 4 Điểm b	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.4.c	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi gây tổn hại đến nơi nuôi dưỡng và bãi đẻ của các loài thủy sản thuộc danh mục các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ và danh mục các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm thì áp dụng hình thức xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản			Điều 47 Khoản 4 Điểm c	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.5.a	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép, hủy hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên đối với vùng lõi của di sản thiên nhiên khác được xác lập theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại dưới 200 m2 đất, đất có mặt nước, mặt biển	1,000,000	5,000,000	Điều 47 Khoản 5 Điểm a	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.5.b	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép, hủy hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên đối với vùng lõi của di sản thiên nhiên khác được xác lập theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại từ 200 m2 đến dưới 400 m2 đất, đất có mặt nước, mặt biển	5,000,000	20,000,000	Điều 47 Khoản 5 Điểm b	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.5.c	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép, hủy hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên đối với vùng lõi của di sản thiên nhiên khác được xác lập theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại từ 400 m2 đến dưới 800 m2 đất, đất có mặt nước, mặt biển	20,000,000	40,000,000	Điều 47 Khoản 5 Điểm c	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.5.d	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép, hủy hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên đối với vùng lõi của di sản thiên nhiên khác được xác lập theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại từ 800 m2 đến dưới 1.200 m2 đất, đất có mặt nước, mặt biển	40,000,000	80,000,000	Điều 47 Khoản 5 Điểm d	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.5.đ	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép, hủy hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên đối với vùng lõi của di sản thiên nhiên khác được xác lập theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại từ 1.200 m2 đến dưới 1.500 m2 đất, đất có mặt nước, mặt biển	80,000,000	150,000,000	Điều 47 Khoản 5 Điểm đ	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.5.e	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép, hủy hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên đối với vùng lõi của di sản thiên nhiên khác được xác lập theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại từ 1.500 m2 đến dưới 2.000 m2 đất, đất có mặt nước, mặt biển	150,000,000	250,000,000	Điều 47 Khoản 5 Điểm e	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.47.5.g	Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên	Hành vi phá hoại, xâm chiếm trái phép, hủy hoại cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên đối với vùng lõi của di sản thiên nhiên khác được xác lập theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại từ 2.000 m2 đất, đất có mặt nước, mặt biển	250,000,000	400,000,000	Điều 47 Khoản 5 Điểm g	- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này - Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng để khắc phục vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này	Buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.48.1	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi vi phạm quy định về chi trả dịch vụ môi trường rừng của hệ sinh thái rừng được áp dụng hình thức xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp			Điều 48 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.48.2	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 4 Điều 138 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (bên sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên) không ký hợp đồng với bên cung ứng trong trường hợp chi trả trực tiếp hoặc với cơ quan nhận ủy thác trong trường hợp chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo hình thức ủy thác	3,000,000	5,000,000	Điều 48 Khoản 2			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.48.3.a	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên không kê khai, kê khai không đúng hoặc chậm kê khai số tiền phải chi trả theo hình thức ủy thác vào quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trong trường hợp địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh, bị xử phạt nếu số tiền phải chi trả dưới 50.000.000 đồng	1,000,000	2,000,000	Điều 48 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.48.3.b	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên không kê khai, kê khai không đúng hoặc chậm kê khai số tiền phải chi trả theo hình thức ủy thác vào quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trong trường hợp địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh, bị xử phạt nếu số tiền phải chi trả từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng	2,000,000	3,000,000	Điều 48 Khoản 3 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.48.3.c	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên không kê khai, kê khai không đúng hoặc chậm kê khai số tiền phải chi trả theo hình thức ủy thác vào quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trong trường hợp địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh, bị xử phạt nếu số tiền phải chi trả từ 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng	3,000,000	5,000,000	Điều 48 Khoản 3 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.48.3.d	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên không kê khai, kê khai không đúng hoặc chậm kê khai số tiền phải chi trả theo hình thức ủy thác vào quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trong trường hợp địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh, bị xử phạt nếu số tiền phải chi trả từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng	5,000,000	7,000,000	Điều 48 Khoản 3 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.48.3.đ	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên không kê khai, kê khai không đúng hoặc chậm kê khai số tiền phải chi trả theo hình thức ủy thác vào quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trong trường hợp địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh, bị xử phạt nếu số tiền phải chi trả 500.000.000 đồng trở lên	7,000,000	10,000,000	Điều 48 Khoản 3 Điểm đ			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.48.4.a	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, bị xử phạt nếu không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ quá 03 tháng theo thời hạn ký kết trong hợp đồng với số tiền dưới 20.000.000 đồng	1,000,000	2,000,000	Điều 48 Khoản 4 Điểm a		Buộc chi trả đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên và tiền lãi phát sinh từ việc chậm chi trả (nếu có) tương ứng với số tiền và thời gian chậm chi trả trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này	
	45.48.4.b	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, bị xử phạt nếu không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ quá 03 tháng theo thời hạn ký kết trong hợp đồng với số tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng	2,000,000	3,000,000	Điều 48 Khoản 4 Điểm b		Buộc chi trả đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên và tiền lãi phát sinh từ việc chậm chi trả (nếu có) tương ứng với số tiền và thời gian chậm chi trả trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.48.4.c	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, bị xử phạt nếu không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ quá 03 tháng theo thời hạn ký kết trong hợp đồng với số tiền từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng	3,000,000	5,000,000	Điều 48 Khoản 4 Điểm c		Buộc chi trả đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên và tiền lãi phát sinh từ việc chậm chi trả (nếu có) tương ứng với số tiền và thời gian chậm chi trả trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.48.4.d	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, bị xử phạt nếu không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ quá 03 tháng theo thời hạn ký kết trong hợp đồng với số tiền từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng	5,000,000	15,000,000	Điều 48 Khoản 4 Điểm d		Buộc chi trả đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên và tiền lãi phát sinh từ việc chậm chi trả (nếu có) tương ứng với số tiền và thời gian chậm chi trả trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này	
	45.48.4.đ	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, bị xử phạt nếu không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ quá 03 tháng theo thời hạn ký kết trong hợp đồng với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng	15,000,000	25,000,000	Điều 48 Khoản 4 Điểm đ		Buộc chi trả đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên và tiền lãi phát sinh từ việc chậm chi trả (nếu có) tương ứng với số tiền và thời gian chậm chi trả trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.48.4.e	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, bị xử phạt nếu không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ quá 03 tháng theo thời hạn ký kết trong hợp đồng với số tiền từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng	25,000,000	40,000,000	Điều 48 Khoản 4 Điểm e		Buộc chi trả đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên và tiền lãi phát sinh từ việc chậm chi trả (nếu có) tương ứng với số tiền và thời gian chậm chi trả trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.48.4.g	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, bị xử phạt nếu không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ quá 03 tháng theo thời hạn ký kết trong hợp đồng với số tiền 500.000.000 đồng trở lên	40,000,000	50,000,000	Điều 48 Khoản 4 Điểm g		Buộc chi trả đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên và tiền lãi phát sinh từ việc chậm chi trả (nếu có) tương ứng với số tiền và thời gian chậm chi trả trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này	
	45.48.5.a	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng không lập Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp cơ sở trước khi triển khai ký kết các hợp đồng với bên sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, bị xử phạt cảnh cáo đối với lần đầu phát hiện hành vi vi phạm	0		Điều 48 Khoản 5 Điểm a		Buộc phải lập đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp cơ sở trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.48.5.b	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng không lập Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp cơ sở trước khi triển khai ký kết các hợp đồng với bên sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, bị xử phạt đối với trường hợp không khắc phục vi phạm	5,000,000	10,000,000	Điều 48 Khoản 5 Điểm b		Buộc phải lập đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp cơ sở trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.48.6.a	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng không chuyển số tiền còn lại (là tổng số tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên thu được trừ đi các chi phí hợp lý để bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên) về quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh, bị xử phạt nếu số tiền còn lại dưới 20.000.000 đồng	1,000,000	2,000,000	Điều 48 Khoản 6 Điểm a		Buộc phải chuyển số tiền còn lại về quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.48.6.b	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng không chuyển số tiền còn lại (là tổng số tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên thu được trừ đi các chi phí hợp lý để bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên) về quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh, bị xử phạt nếu số tiền còn lại từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng	2,000,000	3,000,000	Điều 48 Khoản 6 Điểm b		Buộc phải chuyển số tiền còn lại về quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.48.6.c	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng không chuyển số tiền còn lại (là tổng số tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên thu được trừ đi các chi phí hợp lý để bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên) về quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh, bị xử phạt nếu số tiền còn lại từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng	3,000,000	5,000,000	Điều 48 Khoản 6 Điểm c		Buộc phải chuyển số tiền còn lại về quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.48.6.d	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng không chuyển số tiền còn lại (là tổng số tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên thu được trừ đi các chi phí hợp lý để bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên) về quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh, bị xử phạt nếu số tiền còn lại từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng	5,000,000	15,000,000	Điều 48 Khoản 6 Điểm d		Buộc phải chuyển số tiền còn lại về quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.48.6.đ	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng không chuyển số tiền còn lại (là tổng số tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên thu được trừ đi các chi phí hợp lý để bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên) về quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh, bị xử phạt nếu số tiền còn lại từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng	15,000,000	25,000,000	Điều 48 Khoản 6 Điểm đ		Buộc phải chuyển số tiền còn lại về quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.48.6.e	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng không chuyển số tiền còn lại (là tổng số tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên thu được trừ đi các chi phí hợp lý để bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên) về quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh, bị xử phạt nếu số tiền còn lại từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng	25,000,000	40,000,000	Điều 48 Khoản 6 Điểm e		Buộc phải chuyển số tiền còn lại về quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.48.6.g	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng không chuyển số tiền còn lại (là tổng số tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên thu được trừ đi các chi phí hợp lý để bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên) về quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh, bị xử phạt nếu số tiền còn lại từ 500.000.000 đồng trở lên	40,000,000	50,000,000	Điều 48 Khoản 6 Điểm g		Buộc phải chuyển số tiền còn lại về quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đối với địa phương chưa có quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.48.7.a	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sử dụng số tiền thu được từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sai mục đích theo quy định, bị xử phạt nếu số tiền thu được từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sử dụng sai mục đích dưới 20.000.000 đồng	1,000,000	2,000,000	Điều 48 Khoản 7 Điểm a		Buộc phải hoàn trả số tiền sử dụng sai mục đích trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.48.7.b	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sử dụng số tiền thu được từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sai mục đích theo quy định, bị xử phạt nếu số tiền thu được từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sử dụng sai mục đích từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng	2,000,000	3,000,000	Điều 48 Khoản 7 Điểm b		Buộc phải hoàn trả số tiền sử dụng sai mục đích trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.48.7.c	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sử dụng số tiền thu được từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sai mục đích theo quy định, bị xử phạt nếu số tiền thu được từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sử dụng sai mục đích từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng	3,000,000	5,000,000	Điều 48 Khoản 7 Điểm c		Buộc phải hoàn trả số tiền sử dụng sai mục đích trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.48.7.d	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sử dụng số tiền thu được từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sai mục đích theo quy định, bị xử phạt nếu số tiền thu được từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sử dụng sai mục đích từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng	5,000,000	15,000,000	Điều 48 Khoản 7 Điểm d		Buộc phải hoàn trả số tiền sử dụng sai mục đích trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								tại khoản 7 Điều này	
	45.48.7.đ	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sử dụng số tiền thu được từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sai mục đích theo quy định, bị xử phạt nếu số tiền thu được từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sử dụng sai mục đích từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng	15,000,000	25,000,000	Điều 48 Khoản 7 Điểm đ		Buộc phải hoàn trả số tiền sử dụng sai mục đích trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.48.7.e	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sử dụng số tiền thu được từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sai mục đích theo quy định, bị xử phạt nếu số tiền thu được từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sử dụng sai mục đích từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng	25,000,000	40,000,000	Điều 48 Khoản 7 Điểm e		Buộc phải hoàn trả số tiền sử dụng sai mục đích trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.48.7.g	Vi phạm quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên	Hành vi bên cung ứng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sử dụng số tiền thu được từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sai mục đích theo quy định, bị xử phạt nếu số tiền thu được từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên sử dụng sai mục đích từ 500.000.000 đồng trở lên	40,000,000	50,000,000	Điều 48 Khoản 7 Điểm g		Buộc phải hoàn trả số tiền sử dụng sai mục đích trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.1	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Phạt cảnh cáo đối với hành vi trồng cây nhân tạo loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm và vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ mà không thông báo theo quy định			Điều 49 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.2	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi săn bắt các loài chim nước, chim di cư tại khu bảo tồn đất ngập nước và vùng đất ngập nước quan trọng, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 47 Nghị định này	5,000,000	10,000,000	Điều 49 Khoản 2		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.49.3.a	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi khai thác trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu vực di sản thiên nhiên, bị xử phạt đối với tang vật vi phạm có giá trị dưới 500.000 đồng	1,000,000	2,000,000	Điều 49 Khoản 3 Điểm a		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.3.b	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi khai thác trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu vực di sản thiên nhiên, bị xử phạt đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 500.000 đồng đến dưới 1.500.000 đồng	2,000,000	5,000,000	Điều 49 Khoản 3 Điểm b		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.3.c	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi khai thác trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu vực di sản thiên nhiên, bị xử phạt đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 1.500.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng	5,000,000	15,000,000	Điều 49 Khoản 3 Điểm c		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.49.3.d	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi khai thác trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu vực đi sản thiên nhiên, bị xử phạt đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng	15,000,000	30,000,000	Điều 49 Khoản 3 Điểm d		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.3.đ	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi khai thác trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu vực đi sản thiên nhiên, bị xử phạt đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng	30,000,000	60,000,000	Điều 49 Khoản 3 Điểm đ		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.3.e	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi khai thác trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu vực đi sản thiên nhiên, bị xử phạt đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng trở lên	60,000,000	120,000,000	Điều 49 Khoản 3 Điểm e		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.49.4.a	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi khai thác trái phép đối với gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá dưới 1.000.000 đồng	1,000,000	2,000,000	Điều 49 Khoản 4 Điểm a		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.4.b	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi khai thác trái phép đối với gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng	2,000,000	5,000,000	Điều 49 Khoản 4 Điểm b		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.49.4.c	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi khai thác trái phép đối với gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng	5,000,000	10,000,000	Điều 49 Khoản 4 Điểm c		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.4.d	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi khai thác trái phép đối với gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng	10,000,000	25,000,000	Điều 49 Khoản 4 Điểm d		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.49.4.đ	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi khai thác trái phép đối với gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng	25,000,000	50,000,000	Điều 49 Khoản 4 Điểm đ		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.4.e	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi khai thác trái phép đối với gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng	50,000,000	70,000,000	Điều 49 Khoản 4 Điểm e		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.49.4.g	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi khai thác trái phép đối với gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng	70,000,000	100,000,000	Điều 49 Khoản 4 Điểm g		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.5.a	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ, bị xử phạt đối với loài thực vật hoang dã có giá trị dưới 15.000.000 đồng	5,000,000	15,000,000	Điều 49 Khoản 5 Điểm a		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.49.5.b	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ, bị xử phạt đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 25.000.000 đồng	15,000,000	25,000,000	Điều 49 Khoản 5 Điểm b		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.5.c	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ, bị xử phạt đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 25.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng	25,000,000	50,000,000	Điều 49 Khoản 5 Điểm c		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.49.5.d	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ, bị xử phạt đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng	50,000,000	70,000,000	Điều 49 Khoản 5 Điểm d		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.5.đ	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ, bị xử phạt đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 70.000.000 đồng đến dưới 90.000.000 đồng	70,000,000	90,000,000	Điều 49 Khoản 5 Điểm đ		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.49.5.e	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ, bị xử phạt đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 90.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng	90,000,000	120,000,000	Điều 49 Khoản 5 Điểm e		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.5.g	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ, bị xử phạt đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng	120,000,000	150,000,000	Điều 49 Khoản 5 Điểm g		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.49.5.h	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ, bị xử phạt đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 180.000.000 đồng	150,000,000	180,000,000	Điều 49 Khoản 5 Điểm h		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.5.i	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ, bị xử phạt đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 180.000.000 đồng đến dưới 210.000.000 đồng	180,000,000	210,000,000	Điều 49 Khoản 5 Điểm i		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.49.5.k	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ, bị xử phạt đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 210.000.000 đồng đến dưới 240.000.000 đồng	210,000,000	240,000,000	Điều 49 Khoản 5 Điểm k		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.49.5.l	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ, bị xử phạt đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 240.000.000 đồng đến dưới 270.000.000 đồng	240,000,000	270,000,000	Điều 49 Khoản 5 Điểm l		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.49.5.m	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật	Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên bị áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, chế biến, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ở ngoài khu di sản thiên nhiên, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ, bị xử phạt đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 270.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng	270,000,000	300,000,000	Điều 49 Khoản 5 Điểm m		Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.50.1	Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hành vi không báo cáo tình trạng loài thuộc Danh mục Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định. Phạt cảnh cáo			Điều 50 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.50.2	Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hành vi nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng, cấy nhân tạo các loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tại cơ sở nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng, cấy nhân tạo phục vụ mục đích thương mại không tuân thủ các quy định của pháp luật thì áp dụng hình thức xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, thủy sản, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường			Điều 50 Khoản 2			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.50.3	Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hành vi không đăng ký, khai báo nguồn gốc, lập hồ sơ theo dõi các cá thể loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ	500,000	1,000,000	Điều 50 Khoản 3			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.50.4	Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung đã được phê duyệt tại Dự án thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học ban hành kèm theo giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học do cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm: điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng; nguồn nhân lực; nguồn lực tài chính; thực hiện các quy trình về: nuôi dưỡng, chăm sóc loài; lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền)	2,000,000	5,000,000	Điều 50 Khoản 4			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.50.5.a	Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hành vi khai báo không đúng sự thật các điều kiện để được cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	5,000,000	10,000,000	Điều 50 Khoản 5 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.50.5.b	Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Hành vi hoạt động không có giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học do cơ quan có thẩm quyền cấp	5,000,000	10,000,000	Điều 50 Khoản 5 Điểm b	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm tại điểm b khoản 5 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.1	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn không vì mục đích thương mại, trong trường hợp kiểm soát được sự phát triển, lây lan của chúng và chưa gây ra thiệt hại	1,000,000	3,000,000	Điều 51 Khoản 1	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.51.2	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn vì mục đích thương mại, trong trường hợp kiểm soát được sự phát triển, lây lan của chúng và chưa gây ra thiệt hại	5,000,000	10,000,000	Điều 51 Khoản 2	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.51.3.a	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại trị giá đến dưới 10.000.000 đồng	20,000,000	40,000,000	Điều 51 Khoản 3 Điểm a	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2,	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								3, 4 và 5 Điều này	
	45.51.3.b	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng	40,000,000	80,000,000	Điều 51 Khoản 3 Điểm b	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.51.3.c	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng	80,000,000	160,000,000	Điều 51 Khoản 3 Điểm c	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.3.d	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng	160,000,000	240,000,000	Điều 51 Khoản 3 Điểm d	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.51.3.đ	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng	240,000,000	320,000,000	Điều 51 Khoản 3 Điểm đ	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.51.3.e	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại trị giá từ 80.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng	320,000,000	400,000,000	Điều 51 Khoản 3 Điểm e	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2,	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								3, 4 và 5 Điều này	
	45.51.3.g	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng	400,000,000	480,000,000	Điều 51 Khoản 3 Điểm g	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.51.3.h	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 140.000.000 đồng	480,000,000	560,000,000	Điều 51 Khoản 3 Điểm h	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.3.i	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn bị xử phạt đối với hành vi gây thiệt hại trị giá từ 140.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng	560,000,000	640,000,000	Điều 51 Khoản 3 Điểm i	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.51.4.a	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại trong phạm vi khu bảo tồn, trong trường hợp kiểm soát được sự phát triển, lây lan của chúng bị xử phạt đối với vi phạm xảy ra ngoài phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	50,000,000	100,000,000	Điều 51 Khoản 4 Điểm a	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.51.4.b	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại trong phạm vi khu bảo tồn, trong trường hợp kiểm soát được sự phát triển, lây lan của chúng bị xử phạt đối với vi phạm xảy ra trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	100,000,000	200,000,000	Điều 51 Khoản 4 Điểm b	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2,	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								3, 4 và 5 Điều này	
	45.51.5.a	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy các loài ngoại lai xâm hại trong phạm vi khu bảo tồn, trong trường hợp không kiểm soát được sự phát triển, lây lan của chúng bị xử phạt phạt tăng thêm từ 20% đến 30% của mức tiền phạt quy định tại khoản 4 Điều này đối với vi phạm thực hiện ở ngoài phân khu bảo vệ nghiêm ngặt		#####	Điều 51 Khoản 5 Điểm a	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.51.5.b	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy các loài ngoại lai xâm hại trong phạm vi khu bảo tồn, trong trường hợp không kiểm soát được sự phát triển, lây lan của chúng bị xử phạt phạt tăng thêm từ 40% đến 50% của mức tiền phạt quy định tại khoản 4 Điều này đối với vi phạm thực hiện ở trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt		#####	Điều 51 Khoản 5 Điểm b	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.6	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu vi sinh vật ngoại lai xâm hại	150,000,000	200,000,000	Điều 51 Khoản 6	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.7.a	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá dưới 10.000.000 đồng	20,000,000	40,000,000	Điều 51 Khoản 7 Điểm a	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.7.b	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng	40,000,000	80,000,000	Điều 51 Khoản 7 Điểm b	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.7.c	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng	80,000,000	160,000,000	Điều 51 Khoản 7 Điểm c	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.7.d	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng	160,000,000	240,000,000	Điều 51 Khoản 7 Điểm d	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.7.đ	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng	240,000,000	320,000,000	Điều 51 Khoản 7 Điểm đ	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.7.e	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 80.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng	320,000,000	400,000,000	Điều 51 Khoản 7 Điểm e	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.7.g	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng	400,000,000	480,000,000	Điều 51 Khoản 7 Điểm g	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.7.h	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 140.000.000 đồng	480,000,000	560,000,000	Điều 51 Khoản 7 Điểm h	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.7.i	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 140.000.000 đồng đến dưới 160.000.000 đồng	560,000,000	640,000,000	Điều 51 Khoản 7 Điểm i	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.7.k	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 160.000.000 đồng đến dưới 180.000.000 đồng	640,000,000	720,000,000	Điều 51 Khoản 7 Điểm k	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.7.1	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 180.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng	720,000,000	800,000,000	Điều 51 Khoản 7 Điểm 1	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.7.m	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 220.000.000 đồng	800,000,000	880,000,000	Điều 51 Khoản 7 Điểm m	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.7.n	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 220.000.000 đồng đến dưới 230.000.000 đồng	880,000,000	920,000,000	Điều 51 Khoản 7 Điểm n	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.51.7.o	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Hành vi nhập khẩu loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại bị xử phạt đối với tang vật vi phạm trị giá từ 230.000.000 đồng đến dưới 250.000.000 đồng	920,000,000	#####	Điều 51 Khoản 7 Điểm o	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều này	Buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 6, 7 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất được thì buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.52.1	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi không thực hiện báo cáo định kỳ hoặc báo cáo hoạt động theo quy định trong thời gian tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu không vì mục đích thương mại ghi tại giấy phép tiếp cận nguồn gen		Phạt cảnh cáo	Điều 52 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.52.2.a	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi không tuân thủ các nội dung trong kế hoạch tiếp cận nguồn gen đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	5,000,000	10,000,000	Điều 52 Khoản 2 Điểm a	Tước quyền sử dụng giấy phép tiếp cận nguồn gen từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.52.2.b	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi không thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chuyển giao nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen cho bên thứ ba với cùng mục đích sử dụng để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại	5,000,000	10,000,000	Điều 52 Khoản 2 Điểm b	Tước quyền sử dụng giấy phép tiếp cận nguồn gen từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.52.2.c	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi không tiến hành chia sẻ lợi ích thu được từ việc sử dụng nguồn gen với các bên liên quan theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 52 Khoản 2 Điểm c	Tước quyền sử dụng giấy phép tiếp cận nguồn gen từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.52.2.d	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi không thực hiện báo cáo định kỳ hoặc báo cáo hoạt động theo quy định trong thời gian tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại ghi tại giấy phép tiếp cận nguồn gen	5,000,000	10,000,000	Điều 52 Khoản 2 Điểm d	Tước quyền sử dụng giấy phép tiếp cận nguồn gen từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.52.2.đ	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ Việt Nam nhưng không thực hiện đúng các nội dung quy định tại giấy phép tiếp cận nguồn gen hoặc quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	5,000,000	10,000,000	Điều 52 Khoản 2 Điểm đ	Tước quyền sử dụng giấy phép tiếp cận nguồn gen từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều này	Buộc phải thu hồi kết quả phát sinh từ các hoạt động tiếp cận nguồn gen trái pháp luật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ, e khoản 2 tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.52.2.e	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi sử dụng giấy phép tiếp cận nguồn gen không đúng nội dung, mục đích	5,000,000	10,000,000	Điều 52 Khoản 2 Điểm e	Tước quyền sử dụng giấy phép tiếp cận nguồn gen từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều này	Buộc phải thu hồi kết quả phát sinh từ các hoạt động tiếp cận nguồn gen trái pháp luật trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ, e khoản 2 tại Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.52.3	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi trao đổi, chuyển giao, cung cấp nguồn gen được giao quản lý cho tổ chức, cá nhân khác không đúng quy định của pháp luật; chuyển giao nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen kèm theo việc thay đổi mục đích sử dụng ghi tại giấy phép tiếp cận nguồn gen, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này	10,000,000	30,000,000	Điều 52 Khoản 3	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.52.4	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Hành vi tiếp cận nguồn gen khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc có giấy phép tiếp cận nguồn gen nhưng đã hết hạn	30,000,000	50,000,000	Điều 52 Khoản 4	Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3, 4 Điều này		Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.53.1	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	Hành vi không công khai thông tin về mức độ rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro đối với môi trường và đa dạng sinh học khi nghiên cứu tạo ra, phát triển công nghệ sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen	100,000	500,000	Điều 53 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.53.2	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	Hành vi nghiên cứu tạo ra, phân tích thử nghiệm, cách ly sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen tại các nơi không được phép thực hiện	5,000,000	10,000,000	Điều 53 Khoản 2		- Tiêu hủy toàn bộ sinh vật biến đổi gen chưa được cấp giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen hoặc giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều này - Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 4, 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.53.3.a	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	Hành vi cung cấp thông tin sai lệch trong hồ sơ đăng ký cấp phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen, hồ sơ cấp giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, hồ sơ cấp giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi	10,000,000	20,000,000	Điều 53 Khoản 3 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.53.3.b	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật	Hành vi không thực hiện đúng nội dung trong giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen, giấy chứng nhận an toàn sinh học, giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi	10,000,000	20,000,000	Điều 53 Khoản 3 Điểm b		Tiêu hủy toàn bộ sinh vật biến đổi gen chưa được cấp giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen hoặc giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		biến đổi gen						khoản 4 Điều này	
	45.53.4.a	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	Hành vi vi phạm về hoạt động nghiên cứu, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen đối với che giấu thông tin về nguy cơ gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đa dạng sinh học và sức khỏe con người, vật nuôi trong quá trình nghiên cứu, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	20,000,000	30,000,000	Điều 53 Khoản 4 Điểm a		Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 4, 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.53.4.b	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	Hành vi vi phạm về hoạt động nghiên cứu, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen đối với đưa vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sinh vật biến đổi gen không thuộc đối tượng trong đề tài nghiên cứu đã đăng ký; không thuộc giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen và kế hoạch khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen đã được phê duyệt	20,000,000	30,000,000	Điều 53 Khoản 4 Điểm b		- Tiêu hủy toàn bộ sinh vật biến đổi gen chưa được cấp giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen hoặc giấy chứng nhận an toàn sinh học đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều này - Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 4, 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.53.5.a	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	Hành vi vi phạm về hoạt động nghiên cứu, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen đối với không tuân thủ chặt chẽ các quy định về cách ly gây thất thoát sinh vật biến đổi gen ra ngoài môi trường trong quá trình nghiên cứu, khảo nghiệm	30,000,000	50,000,000	Điều 53 Khoản 5 Điểm a	Tước quyền sử dụng giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen, quyết định công nhận phòng thí nghiệm nghiên cứu sinh vật biến đổi gen, quyết định công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này	Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 4, 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.53.5.b	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật	Hành vi vi phạm về hoạt động nghiên cứu, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen đối với không áp dụng các biện pháp khẩn cấp để xử lý, tiêu hủy triệt để sinh vật biến đổi gen khi phát hiện sinh vật biến đổi gen gây ra rủi ro đối với môi trường, đa dạng sinh học, sức khỏe con người và vật nuôi mà không kiểm soát được	30,000,000	50,000,000	Điều 53 Khoản 5 Điểm b	Tước quyền sử dụng giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen, quyết định công nhận phòng thí nghiệm nghiên cứu sinh vật biến đổi gen, quyết định công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định	Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 4, 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		biến đổi gen					tại khoản 5 Điều này		
	45.53.5.c	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	Hành vi vi phạm về hoạt động nghiên cứu, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen đối với đồ thất thoát sinh vật biến đổi gen ra ngoài môi trường trong quá trình nghiên cứu, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	30,000,000	50,000,000	Điều 53 Khoản 5 Điểm c	Tước quyền sử dụng giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen, quyết định công nhận phòng thí nghiệm nghiên cứu sinh vật biến đổi gen, quyết định công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen từ 06 tháng đến 12 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này	Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2, 4, 5 Điều này gây ra	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.54.1	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen	Hành vi không công khai thông tin về mức độ rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro đối với môi trường và đa dạng sinh học khi nhập khẩu, mua, bán, phóng thích sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen	100,000	500,000	Điều 54 Khoản 1			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.54.2	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen	Hành vi không thực hiện đúng nội dung trong giấy chứng nhận an toàn sinh học	10,000,000	20,000,000	Điều 54 Khoản 2			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.54.3	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen	Hành vi che giấu thông tin về nguy cơ gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đa dạng sinh học của sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen	20,000,000	30,000,000	Điều 54 Khoản 3			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.54.4	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen	Hành vi sản xuất, kinh doanh sinh vật biến đổi gen khi không có giấy chứng nhận an toàn sinh học theo quy định	30,000,000	50,000,000	Điều 54 Khoản 4		Buộc tiêu hủy toàn bộ sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 4, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.54.5.a	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen	Hành vi nuôi, trồng, thả có chủ đích vào môi trường sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen chưa được cấp giấy chứng nhận an toàn sinh học	50,000,000	70,000,000	Điều 54 Khoản 5 Điểm a		Buộc tiêu hủy toàn bộ sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 4, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.54.5.b	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen	Hành vi nhập khẩu trái phép sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen	50,000,000	70,000,000	Điều 54 Khoản 5 Điểm b		Buộc tái xuất lô hàng chứa sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều này. Trường hợp	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
								không thể tái xuất thì buộc tiêu hủy lô hàng chứa sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen	
	45.54.6.a	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen	Hành vi nuôi, trồng, thả có chủ đích vào môi trường sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen chưa được cấp giấy chứng nhận an toàn sinh học gây ảnh hưởng đến môi trường và đa dạng sinh học	80,000,000	100,000,000	Điều 54 Khoản 6 Điểm a		Buộc tiêu hủy toàn bộ sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 4, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều này	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.54.6.b	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen	Hành vi nhập khẩu trái phép sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen gây ảnh hưởng đến môi trường và đa dạng sinh học	80,000,000	100,000,000	Điều 54 Khoản 6 Điểm b		Buộc tái xuất lô hàng chứa sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều này. Trường hợp không thể tái xuất thì buộc tiêu hủy lô hàng chứa sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen	Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.55.1.a	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra	Hành vi gây khó khăn cho công tác điều tra, nghiên cứu, kiểm soát, đánh giá hiện trạng môi trường hoặc hoạt động công vụ của người có thẩm quyền	5,000,000	10,000,000	Điều 55 Khoản 1 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường							
	45.55.1.b	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự đối với người đang thi hành công vụ	5,000,000	10,000,000	Điều 55 Khoản 1 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.55.1.c	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ	Hành vi từ chối nhận quyết định thanh tra, kiểm tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	5,000,000	10,000,000	Điều 55 Khoản 1 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		môi trường							
	45.55.1.d	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi không tổ chức đối thoại về môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường hoặc theo đơn thư khiếu nại, tố cáo, khởi kiện của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định	5,000,000	10,000,000	Điều 55 Khoản 1 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.55.2.a	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi không thực hiện việc kê khai, khai báo hoặc kê khai, khai báo không trung thực, không đúng thời hạn theo yêu cầu của người thi hành công vụ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền	10,000,000	20,000,000	Điều 55 Khoản 2 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.55.2.b	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của người thi hành công vụ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền	10,000,000	20,000,000	Điều 55 Khoản 2 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.55.2.c	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi không hợp tác hoặc cản trở công tác của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc người được giao nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường	10,000,000	20,000,000	Điều 55 Khoản 2 Điểm c			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
	45.55.2.d	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi không cử đại diện có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tham gia buổi công bố quyết định thanh tra về bảo vệ môi trường hoặc không cử đại diện có thẩm quyền làm việc với đoàn thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường	10,000,000	20,000,000	Điều 55 Khoản 2 Điểm d			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.55.3	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi tự ý tháo gỡ niêm phong tang vật, phương tiện, nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị vi phạm đang bị niêm phong, tạm giữ hoặc tẩu tán tang vật vi phạm, tự ý làm thay đổi hiện trường vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	20,000,000	50,000,000	Điều 55 Khoản 3			Nghị định 45/2022/NĐ-CP
	45.55.4.a	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà	Hành vi trì hoãn, trốn tránh không thi hành quyết định thanh tra, kiểm tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của người hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền	50,000,000	80,000,000	Điều 55 Khoản 4 Điểm a			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

Danh mục	Mã hành vi	Nhóm hành vi	Tên hành vi	Mức phạt tối thiểu	Mức phạt tối đa	Điều khoản	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Nghị định xử phạt VPHC
		nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường							
	45.55.4.b	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Hành vi không thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung và yêu cầu trong kết luận kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	50,000,000	80,000,000	Điều 55 Khoản 4 Điểm b			Nghị định 45/2022/NĐ-CP

DANH MỤC NHÓM HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BVMT

Danh mục	Mã nhóm hành vi	Tên nhóm hành vi	Nghị định xử phạt VPHC trong lĩnh vực BVMT
C_NhomHanhViVPHC	MaMuc	TenMuc	NghiDinhXPVPHC
	155.8	Vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.9	Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.10	Vi phạm các quy định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.11	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.12	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng thủy sản	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.13	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.14	Vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.15	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã nhóm hành vi	Tên nhóm hành vi	Nghị định xử phạt VPHC trong lĩnh vực BVMT
C_NhomHanhViVPHC	MaMuc	TenMuc	NghiDinhXPVPHC
		thông thường vào môi trường	
	155.16	Vi phạm các quy định về thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.17	Vi phạm các quy định về tiếng ồn	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.18	Vi phạm các quy định về độ rung	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.19	Hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; gây ô nhiễm môi trường kéo dài, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.20	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.20	Vi phạm các quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường; vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.21	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã nhóm hành vi	Tên nhóm hành vi	Nghị định xử phạt VPHC trong lĩnh vực BVMT
C_NhomHanhViVPHC	MaMuc	TenMuc	NghiDinhXPVPHC
	155.22	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.23	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.24	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.25	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.26	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.27	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.28	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.29	Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đất	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.30	Vi phạm các quy định về hoạt động, sinh sống ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ đặc biệt nguy hiểm về môi trường đối với sức khỏe và tính mạng con người	Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã nhóm hành vi	Tên nhóm hành vi	Nghị định xử phạt VPHC trong lĩnh vực BVMT
C_NhomHanhViVPHC	MaMuc	TenMuc	NghiDinhXPVPHC
	155.31	Vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.31	Vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.32	Vi phạm các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.33	Vi phạm các quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.34	Vi phạm các quy định trong hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.35	Vi phạm các quy định về nộp phí bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.35	Vi phạm các quy định về nộp phí bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.36	Vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai khác,	Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã nhóm hành vi	Tên nhóm hành vi	Nghị định xử phạt VPHC trong lĩnh vực BVMT
C_NhomHanhViVPHC	MaMuc	TenMuc	NghiDinhXPVPHC
		sử dụng dữ liệu, thông tin về môi trường	
	155.37	Vi phạm các quy định về bảo vệ, sử dụng công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.38	Vi phạm các quy định về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.39	Vi phạm các quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.40	Vi phạm các quy định về loài thực vật hoang dã, giống cây trồng, nấm, vi sinh vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.41	Vi phạm các quy định về bảo vệ các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ các khu bảo tồn thuộc hệ thống rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.42	Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.43	Vi phạm các quy định về kiểm soát loài ngoại lai xâm hại	Nghị định 155/2016/NĐ-CP

Danh mục	Mã nhóm hành vi	Tên nhóm hành vi	Nghị định xử phạt VPHC trong lĩnh vực BVMT
C_NhomHanhViVPHC	MaMuc	TenMuc	NghiDinhXPVPHC
	155.44	Vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.45	Vi phạm các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen, khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.46	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen bị xử phạt như sau	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.46	Vi phạm các quy định sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen bị xử phạt như sau	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	155.47	Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường	Nghị định 155/2016/NĐ-CP

DANH MỤC NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Danh mục	Mã Nghị định	Tên Nghị định xử phạt VPHC trong lĩnh vực BVMT
C_NghiDinhXPVPHC	MaMuc	TenMuc
	155	Nghị định 155/2016/NĐ-CP
	45	Nghị định 45/2022/NĐ-CP

DANH MỤC HÌNH THỨC XỬ PHẠT

Danh mục	Mã hình thức xử phạt	Tên hình thức xử phạt	Loại hình thức xử phạt chính
C_HinhThucXuPhat	MaMuc	TenMuc	PhatChinh
	1	Cảnh cáo	TRUE
	2	Phạt tiền	TRUE
	3	Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn	FALSE
	4	Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính	FALSE
	5	Trục xuất	FALSE
	6	Đình chỉ hoạt động có thời hạn	FALSE

DANH MỤC LOẠI HÌNH QUAN TRẮC

Danh mục	Mã loại hình quan trắc	Tên loại hình quan trắc
C_LoiHinhQTM	MaMuc	TenMuc
	01	Nước mặt
	02	Nước thải
	03	Nước dưới đất
	04	Nước mưa
	05	Nước ven biển
	06	Không khí
	07	Khí Thải
	08	Bùn
	09	Trầm tích
	10	Đất
	11	Chất thải rắn
	12	Tiếng ồn

DANH MỤC LOẠI KHU VỰC QUAN TRẮC

Danh mục	Mã loại khu vực quan trắc	Tên loại khu vực quan trắc	Loại hình quan trắc
C_LoaiKhuVucQTMT	MaMuc	TenMuc	C_LoaiHinhQTMT.TenMuc
	01	Khu vực dân cư	Không khí
	02	Khu vực giao thông	Không khí
	03	Khu vực gần khu sản xuất công nghiệp	Không khí
	04	Khu hỗn hợp: dân cư – giao thông	Không khí
	05	Khu hỗn hợp: dân cư – sản xuất công nghiệp	Không khí
	06	Khu hỗn hợp: giao thông – sản xuất công nghiệp	Không khí
	07	Khu vực nền	Không khí
	08	Khu vực dân cư	Nước mặt
	09	Khu vực gần khu sản xuất công nghiệp	Nước mặt
	10	Khu vực gần nhà máy cấp nước sinh hoạt	Nước mặt
	11	Khu vực gần khu sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, canh tác nông nghiệp)	Nước mặt
	12	Khu vực gần khu chăn nuôi	Nước mặt
	13	Khu vực nuôi trồng thủy sản	Nước mặt
	14	Khu vực nền	Nước mặt
	15	Khu vực dân cư	Nước ven biển
	16	Khu vực du lịch, dịch vụ (hàng hàng, khách sạn, bãi tắm)	Nước ven biển
	17	Khu vực cảng biển	Nước ven biển

Danh mục	Mã loại khu vực quan trắc	Tên loại khu vực quan trắc	Loại hình quan trắc
C_LoaiKhuVucQTMT	MaMuc	TenMuc	C_LoaiHinhQTMT.TenMuc
	18	Khu vực gần khu sản xuất công nghiệp	Nước ven biển
	19	Khu vực nuôi trồng hải sản	Nước ven biển
	20	Khu vực nền	Nước ven biển
	21	Khu vực dân cư	Nước dưới đất
	22	Khu vực chịu tác động bởi hoạt động sản xuất công nghiệp	Nước dưới đất
	23	Khu vực chịu tác động bởi hoạt động làng nghề	Nước dưới đất
	24	Khu vực chịu tác động bởi hoạt động khai thác khoáng sản	Nước dưới đất
	25	Khu vực chịu tác động bởi hoạt động sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, canh tác)	Nước dưới đất
	26	Khu vực gần các bãi chôn lấp chất thải	Nước dưới đất
	27	Khu vực xâm nhập mặn	Nước dưới đất
	28	Khu vực nền	Nước dưới đất
	29	Khu vực có nguy cơ ô nhiễm do chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt	Đất
	30	Khu vực có nguy cơ ô nhiễm do chất thải làng nghề	Đất
	31	Khu vực chịu ảnh hưởng của quá trình thâm canh sản xuất nông nghiệp	Đất

Danh mục	Mã loại khu vực quan trắc	Tên loại khu vực quan trắc	Loại hình quan trắc
C_LoiKhuVucQTMT	MaMuc	TenMuc	C_LoiHinhQTMT.TenMuc
	32	Khu vực chịu ảnh hưởng của quá trình xâm nhập mặn	Đất
	33	Khu vực vùng chịu ảnh hưởng của quá trình phèn hóa	Đất
	34	Khu vực đồi núi dốc có nguy cơ xói mòn, rửa trôi	Đất
	35	Khu vực đồi núi dốc có nguy cơ khô hạn và sa mạc hóa	Đất
	36	Khu vực hoàn thổ vùng khai thác quặng	Đất
	37	Khu vực nền	Đất

DANH MỤC THÔNG SỐ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Danh mục	Mã thông số	Tên thông số	Ký hiệu hóa học	Thông tin 2	Thông tin 3
C_ThongSo MoiTruong	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoaHoc	C_LoiHinh QTMT	QuyDinhTai
	001	Lưu huỳnh đioxit	SO ₂	Không khí	QCVN 05/2013/BTNMT
	002	Cacbon oxit	CO	Không khí	QCVN 05/2013/BTNMT
	003	Nitơ đioxit	NO ₂	Không khí	QCVN 05/2013/BTNMT
	004	Ozon	O ₃	Không khí	QCVN 05/2013/BTNMT
	005	Tổng bụi lơ lửng	TSP	Không khí	QCVN 05/2013/BTNMT
	006	Bụi mịn PM ₁₀	PM ₁₀	Không khí	QCVN 05/2013/BTNMT
	007	Bụi mịn PM _{2.5}	PM _{2.5}	Không khí	QCVN 05/2013/BTNMT
	008	Chì	Pb	Không khí	QCVN 05/2013/BTNMT
	009	pH	Ph	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	010	Nhu cầu Ôxy sinh hoá	BOD ₅	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	011	Nhu cầu Ôxy hoá học	COD	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	012	Ôxy hòa tan	DO	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	013	Tổng chất rắn lơ lửng	TSS	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	014	Amoni (tính theo N)	NH ₄ ⁺	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	015	Clorua	Cl ⁻	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	016	Florua	F ⁻	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	017	Nitrit (tính theo N)	NO ₂ ⁻	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	018	Nitrat (tính theo N)	NO ₃ ⁻	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	019	Phosphat (tính theo P)	PO ₄ ³⁻	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT

Danh mục	Mã thông số	Tên thông số	Ký hiệu hóa học	Thông tin 2	Thông tin 3
C_ThongSo MoiTruong	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoaHoc	C_LoaiHinh QTMT	QuyDinhTai
	020	Xyanua	CN ⁻	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	021	Asen	As	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	022	Cadimi	Cd	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	023	Chì	Pb	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	024	Crom VI	Cr ⁶⁺	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	025	Tổng Crom		Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	026	Đồng	Cu	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	027	Kẽm	Zn	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	028	Niken	Ni	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	029	Mangan	Mn	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	030	Thủy ngân	Hg	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	031	Sắt	Fe	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	032	Chất hoạt động bề mặt		Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	033	Aldrin	C ₁₂ H ₈ Cl ₆	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	034	Benzene hexachloride	C ₆ H ₆ Cl ₆	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	035	Dieldrin	C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	036	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane	DDT _s	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	037	Heptachlor & Heptachlorepoxyde	C ₁₀ H ₅ Cl ₇ & C ₁₀ H ₅ Cl ₇ O	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	038	Tổng Phenol	R-OH	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	039	Tổng dầu, mỡ (oils & grease)		Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT

Danh mục	Mã thông số	Tên thông số	Ký hiệu hóa học	Thông tin 2	Thông tin 3
C_ThongSo MoiTruong	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoaHoc	C_LoiHinh QTMT	QuyDinhTai
	040	Tổng các bon hữu cơ (Total Organic Carbon)	TOC	Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	041	Tổng hoạt độ phóng xạ a		Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	042	Tổng hoạt độ phóng xạ b		Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	043	Coliform		Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	044	E.coli		Nước mặt	QCVN 08/2015/BTNMT
	045	pH		Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	046	Chỉ số pemanganat		Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	047	Tổng chất rắn hòa tan	TDS	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	048	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)		Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	049	Amôni (tính theo N)	NH ₄ ⁺	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	050	Nitrit (tính theo N)	NO ₂ ⁻	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	051	Nitrat (tính theo N)	NO ₃ ⁻	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	052	Clorua	Cl ⁻	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	053	Florua	F ⁻	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	054	Sulfat	SO ₄ ²⁻	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	055	Xyanua	CN ⁻	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	056	Asen	As	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	057	Cadimi	Cd	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	058	Chì	Pb	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	059	Crom VI	Cr ⁶⁺	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT

Danh mục	Mã thông số	Tên thông số	Ký hiệu hóa học	Thông tin 2	Thông tin 3
C_ThongSo MoiTruong	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoaHoc	C_LoiHinh QTMT	QuyDinhTai
	060	Đồng	Cu	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	061	Kẽm	Zn	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	062	Niken	Ni	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	063	Mangan	Mn	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	064	Thủy ngân	Hg	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	065	Sắt	Fe	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	066	Selen	Se	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	067	Aldrin	C ₁₂ H ₈ Cl ₆	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	068	Benzene hexachloride	C ₆ H ₆ Cl ₆	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	069	Dieldrin	C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	070	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane	DDT _s	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	071	Heptachlor & Heptachlorepoxyde	C ₁₀ H ₅ Cl ₇ & C ₁₀ H ₅ Cl ₇ O	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	072	Tổng Phenol	R-OH	Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	073	Tổng hoạt độ phóng xạ α		Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	074	Tổng hoạt độ phóng xạ β		Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	075	Coliform		Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	076	E.Coli		Nước dưới đất	QCVN 09/2015/BTNMT
	077	pH	pH	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	078	Ôxy hoà tan	DO	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	079	Tổng chất rắn lơ lửng	TSS	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT

Danh mục	Mã thông số	Tên thông số	Ký hiệu hóa học	Thông tin 2	Thông tin 3
C_ThongSo MoiTruong	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoaHoc	C_LoiHinh QTMT	QuyDinhTai
	080	Amoni (tính theo N)	NH_4^+	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	081	Phosphat (tính theo P)	PO_4^{3-}	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	082	Florua	F^-	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	083	Xyanua	CN^-	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	084	Asen	As	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	085	Cadimi	Cd	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	086	Chì	Pb	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	087	Crom VI	Cr^{6+}	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	088	Tổng Crom		Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	089	Đồng	Cu	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	090	Kẽm	Zn	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	091	Mangan	Mn	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	092	Sắt	Fe	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	093	Thủy ngân	Hg	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	094	Aldrin	$\text{C}_{12}\text{H}_8\text{C}_6$	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	095	Benzene hexachloride	$\text{C}_6\text{H}_6\text{Cl}_6$	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	096	Dieldrin	$\text{C}_{12}\text{H}_8\text{C}_6\text{O}$	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	097	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane	DDTs	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	098	Heptachlor & Heptachlorepoxyde	$\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7$ & $\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7\text{O}$	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	099	Tổng Phenol	R-OH	Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT

Danh mục	Mã thông số	Tên thông số	Ký hiệu hóa học	Thông tin 2	Thông tin 3
C_ThongSo MoiTruong	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoaHoc	C_LoiHinh QTMT	QuyDinhTai
	100	Tổng dầu mỡ khoáng		Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	101	Coliform		Nước biển ven bờ	QCVN 10/2015/BTNMT
	102	Asen	As	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	103	Cadimi	Cd	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	104	Chì	Pb	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	105	Kẽm	Zn	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	106	Thủy ngân	Hg	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	107	Tổng Crôm (Cr)		Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	108	Đồng (Cu)	Cu	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	109	Tổng Hydrocacbon		Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	110	Chlordane	C ₁₀ H ₆ Cl ₈	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	111	DDD	DDD	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	112	DDE	DDE	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	113	DDT	C ₁₄ H ₉ Cl ₅	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	114	Dieldrin	C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	115	Endrin	C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	116	Heptachlor epoxide	C ₁₀ H ₅ Cl ₇ O	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	117	Lindan	C ₆ H ₆ Cl ₆	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	118	Tổng Polyclobiphenyl	PCB	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	119	Dioxin và Furan		Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT

Danh mục	Mã thông số	Tên thông số	Ký hiệu hóa học	Thông tin 2	Thông tin 3
C_ThongSo MoiTruong	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoaHoc	C_LoiHinh QTMT	QuyDinhTai
	120	Các hợp chất Hydrocacbon thơm đa vòng	PAH	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	121	Acenaphthen	C ₁₂ H ₁₀	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	122	Acenaphthylen	C ₁₂ H ₈	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	123	Athracen	C ₁₄ H ₁₀	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	124	Benzo[a] anthracen	C ₁₈ H ₁₂	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	125	Benzo[e]pyren	C ₂₀ H ₁₂	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	126	Chryren		Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	127	Dibenzo[a,h]anthracen	C ₂₂ H ₁₄	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	128	Fluroanthen	C ₁₆ H ₁₀	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	129	Fluoren	C ₁₃ H ₁₀	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	130	2-Methylnaphthalen	C ₁₁ H ₁₀	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	131	Naphthalen	C ₁₀ H ₈	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	132	Phenanthren	C ₁₄ H ₁₀	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	133	Pyren	C ₁₆ H ₁₀	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	134	Sắt	Fe	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	135	Phenol	C ₆ H ₅ OH	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	136	Cyanide	CN	Trầm tích	QCVN 43/2017/BTNMT
	249	Asen	As	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT

Danh mục	Mã thông số	Tên thông số	Ký hiệu hóa học	Thông tin 2	Thông tin 3
C_ThongSo MoiTruong	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoaHoc	C_LoiHinh QTMT	QuyDinhTai
	250	Cadimi	Cd	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	251	Chì	Pb	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	252	Crom	Cr	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	253	Đồng	Cu	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	254	Kẽm	Zn	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	255	Atrazine	C ₈ H ₁₄ ClN ₅	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	256	Benthiocarb	C ₁₆ H ₁₆ ClNOS	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT

Danh mục	Mã thông số	Tên thông số	Ký hiệu hóa học	Thông tin 2	Thông tin 3
C_ThongSo MoiTruong	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoaHoc	C_LoiHinh QTMT	QuyDinhTai
	257	Cypermethrin	C ₂₂ H ₁₉ Cl ₂ NO ₃	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	258	Cartap	C ₇ H ₁₅ N ₃ O ₂ S ₂	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	259	Dalapon	C ₃ H ₄ Cl ₂ O ₂	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	260	Diazinon	C ₁₂ H ₂₁ N ₂ O ₃ PS	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	261	Dimethoate	C ₅ H ₁₂ N ₃ O ₃ SP ₂	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	262	Fenobucarb	C ₁₂ H ₁₇ NO ₂	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	263	Fenoxaprop - ethyl	C ₁₆ H ₁₂ ClNO ₅	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT

Danh mục	Mã thông số	Tên thông số	Ký hiệu hóa học	Thông tin 2	Thông tin 3
C_ThongSo MoiTruong	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoaHoc	C_LoiHinh QTMT	QuyDinhTai
	264	Fenvalerate	C ₂₅ H ₂₂ ClNO ₃	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	265	Isoprothiolane	C ₁₂ H ₁₈ O ₄ S ₂	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	266	Metolachlor	C ₁₅ H ₂₂ ClNO ₂	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	267	MPCA	C ₉ H ₉ ClO ₃	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	268	Pretilachlor	C ₁₇ H ₂₆ ClNO ₂	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	269	Simazine	C ₇ H ₁₂ ClN ₅	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	270	Trichlorfon	C ₄ H ₈ Cl ₃ O ₄ P	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT

Danh mục	Mã thông số	Tên thông số	Ký hiệu hóa học	Thông tin 2	Thông tin 3
C_ThongSo MoiTruong	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoaHoc	C_LoiHinh QTMT	QuyDinhTai
	271	2,4-D	C ₈ H ₆ Cl ₂ O ₃	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	272	Aldrin	C ₁₂ H ₈ Cl ₆	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	273	Captan	C ₉ H ₈ Cl ₃ NO ₂ S	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	274	Captafol	C ₁₀ H ₉ Cl ₄ NO ₂ S	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	275	Chlordimeform	C ₁₀ H ₁₃ ClN ₂	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	276	Chlordane	C ₁₀ H ₆ Cl ₈	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	277	DDT	C ₁₄ H ₉ Cl ₅	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT

Danh mục	Mã thông số	Tên thông số	Ký hiệu hóa học	Thông tin 2	Thông tin 3
C_ThongSo MoiTruong	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoaHoc	C_LoiHinh QTMT	QuyDinhTai
	278	Dieldrin	C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	279	Endosulfan	C ₉ H ₆ Cl ₆ O ₃ S	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	280	Endrin	C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	281	Heptachlor	C ₁₀ H ₅ Cl ₇	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	282	Hexachlorobenzene	C ₆ Cl ₆	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	283	Isobenzen	C ₉ H ₄ OCl ₁₈	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	284	Isodrin	C ₁₂ H ₈ Cl ₆	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT

Danh mục	Mã thông số	Tên thông số	Ký hiệu hóa học	Thông tin 2	Thông tin 3
C_ThongSo MoiTruong	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoaHoc	C_LoiHinh QTMT	QuyDinhTai
	285	Lindane	C ₆ H ₆ Cl ₆	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	286	Methamidophos	C ₂ H ₈ NO ₂ PS	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	287	Monocrotophos	C ₇ H ₁₄ NO ₅ P	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	288	Methyl Parathion	C ₈ H ₁₀ NO ₅ PS	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	289	Sodium Pentachlorophenate monohydrate	C ₅ Cl ₅ ONa.H ₂ O	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	290	Parathion Ethyl	C ₇ H ₁₄ NO ₅ P	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	291	Pentachlorophenol	C ₆ HCl ₅ O	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT

Danh mục	Mã thông số	Tên thông số	Ký hiệu hóa học	Thông tin 2	Thông tin 3
C_ThongSo MoiTruong	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoaHoc	C_LoiHinh QTMT	QuyDinhTai
	292	Phosphamidon	C ₁₀ H ₁₉ ClNO ₅ P	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	293	Polychlorocamphene	C ₁₀ H ₁₀ Cl ₈	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	294	Chlordecone	C ₁₀ Cl ₁₀ O	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	295	Pentachlorob enzene	C ₁₀ HCl ₅	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	296	Mirex	C ₁₀ Cl ₁₂	Đất	QCVN 03/2015/BTNMT; QCVN 15/2008/BTNMT; QCVN 54/2013/BTNMT
	522	Chỉ số chất lượng môi trường nước mặt	WQI	Nước mặt	
	523	Chỉ số chất lượng môi trường không khí	AQI	Không khí	

DANH MỤC ĐƠN VỊ ĐO

Danh mục	Mã đơn vị đo	Tên đơn vị đo
C_DonViDo	MaMuc	TenMuc
	01	mg/Nm ³
	02	mg/m ³
	03	µg/l
	04	mg/l
	05	Bq/l
	06	MPN/ml
	07	MPN hoặc CFU/100 ml
	08	pgTEQ/L
	09	Pt/Co
	10	ng/kg TEQ
	11	ppm
	12	Leq
	13	Lmax
	14	dB
	15	m/s ²
	16	TU
	17	°C
	18	%
	19	ha
	20	điểm
	21	loài
	22	số loài
	23	số vụ
	24	số cá thể
	25	số thuốc nổ
	26	hóa chất
	27	kg/ngày
	28	kg/tháng
	29	kg/năm
	30	tấn/ngày
	31	tấn/tháng
	32	tấn/năm
	33	m ³ /ngày.đêm
	34	m ³ /giờ
	35	sản phẩm/năm

Danh mục	Mã đơn vị đo	Tên đơn vị đo
C_DonViDo	MaMuc	TenMuc
	36	tấn sản phẩm/năm
	37	tấn/năm
	38	tấn vải/năm
	39	m vải/năm
	40	m ² vải/năm
	41	lít/năm

DANH MỤC QUY CHUẨN KỸ THUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

Danh mục	Mã quy chuẩn	Tên quy chuẩn	Cơ quan ban hành	Năm ban hành
C_QuyChuan MoiTruong	MaMuc	TenMuc	CoQuanBanHanh	NamBanHanh
	QCVN 08-MT:2015/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2015
	QCVN 09-MT:2015/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2015
	QCVN 10-MT:2015/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2015
	QCVN 11-MT:2015/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2015
	QCVN 12-MT:2015/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2015
	QCVN 13-MT:2015/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2015
	QCVN 60-MT:2015/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sản xuất cồn nhiên liệu	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2015
	QCVN 05:2013/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng Không khí	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2013
	QCVN 50:2013/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2013
	QCVN 51:2013/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2013

Danh mục	Mã quy chuẩn	Tên quy chuẩn	Cơ quan ban hành	Năm ban hành
C_QuyChuan MoiTruong	MaMuc	TenMuc	CoQuanBanHanh	NamBanHanh
	QCVN 52:2013/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sản xuất thép	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2013
	QCVN 54:2013/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng xử lý hóa chất bảo vệ thực vật hữu cơ khó phân hủy tồn lưu theo mục đích sử dụng đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2013
	QCVN 55:2013/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2013
	QCVN 56:2013/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2013
	QCVN 30:2012/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2012
	QCVN 01:2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến cao su thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
	QCVN 02:2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải rắn y tế	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
	QCVN 03:2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
	QCVN 05:2009/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng Không khí	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2009
	QCVN 06:2009/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong Không khí	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2009
	QCVN 07:2009/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2009
	QCVN 08:2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
	QCVN 09:2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
	QCVN 10:2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển ven bờ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008

Danh mục	Mã quy chuẩn	Tên quy chuẩn	Cơ quan ban hành	Năm ban hành
C_QuyChuan MoiTruong	MaMuc	TenMuc	CoQuanBanHanh	NamBanHanh
	QCVN 11:2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp chế biến thủy sản	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
	QCVN 12:2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp giấy và bột giấy	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
	QCVN 13:2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp dệt may.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
	QCVN 14:2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
	QCVN 15:2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2008
	QCVN 19:2009/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2009
	QCVN 20:2009/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2009
	QCVN 21:2009/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học;	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2009
	QCVN 22:2009/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện;	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2009
	QCVN 23:2009/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng;	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2009
	QCVN 40:2011/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2011
	QCVN 25:2009/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2009
	QCVN 02:2009/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2009

Danh mục	Mã quy chuẩn	Tên quy chuẩn	Cơ quan ban hành	Năm ban hành
C_QuyChuan MoiTruong	MaMuc	TenMuc	CoQuanBanHanh	NamBanHanh
	QCVN 01:2009/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2009
	QCVN 26:2010/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2010
	QCVN 27:2009/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2009

DANH MỤC MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

Danh mục	Mã mục đích sử dụng	Tên mục đích sử dụng nước mặt	Văn bản quy định
C_MucDichSuDungNuocMat	MaMuc	TenMuc	VanBanQuyDinh
	01	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như tưới tiêu, thủy lợi, giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp	QCVN 08:2015/BTNMT
	02	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi, giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp	QCVN 08:2015/BTNMT
	03	Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp	QCVN 08:2015/BTNMT
	04	Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp	QCVN 08:2015/BTNMT

DANH MỤC MỨC ĐỘ Ô NHIỄM ĐẤT

Danh mục	Mã mức độ ô nhiễm	Tên mức độ ô nhiễm đất	Tiêu chí theo mức độ ô nhiễm đất
C_MucDoONhiemDat	MaMuc	TenMuc	TieuChiONhiem
	01	Ô nhiễm	Mức độ ô nhiễm nếu khu vực có tổng điểm đánh giá của các tiêu chí dưới 40 điểm (Bảng 1, mẫu số 01, Phụ lục I, Dự thảo thông tư hướng dẫn Luật BVMT 2020)
	02	Ô nhiễm nghiêm trọng	Mức độ ô nhiễm nghiêm trọng nếu khu vực có tổng điểm đánh giá của các tiêu chí từ 40 điểm đến 60 điểm (Bảng 1, mẫu số 01, Phụ lục I, Dự thảo thông tư hướng dẫn Luật BVMT 2020)
	03	Ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng	Mức độ ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng nếu khu vực có tổng điểm đánh giá của các tiêu chí trên 60 điểm (Bảng 1, mẫu số 01, Phụ lục I, Dự thảo thông tư hướng dẫn Luật BVMT 2020)

DANH MỤC LOẠI KHU VỰC Ô NHIỄM ĐẤT

Danh mục	Mã loại khu vực ô nhiễm đất	Tên loại khu vực ô nhiễm
C_LoaiKhuVucONhiemDat	MaMuc	TenMuc
	01	Khu vực khai thác khoáng sản đã đóng cửa
	02	Kho thuốc bảo vệ thực vật
	03	Khu vực ô nhiễm dioxin
	04	Bãi chôn lấp đóng cửa

DANH MỤC CHẤT GÂY Ô NHIỄM ĐẤT

Danh mục	Mã chất gây ô nhiễm	Tên chất gây ô nhiễm	Ký hiệu hóa học	Phân loại nguy hại của chất gây ô nhiễm đất	Nhóm chất gây ô nhiễm đất
C_ChấtGây ÔNhiễmĐất	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoa Hoc	PhanLoai NguyHai	NhomChatONhiem
	1	Asen	As	Cao	Kim loại nặng
	2	Cadimi	Cd	Cao	Kim loại nặng
	3	Chì	Pb	Cao	Kim loại nặng
	4	Crom	Cr	Trung bình	Kim loại nặng
	5	Đồng	Cu	Thấp	Kim loại nặng
	6	Kẽm	Zn	Thấp	Kim loại nặng
	7	Paration	C10H14NO5 PS	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	8	Benthiocarb	C12H16ClN OS	Trung bình	Hóa chất bảo vệ thực vật
	9	Cypermethrin	C22H19Cl2 NO3	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	10	Cartap	C7H16ClN3 O2S2	Trung bình	Hóa chất bảo vệ thực vật
	11	Dalapon	C3H4Cl2O2	cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	12	Diazinon	C12H21N2O 3PS	Trung bình	Hóa chất bảo vệ thực vật
	13	Dimethoate	C5H12NO3P S2	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	14	Fenobucarb	C12H17NO2	Trung bình	Hóa chất bảo vệ thực vật
	15	Fenoxaprop - ethyl	C18H16ClN O5	Trung bình	Hóa chất bảo vệ thực vật
	16	Fenvalerate	C25H22ClN O3	Trung bình	Hóa chất bảo vệ thực vật
	17	Isoprothiolane	C12H18O4S 2	Trung bình	Hóa chất bảo vệ thực vật
	18	Metolachlor	C15H22ClN O2	Trung bình	Hóa chất bảo vệ thực vật
	19	MPCA	C9H9ClO3	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật

Danh mục	Mã chất gây ô nhiễm	Tên chất gây ô nhiễm	Ký hiệu hóa học	Phân loại nguy hại của chất gây ô nhiễm đất	Nhóm chất gây ô nhiễm đất
C_ChấtGay ONhiemDat	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoa Hoc	PhanLoai NguyHai	NhomChatONhiem
	20	Pretilachlor	C ₁₇ H ₂₆ ClN ₂ O ₂	Trung bình	Hóa chất bảo vệ thực vật
	21	Simazine	C ₇ H ₁₂ ClN ₅	Trung bình	Hóa chất bảo vệ thực vật
	22	Trichlorfon	C ₄ H ₈ Cl ₃ O ₄ P	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	23	Captan	C ₉ H ₈ Cl ₃ NO ₂ S	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	24	Captafol	C ₁₀ H ₉ Cl ₄ N ₂ O ₂ S	Trung bình	Hóa chất bảo vệ thực vật
	25	Chlordimeform	C ₁₀ H ₁₃ ClN ₂	Trung bình	Hóa chất bảo vệ thực vật
	26	Isobenzen	C ₉ H ₄ OCl ₈	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	27	Isodrin	C ₁₂ H ₈ Cl ₆	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	28	Methamidophos	C ₂ H ₈ NO ₂ PS	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	29	Monocrotophos	C ₇ H ₁₄ NO ₅ P	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	30	Methyl Parathion	C ₈ H ₁₀ NO ₅ PS	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	31	SodiumPentachlorophenate monohydrate	C ₅ Cl ₅ ONa. H ₂ O	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	32	Parathion Ethyl	C ₁₀ H ₁₄ NO ₅ PS	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	33	Pentachlorophenol	C ₆ HCl ₅ O	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	34	Phosphamidon	C ₁₀ H ₁₉ ClN ₂ O ₅ P	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật
	35	Polychlorocamphene	C ₁₀ H ₈ Cl ₈	Cao	Hóa chất bảo vệ thực vật

Danh mục	Mã chất gây ô nhiễm	Tên chất gây ô nhiễm	Ký hiệu hóa học	Phân loại nguy hại của chất gây ô nhiễm đất	Nhóm chất gây ô nhiễm đất
C_ChấtGây ÔNhiễmĐất	MaMuc	TenMuc	KyHieuHoa Hoc	PhanLoai NguyHai	NhomChatONhiem
	36	Hóa chất BVTV POP		Cao	Hợp chất hữu cơ khó phân hủy thuộc nhóm POP
	37	PCB		Cao	Hợp chất hữu cơ khó phân hủy thuộc nhóm POP
	38	Dioxin		Cao	Hợp chất hữu cơ khó phân hủy thuộc nhóm POP
	39	Furan		Cao	Hợp chất hữu cơ khó phân hủy thuộc nhóm POP

DANH MỤC CẤP SỰ CỐ CHẤT THẢI

Danh mục	Mã cấp sự cố	Tên cấp sự cố
C_CapSuCoChatThai	MaMuc	TenMuc
	01	Cấp cơ sở
	02	Cấp Huyện
	03	Cấp Tỉnh
	04	Cấp Quốc gia

DANH MỤC LOẠI HÌNH KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN

Danh mục	Mã loại hình	Tên loại hình khu bảo tồn thiên nhiên	Phân nhóm bảo tồn ĐDSH
C_LoaiHinhKhuBaoTon	MaMuc	TenMuc	PhanNhomBaoTonDDSH._source.TenMuc
	01	Vườn quốc gia	Khu bảo tồn thiên nhiên
	02	Khu dự trữ thiên nhiên	Khu bảo tồn thiên nhiên
	03	Khu bảo tồn loài và sinh cảnh	Khu bảo tồn thiên nhiên
	04	Khu bảo vệ cảnh quan	Khu bảo tồn thiên nhiên

DANH MỤC LOẠI HÌNH CƠ SỞ BẢO TỒN

Danh mục	Mã loại hình cơ sở bảo tồn	Tên loại hình cơ sở bảo tồn
C_LoaiHinhCoSoBaoTon	MaMuc	TenMuc
	01	Cơ sở nuôi, trồng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
	02	Cơ sở cứu hộ loài hoang dã
	03	Cơ sở lưu giữ giống Giới thực vật
	04	Cơ sở lưu giữ giống Giới động vật
	05	Cơ sở lưu giữ vi sinh vật và nấm
	06	Cơ sở lưu giữ bảo quản nguồn gen và mẫu di truyền

DANH MỤC CẤP ĐỘ BẢO TỒN

Danh mục	Mã cấp độ bảo tồn	Tên cấp độ bảo tồn
C_CapDoBaoTon	MaMuc	TenMuc
	01	Quốc tế
	02	Quốc gia
	03	Địa phương

DANH MỤC LOẠI HỆ SINH THÁI

Danh mục	Mã loại hệ sinh thái	Tên loại hệ sinh thái	Mô tả loại hệ sinh thái
C_LoaiHeSinhThai	MaMuc	TenMuc	MoTa
	01	HST rừng	
	02	HST đất ngập nước	
	03	HST biển	
	04	HST núi đá, hang động, công viên địa chất	

DANH MỤC LOẠI DANH HIỆU QUỐC TẾ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

Danh mục	Mã loại danh hiệu	Tên loại danh hiệu quốc tế
C_LoaiDanhHieuQuocTe	MaMuc	TenMuc
	01	Di sản thiên nhiên thế giới
	02	Khu dự trữ sinh quyển
	03	Khu Đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế(RAMSAR)
	04	Vườn di sản Asean

DANH MỤC TIÊU CHÍ VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC QUAN TRỌNG

Danh mục	Mã tiêu chí	Tên tiêu chí vùng đất ngập nước quan trọng	Mô tả
C_TieuChiVungDatNgapNuoc	MaMuc	TenMuc	MoTa
	0501	Có ít nhất một kiểu đất ngập nước tự nhiên có tính đặc thù hoặc đại diện cho một vùng sinh thái	Khu vực đủ tiêu chuẩn nếu biết hoặc cho rằng có một quần thể các loài chim đã được xác định vào một trong các phân hạng bị đe dọa như tối nguy cấp, nguy cấp, sắp nguy cấp, gần bị đe dọa và loài bị đe dọa nhưng thiếu dẫn liệu để xếp vào các nhóm trên
	0502	Là nơi sinh sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của ít nhất một loại đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm hoặc của 1.000 cá thể chim nước, chim di cư trở lên hoặc nơi nuôi dưỡng và bãi đẻ của ít nhất một loại thủy sản có giá trị	Khu vực đủ tiêu chuẩn nếu là một trong những vùng được chọn lựa để đảm bảo có tất cả các loài có vùng phân bố hẹp của một VCDH hoặc PVCĐH có hiện diện với số lượng đáng kể trong phạm vi ít nhất ba khu
	0503	Giữ vai trò quan trọng trong điều hòa nguồn nước, cân bằng sinh thái cho một vùng sinh thái của địa phương, liên tỉnh, quốc gia, quốc tế	Khu vực đủ tiêu chuẩn nếu là một trong những vùng được chọn lựa để đảm bảo có tất cả các loài có vùng phân bố giới hạn trong một đơn vị địa sinh học có hiện diện trong phạm vi ít nhất ba khu
	0504	Có giá trị đặc biệt về cảnh quan, sinh thái nhân văn, lịch sử, văn hóa đối với địa phương, quốc gia, quốc tế	Tiêu chí này áp dụng đối với các loài chim nước được xác định trong Ước lượng Quần thể Chim nước ⁴ . Ngưỡng được xác định bằng cách kết hợp các số liệu quần thể trên đường bay trong phạm vi Châu Á. Đối với những loài thiếu số liệu định lượng, ngưỡng ước tính là 1% quần thể địa sinh học ở Châu Á.

DANH MỤC LOẠI VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC

Danh mục	Mã loại vùng đất ngập nước	Tên loại vùng đất ngập nước	Ký hiệu Việt Nam	Ký hiệu Ramsar	Phân nhóm Đất ngập nước
C_LoaiVung DatNgapNuoc	MaMuc	TenMuc	KiHieuVN	KiHieuRamsar	PhanLoai
	01	Vùng biển nông ven bờ, bao gồm cả vũng, vịnh	Vbn	A	Đất ngập nước ven biển, ven đảo(Nhóm I)
	02	Thảm cỏ biển	Tcb	B	Đất ngập nước ven biển, ven đảo(Nhóm I)
	03	Rạn san hô	Rsh	C	Đất ngập nước ven biển, ven đảo(Nhóm I)
	04	Các vùng bờ biển vách đá, kể cả vùng có vách đá ngoài khơi	Bvd	D	Đất ngập nước ven biển, ven đảo(Nhóm I)
	05	Bãi vùng gian triều, bao gồm cả bãi bùn sét, cát, sỏi, cuội, cồn cát	Bgt	E, G	Đất ngập nước ven biển, ven đảo(Nhóm I)
	06	Vùng nước cửa sông	Vcs	F	Đất ngập nước ven biển, ven đảo(Nhóm I)
	07	Rừng ngập mặn	Rnm	I	Đất ngập nước ven biển, ven đảo(Nhóm I)
	08	Đầm, phá ven biển	Dp	J	Đất ngập nước ven biển, ven đảo(Nhóm I)
	09	Các-xtơ và hệ thống thủy văn ngầm ven biển, ven đảo(bao gồm cả thung hoặc tùng, áng)	Cvb	Zk(a)	Đất ngập nước ven biển, ven đảo(Nhóm I)
	10	Sông, suối có nước thường xuyên	Stx	M	Đất ngập nước nội địa(Nhóm II)
	11	Sông, suối có nước theo mùa	Stm	N	Đất ngập nước nội địa(Nhóm II)
	12	Hồ tự nhiên	Htn	O, P	Đất ngập nước nội địa(Nhóm II)

Danh mục	Mã loại vùng đất ngập nước	Tên loại vùng đất ngập nước	Ký hiệu Việt Nam	Ký hiệu Ramsar	Phân nhóm Đất ngập nước
C_LoaiVung DatNgapNuoc	MaMuc	TenMuc	KiHieuVN	KiHieuRamsar	PhanLoai
	13	Vùng đất than bùn có rừng, cây bụi hoặc không có thực vật che phủ	Tb	U, Xp	Đất ngập nước nội địa(Nhóm II)
	14	Vùng ngập nước có cây bụi chiếm ưu thế và ngập nước theo mùa	Cb	W	Đất ngập nước nội địa(Nhóm II)
	15	Vùng ngập nước có cây gỗ chiếm ưu thế và ngập nước theo mùa	Cg	Xf	Đất ngập nước nội địa(Nhóm II)
	16	Suối, đầm nước nóng, nước khoáng	Snn	Y, Zg	Đất ngập nước nội địa(Nhóm II)
	17	Hệ thống thủy văn ngầm các-xơ và hang, động nội địa	Cnd	Zk(b)	Đất ngập nước nội địa(Nhóm II)
	18	Ao, hồ, đầm nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ	Anm	1,2	Đất ngập nước nhân tạo(Nhóm III)
	19	Đồng cỏ	Dc	4	Đất ngập nước nhân tạo(Nhóm III)
	20	Đồng muối	Dm	5	Đất ngập nước nhân tạo(Nhóm III)
	21	Ao, hồ, đầm nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Anm	1,2	Đất ngập nước nhân tạo(Nhóm III)
	22	Đất canh tác nông nghiệp	Dnm	3	Đất ngập nước nhân tạo(Nhóm III)
	23	Hồ chứa nước nhân tạo	Hnt	6	Đất ngập nước nhân tạo(Nhóm III)
	24	Moong khai thác khoáng sản	Mks	7	Đất ngập nước nhân tạo(Nhóm III)
	25	Ao, hồ chứa và xử lý nước thải	Vxl	8	Đất ngập nước nhân tạo(Nhóm III)
	26	Sông đào, kênh, mương, rạch	Sd	9	Đất ngập nước nhân tạo(Nhóm III)

DANH MỤC PHÂN HẠNG VÙNG CHIM QUAN TRỌNG

Danh mục	Mã hạng	Tên phân hạng	Phân hạng phụ	Tiêu chí xếp hạng	Ghi chú
C_PhanLoaiVung ChimQuanTrong	MaMuc	TenMuc	PhanHangPhu	TieuChiXepHang	GhiChu
	01	Phân hạng A1: Các loài bị đe dọa toàn cầu		Khu thường xuyên có số lượng đáng kể các loài chim bị đe dọa toàn cầu, hoặc các loài chim khác đang được quan tâm bảo tồn toàn cầu.	Khu vực đủ tiêu chuẩn nếu biết hoặc cho rằng có một quần thể các loài chim đã được xác định vào một trong các phân hạng bị đe dọa như tối nguy cấp, nguy cấp, sắp nguy cấp, gần bị đe dọa và loài bị đe dọa nhưng thiếu dẫn liệu để xếp vào các nhóm trên
	02	Phân hạng A2: Các loài có vùng phân bố hẹp		Khu được biết hoặc cho rằng có một bộ phận đáng kể một nhóm các loài chim mà vùng sinh sản của chúng nằm trong một VCDH hoặc PVCDH	Khu vực đủ tiêu chuẩn nếu là một trong những vùng được chọn lựa để đảm bảo có tất cả các loài có vùng phân bố hẹp của một VCDH hoặc PVCDH có hiện diện với số lượng đáng kể trong phạm vi ít nhất ba khu
	03	Phân hạng A3: Tập hợp các loài phân bố giới hạn trong một đơn vị địa lý		Khu đã biết hoặc cho rằng có một bộ phận đáng kể của một tập hợp các loài chim có vùng phân bố hầu như hoặc hoàn toàn giới hạn trong một đơn vị địa sinh học	Khu vực đủ tiêu chuẩn nếu là một trong những vùng được chọn lựa để đảm bảo có tất cả các loài có vùng phân bố giới hạn trong một đơn vị địa sinh học có hiện diện trong phạm vi ít nhất ba khu
	04	Hạng A4: Sự tập trung cá thể	A4i	Vùng đã biết hoặc cho rằng thường xuyên có $\geq 1\%$ một quần thể địa sinh học của một loài chim nước sống thành tập đoàn.	Tiêu chí này áp dụng đối với các loài chim nước được xác định trong <i>Ước lượng Quần thể Chim nước</i> ⁴ . Ngưỡng được xác định bằng cách kết hợp các số liệu quần thể trên đường bay trong phạm vi Châu Á. Đối với những loài thiếu số liệu định lượng, ngưỡng ước tính là 1% quần thể địa sinh học ở Châu Á.

Danh mục	Mã hạng	Tên phân hạng	Phân hạng phụ	Tiêu chí xếp hạng	Ghi chú
C_PhanLoaiVungChimQuanTrong	MaMuc	TenMuc	PhanHangPhu	TieuChiXepHang	GhiChu
			A4ii	Vùng đã biết hoặc cho rằng thường xuyên có $\geq 1\%$ quần thể toàn cầu của một loài chim biển hoặc chim đất liền sống thành bầy đàn.	Điều này áp dụng cho các loài sống trên đất liền và những loài chim biển không có trong <i>Ước lượng Quần thể Chim nước</i> ⁴ . Nếu thiếu số liệu định lượng, ngưỡng giới hạn là con số ước tính 1% quần thể toàn cầu.
			A4iii	Vùng đã biết hoặc cho rằng thường xuyên có ≥ 20.000 con chim nước hoặc ≥ 10.000 đôi chim biển thuộc một hoặc nhiều loài.	Đây là tiêu chí của Ramsar đối với các loài chim nước, sử dụng tiêu chí này khi số liệu của một khu nào đó không đủ cho phép sử dụng tiêu chí (i) hoặc (ii).
			A4iv	Khu đã biết hoặc cho rằng vượt quá ngưỡng giới hạn số lượng các loài di cư ở các vùng thất cổ chai (tổng số ³ 20.000 cá thể di cư của toàn bộ các loài chim ăn thịt hoặc các loài sếu)	Nếu phù hợp, ngưỡng này được thiết lập cho vùng hoặc liên vùng.

DANH MỤC PHÂN LOẠI ƯU TIÊN BẢO VỆ

Danh mục	Mã phân loại	Tên phân loại ưu tiên bảo vệ
C_DanhMucUTBV	MaMuc	TenMuc
	I	Các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo danh mục của Nghị định số 64/2019/NĐ-CP sửa đổi Điều 7 của Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013
	II	Các loài nguy cấp thuộc Nghị định 06/2019/NĐ-CP và các loài đặc hữu của Việt Nam
	II.I	Các loài thực vật rừng, động vật rừng đang bị đe dọa tuyệt chủng nghiêm cấm khai thác, sử dụng(phụ lục I CITES)
	II.IA	Các loài thực vật rừng
	II.IB	Các loài động vật rừng
	II.II	Các loài thực vật rừng, động vật rừng chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có nguy cơ bị đe dọa(phụ lục II CITES)
	II.IIA	Các loài thực vật rừng
	II.IIB	Các loài động vật rừng
	III	Các loài theo Sách đỏ Việt Nam
	IV	Các loài theo IUCN

DANH MỤC LOÀI ƯU TIÊN BẢO VỆ

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
C_Lo aiUu TienB aoVe	MaM uc	TenMuc	TenKH	TenNh om	TenNganh	TenLop	TenBo	TenHo	PhanLoai UuTien BaoVe
	001	Bách đài loan	<i>Taiwania cryptomerioides</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT TRẦN - GYMNOSPERMAE	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Hoàng đàn - Cupressaceae	I, II.IA
	002	Sa mộc dầu	<i>Cunninghamia konishii</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT TRẦN - GYMNOSPERMAE	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Hoàng đàn - Cupressaceae	I, II.IA
	003	Thông nước	<i>Glyptostrobus pensilis</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT TRẦN - GYMNOSPERMAE	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Hoàng đàn - Cupressaceae	I, II.IA
	004	Bách vàng việt/Bách vàng	<i>Xanthocyparis vietnamensis</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT TRẦN - GYMNOSPERMAE	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Hoàng đàn - Cupressaceae	I, II.IA
	005	Hoàng đàn/ Hoàng đàn hữu liên	<i>Cupressus tonkinensis</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT TRẦN - GYMNOSPERMAE	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Hoàng đàn - Cupressaceae	I, II.IA
	006	Du sam đá vôi	<i>Keteleeria davidiana</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT TRẦN -	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Thông - Pinaceae	I, II.IA

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
					GYMNOSPERMAE				
	007	Thông đỏ nam (Thông đỏ lá dài, Thanh Tùng)	<i>Taxus wallichiana</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT TRẦN - GYMNOSPERMAE	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Thông - Pinaceae	I
	008	Vân sam phan si păng	<i>Abies delavayi subsp. fansipanensis</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT TRẦN - GYMNOSPERMAE	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Thông - Pinaceae	I, II.IA
	009	Các loài Hoàng liên gai thuộc chi Berberis	<i>Berberis</i> spp	Thực vật	NGÀNH HẠT TRẦN - GYMNOSPERMAE	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Hoàng liên gai - Berberidaceae	II.IA
	010	Chai lá cong (Sao lá cong)	<i>Shorea falcata</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE/	LỚP HAI LÁ MÀM - DICOTYLEDON/		Họ Dầu - Dipterocarpaceae	I, II.IA
	011	Chai lá cong (Sao lá cong)	<i>Shorea falcata</i>	Thực vật	NGÀNH NGỌC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP NGỌC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Dầu - Dipterocarpaceae	II.IA
	012	Kiên kiền phú quốc	<i>Hopea pierrei</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE/	LỚP HAI LÁ MÀM - DICOTYLEDON/		Họ Dầu - Dipterocarpaceae	I

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	013	Kiên kiên phú quốc	<i>Hopea pierrei</i>	Thực vật	NGÀNH NGỌC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP NGỌC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Dầu - Dipterocarpaceae	II.IA
	014	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HAI LÁ MÀM - DICOTYLEDON/		Họ Dầu - Dipterocarpaceae	I
	015	Sao hình tim	<i>Hopea cordata</i>	Thực vật	NGÀNH NGỌC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP NGỌC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Dầu - Dipterocarpaceae	II.IA
	016	Sao mạng cá ná	<i>Hopea reticulata</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE /	LỚP HAI LÁ MÀM - DICOTYLEDON/		Họ Dầu - Dipterocarpaceae	I
	017	Sao mạng cá ná	<i>Hopea reticulata</i>	Thực vật	NGÀNH NGỌC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP NGỌC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Dầu - Dipterocarpaceae	II.IA
	018	Hoàng liên gai lá dài	<i>Berberis sargentiana</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HAI LÁ MÀM - DICOTYLEDON		Họ Hoàng liên gai - Berberidaceae	I
	019	Hoàng liên gai lá mốc (Hoàng liên gai, Hoàng liên ba gai,	<i>Berberis kawakamii</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HAI LÁ MÀM - DICOTYLEDON		Họ Hoàng liên gai - Berberidaceae	I

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
		Tiêu nghệt bá)							
	020	Hoàng liên gai lá nhỏ	<i>Berberis julianae</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HAI LÁ MÀM - DICOTYLEDO N		Họ Hoàng liên gai - Berberidaceae	I
	021	Hoàng liên chân gà	<i>Coptis quinquesecta</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HAI LÁ MÀM - DICOTYLEDO N		Họ Mao lương - Ranunculaceae	I, II.IA
	022	Hoàng liên bắc	<i>Coptis chinensis</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HAI LÁ MÀM - DICOTYLEDO N		Họ Mao lương - Ranunculaceae	I, II.IA
	023	Sâm vũ diệp (Vũ diệp tam thất)	<i>Panax bipinnatifidus</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HAI LÁ MÀM - DICOTYLEDO N		Họ Ngũ gia bì - Araliaceae	II.IA
	024	Tam thất hoang	<i>Panax stipuleanatus</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HAI LÁ MÀM - DICOTYLEDO N		Họ Ngũ gia bì - Araliaceae	II.IA
	025	Sâm ngọc linh tự nhiên	<i>Panax vietnamensis</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HAI LÁ MÀM - DICOTYLEDO N/		Họ Ngũ gia bì - Araliaceae	I

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	026	Sâm ngọc linh	<i>Panax vietnamensis</i>	Thực vật	NGÀNH NGỌC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Ngũ gia bì - Araliaceae	II.IA
	027	Lan hài chai (Lan vân hài)	<i>Paphiopedilum callosum</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	I, II.IA
	028	Lan hài xanh	<i>Paphiopedilum malipoense</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	I, II.IA
	029	Lan hài chân tím (Lan hài trần liên)	<i>Paphiopedilum Tranlienianum</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	I, II.IA
	030	Lan hài trần châu	<i>Paphiopedilum mersonii</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	I, II.IA
	031	Lan hài hăng	<i>Paphiopedilum hangianum</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	I, II.IA
	032	Lan hài đỏ (Lan hài hồng)	<i>Paphiopedilum delenatii</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	I, II.IA
	033	Lan hài tam đảo	<i>Paphiopedilum gratrixianum</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	I, II.IA
	034	Lan hài trắng heng (Lan hài hêlen)	<i>Paphiopedilum helenae</i>	Thực vật	NGÀNH HẠT KÍN - ANGIOSPERMAE	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	I

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	035	Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus setaceus</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	036	Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus acalcaratus</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	037	Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus calcareus</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	038	Lan hài bóng	<i>Paphiopedilum vietnamense</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	039	Lan hài vàng	<i>Paphiopedilum villosum</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	040	Lan hài đài cuộn	<i>Paphiopedilum appletonianum</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	041	Lan hài râu	<i>Paphiopedilum dianthum</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	042	Lan hài hê len	<i>Paphiopedilum helenae</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	043	Lan hài henry	<i>Paphiopedilum henryanum</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	044	Lan hài chân tím	<i>Paphiopedilum tranlienianum</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	045	Lan hài lông	<i>Paphiopedilum hirsutissimum</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	046	Lan hài hồng	<i>Paphiopedilum micranthum</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	047	Lan hài xuân cảnh	<i>Paphiopedilum canhii</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	048	<i>Paphiopedilum canhii</i>	<i>Paphiopedilum purpuratum</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	049	Lan hài trần tuần	<i>Paphiopedilum trantuanhii</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	050	Lan hài đốm	<i>Paphiopedilum concolor</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IA
	051	Bách xanh núi đá	<i>Calocedrus rupestris</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Hoàng đàn - Cupressaceae	II.IIA
	052	Bách xanh	<i>Calocedrus macrolepis</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Hoàng đàn - Cupressaceae	II.IIA
	053	Pơ mu	<i>Fokienia hodginsii</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Hoàng đàn - Cupressaceae	II.IIA
	054	Thông đỏ lá ngắn	<i>Taxus chinensis</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Thông đỏ - Taxaceae	II.IIA

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	055	Thông đỏ lá dài	<i>Taxus wallichiana</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Thông đỏ - Taxaceae	II.IIA
	056	Đỉnh tùng (Phi ba mũi)	<i>Cephalotaxus mannii</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Đỉnh tùng - Cephalotaxaceae	II.IIA
	057	Thông tre lá ngắn	<i>Podocarpus pilgeri</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ kim giao - Podocarpaceae	II.IIA
	058	Thông xuân nha (5 lá rù)	<i>Pinus cernua</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Thông - Pinaceae	II.IIA
	059	Thông Đà Lạt	<i>Pinus dalatensis</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Thông - Pinaceae	II.IIA
	060	Thông lá dẹt	<i>Pinus krempfii</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Thông - Pinaceae	II.IIA
	061	Thông Pà cò	<i>Pinus kwangtungensis</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Thông - Pinaceae	II.IIA
	062	Thông hai lá quả nhỏ (Thông đá vôi quả nhỏ)	<i>Pinus kwangshanensis</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Thông - Pinaceae	II.IIA
	063	Thiết sam giả lá ngắn	<i>Pseudotsuga brevifolia</i>	Thực vật	NGÀNH THÔNG - PINOPHYTA	LỚP THÔNG - PINOPSIDA		Họ Thông - Pinaceae	II.IIA

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	064	Sâm lai châu	<i>Panax vietnamensis</i> var. <i>Fuscidiscus</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Ngũ gia bì - Araliaceae	II.IIA
	065	Sâm lang bian	<i>Panax vietnamensis</i> var. <i>Langbianensis</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Ngũ gia bì - Araliaceae	II.IIA
	066	Mun sọc	<i>Diospyros salletii</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Thị - Ebenaceae	II.IIA
	067	Mun	<i>Diospyros mun</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Thị - Ebenaceae	II.IIA
	068	Các loài Tế tân thuộc chi Asarum	<i>Asarum</i> spp.	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Nam mộc hương - Aristolochiaceae	II.IIA
	069	Các loài Đinh thuộc chi Fernandoa	<i>Fernandoa</i> spp.	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Núc nác - Bignoniaceae	II.IIA
	070	Gỗ đỏ (Cà te)	<i>Afzelia xylocarpa</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Vang - Caesalpiniaceae	II.IIA

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	071	Gụ mật (Gỗ mật)	<i>Sindora siamensis</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Vang - Caesalpiniaceae	II.IIA
	072	Gụ lau	<i>Sindora tonkinensis</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Vang - Caesalpiniaceae	II.IIA
	073	Đẳng sâm	<i>Codonopsis javanica</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Hoa chuông - Campanulaceae	II.IIA
	074	Trai lý (Rươi)	<i>Garcinia fagraeoides</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Măng cụt - Clusiaceae	II.IIA
	075	Cầm lai (Cầm lai Bà Rịa)	<i>Dalbergia oliveri</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Đậu - Fabaceae	II.IIA
	076	Giáng hương quả to	<i>Pterocarpus macrocarpus</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Đậu - Fabaceae	II.IIA
	077	Lim xanh	<i>Erythrophloeum fordii</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Đậu - Fabaceae	II.IIA

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	078	Trắc	<i>Dalbergia cochinchinensis</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Đậu - Fabaceae	II.IIA
	079	Trắc dây	<i>Dalbergia rimosa</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Đậu - Fabaceae	II.IIA
	080	Sua	<i>Dalbergia tonkinensis</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Đậu - Fabaceae	II.IIA
	081	Gù hương (Quế balansae)	<i>Cinnamomum balansae</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Long não - Lauraceae	II.IIA
	082	Re xanh phần	<i>Cinnamomum glaucescens</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Long não - Lauraceae	II.IIA
	083	Vù hương (Xá xị, Re hương)	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Long não - Lauraceae	II.IIA
	084	Các loài Bình vôi thuộc chi Stephania	<i>Stephania</i> spp.	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Tiết dê - Menispermaceae	II.IIA

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	085	Hoàng đằng	<i>Fibraurea recisa</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Tiết dê - Menispermaceae	II.IIA
	086	Nam hoàng liên	<i>Fibraurea tinctoria</i> (<i>Fibraurea chloroleuca</i>)	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Tiết dê - Menispermaceae	II.IIA
	087	Vàng đắng	<i>Coscinium fenestratum</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP MỘC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Tiết dê - Menispermaceae	II.IIA
	088	Các loài tuế thuộc chi Cycas	<i>Cycas</i> spp.	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP TUẾ - CYCADOPSIDA		Họ Tuế - Cycadaceae	II.IIA
	089	Các loài Hoàng liên ô rô (Mã hồ, Mật gấu) thuộc chi Mahonia	<i>Mahonia</i> spp.	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP TUẾ - CYCADOPSIDA		Họ Hoàng liên gai - Berberidaceae	II.IIA
	090	Bát giác liên	<i>Podophyllum tonkinense</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP TUẾ - CYCADOPSIDA		Họ Hoàng liên gai - Berberidaceae	II.IIA
	091	Thỏ hoàng liên	<i>Thalictrum foliolosum</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN -	LỚP TUẾ - CYCADOPSIDA		Họ Mao lương - Ranunculaceae	II.IIA

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
					MAGNOLIOPHYTA				
	092	Nghiến	<i>Excentrodendron tonkinense</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP TUẾ - CYCADOPSIDA		Họ Đay - Tiliaceae	II.IIA
	093	Các loài na rừng thuộc chi Kadsura	<i>Kadsura</i> spp.	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP TUẾ - CYCADOPSIDA		Họ Ngũ vị tử - Schizandraceae	II.IIA
	094	Hoàng tinh hoa trắng	<i>Disporopsis longifolia</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Tóc tiên - Convallariaceae	II.IIA
	095	Hoàng tinh hoa đỏ	<i>Polygonatum kingianum</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Tóc tiên - Convallariaceae	II.IIA
	096	Bách hợp	<i>Lilium poilanei</i>	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Hành - Liliaceae	II.IIA
	097	Các loài Bầy lá một hoa (Trọng lâu) thuộc chi Paris	<i>Paris</i> spp.	Thực vật	NGÀNH MỘC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP HÀNH - LILIOPSIDA		Họ Trọng lâu - Phormiaceae	II.IIA

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	098	Các loài Lan thuộc họ Orchidaceae, trừ các loài quý định tại Nhóm IA	<i>Orchidaceae</i> spp.	Thực vật	NGÀNH NGỌC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP NGỌC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Lan - Orchidaceae	II.IIA
	099	Song mật	<i>Calamus platyacanthus</i>	Thực vật	NGÀNH NGỌC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP NGỌC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Cau - Arecaceae	II.IIA
	100	Song bột	<i>Calamus poilanei</i>	Thực vật	NGÀNH NGỌC LAN - MAGNOLIOPHYTA	LỚP NGỌC LAN - MAGNOLIOPSIDA		Họ Cau - Arecaceae	II.IIA
	101	Chồn bay (Cây bay)	<i>Galeopterus variegatus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ CÁNH DA - DERMOPTERA	Họ Chồn dơi - Cynocephalidae	I
	102	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Cu li - Lorisidae	I, II.IB
	103	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Cu li - Lorisidae	I, II.IB
	104	Voọc bạc đông dương	<i>Trachypithecus germaini</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Khỉ - Cercopithecidae	I

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	105	Voọc bạc trường sơn	<i>Trachypithecus margarita</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Khi - Cercopithecidae	I
	106	Voọc cát bà (Voọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Khi - Cercopithecidae	I
	107	Voọc đen hà tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Khi - Cercopithecidae	I
	108	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Khi - Cercopithecidae	I
	109	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Khi - Cercopithecidae	I
	110	Voọc chà vá chân đen/ Chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Khi - Cercopithecidae	I, II.IB
	111	Voọc chà vá chân đỏ - (Voọc chà vá chân nâu)/Chà vá chân nâu	<i>Pygathrix nemaeus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Khi - Cercopithecidae	I, II.IB
	112	Voọc chà vá chân xám/ Chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Khi - Cercopithecidae	I, II.IB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	113	Voọc đen hà tĩnh (Voọc gáy trắng)	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Khi - Cercopithecidae	I, II.IB
	114	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Khi - Cercopithecidae	I, II.IB
	115	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Khi - Cercopithecidae	I, II.IB
	116	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Khi - Cercopithecidae	I, II.IB
	117	Voọc xám	<i>Trachypithecus crepusculus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Khi - Cercopithecidae	I, II.IB
	118	Vượn đen má hung (Vượn đen má vàng)/ Vượn má trắng	<i>Nomascus gabriellae</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Vượn - Hylobatidae	I, II.IB
	119	Vượn đen má trắng/Vượn má trắng	<i>Nomascus leucogenys</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Vượn - Hylobatidae	I, II.IB
	120	Vượn đen tuyền đông bắc (Vượn cao vút)	<i>Nomascus nasutus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Vượn - Hylobatidae	I, II.IB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	121	Vượn đen tuyền tây bắc/ Vượn đen tuyền	<i>Nomascus concolor</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Vượn - Hylobatidae	I, II.IB
	122	Vượn má vàng trung bộ	<i>Nomascus annamensis</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Vượn - Hylobatidae	I, II.IB
	123	Vượn siki	<i>Nomascus siki</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ LINH TRƯỞNG - PRIMATES	Họ Vượn - Hylobatidae	I, II.IB
	124	Chuột đá	<i>Laonastes aenigmamus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ Gặm NHẮM - RODENTI A		II.IIB
	125	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ GẶM NHẮM - RODENTIA		II.IIB
	126	Sóc bay trâu	<i>Petaurista petaurista</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ GẶM NHẮM - RODENTIA		II.IIB
	127	Dơi ngựa lớn	<i>Pteropus vampyrus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ DỜI - CHIROPTE RA		II.IIB
	128	Dơi ngựa nhỏ	<i>Pteropus lylei</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ DỜI - CHIROPTE RA		II.IIB
	129	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ KHỈ HẦU - PRIMATES		II.IIB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	130	Khỉ mốc	<i>Macaca assamensis</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ KHỈ HẦU - PRIMATES		II.IIB
	131	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ KHỈ HẦU - PRIMATES		II.IIB
	132	Khỉ đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ KHỈ HẦU - PRIMATES		II.IIB
	133	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ KHỈ HẦU - PRIMATES		II.IIB
	134	Sói đỏ (Chó sói lửa)	<i>Cuon alpinus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Chó - Canidae	I, II.IB
	135	Gấu chó	<i>Helarctos malayanus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Gấu - Ursidae	I, II.IB
	136	Gấu ngựa	<i>Ursus thibetanus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Gấu - Ursidae	I, II.IB
	137	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Chồn - Mustelidae	I, II.IB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	138	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Chồn - Mustelidae	I, II.IB
	139	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Chồn - Mustelidae	I, II.IB
	140	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinereus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Chồn - Mustelidae	I, II.IB
	141	Cầy giông đốm lớn	<i>Viverra zibethica</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Cầy - Viverridae	I,II.IIB
	142	Cầy vằn bắc 33 34	<i>Chrotogale owstoni</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Cầy - Viverridae	I, II.IIB
	143	Cầy gấm	<i>Prionodon pardicolor</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Cầy - Viverridae	I, II.IB
	144	Cầy mực (Cây đen)	<i>Arctictis binturong</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Cầy - Viverridae	I, II.IB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	145	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Mèo - Felidae	I, II.IB
	146	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Mèo - Felidae	I, II.IB
	147	Báo lửa (Beo lửa, Beo vàng)	<i>Catopuma temminckii</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Mèo - Felidae	I, II.IB
	148	Hổ	<i>Panthera tigris</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Mèo - Felidae	I
	149	Hổ đông dương	<i>Panthera tigris corbetti</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Mèo - Felidae	I, II.IB
	150	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Mèo - Felidae	I, II.IB
	151	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA	Họ Mèo - Felidae	I, II.IB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	152	Chó rừng	<i>Canis aureus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVOR A		II.IIB
	153	Cáo lửa	<i>Vulpes vulpes</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVOR A		II.IIB
	154	Cầy giông	<i>Viverra zibetha</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVOR A		II.IIB
	155	Cầy hương	<i>Viverricula indica</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVOR A		II.IIB
	156	Cầy tai trắng	<i>Arctogalidia trivirgata</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVOR A		II.IIB
	157	Cầy vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVOR A		II.IIB
	158	Cầy vòi mốc	<i>Paguma larvata</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVOR A		II.IIB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	159	Mèo ri	<i>Felis chaus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA		II.IIB
	160	Mèo rừng	<i>Prionailurus bengalensis</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA		II.IIB
	161	Triết chỉ lưng	<i>Mustela strigidorsa</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THÚ ĂN THỊT - CARNIVORA		II.IIB
	162	Voi/ Voi châu á	<i>Elephas maximus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ CÓ VÒI - PROBOSCIDEA	Họ Voi - Elephantidae	I, II.IB
	163	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus annamiticus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN LẺ - PERISSODACTYLA	Họ Tê giác - Rhinocerotidae	I, II.IB
	164	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHÂN - ARTIODACTYLA	Họ Hươu nai - Cervidae	I, II.IB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	165	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHẰN - ARTIODACTYLA	Họ Hươu nai - Cervidae	I, II.IB
	166	Mang lớn	<i>Muntiacus vuquangensis</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHẰN - ARTIODACTYLA	Họ Hươu nai - Cervidae	I, II.IB
	167	Mang trường sơn	<i>Muntiacus truongsonensis</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHẰN - ARTIODACTYLA	Họ Hươu nai - Cervidae	I, II.IB
	168	Nai cà tong	<i>Rucervus eldii</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHẰN - ARTIODACTYLA	Họ Hươu nai - Cervidae	I, II.IB
	169	Mang pù hoạt	<i>Muntiacus puhoatensis</i> (<i>Muntiacus rooseveltorum</i>)	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHẰN -		II.IIB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
							ARTIODAC TYLA		
	170	Nai	<i>Rusa unicolor</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHẢN - ARTIODAC TYLA		II.IIB
	171	Cheo cheo	<i>Tragulus javanicus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHẢN - ARTIODAC TYLA		II.IIB
	172	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHẢN - ARTIODAC TYLA	Họ Trâu bò - Bovidae	I, II.IB
	173	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHẢN - ARTIODAC TYLA	Họ Trâu bò - Bovidae	I, II.IB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	174	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHẰN - ARTIODACTYLA	Họ Trâu bò - Bovidae	I
	175	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHẰN - ARTIODACTYLA	Họ Trâu bò - Bovidae	I, II.IB
	176	Sơn dương	<i>Capricornis milneedwardsii</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHẰN - ARTIODACTYLA	Họ Trâu bò - Bovidae	I, II.IB
	177	Tê tê java	<i>Manis javanica</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ TÊ TÊ - PHOLIDOTA	Họ Tê tê - Manidae	I, II.IB
	178	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ TÊ TÊ - PHOLIDOTA	Họ Tê tê - Manidae	I, II.IB
	179	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timminsi</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THỎ - LAGOMORPHA	Họ Thỏ rừng - Leporidae	I, II.IB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	180	Thỏ rừng	<i>Lepus sinensis</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ THỎ - LAGOMORPHA		II.IIB
	181	Cá heo trắng trung hoa	<i>Sousa chinensis</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ CÁ VOI - CETACEA	Họ Cá heo - Delphinidae	I
	182	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>	Động vật		LỚP THÚ - MAMMALIA	BỘ HẢI NGƯU - SIRENIA	Họ Cá cúi - Dugongidae	I
	183	Bồ nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ BỒ NÔNG - PELECANIFORMES	Họ Bồ nông - Pelecanidae	I, II.IB
	184	Cỏ rằn (Điêng điêng)	<i>Anhinga melanogaster</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ BỒ NÔNG - PELECANIFORMES	Họ Cỏ rằn - Anhingidae	I, II.IB
	185	Cò trắng trung quốc	<i>Egretta eulophotes</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HẠC - CICONIIFORMES	Họ Diệc - Ardeidae	I, II.IB
	186	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HẠC - CICONIIFORMES	Họ Diệc - Ardeidae	I, II.IB
	187	Cò mỏ thìa/ Cò thìa	<i>Platalea minor</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HẠC - CICONIIFORMES	Họ Cò quắm - Threskiornithidae	I, II.IB
	188	Quắm cánh xanh (Cò	<i>Pseudibis davisoni</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HẠC - CICONIIFORMES	Họ Cò quắm - Threskiornithidae	I, II.IB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
		quắm cánh xanh)							
	189	Quắm lớn (Cò quắm lớn)	<i>Pseudibis gigantea</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HẠC - CICONIIFORMES	Họ Cò quắm - Threskiornithidae	I, II.IB
	190	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HẠC - CICONIIFORMES	Họ Hạc - Ciconiidae	I, II.IB
	191	Già đầy lớn	<i>Leptoptilos dubius</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HẠC - CICONIIFORMES		II.IIB
	192	Hạc đen	<i>Ciconia nigra</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HẠC - CICONIIFORMES		II.IIB
	193	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HẠC - CICONIIFORMES	Họ Hạc - Ciconiidae	I, II.IB
	194	Hạc xám	<i>Mycteria cinerea</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HẠC - CICONIIFORMES	Họ Hạc - Ciconiidae	II.IB
	195	Cò quắm đầu đen	<i>Threskiornis melanocephalus</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ BỎ NÔNG - PELECANIFORMES		II.IIB
	196	Đại bàng đầu nâu	<i>Aquila heliaca</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ ƯNG - ACCIPITRIFORMES		II.IB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	197	Kền kền ấn độ	<i>Gyps indicus</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ ƯNG - ACCIPITRIFORMES		II.IB
	198	Kền kền ben gan	<i>Gyps bengalensis</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ ƯNG - ACCIPITRIFORMES		II.IB
	199	Các loài trong bộ Ưng	<i>Accipitriformes</i> spp. (trừ các loài <i>Aquila heliaca</i> , <i>Gyps indicus</i> , <i>Gyps bengalensis</i> và <i>Sarcogyps calvus</i> đã liệt kê trong nhóm IB)	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ ƯNG - ACCIPITRIFORMES		II.IIB
	200	Ó tai	<i>Sarcogyps calvus</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ ƯNG - ACCIPITRIFORMES		II.IIB
	201	Cắt lớn	<i>Falco peregrinus</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ CẮT - FALCONIFORMES		II.IB
	202	Các loài trong bộ Cú Strigiformes	<i>Strigiformes</i> spp.	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ CÚ - ACCIPITRIFORMES		II.IIB
	203	Choắt lớn mỏ vàng	<i>Tringa guttifer</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ CHOẮT - CHARADRIIFORMES		II.IB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	204	Rẽ mỏ thìa	<i>Calidris pygmeus</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ CHOẮT - CHARADRIIFORMES		II.IIB
	205	Khuống đầu đen má xám	<i>Trochaloxypteron yersini</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SẾ - PASSERIFORMES		II.IIB
	206	Các loài thuộc giống Garrulax	<i>Garrulax</i> spp.	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SẾ - PASSERIFORMES		II.IIB
	207	Mi núi bà	<i>Laniellus langbianis</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SẾ - PASSERIFORMES		II.IIB
	208	Sẻ đồng ngực vàng	<i>Emberiza aureola</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SẾ - PASSERIFORMES		II.IIB
	209	Các loài thuộc giống Pitta	<i>Pitta</i> spp.	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SẾ - PASSERIFORMES		II.IIB
	210	Kim oanh mỏ đỏ	<i>Leiothrix lutea</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SẾ - PASSERIFORMES		II.IIB
	211	Kim oanh tai bạc	<i>Leiothrix argentauris</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SẾ - PASSERIFORMES		II.IIB
	212	Nhông (Yêng)	<i>Gracula religiosa</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SẾ - PASSERIFORMES		II.IIB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	213	Ngan cánh trắng	<i>Asarcornis scutulata</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ NGŨNG - ANSERIFORMES	Họ Vịt - Anatidae	II.IIB
	214	Vịt đầu đen	<i>Aythya baeri</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ NGŨNG - ANSERIFORMES		II.IIB
	215	Vịt mỏ nhọn	<i>Mergus squamatus</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ NGŨNG - ANSERIFORMES		II.IIB
	216	Công	<i>Pavo muticus</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ GÀ - GALLIFORMES	Họ Trĩ - Phasianidae	I, II.IIB
	217	Các loài Gà so thuộc giống Arborophila	<i>Arborophila</i> spp. (trừ loài <i>Arborophila davidi</i> đã liệt kê ở nhóm IB)	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ GÀ - GALLIFORMES		II.IIB
	218	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ GÀ - GALLIFORMES	Họ Trĩ - Phasianidae	I, II.IB
	219	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura edwardsi</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ GÀ - GALLIFORMES	Họ Trĩ - Phasianidae	I, II.IB
	220	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ GÀ - GALLIFORMES	Họ Trĩ - Phasianidae	I, II.IB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	221	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ GÀ - GALLIFORMES	Họ Trĩ - Phasianidae	I, II.IB
	222	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ GÀ - GALLIFORMES	Họ Trĩ - Phasianidae	I, II.IB
	223	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ GÀ - GALLIFORMES	Họ Trĩ - Phasianidae	II.IA
	224	Trĩ sao	<i>Rheinardia ocellata</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ GÀ - GALLIFORMES	Họ Trĩ - Phasianidae	I, II.IB
	225	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụi)	<i>Grus antigone</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SẾU - GRUIFORMES	Họ Sếu - Gruidae	I, II.IB
	226	Chân bơi	<i>Heliopais personatus</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SẾU - GRUIFORMES		II.IIB
	227	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SẾU - GRUIFORMES	Họ Ô tác - Otidae	I
	228	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ Ô TÁC - OTIDIFORMES		II.IB
	229	Rẽ mỏ thìa	<i>Calidris pygmaea</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ RẼ - CHARADRIIFORMES	Họ Rẽ - Scolopacidae	I

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	230	Choắt mỏ vàng	<i>Tringa guttifer</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ RỄ - CHARADRIIFORMES	Họ Rễ - Scolopacidae	I
	231	Bò câu ni cô ba	<i>Caloenas nicobarica</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ BÒ CẦU - COLUMBIFORMES		II.IB
	232	Bò câu nâu	<i>Columba punicea</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ BÒ CẦU - COLUMBIFORMES		II.IIB
	233	Niệc nâu	<i>Anorrhinus austeni</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SÁ - CORACIIFORMES	Họ Hồng hoàng - Bucerotidae	I
	234	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SÁ - CORACIIFORMES	Họ Hồng hoàng - Bucerotidae	I
	235	Niệc mỏ vằn	<i>Rhyticeros undulatus</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SÁ - CORACIIFORMES	Họ Hồng hoàng - Bucerotidae	I
	236	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SÁ - CORACIIFORMES	Họ Hồng hoàng - Bucerotidae	I
	237	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HỒNG HOÀNG - Bucerotiformes		II.IB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	238	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HỒNG HOÀNG - Bucerotiformes		II.IB
	239	Niệc mỏ vằn	<i>Rhyticeros undulatus</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HỒNG HOÀNG - Bucerotiformes		II.IB
	240	Niệc nâu	<i>Anorhinus austeni</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HỒNG HOÀNG - Bucerotiformes		II.IB
	241	Các loài trong họ Hồng hoàng	<i>Bucerotidae</i> spp. (trừ các loài <i>Buceros bicornis</i> , <i>Aceros nipalensis</i> , <i>Rhyticeros undulatus</i> và <i>Anorhinus austeni</i> thuộc Nhóm IB)	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ HỒNG HOÀNG - Bucerotiformes		II.IIB
	242	Các loài Vẹt thuộc giống <i>Psittacula</i>	<i>Psittacula</i> spp.	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ VỆT - BỘ VỆT		II.IIB
	243	Vẹt lùn	<i>Loriculus verlanis</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ VỆT - BỘ VỆT		II.IIB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	244	Khuống ngọc linh	<i>Trochaloipteron ngoclinhense</i>	Động vật		LỚP CHIM - AVES	BỘ SẾ - PASSERIFORMES	Họ Khuống - Timaliidae	I, II.IB
	245	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ CÓ VÂY - SQUAMATA	Họ Rắn hổ - Elapidae	I, II.IB
	246	Tắc kè đuôi vàng	<i>Cnemaspis psychedelica</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ CÓ VÂY - SQUAMATA	Họ Tắc kè - Gekkonidae	I, II.IB
	247	Thằn lằn cá sấu	<i>Shinisaurus crocodilurus</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ CÓ VÂY - SQUAMATA	Họ Thằn lằn cá sấu - Shinisauridae	I, II.IB
	248	Kỳ đà vân	<i>Varanus nebulosus (Varanus bengalensis)</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ CÓ VÂY - SQUAMATA		II.IB
	249	Các loài Thạch sùng mí thuộc giống Goniurosaurus	<i>Goniurosaurus</i> spp.	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ CÓ VÂY - SQUAMATA		II.IIB
	250	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ CÓ VÂY - SQUAMATA		II.IIB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	251	Rắn hổ mang một mắt kính	<i>Naja kaouthia</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ CÓ VÂY - SQUAMATA		II.IIB
	252	Rắn hổ mang trung quốc	<i>Naja atra</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ CÓ VÂY - SQUAMATA		II.IIB
	253	Rắn hổ mang xiêm	<i>Naja siamensis</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ CÓ VÂY - SQUAMATA		II.IIB
	254	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ CÓ VÂY - SQUAMATA		II.IIB
	255	Trăn cộc	<i>Python brongersmai</i> (<i>Python curtus</i>)	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ CÓ VÂY - SQUAMATA		II.IIB
	256	Trăn đất	<i>Python molurus</i> (<i>Python bivittatus</i>)	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ CÓ VÂY - SQUAMATA		II.IIB
	257	Trăn gấm	<i>Python reticulatus</i> (<i>Malayopython reticulatus</i>)	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ CÓ VÂY - SQUAMATA		II.IIB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	258	Rùa biển đầu to (Quần đồng)	<i>Caretta caretta</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES	Họ Vích - Cheloniidae	I
	259	Vích	<i>Chelonia mydas</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES	Họ Vích - Cheloniidae	I
	260	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES	Họ Vích - Cheloniidae	I
	261	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES	Họ Vích - Cheloniidae	I
	262	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES	Họ Rùa da - Dermochelyidae	I
	263	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES	Họ Rùa đầu to - Platysternon megacephalum	I, II.IB
	264	Rùa hộp ba vạch (Rùa vàng)	<i>Cuora cyclornata</i> (<i>Cuora trifasciata</i>)	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES	Họ Rùa đầm - Geoemydidae	I, II.IIB
	265	Rùa hộp trán vàng miền bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES	Họ Rùa đầm - Geoemydidae	I
	266	Rùa hộp trán vàng miền trung	<i>Cuora bourreti</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES	Họ Rùa đầm - Geoemydidae	I, II.IB, II.IIB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	267	Rùa hộp trán vàng miền nam	<i>Cuora picturata</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES	Họ Rùa đầm - Geoemydidae	I, II.IB
	268	Rùa ba-ta-gua miền nam	<i>Batagur affinis</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES		II.IB
	269	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES	Họ Rùa đầm - Geoemydidae	I, II.IB
	270	Cá sấu nước lợ (Cá sấu hoa cà)	<i>Crocodylus porosus</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES		II.IB
	271	Cá sấu nước ngọt (Cá sấu xiêm)	<i>Crocodylus siamensis</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES		II.IB
	272	Giải sin-hoe (Giải thượng hải)	<i>Rafetus swinhoei</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES	Họ Ba ba - Trionychidae	I, II.IB
	273	Giải khổng lồ/ Giải	<i>Pelochelys cantorii</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES	Họ Ba ba - Trionychidae	I, II.IB
	274	Rùa hộp lưng đen	<i>Cuora amboinensis</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES		II.IIB
	275	Rùa sa nhân	<i>Cuora mouhotii</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES		II.IIB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	276	Rùa đất pul-kin	<i>Cyclemys pulchristriata</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDIN ES		II.IIB
	277	Rùa đất châu Á	<i>Cyclemys dentata</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDIN ES		II.IIB
	278	Rùa đất sê-pôn	<i>Cyclemys oldhami</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDIN ES		II.IIB
	279	Rùa đất speng-le-ri	<i>Geomyda spengleri</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDIN ES		II.IIB
	280	Rùa răng	<i>Heosemys annandalii</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDIN ES		II.IIB
	281	Rùa đất lớn	<i>Heosemys grandis</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDIN ES		II.IIB
	282	Rùa ba gờ	<i>Malayemys subtrijuga</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDIN ES		II.IIB
	283	Rùa bốn mắt	<i>Sacalia quadriocellata</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDIN ES		II.IIB
	284	Rùa câm	<i>Mauremys mutica</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDIN ES		II.IIB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	285	Rùa cổ bự	<i>Siebenrockiella crassicollis</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES		II.IIB
	286	Rùa đầm cổ đỏ	<i>Mauremys nigricans</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES		II.IIB
	287	Rùa núi vàng	<i>Indotestudo elongata</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES		II.IIB
	288	Rùa núi viền	<i>Manouria impressa</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES		II.IIB
	289	Cua đing	<i>Amyda cartilaginea</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES		II.IIB
	290	Ba ba gai	<i>Palea steindachneri</i>	Động vật		LỚP BÒ SÁT - REPTILIA	BỘ RÙA - TESTUDINES		II.IIB
	291	Cá cóc bụng hoa (Cá cóc tam đảo)	<i>Paramesotriton deloustali</i>	Động vật		LỚP ẾCH NHÁI - AMPHIBIA	BỘ CÓ ĐUÔI - CAUDATA		II.IIB
	292	Các loài Cá cóc thuộc giống Tylototriton	<i>Tylototriton spp.</i>	Động vật		LỚP ẾCH NHÁI - AMPHIBIA	BỘ CÓ ĐUÔI - CAUDATA		II.IIB
	293	Bướm phượng đuôi kiếm răng nhọn	<i>Teinopalpus aureus aureus</i>	Động vật		LỚP CÔN TRÙNG - INSECTA	BỘ CÁNH VÂY - LEPIDOPTERA		II.IIB

Danh mục	Mã loài	Tên thông thường của loài ưu tiên bảo vệ	Tên khoa học của loài ưu tiên bảo vệ	Nhóm	Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Phân loại ưu tiên bảo vệ (Chọn 1 hoặc nhiều)
	294	Bướm phượng đuôi kiếm răng tù	<i>Teinopalpus imperialis imperialis</i>	Động vật		LỚP CÔN TRÙNG - INSECTA	BỘ CÁNH VÂY - LEPIDOPTERA		II.IIB
	295	Bướm phượng cánh chim chấm liền	<i>Troides helena cerberus</i>	Động vật		LỚP CÔN TRÙNG - INSECTA	BỘ CÁNH VÂY - LEPIDOPTERA		II.IIB
	296	Bướm phượng cánh chim chấm rời	<i>Troides aeacus aeacus</i>	Động vật		LỚP CÔN TRÙNG - INSECTA	BỘ CÁNH VÂY - LEPIDOPTERA		II.IIB
	297	Cua bay việt nam	<i>Cheirotonus battareli</i>	Động vật		LỚP CÔN TRÙNG - INSECTA	BỘ CÁNH CỨNG - COLEOPTERA		II.IIB
	298	Cua bay đen	<i>Cheirotonus jansoni</i>	Động vật		LỚP CÔN TRÙNG - INSECTA	BỘ CÁNH CỨNG - COLEOPTERA		II.IIB

DANH MỤC GIỐNG VẬT NUÔI/CÂY TRỒNG

Danh mục	Mã giống vật nuôi, cây trồng	Tên thông thường của giống vật nuôi, cây trồng	Tên khoa học của giống vật nuôi, cây trồng	Giới sinh học
C_GiongVatNuoiCayTrong	MaMuc	TenMuc	TenKhoaHoc	GioiSinhHoc____C_GioiSinhHoc
	0100001	Bưởi Diễn	Citrus grandis(L.)	Giới thực vật
	0100002	Cam Canh	Citrus maxima	Giới thực vật
	0100003	Mơ Hương Tích	Prunus armeniaca	Giới thực vật
	0100004	Hồng Xiêm Xuân Đình	Manilkarasapota	Giới thực vật
	0100005	Cải bẹ Đông Dư	Brassica Campetrus L	Giới thực vật
	0100006	Cải Mào Gà	Brassica junceam(L) Coss	Giới thực vật
	0100007	Vải tu hú Hà Tây	Litchi sinensis	Giới thực vật
	0100008	Vải chua Hà Tây	Litchi sinensis	Giới thực vật
	0100009	Ớt cay Hà Nội dạng 1	Capsicum sp.	Giới thực vật
	0100010	Ớt dài Hà Nội 2	Capsicum sp.	Giới thực vật
	0100011	Cà chua dây Đông Anh - Hà Nội	Lycopersicon esculentum	Giới thực vật
	0100012	Quýt Đường Hương Sơn	Citrus reticulata	Giới thực vật
	0100013	Quýt ta Hà Nội	Citrus reticulata	Giới thực vật
	0100014	Quýt Tích Giang	Citrus sp.	Giới thực vật
	0100015	Bưởi Phúc Trạch	Citrus maxima	Giới thực vật
	0100016	Bầu đen Hà Đông	Morus alba	Giới thực vật
	0100017	Bầu tía Hà Đông	Morus alba	Giới thực vật
	0100018	Ré bằng Hà Đông	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100019	Ré thanh Hà Đông 1	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100020	Ré thanh Hà Đông 2	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100021	Tám đỏ Hà Đông	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100022	Tám đỏ Sơn Tây	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100023	Tám đen Hà Đông	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100024	Tám đen Sơn Tây	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100025	Tám cao Sơn Tây	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100026	Tám lùn Hà Đông	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100027	Tám nòi Hà Đông	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100028	Tám nòi Sơn Tây	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100029	Tám tây Sơn Tây	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100030	Tám thơm Hà Đông	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100031	Tám trâu Sơn Tây	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100032	Hồng Thạch Thất	Diospyros kaki	Giới thực vật

Danh mục	Mã giống vật nuôi, cây trồng	Tên thông thường của giống vật nuôi, cây trồng	Tên khoa học của giống vật nuôi, cây trồng	Giới sinh học
	0100033	Cải củ	Raphanus Sativus L	Giới thực vật
	0100034	Cải xanh Thanh mai	Brassica sp.	Giới thực vật
	0100035	Cốm làng vòng	Oryza sativa	Giới thực vật
	0100036	Cây nhãn muộn	Citrus grandis(L.) Osbeck	Giới thực vật
	0100037	Húng Láng	Citrus grandis(L.) Osbeck	Giới thực vật
	0100038	Rau sắng chùa Hương	Citrus medica L.	Giới thực vật
	0100039	Đào Nhật Tân	Psidium guajava	Giới thực vật
	0100040	Sen Tây Hồ	Dimocarpus longan	Giới thực vật
	0100041	Bưởi Đường Quế Dương	Citrus grandis(L.) Osbeck	Giới thực vật
	0100042	Bưởi đỏ tháng 10	Citrus grandis(L.) Osbeck	Giới thực vật
	0100043	Phật Thủ Đắc Sở	Citrus medica L	Giới thực vật
	0100044	Khế Bắc Biên	Averrhoa carambola L	Giới thực vật
	0100045	Mít Na	Artocarpus heterophyllus Lam	Giới thực vật
	0100046	Ổi Đông Dư	Psidium guajava	Giới thực vật
	0100047	Rau muống Linh Chiểu	Ipomoea aquatica	Giới thực vật
	0100048	Khoai tây Thường Tín	Solanum tuberosum L	Giới thực vật
	0100049	Bưởi La Khê	Citrus grandis(L.) Osbeck	Giới thực vật
	0100050	Bưởi Dây	Citrus grandis(L.) Osbeck	Giới thực vật
	0200001	Gà mía	Gallus gallus	Giới động vật
	0200002	Vịt cỏ Vân đình	Anas poecilorhyncha	Giới động vật
	0200003	Tằm dâu	Bombyx mori	Giới động vật
	0200004	Sâm cầm	Fulica atra	Giới động vật

DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ MÔI TRƯỜNG

Danh mục	Mã chỉ tiêu	Nhóm chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu thống kê môi trường	Thông số quan trắc	Đơn vị tính
C_ChỉTieuThongKe	MaMuc		TenMuc	ThongSoQuanTrac	DonViDo
	73.0401	Môi trường	Nồng độ các chất trong môi trường không khí	C_ThongSoQuanTrac	
	73.0402	Môi trường	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ các chất trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật cho phép		%
	73.0403	Môi trường	Hàm lượng các chất trong môi trường nước	C_ThongSoQuanTrac	
	73.0404	Môi trường	Hàm lượng các chất trong môi trường nước biển tại khu vực cửa sông, ven biển và biển xa bờ	C_ThongSoQuanTrac	
	73.0405	Môi trường	Hàm lượng các chất trong trầm tích đáy tại khu vực cửa sông, ven biển	C_ThongSoQuanTrac	
	73.0406	Môi trường	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên		%
	73.0407	Môi trường	Tỷ lệ các doanh nghiệp được cấp chứng nhận quản lý môi trường		%
	73.0408	Môi trường	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý		%
	73.0409	Môi trường	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý		%
	73.0410	Môi trường	Các sự cố môi trường trên đất liền		
	73.0411	Môi trường	Tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo		%
	73.0412	Môi trường	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải từ 50 m ³ /ngày đêm trở lên có hệ thống xử lý nước		%

Danh mục	Mã chỉ tiêu	Nhóm chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu thống kê môi trường	Thông số quan trắc	Đơn vị tính
			thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia		
	73.0413	Môi trường	Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh		%
	73.0414	Môi trường	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị từ loại IV trở lên được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia		%